

Thượng sư Tsong Kha Pa tạo luận
Thang Hương Danh dịch Tạng Hán
Thích Tịnh Nghiêm dịch Hán Việt

Bồ Đề Chánh Đạo **Bồ Tát Giới Luận**



Tường Quang Tùng Thư
Phật lịch 2550 - TL 2006



Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Nam mô Tsong Khapa Thượng Sư

Lời Giới Thiệu

Bản dịch Việt văn

Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận, nguyên đề *Tối Cực Thanh Tịnh Bồ Tát Giới Tạng Trì Giới Hành Tướng Bồ Đề Chánh Đạo Luận*, là một trong những kiệt tác của Thượng sư Tsong Kha Pa, tổ sư khai sáng phái “Mũ vàng” của Mật tông Tây Tạng. Theo truyền thuyết, Thượng sư là **hóa thân của Đức Văn Thù**, thị hiện làm một nhà tôn giáo vĩ đại, một bậc học giả uyên bác, tinh thông Tam tạng, và cũng là một nhà canh tân vĩ đại của Phật giáo Tây Tạng vào thế kỷ thứ mười bốn!

Quyển Bồ Tát Giới Luận này phân tích, biện luận và giải thích phần Giới Ba La Mật của bộ Du Già Sư Địa Luận, một trước tác vĩ đại của hai ngài Di Lặc và Vô Trước thuộc trường phái Duy Thức. Trong đây, ngài Tsong Kha Pa đã phân tích tỉ mỉ, giải bày tường tận những áo nghĩa của Bồ tát giới luật, phô bày sự khác biệt giữa giới biệt giải thoát của Thanh văn và giới luật nghi của Bồ tát, cùng trình hiện tỏ tường năng lực vĩ đại của Bồ đề tâm là có thể làm cho một hành giả Bồ tát thừa phạm tội căn bản, bất luận tại gia hay xuất gia, có thể hoàn toàn khôi phục lại sự thanh tịnh của giới thể Bồ tát của mình. Đây là một sự kiện “kinh động” mà Phật giáo Đại thừa Trung hoa và Việt nam chưa hề mơ tưởng tới. Hơn nữa, bộ luận này còn hé mở cho chúng ta thấy được chân trời siêu việt của lý tưởng Đại thừa, một sự sinh động tuyệt vời, một tinh thần cách mạng vĩ đại, cùng những sự hy sinh cao cả hùng tráng của những hành giả Đại thừa chân thật.

Trong quyển luận này, ngoài những điều giới vừa kể trên, ngài Tsong Kha Pa đã trích lục thêm mười bốn điều giới trọng từ quyển Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luân (gọi tắt là Học Tập Luân) của Bồ tát Tịch Thiên, đồng thời, khai triển các giới kinh thành bốn mươi lăm điều, thành thử, tổng cộng có *mười tám giới trọng* và *bốn mươi lăm giới kinh*. Ngoài ra, ngài còn tham khảo các bộ giới luận cùng các kinh điển khác để tìm lời giải đáp thỏa đáng nhất cho những sự thắc mắc hoặc nghi ngờ về ý nghĩa và công năng của Bồ tát giới luật.

Những điều giới Bồ tát trong phần Giới Ba La Mật đã từng được phiên dịch tại Trung quốc, lần thứ nhất do ngài Tam tạng Đàm Vô Sấm, dưới nhan đề Địa Trì Bồ Tát Giới Bản, bao gồm bốn giới trọng và bốn mươi một giới kinh, lần thứ hai do ngài Tam tạng Huyền Tráng, dưới nhan đề Du Già Bồ Tát Giới Bản, bao gồm bốn giới trọng và bốn mươi ba giới kinh. Hai quyển giới bản này, tuy phiên dịch đã lâu, nhưng vì bị sự lưu truyền phổ biến của quyển Phạm Võng Bồ Tát Giới Bản tại Trung quốc ảnh hưởng, lấn áp, cho nên đến nay, sự lưu hành của chúng vẫn còn rất hạn chế.

Bồ tát giới luật được phân tích và phát huy ở đây là **gia sản chung cho cả Đại thừa Hiển giáo và Đại thừa Mật giáo**, nó là **nền tảng cơ bản** và đồng thời cũng là **một cấu trúc quy mô thiết yếu** cho tất cả hành giả Đại thừa muốn đi trên con đường huy hoàng đến mục đích tối cao của mình là Vô thượng Bồ đề, chứ không phải là chỉ dành riêng cho những hành giả Mật thừa. Cúi xin các hành giả Đại thừa Hiển giáo đừng chỉ vì nhìn thấy tựa đề hoặc tên tác giả, rồi vội vàng cho đây là một tác phẩm của Mật tông mà lơ là, bác bỏ.

Đây là một kiệt tác vĩ đại về Bồ tát giới luật mà Phật giáo Đại thừa Trung hoa và Việt nam cần phải để tâm nghiên cứu, hầu có thể phát huy tinh thần và ý nghĩa chân thực của Bồ tát đạo. Ngưỡng mong chư vị thức giả hãy phát khởi sự đồng tình, cảm thông với những hành giả tôn sùng lý tưởng “thành Phật độ sinh” và để chút ít tâm tư chiếu cố đến những ý nghĩa sâu xa chân thật ở đây. Âu cũng là một cơ duyên may mắn cho Phật giáo Đại thừa vậy!

Mùa Vu Lan năm Bính tuất 2006

Vô Liêu Tịnh Tĩnh Trai
Thích Tịnh Nghiêm cẩn chí

Lời Tựa

Bản dịch Hán văn

Bồ Tát Giới là cương lĩnh của vạn hạnh, kho tàng của phước đức, bậc thang lên quả Phật, đường Chánh đến Niết bàn.

Từ khi Đấng Đại Giác ứng thế, khai thị pháp môn tự lợi lợi tha, xiển dương giáo pháp Hiển thừa, Mật thừa, đưa chúng sinh lên Thập địa, độ hữu tình ra ba cõi, phương tiện tuy vô lượng vô biên, nhưng không có phương tiện nào mà không **dùng giới luật làm thuyền bè, lấy thi la làm bờ bến**. Tu giới hạnh nên nghiệp ác diệt trừ, tự thành thực mà chúng sinh lợi ích. Chí cực thay Giới độ! Hành địa của Bồ tát còn có chỗ vượt ngoài phạm vi này chăng? Đáng buồn thay, đời mật pháp suy, giới luật không còn ai giảng giải! Chỉ trì, tác trì mất đi chánh quy, tu tập, phụng hành oai lệch hành nghi. Muốn vượt biển khổ mà không nghiêm trì giới đức, thì cũng giống như voi cuồng đi lạc đường tà. Đạo pháp mịt mờ, âu cũng là nỗi lo của Bồ tát vậy!

May thay, Bậc Thượng sư của chúng ta, Thánh Tsong Kha Pa, Bậc trí tuệ khai ngộ siêu việt hơn đời, Đấng giới đức uy nghiêm vượt xa thế tục, xuất sinh ở Cam Ninh, trưởng thành tại Tây Tạng, học nhiều hiểu rộng, thâm nhập Thánh giáo, hoằng dương Chân Thừa, quang hiển Chánh Pháp. Mở đường đạo cho ba loại căn cơ, bày sự thâm sâu của Hiển giáo, Mật giáo. Đây chính là **đấp đường phẳng đến Niết bàn, chân uy phong cho giới luật**. Ngài đã tham khảo luật tạng mà tạo nên bộ luận này, thống nhiếp vạn hạnh

thành ba tụ, bao quát ỨC ĐỘ vào chín loại. Chỗ xả bỏ, tức là mười tám tội tha thặng, bốn mươi lăm tội vi phạm, chỗ giữ lấy, tức là giới biệt giải thoát của bảy chúng, cùng các học xứ lục độ, tứ nhiếp, lại còn thâm nhiếp bốn nghĩa của các bộ luận Du Già, Học Tập, dung hợp ý thú của các ngài Long Thọ, Vô Trước, y cứ rộng rãi vào các sở giải của kinh luận để hiển minh hành tướng giới luật, nghi quỹ thọ giới, cùng hành tướng của sự phòng hộ tịnh giới.

Hai thừa Hiển, Mật, xả bỏ giới luật thì không còn là con đường đạo mà Bồ tát ba đời đều phải học tập. Đây quả thực là *Thuyền Từ trong việc độ thế, Diệu Phẩm cho sự xuất ly.*

Hương Danh, lúc ở cố đô học pháp, từng nghe vị Thượng sư họ Tân nói: “Bộ luận này, ý chỉ sâu xa, nghĩa lý tinh xác. Người tại gia, xuất gia học tập Phật pháp ở Tây Tạng, bất luận Hiển giáo hay Mật giáo, không ai mà không nghiên cứu, dùng đây làm pháp thức cho sự tu hành.”

Hôm nay, nhân cơ duyên thành lập Bồ Đề Học Hội, với tông chỉ hoằng truyền Phật pháp, Hương Danh bèn đem quyển luận này trưng bày trước đại chúng, nguyện ý phiên dịch, mọi người trong hội nghe qua đều nhiệt liệt tán đồng, nhân đây, vào tháng tám năm Giáp Tuất (1934) thiết lập Dịch Kinh Xứ, ủy nhiệm Hương Danh chủ quản sự việc này. Hương Danh đã cung cấp y vào bản Tạng văn của chùa Tung Chúc ở Bắc Kinh san hành mà phiên dịch. Khi gặp ý nghĩa khó hiểu thì đến nhờ sự chỉ giáo của vị Đạo sư của Bồ Đề Học Hội là Thượng sư Vinh Tăng, qua sự thông dịch của ông Ngô Kiếm Quân, hơn nữa, lại còn được ông Cao Quán Như giúp đỡ hiệu đính lời văn. Đến tháng tư năm sau, Ất Hợi (1935) thì phiên dịch hoàn tất.

Hương Danh, học thức thô thiển, chưa thể hiểu thấu ý nghĩa sâu xa khó dò, e rằng bản dịch mất đi phần nào ý nghĩa chân thực. Nguyên các bậc cao đức Phật giáo, từ bi chỉ chánh những chỗ sai lầm, làm sáng tỏ những nơi tăm tối.

Xin nguyện Tam Bảo gia hộ, chứng minh lòng thành của con, khiến cho Diệu Pháp được phổ cập, để mọi người đều được *ngồi trên thuyền Giới Luật, đến thẳng nơi Phật Địa.*

Tiết Mạnh Hạ, Dân Quốc năm Ất Hợi (1935), Thang Hương Danh kính ghi ở Thượng Hải Dịch Kinh Xứ.

Mục Lục

A1. Phần tựa

- 1- Tán thán Phật Thích Ca
- 2- Tán thán Phật Di Lặc
- 3- Tán thán ngài Vô Trước
- 4- Tán thán Bồ Tát Địa
- 5- Nhân duyên ngài Vô Trước soạn Bồ Tát Địa
- 6- Nhân duyên luận chủ Tsong Kha Pa tạo luận này
- 7- Tổng luận trì giới
- 8- Hai Thừa Hiển, Mật đều phải trì giới

A2. Chánh thức giải thích giới phẩm

B1. Tổng nhiếp

B2. Phân thích

C1. Nói sơ lược về tự tính

D1. Giới tính

D2. Sự lợi ích thù thắng

C2. Nói tường tận về tất cả giới

D1. Giới pháp

E1. Phân biệt

F1. Phân biệt sở y

F2. Phân biệt tự tính

E2. Tự tính

F1. Luật nghi giới

F2. Nhiếp thiện pháp giới

G1. Lược nhiếp

G2. Nói chi tiết

G3. Nhiếp nghĩa

F3. Nhiều ích hữu tình giới

E3. Nhân duyên đầy đủ

F1. Nhân duyên đầy đủ của luật nghi giới

- G1. Không nuối tiếc dục lạc ở quá khứ
- G2. Không ham thích dục lạc đời vị lai
- G3. Không đắm mê dục lạc ở hiện tại
- G4. Ưa thích chỗ vắng vẻ
- G5. Lời nói, tư tưởng thấy đều thanh tịnh
- G6. Không tự khinh miệt mình
- G7. Nhu hòa
- G8. Nhẫn nhục
- G9. Không phóng dật
- G10. Đầy đủ quĩ tắc tịnh mệnh

F2. Nhân duyên đầy đủ của nhiếp thiện pháp giới

- G1. Tuần tự của năm ba la mật
- G2. Tầng bậc của Tuệ ba la mật

F3. Nhân duyên đầy đủ của nhiều ích hữu tình giới

- G1. Làm bạn trợ giúp cho người cần trợ giúp
- G2. Làm lợi ích cho người mê muội nghĩa lý
- G3. Làm lợi ích cho những người ơn
- G4. Cứu hộ những sự xâm hại, sợ sệt

G5. Làm cho những người đang ưu sầu khổ não được khai tâm

mở ý

- G6. Làm lợi ích cho người thiếu thốn
- G7. Làm lợi ích cho người đến cầu nương tựa
- G8. Tùy tâm chúng sinh mà làm lợi ích
- G9. Làm lợi ích cho người tu chánh hạnh
- G10. Làm lợi ích cho những người phạm tội
- G11. Dùng thần lực làm lợi ích

E4. Thân góp ý nghĩa chánh yếu

D2. Lãnh thọ giới pháp

- E1. Thông nghĩa
- E2. Bốn nghĩa
 - F1. Pháp có thầy truyền giới
 - G1. Nghi thức thọ giới
 - H1. Khái thỉnh
 - I1. Biện minh nhân vật
 - J1. Biện minh người thọ giới
 - J2. Biện minh người truyền giới
 - I2. Biện minh pháp thọ giới
 - J1. Biện minh pháp của người thọ giới
 - J2. Biện minh pháp của người truyền giới
 - H2. Đầy đủ tư lương
 - H3. Cung thỉnh nhanh chóng truyền giới
 - H4. Sinh khởi niềm vui thù thắng
 - H5. Hỏi theo thứ tự
 - G2. Nghi quỹ chánh hành
 - G3. Nghi quỹ chung hành
 - H1. Khái bạch thỉnh cầu chứng minh
 - H2. Tán thán công đức thọ giới
 - H3. Cúng dường báo ân
 - H4. Không được vội vàng trình bày, khai thị Bồ tát giới
 - F2. Pháp không có thầy truyền giới
- D3. Phòng hộ giới pháp
 - E1. Nói tổng quát về phòng hộ giới
 - E2. Nói chi tiết về phòng hộ giới
 - F1. Các tội nên xả
 - G1. Tha thắng tội tụ
 - H1. Tự tính của tội tha thắng
 - I1. Thuyết minh của Luận Du Già
 - J1. Thông chi

J2. Biệt chi

K1. Vì lợi dưỡng cung kính, khen mình chê người (tội tha thắng thứ nhất)

K2. Bỏn sẻn không bố thí tài vật, Phật pháp (tội tha thắng hai)

K3. Đánh đập hữu tình, không xả oán kết (tội tha thắng thứ ba)

K4. Phỉ báng Bồ tát tạng, nói pháp tương tự (tội tha thắng thứ tư)

I2. Thuyết minh của các bộ luận khác (Học Tập Luận nói về tất cả tội căn bản)

J1. Các luận sư khác

K1. Nêu lên lập luận của các luận sư khác

L1. Bồ Đề Hiền

L2. Vô Úy Sinh

L3. Tây Tạng pháp sư 1

L4. Tây Tạng pháp sư 2

K2. Đả phá lập luận của các luận sư khác

L1. Phá ngài Bồ Đề Hiền

L2. Phá ngài Vô Úy Sinh

L3. Phá Tây Tạng pháp sư 1

L4. Phá Tây Tạng pháp sư 2

J2. Thuyết minh của Học Tập Luận

K1. Đối với tài vật của Tam bảo, không cho mà lấy (pháp tha thắng thứ nhất)

K2. Hủy báng xả bỏ chánh pháp (pháp tha thắng thứ hai)

K3. Xâm hại tổn thương xuất gia tỳ kheo (pháp tha thắng thứ ba)

K4. Tạo năm nghiệp vô gián (pháp tha thắng thứ tư)

K5. Khởi tà kiến, chấp chặt không bỏ (pháp tha thắng thứ năm)

- K6. Phá hủy, tổn hoại trụ xứ (pháp tha thắng thứ sáu)
- K7. Nói nghĩa lý thâm sâu cho những người không đủ trình độ (pháp tha thắng thứ bảy)
- K8. Làm cho người khác thoái thất tâm Đại thừa (pháp tha thắng thứ tám)
- K9. Làm cho người khác xả bỏ giới biệt giải thoát (pháp tha thắng thứ chín)
- K10. Hủy báng pháp Thanh văn thừa (pháp tha thắng thứ mười)
- K11. Tự khen mình và chê người (pháp tha thắng thứ mười một)
- K12. Nói dối chứng đắc thượng nhân pháp (pháp tha thắng thứ mười hai)
- K13. Cường đoạt tài vật của Tam bảo (pháp tha thắng thứ mười ba)
- K14. Kiến lập các pháp ác, v.v... (pháp tha thắng thứ mười bốn)
- H2. Hậu quả của phạm tội tha thắng
- H3. Phân biệt ba loại phiền não phạm giới
- H4. Có thể khôi phục sự thanh tịnh đặc thù
- H5. Nhân duyên xả bỏ Bồ tát tịnh giới
- G2. Các tội vi phạm
- H1. Nói tổng quát
- H2. Giải thích tường tận
- I1. Vi phạm lục độ nhiếp thiện pháp giới
- J1. Chương ngại Bồ thí
- K1. Chương ngại tài thí (vi phạm thứ nhất)
- K2. Chương ngại sự đối trị san tham (vi phạm thứ hai)
- K3. Chương ngại vô úy thí
- L1. Đối với thắng cảnh (vi phạm thứ ba)

- L2. Đối với hăng cảnh (vi phạm thứ tư)
- K4. Chướng ngại sự bố thí của người khác
 - L1. Không nhận sự mời thỉnh (vi phạm thứ năm)
 - L2. Không nhận đồ vật cúng dường (vi phạm thứ sáu)
- K5. Chướng ngại pháp thí (vi phạm thứ bảy)
- J2. Chướng ngại trì giới
 - K1. Chướng ngại sự lợi tha
 - L1. Chánh chướng giới lợi tha
 - M1. Bỏ phước người đáng thương xót (vi phạm thứ tám)
 - M2. Không học những điều giới chung với Thanh văn (vi phạm thứ chín)
 - M3. Tu học giới không cùng chung với Thanh văn (vi phạm thứ mười)
 - L2. Nêu rõ sự khác biệt giữa tính tội của giới Bồ tát và tính tội của giới biệt giải thoát
 - K2. Chướng ngại việc tự lợi
 - L1. Hủy phạm tịnh mệnh (vi phạm thứ mười một)
 - L2. Hủy phạm quĩ tắc (vi phạm thứ mười hai)
 - L3. Đắm mê ba cõi (vi phạm thứ mười ba)
 - K3. Chướng ngại việc lợi ích mình và người
 - L1. Không phòng hộ danh dự mình (vi phạm thứ mười bốn)
 - L2. Không dùng biện pháp mạnh để lợi ích chúng sinh (vi phạm thứ mười lăm)
- J3. Chướng ngại nhẫn nhục
 - K1. Không chịu an nhẫn (vi phạm thứ mười sáu)
 - K2. Không xả bỏ tâm sân hận triền miên
 - L1. Không tự xả bỏ (vi phạm thứ mười bảy)
 - L2. Không tha thứ lỗi lầm của người khác (vi phạm thứ mười tám)
 - K3. Không khởi tâm đối trị phiền não (vi phạm thứ mười chín)

J4. Chướng ngại tinh tiến

- K1. Ý hướng hành vi hạ liệt (vi phạm thứ hai mươi)
- K2. Hành vi lừa dối (vi phạm thứ hai mươi mốt)
- K3. Ham đàm luận vô ích (vi phạm thứ hai mươi hai)

J5. Chướng ngại thiên định

- K1. Chướng ngại gia hành (vi phạm thứ hai mươi ba)
- K2. Chướng ngại chánh hành (vi phạm thứ hai mươi bốn)
- K3. Chướng ngại chung hành (vi phạm thứ hai mươi lăm)

J6. Chướng ngại trí tuệ

- K1. Đối với liệt cảnh
 - L1. Không học pháp Tiểu thừa (vi phạm thứ hai mươi sáu)
 - L2. Chuyên tâm tu học pháp Tiểu thừa (vi phạm thứ hai mươi

bảy)

L3. Chuyên tâm tu học giáo điển ngoại đạo (vi phạm thứ hai mươi tám)

L4. Đam mê tu học pháp ngoại đạo (vi phạm thứ hai mươi chín)

K2. Đối với thắng cảnh

- L1. Ghét bỏ hủy báng cảnh giới trí tuệ (vi phạm thứ ba mươi)
- L2. Có thể hủy hoại quả báo trí tuệ (vi phạm thứ ba mươi mốt)
- L3. Có thể hủy hoại nhân của trí tuệ

M1. Không đi nghe chánh pháp (vi phạm thứ ba mươi hai)

M2. Có thể hủy hoại cảnh giới của sự nghe pháp (vi phạm thứ ba mươi ba)

I2. Vi phạm nhiều ích hữu tình giới

J1. Tổng tướng

K1. Không làm lợi ích (vi phạm thứ ba mươi bốn)

K2. Không cứu giúp người sầu khổ

L1. Không giúp trừ diệt sự khổ

M1. Không giúp đỡ người bệnh (vi phạm thứ ba mươi lăm)

M2. Không giúp diệt trừ sự khổ (vi phạm thứ ba mươi sáu)
L2. Không giúp diệt trừ nguyên nhân sự khổ (vi phạm thứ ba mươi bảy)

J2. Biệt tướng

K1. Không làm lợi ích

- L1. Không biết báo ơn (vi phạm thứ ba mươi tám)
- L2. Không an ủi người sầu khổ (vi phạm thứ ba mươi chín)
- L3. Không cứu giúp người nghèo khổ (vi phạm thứ bốn mươi)
- L4. Không khéo chế ngự đệ tử (vi phạm thứ bốn mươi một)
- L5. Không tùy thuận người khác (vi phạm thứ bốn mươi hai)
- L6. Không tán thán người có đức (vi phạm thứ bốn mươi ba)

K2. Không điều phục

L1. Đối với việc phi pháp, không chịu dùng uy đức chiết phục (vi phạm thứ bốn mươi bốn)

L2. Đối với việc trái ngược Thánh giáo, không chịu điều phục (vi phạm thứ bốn mươi lăm)

F2. Hộ trì tâm tướng của hành giả

F3. Phương tiện làm cho người phạm giới khôi phục thanh tịnh

F4. Mật ý của sự thuyết minh “tham là tội nhẹ”

F5. Phân biệt các tội phẩm thượng, trung, hạ

F6. An trụ trong nhân duyên an lạc

C3. Luận về sự khác biệt của các giới

D1. Nan hành giới

D2. Nhất thiết môn giới

D3. Thiện sĩ giới

D4. Nhất thiết chủng giới

D5. Toại cầu giới

D6. Thử thế tha thế lạc giới

D7. Thanh tịnh giới

C4. Sự lợi ích thù thắng của giới

- D1. Sự lợi ích thù thắng rõ rệt
- D2. Sự lợi ích thù thắng hiện đời
- C5. Nghiệp tập giới tương
- C6. Hành nghiệp của giới
- A3. Hậu phần. Chỗ y cứ và ý chỉ của luận chủ, khuyến khích kỳ nguyện ./.

Tối Cực Thanh Tịnh
Bồ Tát Giới Tạng
Trì Giới Hành Tướng
Bồ Đề Chánh Đạo Luận

Thượng Sư Tsong Kha Pa tạo luận
Thang Hương Danh dịch Tạng Hán
Thích Tịnh Nghiêm dịch Hán Việt

A1. Phần tựa.

Kính lạy Đồng Tử Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát

(1) Tán thán Phật Thích Ca.

Kính lạy Bạc đem lòng Đại bi,
Bao kiếp tu những công hạnh khó,
Nay chứng quả Phật, diễn pháp mầu,
Lay tỉnh chúng sanh đang mê muội.

(2) Tán thán Phật Di Lặc.

Lạy Bạc được Đấng Đại Giác Tôn,
Thọ ký kế vị ngôi Pháp Vương,

Tự tại trên đời, Vô Năng Thắng ¹,
Dùng Thanh Tịnh Tạng hộ hữu tình.

(3) Tán thán ngài Vô Trước.

Kính lạy dưới chân như đóa sen,
Của bậc thánh giả, ngài Vô Trước,
Ngài đem đến mọi sự cát tường,
Con nay cung kính xin thờ phụng.

(4) Tán thán Bồ tát địa.

Ngài Vô Năng Thắng diễn diệu pháp,
Đối với hạnh Bồ tát cần học,
Chỉ dạy pháp tu hợp Chánh lý,
Người thích Thượng thừa nên thọ trì.
Những người tự xưng là Đại thừa,
Nhưng đối với giới luật Bồ tát,
Mù không trí tuệ, không phân biệt,
Hoặc chỉ tụng niệm theo mặt chữ,
Đối pháp Thượng thừa cần tu tập,
Cùng đạo Đệ nhất của Bồ tát,
Không thể quyết tâm cầu Thánh pháp,
Phóng dật, xả bỏ nghĩa chân thực,
Bọn họ, tâm mê muội Chánh đạo,
Giống như nai voi không móc sắt.
*Những Bậc có căn tính Thượng thừa,
Đối với pháp này, rất thích nghe.*

(5) Nhân duyên ngài Vô Trước soạn Bồ tát địa.

Phần Ký biệt trong quyển Diệu Cát Tường Bản Tục nói:

Có bậc Bí sô tên Vô Trước,
Thấu rõ chân nghĩa của luận tạng,
Hay khéo chọn lựa các kinh điển,
Tất cả liễu nghĩa, không liễu nghĩa,
Lại hay khai triển trí thế gian,
Khéo phân biệt luận tạng bốn nghĩa,
Ngài là bậc viên chứng “trì minh”²,
Là sứ giả của Đức Điều Ngự,
Bậc nói lời thật đủ uy lực,
Khéo hay sinh khởi tuệ thù thắng,
Khiến Thánh Giáo trụ thế lâu dài,
Chọn nghĩa chân thực của kinh điển,
Ngài thọ một trăm năm mươi tuổi,
Sau khi mất, hiện thân cõi Phật,
Tuy ở trong sinh tử luân hồi,
Vĩnh viễn hưởng mùi vị an lạc,
Trong đời vị lai sẽ chứng được,
Vô thượng Bồ đề tối cứu cánh.

Bồ tát Vô Trước tu tập pháp môn thù thắng vi diệu, phát nguyện rộng lớn, đã trong nhiều đời, tích tập vô lượng tư lương khó nghĩ bàn, tinh tiến thành khẩn tu tập, chứng được Pháp quang định, có thể làm cho mọi người đạt được sự giải thoát cứu cánh, giống như vượt biển lớn, đều được đến bờ bên kia, đầy đủ năng lực khéo léo lựa chọn các pháp mà các chúng sanh khác khó thể lường được. Ngài ở nơi Bồ tát Di Lạc, rộng nghe vô lượng Phật pháp, đặc biệt đối với lý thú hành quả rộng lớn của Thượng thừa, ngài đã nghe và

lãnh thọ một cách viên mãn. Sau đó ngài đã sưu tập những nghĩa lý thiết yếu, biên soạn phần Bồ Tát Địa của bộ Du Già Sư Địa Luận.

(6) Nhân duyên luận chủ Tsong Kha Pa tạo luận này.

Nếu như có người, đối với pháp Thượng thừa, tu tập ít ỏi, sức hiểu biết yếu ớt, đối với các học xứ của Bồ tát, không thể quán xét, thông đạt, vì muốn những người kém cỏi này có thể hiểu rõ một cách dễ dàng, cho nên tôi (Tsong Kha Pa) xin giải thích sơ lược ý nghĩa phẩm Giới Ba La Mật của phần Bồ Tát Địa này.

(7) Tổng luận trì giới.

Hành giả Bồ tát dùng chỗ nào làm nơi y chỉ? Phải y như Thánh giáo đã dạy. Trước tiên phải phát khởi tâm Bồ đề thù thắng, kế đó, đối với những điều Bồ tát phát nguyện tu học, phải dùng sự trì giới làm công hạnh thiết yếu, vì nếu như không thể tu tập học xứ của Bồ tát, thì không thể nào chứng đắc Vô thượng Bồ đề, bởi thế, ***trì giới là con đường quan yếu nhất trong tất cả công hạnh của Bồ tát ba đời***. Trong phần Bồ Tát Địa nói rằng ba tụ giới này (luật nghi, nhiếp thiện pháp, nhiếp hữu tình) là những điều mà tất cả Bồ tát quá khứ cầu Đại Bồ đề đã học, tất cả Bồ tát vị lai sẽ học, và tất cả Bồ tát hiện tại ở vô lượng vô biên mười phương thế giới đang học. Lại nữa, Giới Sở nói: ***“Phàm tất cả hành giả đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, bước vào ngưỡng cửa Đại thừa, ắt phải an trụ trong tịnh giới của Bồ tát.”***

Nếu đối với những học xứ của Bồ tát đã được giảng nói trong Giới Ba La Mật không chịu tu tập, hoặc không cung kính, tin

tưởng, mà tự cho mình là hành giả Đại thừa, thì nên biết đây chỉ là Bồ tát tương tự, chứ không phải Bồ tát chân thực.

Bởi thế, phát tâm Bồ đề, mà đối với học xứ của Bồ tát, không chịu tu tập với lòng tin tưởng sâu xa, thì không thể nào chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Những vị hành giả cầu Bồ đề, phải nên quán xét học xứ của Bồ tát, xem đó là con đường chính yếu của mình, theo đó mà siêng năng tu học. Thánh Tam Giới Kinh nói: “Này Hộ Quang! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu học Bồ tát thừa, khi nghe được Bồ tát học xứ, mà lại không thể sinh lòng tin tưởng chân thực sâu xa, nên biết người đó rất ráo không thể chứng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì sao? Do sự tu học mà chứng được Bồ đề, chẳng phải không tu học mà có thể chứng được. Nếu như không tu học mà có thể chứng được, thì những loài như mèo, thỏ, v.v..., cũng phải chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì những người không tu chánh hạnh, ắt không thể chứng được quả Vô thượng. Lại nữa, nếu không tu chánh hạnh mà chứng được Vô thượng Bồ đề, thì lời nói, âm thanh cũng chứng được Vô thượng Bồ đề, giống như chỉ cần nói lời như sau: “Tôi sẽ thành Phật! Tôi sẽ thành Phật!”, cũng sẽ làm cho vô lượng chúng sanh thành Phật”.

(8) Hai Thừa Hiển, Mật đều phải trì giới.

Nếu như cho rằng chỉ có hành giả Hiển giáo mới cần tu học, hành trì tịnh giới của Bồ tát, còn hành giả Mật giáo thì không cần phải tu học, quan niệm như thế gọi là đại tà kiến. Những bộ kinh Mật giáo như Tam Bồ Đề, Kim Cương Không Hành, Kim Cương Đánh đều nói như sau:

Con nay đúng lý xin phát khởi,

Tâm Bồ đề tối thắng vô thượng,
Đối với tất cả giới luật nghi,
Cùng giới nhiếp thiện pháp vi diệu,
Giới nhiều ích hữu tình thù thắng,
Mỗi giới đều kiên quyết thọ trì.

Nghĩa là, nếu muốn thọ trì giới luật của Kim cương thừa (Mật thừa), trước tiên cần phải phát nguyện học ba tụ giới này. Hơn nữa, đối với năm Phật bộ³, phải nên cung kính thọ trì, y cứ vào nghi quỹ Mạn đà la, và cũng phải hộ trì hai loại giới “cộng” và “bất cộng”. Cộng giới, tức là giới pháp của Bồ tát. Bởi thế, hành giả Bồ tát phát tâm hành trì, đối với ba tụ giới, hoặc sáu Ba la mật, đều phải nên tu học. Ngoài ba tụ giới và sáu Ba la mật, không có con đường Đại thừa Ba la mật nào khác. Vì thế, việc tu học ba tụ giới và sáu Ba la mật, là điều cần thiết của bốn Tục bộ⁴ trong Mật thừa, bất luận là bộ nào.

Lại nữa, (1) phát tâm Bồ đề, và (2) sáu Ba la mật, là con đường chung cho cả Hiển giáo và Mật giáo, cho nên hành giả Mật giáo, trong tất cả mọi thời, đều không nên xả bỏ hai điều này. Điều Cát Tường Bốn Tục nói: “Hành giả Mật giáo, phải nên đầy đủ viên mãn ba pháp. Ba pháp đó là gì? Một là không xả bỏ chúng sanh; hai là hộ trì Bồ tát tịnh giới luật nghi; ba là không tự mình bỏ mất những Mật pháp hiện đang tu tập.” Kinh Kim Cương Đảnh nói:

Đối với sáu hạnh Ba la mật,
Phải theo thứ tự mà tu học,
Có thể làm lợi ích hữu tình,
Đây gọi là hành Bồ tát hạnh.

Kinh Kim Cương Man, phẩm thứ mười hai cũng nói:

Con phát tâm Bồ đề thù thắng,
Rộng nhiếp tất cả kẻ đáng thương,
Nướng vào Thắng Bồ Đề tu tập,
Vì lợi chúng sanh, nguyện thành Phật.

Hiển giáo và Mật giáo, đối với các học xứ của Bồ tát, sự khai, giá tuy có khác biệt, song bản thể của giới chỉ là một. Phải nên biết rằng, ***Hiển giáo và Mật giáo, bất luận tu theo pháp nào, đều phải nghiêm trì giới luật.***

A2. Chánh thức giải thích giới phẩm.

Giải thích giới phẩm, sơ lược phân làm hai phần: 1. Tổng nhiếp, 2. Phân thích.

B1. Tổng nhiếp.

Thế nào là tất cả giới của Bồ tát? Nói sơ lược về hành tướng thì có chín loại giới:

(1) Tự tính, (2) nhất thiết, (3) nan,
(4) Nhất thiết môn, (5) thiện sĩ,
(6) Nhất thiết chủng, (7) toại cầu,
(8) Tam thế lạc, (9) thanh tịnh,
Chín loại hành tướng này,
Nói sơ lược về giới.

Trong đây, (1) tự tính giới: là tổng tướng của giới; (2) nhất thiết giới: là sự phân biệt một cách rộng rãi thể tướng của giới; (3) nan hành giới: giới này rất khó hành trì, không phải những người tầm thường có thể hành trì được; (4) nhất thiết môn giới: giới này có thể phân biệt tất cả công hạnh; (5) thiện sĩ giới: giới này có thể làm chỗ y chỉ thù thắng cho những bậc thiện sĩ; (6) nhất thiết chủng giới: giới này có thể phân biệt rộng rãi về hành tướng, chủng loại của giới; (7) toại cầu giới: như trong Đại Sở có nói: “Lìa xa sự khổ não của người khác, do vì cảnh và hành có sự thay đổi, khác biệt.” (8) tam thế lạc giới, và (9) thanh tịnh giới, đều là nói về quả báo thù thắng của giới, do phương tiện xả, đặc, mà có sự khác biệt.

B2. Phân thích.

Có sáu phần: (1) nói sơ lược về tự tính giới; (2) nói tường tận về tất cả giới; (3) lập luận về sự sai biệt; (4) nói về sự lợi ích thù thắng của giới; (5) nhiếp tập giới tướng; (6) nói về hành nghiệp của giới.

C1. Nói sơ lược về tự tính giới.

Có hai phần: (1) giới tính, (2) sự ích lợi thù thắng.

D1. Giới tính.

Trong phần giới tính, có bốn công đức, nghĩa là công đức của tự tính giới tổng cộng có bốn loại: (i) công đức của sự chánh thức từ người khác thọ giới; (ii) công đức của sự vui thích thanh tịnh; (iii) công đức của sự sám hối thanh tịnh những sự phạm giới; (iv)

công đức của sự cung kính sâu xa, chuyên tâm tưởng niệm, hành trì giới pháp không có sự vi phạm.

Bốn công đức, có nghĩa là: (i) *Do sự chánh thức từ người khác thọ giới, nếu có nhân duyên vi phạm giới pháp, biết rõ sẽ bị người khác quở trách, hủy báng sự bất chánh, vì vậy đối với những hành động xấu, sanh tâm hổ thẹn*; (ii) *vì đối với giới pháp có niềm tin vui thích thanh tịnh, cho nên, nếu có nhân duyên vi phạm, liền tự quán xét chính mình, e sợ sự phạm giới sẽ lôi kéo, phá hoại những công phu tu hành, liền khởi tâm hổ thẹn đối với việc ác*. Do vì hai việc: (iii) *sau khi phạm giới, sám hối thanh tịnh*, và (iv) *không hề hủy phạm giới pháp*, cho nên xa lìa pháp ác. Do vì Bồ tát chánh thức từ người khác thọ giới, nương vào niềm vui thích thanh tịnh, cho nên sinh tâm hổ thẹn, và do tâm hổ thẹn, cho nên không phạm giới; hoặc giả, nếu lỡ phạm thì liền sám hối thanh tịnh, nhờ đó có thể khéo phòng hộ những điều giới đã thọ. Do vì cẩn thận phòng hộ, nên không bị phạm giới, xa lìa pháp ác.

Bởi thế, có thể nói rằng, những người thọ giới phải nên đúng lý, dùng trí lực quán xét tự tâm; do thường thường quán xét, cho nên xa lìa những sự hổ thẹn, hối hận; cho đến khi không còn phạm vào các điều giới, dù nặng hay nhẹ, do đây mà có thể sanh khởi tâm thanh tịnh thù thắng.

Nhân đây, từ lúc bắt đầu thọ giới, không còn bị nhiễm ô bởi sự lỗi lầm, giả như, đôi lúc bị mất chánh niệm, bị nhiễm ô bởi sự lỗi lầm, thì vẫn có thể ngay lập tức, không một chút do dự, khiến trừ những lỗi lầm đó không còn mảy may, bằng cách phát lộ sám hối trừ diệt tội phạm giới, làm cho trở lại thanh tịnh. Sau khi sám hối xong, phải nên khởi tâm cực kỳ hổ thẹn; sau đó phải nên từ một

vị thiện tri thức đầy đủ đức hạnh uy nghi, cầu thọ lại tịnh giới. *Sự mong muốn thọ giới*, không phải là theo ý người khác, mà *phải do chính người thọ giới suy ngẫm, quyết định*; cũng không phải vâng theo mệnh lệnh của người khác, mà là *y theo sự vui thích vì diệu thù thắng của chính mình*. Đối với hai nhân duyên này, phải khéo chuyên tâm chú ý.

Bốn công đức này, những bộ số giải khác, phần nhiều đều cho rằng công đức thứ nhất là do sự thọ giới, còn ba công đức sau là do sự hộ giới; thế nhưng, luận Du Già thì cho rằng hai công đức đầu là nhân của sự hộ giới. Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung nói:

Dùng niềm vui thanh tịnh thù thắng,
Từ vị thầy giới đức thanh tịnh,
Trí lực thù thắng, mà thọ giới.

Nghĩa là hai công đức đầu thuộc về sự thọ giới, còn hai công đức sau thuộc về sự hộ giới.

Lại nữa, các Bồ tát, lúc đang cầu thọ giới, nếu như không gặp được vị thầy đầy đủ giới đức, thì có thể quán tưởng chư Phật, Bồ tát, hiện đến trước mặt, truyền thọ giới pháp cho mình. Thế nhưng, từ người khác thọ giới vẫn là điều chính yếu. Nếu như gặp được bậc thiện tri thức, thì phải đến chỗ của ngài, rập đầu cầu thỉnh vị ấy truyền giới cho mình. Sau khi đã được truyền thọ giới pháp, phải nên cung kính vui mừng, hộ trì những điều giới đã thọ, thì có thể nhanh chóng phát sanh giới hạnh thanh tịnh. Học Tập Luận nói: “*Trì giới, nghĩa là hành giả đối với học xứ của Bồ tát, phải nên từ bậc có giới đức lãnh thọ hành trì, chân thực tu tập tịnh giới của Bồ tát. Những hành giả như thế, nếu vi phạm những điều giới đã học,*

phải nên khởi tâm hổ thẹn, sợ rằng đã khi dối bậc Thượng sư cho nên sinh lòng hổ thẹn. Do lòng hổ thẹn đó, cho nên không cần phải nhờ vào sự khích lệ của người khác, mà tự đối với giới pháp sinh tâm vui mừng cung kính. Vì vậy, tất cả Bồ tát, nếu muốn thành tựu các học xứ này, phải nên đối trước chư Phật mà chánh thức thọ học!”

Nói về hành tướng nhân quả của công đức. Phải nên biết rằng hai công đức đầu có thể dẫn phát hai công đức sau. Hai công đức đầu là nhân, hai công đức sau là quả. Hành tướng của sự dẫn phát đã được trình bày ở phần trên.

Trong bốn loại công đức trên, hai loại có thể làm giới hạnh thanh tịnh, tức là: (1) hoàn toàn không vi phạm, (2) sau khi phạm giới, sám hối khôi phục sự thanh tịnh.

Nên biết, do ba điều: (1) sự chánh thức thọ giới từ người khác, (2) sự vui thích thanh tịnh, (3) cung kính sâu xa, chuyên tâm tưởng niệm, không có sự vi phạm, có thể làm cho hành giả sẽ không hủy phạm những điều giới thanh tịnh đã thọ. Lại nữa, (4) sau khi phạm giới, sám hối thanh tịnh, có thể làm cho người phạm giới trở lại thanh tịnh, lại làm cho khôi phục giới thể. Do hai loại này, nên nói là có bốn.

Trong các bộ số giải khác, tập hợp bốn loại công đức mà giảng thành bốn điều: (1) Công đức đầu tiên là sự thọ giới, ba công đức sau là sự hộ trì giới. (2) Một công đức thuộc về sự vui thích, ba công đức thuộc về sự hành trì. (3) Sự vui thích chánh thức thọ giới, và ba tự tính giới. Chánh thức thọ giới lại có ba điều: (i) tự mình trịnh trọng thỉnh cầu mà thọ giới; (ii) hoặc vì muốn làm phước điền

cho người khác mà thọ giới; (iii) hoặc vì muốn được tự tại, xa lìa sự tổn não chúng sanh mà thọ giới. Tự tính giới cũng có ba điều: (i) giới pháp đã thọ, (ii) sau khi thọ sám hối thanh tịnh; (iii) phòng hộ giới pháp. (4) Hai nhân và hai quả của tịnh giới.

D2. Sự lợi ích thù thắng.

Có bốn loại: (i) diệu thiện tịnh giới, (ii) vô lượng tịnh giới, (iii) nhiều ích nhất thiết hữu tình giới, (iv) năng hoạch đại quả thắng lợi giới.

(i) Diệu thiện tịnh giới: sau khi từ người khác chánh thức lãnh thọ giới pháp tự tính đầy đủ bốn công đức như thế xong, tùy thuận giới luật mà tu học, thì có thể phát sanh nhiều sự lợi ích. Một là tự lợi, nghĩa là các vị Thanh văn, lúc tu hạnh tự lợi, biết rõ tứ đế, lìa xa các phiền não và những sự khổ khổ, ít làm, ít việc, chỉ lo tu tập, tự thân tịch tĩnh, hoặc tự điều phục. Còn các vị Bồ tát, lúc tu hạnh tự lợi, liền đoạn trừ hai chấp (ngã chấp, pháp chấp), mà chứng hai trí (thực trí, quyền trí). Hai là lợi tha, nghĩa là lúc mới phát tâm, liền muốn làm lợi ích rộng lớn cho hai loại hữu tình hữu tính và hữu tình vô tính. Làm thế nào để lợi ích hữu tình vô tính? Nghĩa là hiện tiền, đối với việc cứu độ, phát tâm làm cho chúng sinh xa lìa nẻo ác: chúng sanh chưa sanh khởi việc ác, làm cho không sanh khởi; đã sanh khởi việc ác, làm cho xả bỏ, đây gọi là hạnh làm lợi ích chúng sanh của Bồ tát; hơn nữa, lại dẫn đạo chúng sanh tu tập pháp lành: chúng sanh chưa sanh khởi pháp lành, làm cho sanh khởi; đã sanh khởi pháp lành, làm cho tăng trưởng, đây gọi là hạnh làm an lạc cho chúng sanh của Bồ tát. Lại nữa, đối với các chúng sanh vô tính, tâm còn nhiều sân hận, không có duyên lành đối với Phật pháp, lạc trong đường tà, rơi vào nẻo ác, Bồ tát vì những chúng sanh này mà

làm người hướng dẫn, lãnh đạo, lợi ích an lạc, vui thích cứu độ không hề xả bỏ chúng sanh; thường đợi những cơ hội để làm lợi ích cho họ. Đây gọi là hạnh của Bồ tát thương xót chúng sanh. Làm thế nào để lợi ích hữu tình hữu tính? Nghĩa là có thể dẫn dắt các chúng sanh hữu tính này tu tập, đạt đến các thánh quả, đây gọi là hạnh của Bồ tát lợi ích tất cả trời người. Làm thế nào để lợi ích? Nghĩa là dùng phương tiện dẫn dắt họ từ hai giai bậc tư lương và gia hạnh, đạt đến thánh quả. Lại có thể làm cho họ hiện đời được an lạc, thân tâm thanh thoát, hân thưởng niềm vui của sự giải thoát. Đây gọi là hạnh an lạc của Bồ tát. Do những công hạnh này mà hành giả đối với giới pháp Bồ tát thanh tịnh vi diệu không còn lầm lẫn nghi hoặc. Trong các bộ sớ giải khác có nói nhiều về những sự lợi ích của giới pháp. Ở đây không thể trình bày hết được.

(ii) Vô lượng tịnh giới: nhiếp thọ vô lượng pháp học (học xứ) của Bồ tát.

(iii) Nhiêu ích chư hữu tình giới: trong hai giai đoạn tu hành (tu đạo) và chứng đắc (cứu cánh đạo), đều thường làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

(iv) Năng hoạch đại quả thắng lợi giới: trong lúc đang ở giai vị Bồ tát thì tự mình cầu chứng đắc quả vị Bồ đề rộng lớn viên mãn, đến lúc đạt được quả Phật, thì có thể đem quả vị này bố thí cho chúng sanh được sự thắng lợi to lớn. Thế nào là sự thắng lợi to lớn? Các bậc Thanh văn phải đầy đủ ba học (giới định tuệ) thì mới được sự hoàn thiện trong ba thời, còn Bồ tát chỉ cần thọ trì giới pháp thì đã được sự hoàn thiện trong ba thời, nghĩa là lúc mới phát tâm, nói rộng về việc lợi ích tự tha, đây gọi là sơ thiện, kế đó thực sự làm lợi

ích tất cả chúng sanh, đây gọi là trung thiện, cuối cùng chứng được quả Phật, đây gọi là hậu thiện.

C2. Nói tường tận về tất cả giới.

Có ba phần. Phần một là giới pháp, phần hai là lãnh thọ giới pháp, phần ba là phòng hộ giới pháp.

D1. Giới pháp.

Phần một lại có bốn phần: (1) phân biệt, (2) tự tính, (3) nhân duyên đầy đủ, (4) tập hợp đầy đủ nghĩa thiết yếu.

E1. Phân biệt. Sơ lược có hai loại:

F1. Phân biệt sở y.

Sở y có hai: một là Bồ tát tại gia, hai là Bồ tát xuất gia, cùng tất cả những người thuộc về hai chúng Bồ tát này. Như vậy, những giới pháp mà hai hàng tại gia, xuất gia y chỉ được gọi là tất cả giới pháp. Do vì mỗi người y chỉ học tập tất cả giới pháp, nên gọi là Bồ tát tại gia, Bồ tát xuất gia.

Lại nữa, ngài Tối Thắng Tử có nói: “Ba ác đạo và cõi trời chỉ có sự tự nhiên thọ giới, nghĩa là chỉ có giới pháp tại gia; riêng cõi người thì có cả hai loại giới pháp, tại gia và xuất gia.” Trát Mục Tra Sở nói: “Ba ác đạo và cõi trời sắc giới, không từ người khác thọ giới, mà chỉ có sự tự nhiên thọ giới; còn cõi trời người trong dục giới thì có hai cách thọ giới: tự nhiên thọ giới và từ người khác thọ giới, cho nên có hai loại giới tại gia và xuất gia. Như vậy, người thọ giới pháp Bồ tát, sau khi chết, tuy luân chuyển trong ba cõi, nhưng

giới thể vẫn vĩnh viễn không mất, tùy chỗ thọ sanh, tự nhiên được lại giới thể.”

Nói tóm tắt, người thọ giới, tuy sau khi mất, lưu chuyển trong ba cõi, nhưng giới thể của Bồ tát tịnh giới vẫn duy trì liên tục, vĩnh viễn không mất. Ở đây, nói có hai loại tại gia và xuất gia, là do các vị Bồ tát đối với năm loại giới xuất gia, như sa di, v.v..., có thọ trì đầy đủ hay không mà có sự phân biệt.

F2. Phân biệt tự tính.

Y cứ vào hai phần tịnh giới tại gia và xuất gia này, nói sơ lược về ba loại: (1) luật nghi giới, (2) nhiếp thiện pháp giới, (3) nhiều ích hữu tình giới. Ba loại giới này hàm nhiếp tất cả giới pháp mà Bồ tát thọ trì.

Vì sao ba loại giới trên có tên như vậy? Theo các bộ số giải khác, có hai lối giải thích: (1) Có người nói: “Trong Thanh văn thừa có ba loại luật nghi, giống như ba tụ giới ở đây, nghĩa là (a) *biệt giải thoát luật nghi*, hàng phục phiền não, (b) *tĩnh lự luật nghi*, tạm thời dứt hết các duyên, (c) *vô lậu luật nghi*, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não.” (2) Lại có người nói: “Hạnh của Bồ tát, phát khởi từ hai việc: (a) tự thành thực chính mình và (b) thành thực người khác. (a) Do vì muốn tự thành thực chính mình mà xa lìa hành động ác, tích tập công hạnh lành, cho nên có hai loại giới luật nghi và nhiếp thiện pháp, (b) do vì muốn thành thực người khác, cho nên phải gìn giữ nhiều ích hữu tình giới. Đây là ý nghĩa của ba tụ giới của Bồ tát.” Trong hai lối giải thích vừa nêu trên, chúng ta nên y theo lối giải thích thứ hai.

Vì sao lại sắp đặt ba giới theo thứ tự trên (luật nghi, nhiếp thiện pháp và nhiếp hữu tình)? Trát Mục Tra Số nói: “Giới viễn ly (nhiếp luật nghi) thì chung cho cả hai (Bồ tát lẫn Thanh văn), còn hai giới sau (nhiếp thiện, nhiếp chúng sanh) đều lấy giới luật nghi làm nhân, thế nhưng, khi hành trì thì không thể hỗn tạp. Hành trì không hỗn tạp, nghĩa là tự mình chưa được đắc độ thì chưa thể độ người khác, tự mình chưa đoạn trừ phiền não thì chưa thể đoạn trừ phiền não cho người khác, tự mình chưa tu pháp lành, thì chưa thể làm lợi ích cho chúng sanh (nhiều ích hữu tình). Cho nên đã nói theo thứ tự trên.”

E2. Tự tính. Có ba phần:

F1. Luật nghi giới.

Tức là các Bồ tát thọ trì giới biệt giải thoát luật nghi của bảy chúng (giới tỳ kheo, giới tỳ kheo ni, giới chánh học nữ, giới cần sách nam, giới cần sách nữ, thuộc về giới xuất gia; giới cận sự nam, giới cận sự nữ, thuộc về giới tại gia).

Hơn nữa, giới biệt giải thoát thực sự có tám loại, nhưng ở đây không liệt kê cận trụ giới (bát quan trai giới) là vì như Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung Nan Thích nói: “Chỉ thọ trì một ngày đêm, không phải là điều khó làm, không thể vĩnh viễn xa lìa sự dâm dục, không thể thọ trì liên tục (trong thời gian lâu dài), cho nên không liệt kê.” Còn Trát Mục Tra Số thì nói: “Giới cận trụ (bát quan trai) là chỗ y chỉ của cận sự nam, cận sự nữ, cho nên không liệt kê.” Nếu nói giới cận trụ (bát trai giới) bị bao hàm trong giới cận sự (ngũ giới), thì điều này không đúng với sự thực. Trát Mục Tra Số lại nói: “Giới chánh học nữ (thức xoa ma na) được bao hàm trong giới tỳ kheo ni.” Điều này cũng không đúng.

Hỏi: Nếu vậy, giới luật nghi của Bồ tát có khác biệt với giới luật nghi của bảy chúng hay không?” Nếu nói khác biệt, thì tương phản với lập luận của Bồ Tát Địa, bởi vì trong Bồ Tát Địa, ngoài giới luật nghi của bảy chúng ra, không thấy nói đến các giới khác. Còn nếu nói không khác biệt, thì có phải giống như giới biệt giải thoát, nghĩa là sau khi mạng chung, giới thể cũng sẽ bị mất, và như vậy các hàng trời người, v.v..., tuy muốn phát tâm tu học ba tụ tịnh giới của Bồ tát, rốt ráo cũng không thể được giới thể luật nghi của Bồ tát?

Trả lời: Nếu là hàng xuất gia, đầy đủ Bồ tát giới, thì trong những loại giới biệt giải thoát của năm chúng xuất gia, tùy thọ một loại giới, thì đó tức là giới luật nghi của Bồ tát; còn hàng Bồ tát tại gia, đối với hai loại giới biệt giải thoát của hàng tại gia, tùy thọ một loại giới, tức là giới luật nghi của Bồ tát. Hàng trời người, không cần phải nương vào giới biệt giải thoát, cũng vẫn có thể đắc được giới thể của Bồ tát. Ví như giới viễn ly, nghĩa là xa lìa mười nghiệp bất thiện, hoặc là xa lìa bảy nghiệp bất thiện của thân và miệng, là tướng chung của giới biệt giải thoát và giới luật nghi của Bồ tát, mà không phải là tướng riêng của giới biệt giải thoát.

Đạo Cư Luân Sở nói: “Bồ tát luật nghi giới, nghĩa là bảy loại giới biệt giải thoát phòng hộ chế tội, giới phòng hộ tính tội, và giới phòng hộ mười điều bất thiện.” Trong đây, phần đầu (bảy loại giới luật nghi) là thể của giới biệt giải thoát, còn phần sau (giới phòng hộ tính tội, và giới phòng hộ mười điều bất thiện) là tướng chung với bảy loại giới biệt giải thoát. Lại nữa, Ma Ni Hô Niêm Trang Nghiêm Luân nói: “Luật nghi giới là giới ngăn chặn, nghĩa là phải như thực xa lìa bảy ác (thân ba, khẩu bốn), mà lại có thể

sinh khởi ba loại pháp lành, tức là vô tham, vô sân, và chánh kiến.” Bộ luận trên lại nói: “Sau khi sinh khởi (ba loại pháp lành), lại do đầy đủ lực tăng thượng của giới, nên có thể thành tựu mười nghiệp lành.”

Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung Nan Thích nói: “Bồ Tát Địa nói về giới luật nghi, cho rằng Bồ tát thọ biệt giải thoát luật nghi của bảy chúng, phải nên biết rằng biệt giải thoát giới là một phần của Bồ tát giới, cả hai đều cùng một thể tính. Cho nên người đầy đủ biệt giải thoát luật nghi, tức là người có căn khí chánh thức thọ giới Bồ tát, được phép lãnh thọ những học xứ mà Bồ tát cần phải học, nghĩa là trong giới Bồ tát luật nghi, những giới như cấm sát sanh, v.v..., đều không khác với giới biệt giải thoát. Nếu như chưa thể đình chỉ việc tạo nghiệp thì không thể trở thành căn khí thọ giới Bồ tát.” Điều mà đoạn văn trên muốn nói, có nghĩa là vì không đình chỉ những nghiệp sát sanh, v.v..., cho nên không thể trở thành căn khí thọ giới Bồ tát. Nếu suy ngẫm cho kỹ, ý nghĩa của sự đình chỉ cũng giống như trong giới biệt giải thoát. Cho nên Bồ Tát Địa, cho rằng bảy loại giới biệt giải thoát là cùng một thể với Bồ tát luật nghi.

Như phần sau có nói, trong giới Bồ tát, đối với bảy chi của thân và miệng như sát sanh, v.v..., cũng có sự khai duyên. Điều này tuy có khác với giới sát sanh, v.v..., của giới biệt giải thoát, nhưng vẫn không phải là sai lầm, nghĩa là trừ giới uống rượu ra, tất cả những chế tội (giá tội) khác, trong trường hợp bị bệnh hoạn, đều được khai duyên. Điều này không giống như giới pháp của tỳ kheo, bởi vì muốn đắc giới tỳ kheo thì phải thọ toàn phần, chứ không thể chỉ thọ có một phần giới mà thôi. Bồ tát luật nghi, trừ bảy chi giới của thân và miệng có sự khai duyên ra, các điều giới khác, cũng

phải giống như giới biệt giải thoát, nghĩa là phải ***thà mất thân mạng, quyết giữ gìn không cho vi phạm***. Đạo Cư Luân nói:

Bảy loại biệt giải thoát luật nghi,
Thường cùng các giới khác tương ứng,
Trong Bồ tát giới được khai duyên,
Còn các giới khác không phải vậy.

Do đây có thể nói rằng, nếu như trước tiên chưa thể tùy thuận hành tướng của bảy loại giới biệt giải thoát, thì không thể sanh khởi giới luật nghi của Bồ tát, điều này có nghĩa là nếu không có cộng tướng của bảy loại giới biệt giải thoát, không thể sanh khởi Bồ tát tịnh giới, chứ không có nghĩa là không có biệt tướng của bảy loại giới biệt giải thoát, không thể sanh khởi Bồ tát tịnh giới. Đạo Cư Luân Số nói: “Điều mà bài kệ muốn nói, là muốn chỉ rõ sự y chỉ thù thắng của tịnh giới.” Điều này trong quyển số của ngài Bồ Đề Hiền cũng đã nói rõ, ở đây chỉ góp nhặt ý nghĩa trong đó, và nói tóm lược lại mà thôi.

Nghĩa lý này, từ xưa đã có hai lập luận khác nhau: (1) một bên cho rằng *phải nương vào giới biệt giải thoát*, như nói: “Nếu muốn sanh khởi và an trụ trong Bồ tát luật nghi, phải nên y chỉ giới biệt giải thoát,” (2) còn một bên cho rằng *không nên nương vào giới biệt giải thoát*, như nói: “Giới biệt giải thoát là của Thanh văn thừa, phải nghĩ rằng nó sẽ chướng ngại Bồ tát luật nghi.”

Phái chủ trương *nên nương vào giới biệt giải thoát* nói: “Đã nói rằng có Bồ tát biệt giải thoát (nhiếp luật nghi), tức là phải có giới biệt giải thoát của bảy chúng của hai thừa Đại Tiểu. Ở đây dùng sự *không tổn hại nào loạn chúng sanh khác* làm *cộng tướng*

cho giới biệt giải thoát của hai Thừa, phải nên y chỉ vào cộng tướng này, không được tổn não đối với tất cả chúng sanh có ơn với chúng ta. Đến như sự khác biệt của giới biệt giải thoát của hai thừa Đại Tiểu, chẳng hạn như *giới thể tương tục không đoạn, giữ ý cho người khác, sau khi phạm giới có thể sám hối thanh tịnh, thường ưa thích làm lợi ích chúng sanh*, những điều này trong giới biệt giải thoát của Tiểu thừa không có. Đây là những điều biệt giải thoát giới của Đại thừa trái ngược với Tiểu thừa. Nếu như không phân biệt cộng tướng và bất cộng tướng, thì khi chư Bồ tát y vào giới biệt giải thoát của Tiểu thừa, sẽ đi ngược lại với tông chỉ Bồ tát của mình. Bồ tát thực sự dùng *giới biệt giải thoát của Đại thừa* làm học xứ chánh yếu, làm chỗ y chỉ, và điều này không có sự tương vi nào cả. Kinh Bảo Vân nói: “Biệt giải thoát luật nghi (của Tiểu thừa) có sự khác biệt với pháp học của Bồ tát.” Lại nữa, bảy chúng của Đại thừa, khi lãnh thọ, hoặc hộ trì giới luật, phải y như những điều giảng dạy trong các bộ Tỳ nại da (luật tạng) mà hành trì.

Những người phản đối lập luận vừa nêu trên cho rằng: “Những điều vừa nêu lên hoàn toàn không hợp lý. Nếu như Bồ tát luật nghi phải y vào giới biệt giải thoát của bảy chúng mà phát khởi, thì hàng trời người (chưa thọ giới của bảy chúng) không thể sanh khởi Bồ tát luật nghi. Nếu như nhất định phải nương vào giới biệt giải thoát để an trụ, thì chúng sanh sau khi chết, luân chuyển trong sanh tử, tại mỗi nơi thọ sanh, đều không mất giới biệt giải thoát; nếu thế, trời, người, súc sanh, đều có giới tỳ kheo (một cách tự nhiên, không cần phải thọ giới). Do đây, sự sanh khởi của Bồ tát luật nghi, không cần phải nương vào giới biệt giải thoát. Mâu Ni Hộ Niêm Trang Nghiêm Luân cũng có nói: “Nếu cho rằng *cận sự nam, cận sự nữ, cần sách nam, cần sách nữ, chánh học nữ, bí sô, bí sô ni, mỗi người phải nên trọn đời, tùy địa vị của mình an trụ trong*

giới biệt giải thoát của bảy chúng, thì mới có thể được thọ Bồ tát luật nghi, nếu không như vậy (thọ giới biệt giải thoát), không thể sanh khởi Bồ tát luật nghi, thì người nói điều này chưa thông đại ý nghĩa của kinh điển Đại thừa. Nếu cho rằng không có giới biệt giải thoát luật nghi thì không thể sinh khởi Bồ tát luật nghi, thì trong Bồ tát tạng và các luận sơ khác cũng phải nên nói rõ rằng giới biệt giải thoát là căn bản của Bồ tát học xứ, và cũng phải nên nói rằng: Quyết định phải nương vào giới biệt giải thoát, giống như muốn đi trên con đường Bồ đề Đại thừa, quyết định phải nương vào hạnh Tam quy y.”

Bởi vậy, khi Bồ Tát Địa nói Bồ tát luật nghi giới là giới biệt giải thoát của bảy chúng, nên biết điều này có hai phần: một là giới biệt giải thoát căn bản của bảy chúng, và hai là *phân giới tướng của tính tội của giới biệt giải thoát chung với Bồ tát luật nghi*, chứ không phải chỉ là giới biệt giải thoát của bảy chúng. Trong đây, *giới tướng của tính tội của giới biệt giải thoát chung với Bồ tát luật nghi và Bồ tát luật nghi*, được sanh khởi cùng lúc, bởi vì không có sự phân biệt giữa giới tướng của tính tội và năng y sở y của Bồ tát luật nghi.

Như vậy, dù chưa thọ giới biệt giải thoát căn bản của bảy chúng, vẫn có thể sinh khởi (lãnh thọ) Bồ tát luật nghi. Thế nhưng, tốt nhất vẫn phải như pháp, nương vào giới biệt giải thoát, nghĩa là trước tiên phải thọ một loại giới biệt giải thoát tại gia hay xuất gia. Nếu không như thế tức là vượt thứ bậc mà Đức Phật đã giảng dạy. Ví như chưa thọ giới sa di mà lại thọ giới tỳ kheo, tuy vẫn có thể sanh khởi giới thể tỳ kheo, nhưng không nên làm như thế.

Phái chủ trương không nương vào giới biệt giải thoát nói: “Nếu như không thể xa lìa ý thích tự lợi, thì không thể sanh khởi Bồ tát luật nghi. Điều này (giới biệt giải thoát) gọi là sự chướng ngại của Bồ tát luật nghi. Nếu trước kia đã đầy đủ Bồ tát luật nghi, mà sau đó lại sanh khởi ý thích tự lợi, phá hủy Bồ tát luật nghi, thì gọi là sự chướng ngại của việc an trụ trong Bồ tát luật nghi.”

Điều mới vừa lập luận ở trên, đã phạm vào lỗi lầm là không phân biệt được sự khác biệt giữa “giới biệt giải thoát” và “ý thích Tiểu thừa (tự lợi)”. Cho nên ***muốn sinh khởi Bồ tát luật nghi, phải nên xa lìa ý thích Tiểu thừa, chứ không phải xa lìa giới biệt giải thoát.*** Nếu như đã đầy đủ Bồ tát luật nghi, mà lại còn sanh khởi ý thích Tiểu thừa, thì sẽ mất Bồ tát luật nghi, đến như giới biệt giải thoát thì không nên xa lìa, bởi vì giới biệt giải thoát là chung cho cả hai Thừa. Nếu nhân vì không thích “ý thích Tiểu thừa” mà xa lìa giới biệt giải thoát, thì đây là một điều phi lý. Nếu người nào trước đó đã đầy đủ giới biệt giải thoát, thì đây là người được trang bị thù thắng nhất để thọ giới Bồ tát, bởi vì họ đã đầy đủ chỗ y chỉ.

Nếu như cho rằng thọ trì Bồ tát giới, là phải xả bỏ giới biệt giải thoát, thì đây là phá hủy những điều Đức Phật đã nói, cũng như đã làm cho những lúa mạ lợi ích chúng sanh bị một trận mưa đá tàn hủy, như vậy tức là không hiểu rõ yếu nghĩa trước sau mà kinh điển muốn nói. Phải nên xa lìa những chấp kiến điên đảo như vậy, ngăn chặn không cho chúng sanh khởi. Như Thánh Tam Giới Kinh nói: “Thường phải nên tùy thuận lời dạy về giới biệt giải thoát như đã nói ở phần trên. Nay Hộ Quang! Trên thế gian, nếu có người nào đối với giới biệt giải thoát sanh khởi ý tưởng chống đối, tức là đã chống đối với pháp Thập lực, Tứ vô sở úy của chư Phật. Nếu như chống đối pháp Thập lực, Tứ vô sở úy của chư Phật, tức là đã

chống đối chư Phật ở quá khứ, vị lai và hiện tại. Do đây trong tương lai sẽ nhận chịu vô lượng quả báo khổ não. Giả như tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới đều thọ lãnh sự khổ ở địa ngục, nếu so với sự khổ não mà người kia nhận chịu, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn câu chi nhẫn đến toán số ví dụ ô ba ni sát đàm phần, cũng không bằng một. Nếu muốn xa lìa sự khổ não, phải nên xa lìa những bí sô có loại ác kiến như vậy. Dù đã cách xa hàng ngàn do tuần cũng phải tránh xa, hướng chi gần hơn khoảng này. Chỉ cần nghe tên của người ấy cũng phải lìa xa, hướng chi mắt thấy tai nghe mà không chịu rời bỏ người ấy!”

Lại nữa, Điều Tỳ Bồ Tát Thỉnh Vấn Kinh nói:

Như tất cả lúa nương vào đất,
Vì không tai ương, nên sinh trưởng,
Như vậy pháp lành nương vào giới,
Nước “bi” thấm nhuần làm sanh khởi,
Đức Phật trong tạng Tỳ nại da,
Giảng nói tịnh giới biệt giải thoát,
Tại gia Mật thừa, ngoài nghi tắc,
Tất cả pháp khác, phải thọ trì.

Nghĩa là người tại gia trong Mật thừa, trừ những hành nghi, tác nghiệp, quỹ tắc, cùng những điều giới riêng biệt của các vị xuất gia ra, tất cả những điều giới mà Tỳ nại da đã đề cập đến, đều phải học tập, thọ trì, hướng chi những người xuất gia trong Mật thừa, đây đủ Bồ tát luật nghi, mà lại không học những điều giới ấy!

Lại như ngài Già Thấp Di La Thiện Thệ Bảo Đảnh Cát Tường Trí Hữu Tôn Giả, cũng đã từng cực lực công kích những chấp kiến điên đảo hạ liệt này, để đưa về chánh nghĩa, như trong luận Bất Vi Việt Tịnh Giới Luật Nghi Bản Thê nói:

Như có người xuất gia,
Đã trì giới Hiển, Mật,
Sau đó vì ngu si,
Đối với điều đã thọ,
Giới học của Thanh văn,
Trong giới biệt giải thoát,
Chỗ nói về học xứ,
Phần lớn không giữ được,
Nên nói luật Thanh văn,
Khác với giới Bồ tát,
Bèn giữ giới Bồ tát,
Mà bỏ luật xuất gia.

Lại nói:

Người bỏ luật xuất gia,
Đối với giới Hiển, Mật,
Đều không thể thọ trì.

Lại nói:

Bậc Thánh đủ thắng tuệ,
Đại Bồ tát tỳ kheo,
Phương tiện rất khéo léo,
Trong mộng, không thất niệm.

Trong các kệ kinh cũng nói chi tiết về các Bồ tát tại gia, thị hiện làm chuyển luân vương, đã từng tu tập hạnh Bồ tát dài lâu, còn phải bỏ gia nghiệp, tìm cầu sự xuất gia thọ giới cụ túc. Cho nên, những hành giả Đại thừa, đối với tất cả giới biệt giải thoát, đặc biệt là đối với luật nghi của bậc xuất gia, phải nên yêu thích, lãnh thọ, giữ gìn.

F2. Nhiếp thiện pháp giới. Có ba phần:

G1. Lược nhiếp.

Các vị hành giả, sau khi thọ giới Bồ tát, tất cả công hạnh đều vì Đại Bồ đề, do thân và miệng tích tập các pháp lành, nói chung, đều gọi là giới nhiếp thiện pháp. Trong các luận sơ đều cho rằng, ở đây, câu “sau khi thọ giới Bồ tát”, phải nên sửa là “sau khi thọ giới luật nghi”. Điều này có ba ý nghĩa: (a) Thời gian: nghĩa là sau khi chánh thức thọ giới, như trong kinh có nói: “An trụ trong giới, tích tập các việc lành, nghĩa là an trụ trong giới mới có thể sanh khởi pháp lành, an trụ trong pháp lành, và tăng trưởng pháp lành. Đây là nhờ chánh thức thọ Bồ tát luật nghi, mới có thể tích tập tất cả pháp lành, bởi vậy, trước tiên phải kiên cố tịnh giới luật nghi. (b) Sở duyên: nghĩa là tất cả công hạnh đều vì Đại Bồ đề. Do tự mình thành thực tất cả Phật pháp. Ở đây, giới nhiếp thiện pháp, là sự tự thành thực, còn giới nhiều ích hữu tình là thành thực người khác. Đây gọi là sở duyên khác biệt của hai phần giới này. (c) Tự tướng, hoặc còn gọi là tự tánh: nghĩa là do thân, miệng tích tập các nghiệp lành. Ở đây không nói đến ý nghiệp, như các sơ giải khác có nói: “Tu tập giới nhiếp thiện pháp, chỉ là tu tập giới của thân và miệng.” Thế nhưng, trong Quảng Sở, thường thường nói đến nghiệp thiện của ý. Trong bộ sơ giải của ngài Đức Quang, cũng nói đến

nghiệp thiện của ý, cho rằng trong nghiệp của thân và miệng, tự nhiên đã có lực lượng của ý nghiệp. Lối giải thích này rất hợp lý. Lại nữa, Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung Nan Thích và Đạo Cư Luân Sở, đều cho rằng trong Du Già Sư Địa Luân phải có chữ “ý”.

Như vậy, ba nghiệp thân miệng ý tạo tác khác nhau, hoặc là hai nghiệp thân miệng tạo tác, hoặc là cả ba tạo tác thiện nghiệp. Đây gọi là giới nhiếp thiện pháp.

G2. Nói chi tiết. Có tám phần:

(a) Sinh khởi ba tuệ: Bồ tát y chỉ, an trụ trong giới nhiếp luật nghi, phải nên diệt trừ tán loạn, nghe kinh học pháp, tìm cầu văn tuệ, tích tập tư lương nghe pháp, phát khởi tư tuệ, kế đó tu chỉ quán, tức là nhập vào tu tuệ. Lại phải ưa thích một mình ở nơi vắng vẻ, tinh tiến tu tập, xa lìa sự náo nhiệt, xa lìa sự bất thiện cùng các tâm tư ác. Giới Nhi Thập Tung Nan Thích đối với vấn đề này cũng có nói: “Phải nên ưa thích ở một mình nơi vắng vẻ.” Trong đây tu chỉ, tức là định học, còn phần văn tuệ, tư tuệ và tu quán, tức là tuệ học. Do tu tập các học xứ của giới, mà sanh khởi hai phần định tuệ này.

(b) Tích tập tư lương phúc điền: Nếu thấy bậc tôn trưởng, không nên có thái độ kiêu mạn, phải tỏ ra vui vẻ đón mừng, nói lời chào thưa, hỏi han lễ bái, kéo ghế mời ngồi; nếu như đang ngồi, phải lập tức đứng dậy một cách nhanh chóng, cung kính; thấy bậc tôn trưởng đến gần, chấp tay kính lễ, hoặc phục dịch, thưa sự một cách cung kính lễ độ; hoặc đối với người bệnh, khởi lòng thương xót, ân cần chăm sóc, cung cấp những gì họ đang cần. Như vậy, một cách tổng quát, có ba loại ruộng phước, nghĩa là (i) ruộng ân,

(ii) ruộng kính, (iii) ruộng bi. Ruộng ân là chỉ cho cha mẹ, ruộng kính là chỉ cho bậc tôn trưởng, ruộng bi là chỉ cho người bệnh hoạn, nghèo khổ. Ba loại ruộng này là căn bản để sanh khởi phúc điền cho hai hàng Bồ tát tại gia và xuất gia.

(c) Tùy hỷ công đức đối với những bậc có đức: Khi thấy có người diễn nói chánh pháp, hoặc tán thán Tam Bảo, hoặc nói những lời hay đẹp, phải nên mở lời ca tụng. Đối với những người đầy đủ công đức văn tuệ, v.v..., phải nên chân chánh khen ngợi, đối với việc phúc đức của tất cả hữu tình, phải nên dùng tâm vui thích thù thắng, nói lời tùy hỷ; hơn nữa, nếu biết rõ đối phương là người đáng được cúng dường, trong lòng nên vui mừng, xa lìa sự ganh ghét. Như vậy, tuy không phải chính mình làm, nhưng do sự tùy hỷ, mình được công đức cũng bằng với người đã làm những việc thiện đó. Phải nên tùy hỷ nghiệp lành của người khác, xem như tự mình làm, sanh lòng vui mừng vô hạn.

(d) An nhẫn: Nếu như có người đến gây sự tổn hại phiền não, phải nên suy ngẫm quán xét, xem đó là do nghiệp ác đời trước của mình chiêu cảm, đối với kẻ oán địch, sanh lòng thương xót, không ôm lòng oán hận, cũng không tìm cách trả thù.

(e) Hồi hướng phát nguyện: Vì muốn những pháp lành đã tạo tác không bị tổn hoại mất mát, hơn nữa, lại còn sanh khởi phước đức rộng lớn, phải nên đem tất cả những thiện nghiệp do thân miệng tạo tác trong đời quá khứ cũng như hiện tại hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lại vì muốn thành thực vô lượng công đức, phải nên trong mỗi thời khắc phát khởi mười loại đại nguyện, như trong kinh Thập Địa, hoặc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã dạy.

(f) Cúng dường Tam Bảo: Đối với Tam Bảo, dùng tất cả các loại tài vật, cùng sự hành trì, mà cúng dường thượng diệu rộng lớn.

(g) An trụ trong pháp không phóng dật: Thường thường nên dũng mãnh tinh tiến tu tập tất cả công hạnh của sáu pháp ba la mật.

(h) Tu tập các pháp lành trong tư lương đạo: Đối với các học xứ, phải nên chánh niệm, chánh tri, chánh thân, chánh ngữ; phải nên phòng thủ, giữ gìn các căn một cách miên mật, không cho chúng chạy theo các trần cảnh, dù cảnh ưa thích, hoặc cảnh không ưa thích, mà sanh khởi tham, sân. Muốn giữ gìn các căn, trước hết phải nên gìn giữ tâm ý của mình. Lại nữa, nếu như quá no hoặc quá đói, thì cũng không thể tinh tiến tu tập, cho nên phải ăn uống vừa đủ, không phạm vào hai điều trên; ăn những món thích hợp, và ăn vừa phải. Lại nữa, mỗi đêm chia làm ba phần, giữa đêm ngủ nghỉ, phần đầu đêm, cuối đêm và ban ngày thì phải nên, hoặc siêng năng đọc tụng kinh điển, hoặc tu tập pháp du già, lại nên gần gũi các bạn lành thù thắng, biết tu thiện xả ác, y chỉ các vị thiện tri thức dạy pháp. Hơn nữa, phải dùng tự tâm mình làm thiện tri thức cho chính mình. Đối với những điều giới đã phạm, phải nên quán xét sâu xa, biết rõ lỗi lầm cùng quả báo trong hiện tại cũng như trong vị lai; khéo léo đối trị, làm cho tất cả lỗi lầm cũng như quả báo đều được tiêu trừ. Hơn nữa, đối với điều giới đã phạm, nếu có nhân duyên thù thắng, gặp Phật, Bồ tát, liền phải đến trước các ngài phát lồ sám hối, đúng như pháp trừ diệt tội phạm giới. Nếu như không gặp, phải nên đối trước tượng của chư Phật Bồ tát, hoặc các vị đồng thọ giới Bồ tát, phát lồ sám hối, đúng như pháp trừ diệt tội phạm giới.

G3. Nhiếp nghĩa.

Các pháp như trên, nếu có thể dẫn nhiếp, hộ trì, tăng trưởng các thiện pháp giới, thì đều được gọi là Bồ tát nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là có thể sanh trưởng ba tuệ. Hộ trì, nghĩa là sau khi sanh khởi, làm cho không bị tổn hoại, giả như tu pháp nhẫn nhục, nếu không trừ diệt sân hận, thì có thể bị sân hận làm tổn hoại tất cả pháp thiện đã tích tập được. Tăng trưởng, nghĩa là sau khi đã hộ trì, lại làm cho tăng trưởng rộng lớn, viên mãn, chẳng hạn như hồi hướng Vô thượng Bồ đề, phát nguyện rộng lớn như đã nói ở trên.

F3. Nhiêu ích hữu tình giới.

Thế nào là Bồ tát nhiều ích hữu tình giới? Nên biết giới này, sơ lược có mười một tướng: (1) đối với người cần phải giúp đỡ; (2) đối với người ngu si; (3) đối với người ơn; (4) đối với người gặp sự sợ hãi; (5) đối với người sâu khổ; (6) đối với người nghèo túng; (7) đối với người cầu y chỉ; (8) đối với người cần phải tùy thuận ý của họ; (9) đối với người cần phải chỉ dẫn họ trực tiếp; (10) đối với người cần phải dùng nghịch duyên để chuyển đổi họ; (11) đối với người cần phải dùng thân thông để điều phục họ. Như vậy, tùy trường hợp mà làm lợi ích.

E3. Nhân duyên đầy đủ. Có ba loại:

F1. Nhân duyên đầy đủ của luật nghi giới.

Các vị Bồ tát an trụ trong giới luật nghi, làm thế nào để khéo hộ trì giới luật. Ở đây có mười điều:

G1. Không nuôi tiếc dục lạc ở quá khứ.

Nghĩa là các vị Bồ tát xả bỏ những cảnh dục lạc thù thắng trong loài người của ngôi vị chuyển luân vương mà xuất gia, không hề nuôi tiếc, như xả bỏ rác rưởi. Ở đây chữ “dục”, có hai nghĩa, một là chỗ mong cầu ở bên ngoài, tức là những vật thọ dụng, hai là sự mong cầu ở bên trong, gọi là phiền não dục, tức là sự tham ái trong tâm. Sự tham ái này là căn bản của tất cả sự mong cầu ao ước. “Không nuôi tiếc”, nghĩa là đối với vật dục, tưởng nghĩ đến sự xả bỏ, như phế bỏ cỏ rác, không còn đoái tưởng đến. Bồ tát xả bỏ dục lạc, cũng giống như vậy. Đối với sự tham luyến, biết là không chân thực, bèn xả bỏ không một chút nuôi tiếc. Lại nữa, Bồ tát đối với ái dục, quán tưởng là sự bất tịnh, xả bỏ sự thối bản đó không chút luyến tiếc. Đối với phiền não trong tâm, xem như vật thối bản, vứt đi không thèm nhìn. Đối với những tài sản tại gia đã xả bỏ để đi xuất gia, sau đó nếu còn khởi tâm tham tiếc, thì đối với giới luật nghi, sẽ không được thanh tịnh. Phải nên xả bỏ sự tham ái, tu hai pháp quán tưởng, như trong hai ví dụ ở phần trên, thường nhớ niệm điều này một cách vững chắc.

G2. Không ham thích dục lạc đời vị lai.

Tu tập phạm hạnh không phải để cầu dục lạc trong đời vị lai, dù là cảnh dục lạc ở cung thiên ma của cõi trời Tha hóa tự tại cũng không mong cầu, huống chi là những cảnh dục lạc khác.

Ở đây nói “không ham thích”, nghĩa là phải như thực quán niệm những dục lạc đó như rừng rậm đầy đầy hổ, beo, cho nên không muốn vào.

Phần trên nói không nuôi tiếc dục lạc ở quá khứ, là chỉ nói về cảnh dục lạc ở cõi người, chưa nói đến cảnh dục lạc cõi trời, vì giới luật nghi, chú trọng xuất gia, mà cõi trời thì không có người xuất gia. Còn ở đây nói không ham thích dục lạc đời vị lai, chỉ là nói đến dục lạc cõi trời, mà không nói đến dục lạc cõi người, vì sự hưởng dục ở cõi thiên ma là thù thắng nhất trong cõi dục. Trong đời vị lai còn không mong cầu sự hưởng dục ở cõi trời, huống hồ là cảnh dục lạc của cõi người. Nói tóm lại, luật nghi xuất gia, phải nên rất thanh tịnh, phải nên khéo hộ trì. Không vì cầu sự dục lạc ở đời sau mà tu phạm hạnh, chứ không phải chỉ là không nuôi tiếc dục lạc trong quá khứ.

G3. Không đắm mê dục lạc ở hiện tại.

Đối với sự được cung kính lợi dưỡng của các bậc quốc vương, trưởng giả, còn không tham muốn, huống là tham đắm sự cung kính lợi dưỡng tầm thường của những hạng dân ty tiện. Nên dùng chánh tuệ quán xét những sự dục lạc đó như đồ ói mưa, không đáng ham thích.

Ở đây phải nên chú ý, nếu như nguyện cầu dục lạc đời sau mà tu phạm hạnh, thì chỉ gọi là thiện nguyện, chứ không được gọi là trì giới biệt giải thoát. Trong giới luật nghi của hàng tại gia, tuy không bắt buộc phải tuyệt đối xả bỏ những vật thọ dụng trong quá khứ, nhưng cũng không nên tham đắm cảnh dục lạc ở hiện tại, còn người xuất gia thì phải nên tuyệt đối xả bỏ tất cả sự tham đắm dục lạc. Nếu như không thể chuyển đổi tâm tham đắm của mình, như phần trước quán tưởng về sự luân hồi trong ba cõi, và quán tưởng về sự lỗi lầm của cõi dục, nên biết người đó không thể khéo léo giữ gìn tịnh giới.

G4. Ưa thích chỗ vắng vẻ.

Ưa thích ở một mình nơi vắng vẻ. Nếu như ở trong chúng, nên tìm cách an trụ trong hoàn cảnh không còn suy tư tìm cầu sự ham muốn. Không những chỉ sanh lòng ham thích thỏa mãn đối với giới luật nghi, mà còn phải nương vào tịnh giới để tinh tiến tu tập vô lượng đẳng trì⁵ của Bồ tát, làm cho đưa đến sự chứng đắc, tự tại. ***Nếu như đối với giới luật chỉ biết sinh tâm ưa thích, thỏa mãn, mà không chịu tâm cầu những công đức tối thắng, phải biết người đó không thể thành tựu viên mãn tịnh giới.***

G5. Lời nói, tư tưởng thấy đều thanh tịnh.

Tuy ở trong chúng, không nên bàn luận những việc tạp nhiễm bất thiện. Tuy ở một mình chỗ vắng vẻ, cũng phải khéo phòng hộ, không nên khởi lên, dù một thoáng, những tâm tư⁶ ác, như tham dục, v.v..., hoặc có lúc mất chánh niệm, những tạp tưởng tạm thời hiện hành, phải nên tức khắc thấy rõ sự lỗi lầm, mạnh mẽ phát tâm hổ thẹn, sám hối. Nếu có thể thường thường tu tập như vậy, tuy đôi lúc tạm thời khởi lời nói hoặc tư tưởng bất chánh, nhưng vẫn có thể nhanh chóng quay về an trụ trong chánh niệm, dần dần như thế, tuy không cần phải để tâm quán xét, vẫn có thể an trụ trong chánh niệm. Do nhân duyên này, có thể câu thúc, kiểm điểm; do vì quen sự kiểm thúc, dần dần có thể bỏ được những tạp quán xấu ác trong quá khứ, nghĩa là chuyển được hai tâm: (1) ưa thích nói lời bất chánh, (2) suy tư bất chánh, làm cho chúng không còn hiện khởi.

Từ lúc bắt đầu tinh tiến tu tập, phải nên làm cho những tâm tư ác không hiện hành, hoặc giả đôi lúc hiện hành, lập tức có thể xả bỏ những niệm ác, thấy rõ lỗi lầm, mạnh mẽ hổ thẹn sám hối, niệm trước niệm sau, chuyển đổi ngược lại, mà an trụ trong tịnh giới. Đây gọi là thánh giáo vô thượng thi la thanh tịnh, ngăn cấm không cho sự nghịch lý hiện hành.

G6. Không tự khinh miệt mình.

Nếu như nghe những bậc Bồ tát đã nhập thánh vị (đăng địa), trong vô lượng kiếp, từ thuở lâu xa đã tu hành ba tụ tịnh giới một cách rộng lớn, vô lượng, không thể nghĩ bàn, chẳng hạn như xả bỏ thân mệnh để bố thí, v.v..., những điều mà người khác khó có thể làm được, thì cũng không nên tự ti; phải nên trừ diệt tâm khiếp nhược, sợ hãi, tự cho là mình không thể làm được, rồi tự khinh miệt chính mình. Làm thế nào để trừ diệt tâm tự ti này? Phải nên nghĩ như vậy: “Các vị Bồ tát đó, xưa kia cũng là người phàm, từ từ tu học, cho đến khi thành tựu viên mãn các học xứ của Bồ tát, chứ không phải tức khắc mà làm được. Mình cũng là người, từ từ tu học, tinh tiến không ngừng, quyết định cũng sẽ được thành tựu như các vị ấy.” Từ đây sanh khởi niềm vui thích thanh tịnh.

Nếu như nghe vô lượng học xứ như vậy, không thể tu tập, liền lập tức xả bỏ, hoặc tự nghĩ rằng: “Đây là chỗ các vị Bồ tát khác tu tập, không phải là chỗ của mình có thể làm được”, mà vội vàng xả bỏ, thì đây gọi là chướng ngại sự tăng trưởng của hạt giống Bồ tát. Phải nên như phần trên đã dạy, xả bỏ sự khiếp nhược, chân thực dũng mãnh, siêng cần tu tập; tuy tạm thời không thể làm được những việc khó làm, nhưng vẫn phải tâm niệm như sau: “Ta đối với pháp học, rốt ráo sẽ được thành tựu.” Phải thường sanh khởi sự vui

thích, siêng năng tu hành, như vậy, sẽ tích tập pháp lành, tịnh trừ pháp ác, phát nguyện rộng lớn.

G7. Nhu hòa.

Thường thường quán xét lỗi lầm của mình, không nhìn lỗi lầm của người khác, mà cũng không làm cho người khác sanh lòng sầu khổ. Hỏi: “Nếu vậy, chẳng lẽ để cho người khác mắc tình phạm lỗi?” Trả lời: “Không phải như vậy. Nếu thấy người khác đang sống trong phiền não, nên sanh khởi lòng thương xót. Làm sao sanh khởi? Nên nghĩ rằng đây không phải là lỗi lầm của họ, mà là do sức mạnh của phiền não khống chế, làm cho họ không được tự tại. Đối với những chúng sanh hung ác phạm giới, không sanh lòng tổn hại, hoặc sanh lòng hờn giận đối với họ, mà phải sanh lòng rất thương xót, tìm cách làm lợi ích cho họ. Lại muốn làm thiện tri thức cho họ, thường muốn làm cho họ phát tâm Bồ đề, xa lìa phiền não, không để cho phiền não tăng trưởng, cho đến khi họ được thành Phật.”

G8. Nhẫn nhục.

Dù gặp người dùng tay, chân, gậy, dao, gậy, v.v..., đánh đập, làm tổn thương, cũng không bao giờ khởi lên một thoáng sân hận, thì lẽ nào đối với người khác lại có thể nói lời độc ác, nhục mạ, chửi rủa, hoặc là đánh đập, hành hung họ? Do đây mà ba nghiệp thân, miệng, ý, dần dần trở nên thanh tịnh. Trát Mục Tra Sơ nói: “Đối với phiền não lớn còn có thể nhẫn chịu, huống hồ đối với người khác mà làm điều tổn hại; dù trong một thoáng cũng không khởi lên những tâm ác như hủy nhục, quả trách, phẫn hận, báo thù, v.v...” Lại nữa, trong Luân Du Già cũng có nói: “Huống hồ là đem

những việc ác như hủy nhục, sự khổ của bát phong ⁷ mà làm tổn não chúng sanh.” Ở đây muốn nói rằng đối với người đánh đập, chửi rửa, mình còn không khởi tâm sân hận, báo thù, hướng chi tự mình lại đánh đập, chửi rửa người khác!

Đoạn này muốn nói là khi bị người khác làm tổn não, mình phải an nhẫn không lay động, mà an trụ trong bốn pháp của sa môn.

G9. Không phóng dật.

Năm hạnh không phóng dật là tiền tế, hậu tế, trung tế, tiên thời, câu thời. ⁸ Theo như thứ tự, trong thời quá khứ, tất cả những điều đã phạm, phải nên như pháp sám hối trừ diệt; trong thời vị lai, phải nên suy ngẫm quán xét lỗi lầm của sự phóng dật; trong thời hiện tại, không được quên chính niệm, mạnh mẽ phát thệ nguyện: “Tôi sẽ hành động, an trụ đúng như giới pháp đã quy định, không để hủy phạm. Hành động theo quy tắc, an trụ trong chính niệm, không khởi tâm hủy phạm giới pháp.” Do nương vào giới pháp, cho nên mỗi cử mỗi động đều gọi là hạnh không phóng dật thiết yếu nhất của học xứ biệt giải thoát.

Năm hạnh không phóng dật này, hạnh thứ bốn là căn bản. Nếu đủ bốn hạnh đầu, sẽ phát sanh hạnh không phóng dật thứ năm. Nếu chưa phát sanh hạnh thứ năm mà đã phát sanh sự phạm giới, thì phải theo thứ tự mà sám hối đúng pháp, trừ diệt tội chướng.

G10. Đầy đủ quỹ tắc tịnh mệnh.

Quỹ tắc, còn gọi là tịnh hạnh, là không nên vì mong được tiếng tăm mà khoe khoang công đức của mình. Không che giấu

những lỗi lầm, đồng thời phát lộ những việc ác mà mình đã phạm. Lúc được cúng dường những vật tồi tàn, xấu xí, ít ỏi, phải biết ít muốn mà không sầu não; khi được cúng dường những vật hảo hạng, dư dật, phải nên biết đủ, đừng tham. Nhẫn chịu những sự khổ, như nóng, lạnh, đói, khát. Nếu cầu không được điều mình muốn, tâm không sầu buồn. Sáu căn lúc nào cũng phải nhu nhuyễn, an tĩnh, không lao xao. Không để bên ngoài ảnh hưởng, tâm lúc nào cũng an nhàn, tịch tĩnh, không bồn chồn, nao động, cử chỉ đường hoàng, suy nghĩ đúng lý, uy nghi tịch tĩnh.

Tịnh mệnh, là xa lìa năm pháp tà mệnh, như trá hiện dị tướng, v.v...

Tuy đã phòng hộ học xứ, nhưng trong sáu trường hợp sau đây vẫn chưa được gọi là khéo phòng hộ: (1) chỉ mới phòng hộ chút ít, liền cho là đã đầy đủ; (2) lời nói, hành động đều không thể thanh tịnh; (3) tự khinh miệt chính mình; (4) không thể thống lãnh đệ tử; (5) khi vi phạm giới luật, không thể sám hối trừ diệt; (6) nghi tắc và tịnh mệnh không được thanh tịnh. Trong điều (1) lại có hai phần: (a) tuy phòng hộ hai nghiệp thân và miệng, nhưng tâm vẫn mong cầu dục lạc của ba cõi; (b) tuy có thể phòng hộ ý nghiệp, nhưng vẫn không thích nương vào giới luật để tu thiền định. Đức Quang Luận Sư nói: *“Không thể thống lãnh đệ tử, nghĩa là không thể nhiếp thọ, nhẫn chịu những đệ tử nghiêm trì tịnh giới”*⁹.

F2. Nhân duyên đầy đủ của nhiếp thiện pháp giới.

Ở đây có hai loại đầy đủ năm phẩm.

G1. Tuân tự của năm ba la mật.

Như vậy, biết rõ sự thắng lợi của quả lành của sáu pháp ba la mật và nhân lành của chúng, biết rõ cách xa lìa sự vi nghịch làm chướng ngại sáu độ, tích tập tất cả những căn lành của sáu độ, tức là có thể tích tập các pháp lành một cách nhanh chóng, bởi vì tất cả thiện phẩm thế gian xuất thế gian đều được hàm nhiếp trong sáu độ. Nếu có thể xa lìa các pháp vi nghịch của sáu độ, thì có thể dễ dàng tích tập các pháp lành. Các tầng bậc như vậy, có thể thành tựu mau chóng các nhân duyên của sáu ba la mật.

F3. Nhân duyên đầy đủ của nhiều ích hữu tình giới.

Có mười một hành tướng an trụ trong giới nhiều ích hữu tình, đối với mỗi hành tướng thành tựu tất cả mọi loại, chẳng hạn như hành tướng làm bạn giúp đỡ, là phải nên làm bạn giúp đỡ tất cả hữu tình, dùng tất cả hành tướng làm bạn giúp đỡ, lại như lúc báo ơn, thì đối với mỗi một hữu tình trong mười một loại, tùy việc cần phải làm, dùng mười một hành tướng mà làm lợi ích. Thế nào là mười một tướng?

G1. Làm bạn trợ giúp cho người cần trợ giúp.

Điều này có hai: (i) làm bạn trợ giúp về sự nghiệp, (ii) làm bạn an ủi tinh thần cho người đang gặp khổ não.

(i) Trợ giúp sự nghiệp có tám loại: (a) trợ giúp việc tính toán, nghĩa là trợ giúp chúng sanh mưu tính công việc nên làm hay không nên làm, hưng thịnh hay suy thoái; (b) trợ giúp hành động, nghĩa là trợ giúp trong sự quyết định hiện tiền; hai điều này gọi là hai loại trợ giúp bằng “ý niệm”; (c) làm bạn đồng hành cho những

người lữ hành không có bạn đồng hành, hoặc trợ giúp họ trong lúc đường xá hư hoại, tắc nghẽn; (d) trợ giúp phát triển sự nghiệp, nghĩa là chỉ dẫn một cách tường tận những phương cách trồng trọt, v.v...; (e) trợ giúp gìn giữ những của cải hiện có, nghĩa là chỉ dẫn những phương cách để giữ gìn tài sản, không để trộm cắp cướp giật; (f) trợ giúp trong việc hòa hợp sự chia rẽ, giải trừ sự oán hận; (g) trợ giúp nghĩa lợi, nghĩa là trợ giúp trong sự lựa chọn cơ hội để tu nghiệp phước; (h) trợ giúp tu phước, nghĩa là nếu như người đó không biết lợi dụng cơ hội để tu phước, thì nên trợ giúp cho họ có cơ hội tu tập phước đức. Luận sư Đức Quang nói: “Hai sự trợ giúp đầu là trợ giúp những người chưa có tài sản gây dựng tài sản; bốn sự trợ giúp kế tiếp là trợ giúp những người đã có tài sản giữ gìn tài sản, làm cho được tăng trưởng; hai sự trợ giúp cuối là hướng dẫn những người đã tăng trưởng tài sản, tu tập cúng dường.”

(ii) Đối với việc giúp đỡ tinh thần, cũng có hai loại:

(a) đối với sự khổ về thân, gồm có bốn điều: (i) đối với người bệnh: cung cấp thuốc men, chăm sóc vỗ về; (ii) đối với người tàn tật: dẫn dắt người mù lòa, chỉ dẫn người câm điếc; (iii) đối với người què quặt: hoặc dùng thân công vác, hoặc dùng xe chuyên chở, đưa họ đến nơi đến chốn; (iv) đối với người đi đường mệt nhọc: cung cấp thức ăn chỗ ở, chăm sóc cho họ đỡ mỏi mệt.

(b) đối với sự khổ về tâm, gồm có ba điều: (i) khổ về *cái chướng*, nghĩa là đối với người bị ngũ cái trói buộc,¹⁰ phải đem lời dạy của bậc thánh chỉ bày, làm cho họ hiểu rõ; (ii) khổ không gián đoạn, nghĩa là đối với những người bị *bát tâm tư* trói buộc, phải nên thuyết pháp đối trị, làm cho họ thông hiểu; *bát tâm tư* là: (1) tham dục; (2) sân khúể; (3) hại; (4) bà con họ hàng; (5) cõi nước; (6) sự

bất tử; (7) bị người khác khinh miệt; (8) tộc tính tương ứng. Tộc tính tương ứng, tức là những người có tài sản, dòng dõi, thế lực, buông thả trong sự hưởng thú dục lạc, lại còn tự cho là hào kiệt tôn quý; (iii) đối với những người khổ vì: (1) bị người khác khinh miệt, hoặc (2) thấy người khác trội hơn, thì phải cho họ biết sự khổ não của những sự hơn thua trên thế gian, đồng thời giảng cho họ hiểu rõ nghĩa lý vô ngã của pháp xuất thế gian.

G2. Làm lợi ích cho người mê muội nghĩa lý.

Đối với những hữu tình đang bị khổ não vì những việc ác mà họ đã gây tạo, thì nên giảng nói chính pháp, giúp cho họ quày đầu, ngừng những việc ác. Giảng nói chính pháp như thế nào? Tức là đem tám loại chính pháp đầy đủ bốn công đức ra để giải đáp ba loại nghi vấn của hạng người mê muội.

(a) Đối với người do không biết mà hỏi, thì nên nói pháp “tương ứng giúp đỡ”, nghĩa là dùng nghĩa lý hòa hợp không điên đảo mà giải đáp.

(b) Đối với người biết nhưng cố ý hỏi lời trái nghịch, thì nên nói pháp “tùy thuận rõ ràng”, nghĩa là dùng nghĩa lý tùy thuận, trước sau không mâu thuẫn mà giải đáp.

(c) Đối với người không biết nhưng lại hỏi lời trái nghịch, thì phải dùng phương pháp “hữu dụng tương xứng”, sau đó lại nói pháp “tùy thuận”, “thường ủy phần tư lương” mà giải đáp. (i) “Hữu dụng tương xứng”, nghĩa là dùng phương tiện làm cho đối phương tỏ ngộ. (ii) “Tùy thuận”, nghĩa là tùy thuận những công đức mà thế

gian đã lập ra. (iii) “Thường ủy phần tư lương”, nghĩa là dựa vào tư lương của thánh đạo ¹¹ mà giải đáp.

Ngài Luận sư Đức Quang nói: “Thế gian gọi là thường ủy, tức là vì muốn phòng hộ tâm mình, phải nên thường thường siêng năng giữ gìn, lúc nào cũng cẩn thận, chế phục các phiền não.” Điều này giống như lời giải thích của ngài Tối Thắng Tử. Hai lối giải đáp sau, (ii) và (iii), ngài Đức Quang cho rằng: “Do *giải tăng thượng* mà giải đáp”, còn ngài Tối Thắng Tử cho rằng: “Do *chứng tăng thượng* mà giải đáp.”

Lại nữa, ở đây tuy nói ba loại nghi vấn, nhưng lại rõ ràng liên hệ đến bốn loại nghi vấn. “Tương xứng”, nghĩa là trước sau không trái nghịch; “tùy thuận”, nghĩa là tùy thuận chân lý; “hữu dụng”, nghĩa là tùy sức mà điều phục; “thường ủy” (còn gọi là ứng thuận), nghĩa là tùy thuận tịnh hạnh. Ví như năm loại âm thanh: thâm thúy, ngọt ngào, vừa ý, hiền từ, đáng ưa, theo như thứ tự gọi là mạnh mẽ, êm tai, vui sướng, rõ ràng, làm cho tất cả vui lòng. Ngài Đức Quang nói: “Như vậy, mỗi hai câu, câu sau hàm nhiếp ý nghĩa của câu trước. Đối với mọi nghi vấn, dùng bốn công đức để giải đáp”. Trong luận Du Già cũng nói: “Hoặc là dùng phương tiện thiện xảo để tuyên thuyết”, nghĩa là đối với những hữu tình thô ác phạm giới, nương vào tám câu, chỉ dẫn đúng như pháp, làm cho họ ngừng những việc ác, đối với chúng sanh bồn sển, nói pháp bố thí mà điều phục họ, nhấn đến nói pháp cho những chúng sanh sân hận kiên cố làm cho họ xả bỏ tâm sân hận, đây gọi là phương tiện thiện xảo; đối với chúng sanh đang cầu tài sản của cải, chỉ cho họ phương pháp, dùng ít sức lực, mà có thể được nhiều tài sản, giữ gìn không bị mất mát; đối với những người ghét bỏ Thánh giáo của chư Phật, hiển thị thần thông, làm cho họ sanh khởi lòng tin thanh tịnh,

qui hướng Phật giáo; đối với chúng sanh đã vào trong Phật pháp, phải làm cho họ đoạn trừ kiến chấp, chứng được kiến giải thanh tịnh, thoát khỏi các nẻo ác.

G3. Làm lợi ích cho những người ơn.

Khi gặp người ơn, nên bày tỏ sự cung kính, mở lời chào hỏi, tươi cười tiếp đón, kéo ghế mời ngồi, cúng dường vật dụng, châu báu, hoặc bằng hoặc hơn (phần mà mình đã thọ nhận từ người ơn). Trong hiện đời khi báo đáp ơn nghĩa, không dùng những vật xấu kém. Đối với công việc của người ơn, tuy họ không nhờ đến, mình còn phải giúp đỡ họ, hưởng hồ khi họ có việc cần. Như thế, hẳn đến dùng thần thông dẫn dắt họ vào đạo, cùng làm tất cả những sự lợi ích.

G4. Cứu hộ những sự xâm hại, sợ sệt.

a/ Sự xâm hại có hai loại: (1) Sự xâm hại của loài bàng sanh, nghĩa là ở nơi hoang dã thì bị sư tử, cọp, beo xâm hại, ở dưới nước thì bị các loài thủy tộc xâm hại, đây gọi là sự xâm hại của loài bàng sanh. (2) Sự xâm hại của loài người, nghĩa là hoặc bị nhà cầm quyền xâm hại, hoặc bị trộm cướp xâm hại, hoặc bị kẻ oán địch xâm hại, hoặc bị kẻ quyền thế xâm hại, đây gọi là bốn sự xâm hại của loài người.

b/ Sự sợ sệt gồm có: (1) Sự không đầy đủ ba thứ đáng ưa: tài sản, hạnh lành, tài ăn nói; (2) hoặc sợ chết, (3) hoặc sợ tiếng xấu, (4) hoặc sợ uy đức của đại chúng, (5) hoặc sợ phi nhân; phi nhân có hai loại: (a) yêu tinh, (b) thân chết bị điều khiển bởi chú thuật. Những sự sợ hãi như vậy, đều phải nên cứu hộ.

G5. Làm cho những người đang ưu sầu khổ não được khai tâm mở ý.

Điều này có hai: (1) ưu khổ vì xa lìa thân thuộc, (2) ưu khổ vì mất mát của cải.

1/ Ưu khổ vì xa lìa thân thuộc có năm loại: (a) mất cha mẹ; (b) mất vợ con; (c) mất tôi tớ, bộ hạ; (d) mất bạn bè cùng những người thân thuộc trong ngoài; (e) mất thầy dạy và bạn đồng tu.

2/ Ưu khổ vì mất của cải có hai loại: (a) cùng nhân khổ của thế gian, (b) không cùng nhân khổ của thế gian.

(a) Cùng nhân khổ, nghĩa là, hoặc bị nhà cầm quyền, trộm cướp xâm đoạt, hoặc bị lửa cháy, hoặc bị nước cuốn trôi.

(b) Không cùng nhân khổ, có hai loại: (i) không giữ gìn tài sản đúng pháp, (ii) do người khác mà bị mất mát.

(i) không giữ gìn đúng pháp, có hai trường hợp: (1) giữ gìn tài sản không đúng pháp, nghĩa là bị người khác lừa gạt; (2) vận chuyển, cất chứa không đúng pháp, nghĩa là sự nghiệp vô cơ bị tổn thất.

(ii) do người khác mà bị mất mát, có hai trường hợp: (1) người oán địch cưỡng đoạt một cách phi lý, có chỗ nói: “do kẻ thân thuộc hung ác phi lý cưỡng đoạt”; (2) do con cái trong nhà hoang phí, có chỗ nói: “do con cái hư phung phí”.

Do những lý do mất mát tài sản, thân thuộc như trên, sinh khởi những sự sầu khổ phẩm hạ, trung, thượng, lúc đó phải nên nói pháp vô thường cho họ hiểu rõ. Sự sầu não có phẩm thượng, trung, hạ, nghĩa là: mất cha mẹ là phẩm thượng; mất tôi tớ là phẩm trung, còn mất tài sản là phẩm hạ. Phải biết đây là chỗ mà chúng sanh yêu mến, hoặc chỗ mà họ cần thiết.

G6. Làm lợi ích cho người thiếu thốn.

Có sáu trường hợp: (1) đối với người khổ vì đói khát, nếu họ xin thức ăn uống, cho họ thức ăn uống; (2) đối với người mệt nhọc, cho họ xe cộ; (3) đối với người hổ thẹn, nếu họ xin quần áo cho họ quần áo, nếu họ cần trang sức, cho họ đồ trang sức, bởi vì họ thiếu quần áo và đồ trang sức nên sanh lòng hổ thẹn; (4) đối với người khổ vì thiếu đồ vật, nếu họ xin đồ vật thì cho họ đồ vật; (5) đối với người khổ vì thân thể hôi hám, nếu họ đến xin hương, hoa, phấn thơm, thì cho họ hương hoa, phấn thơm; (6) đối với người thiếu chỗ nghỉ ngơi, hoặc cần đèn đuốc, người đến xin chỗ nghỉ ngơi, cho họ chỗ nghỉ ngơi, người tu hành siêng năng, đến xin đèn đuốc, thì cho họ đèn đuốc.

G7. Làm lợi ích cho người đến cầu nương tựa. Có hai trường hợp:

(1) Ưa muốn nhiếp thọ đệ tử: không phải vì cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, cung kính, mà chỉ vì lòng thương xót mà làm lợi ích, dùng tâm không tạp nhiễm mà cho họ nương tựa.

(2) Phương cách nhiếp thọ đệ tử, có hai trường hợp: (a) tài nhiếp, (b) pháp nhiếp.

(a) Tài nhiếp, có hai trường hợp: (i) cầu xin vật dụng từ người khác để cung cấp cho đệ tử: vì muốn nhiếp thọ đệ tử, phải nên từ các cư sĩ cầu xin y phục, thực phẩm, ngọc cụ, thuốc men, v.v..., cung cấp cho họ; (ii) đem đồ vật của mình cho đệ tử dùng chung, nghĩa là đem y phục, thực phẩm, v.v..., mà mình đã được cúng dường đúng như pháp ra để cho mọi người cùng hưởng dụng.

(b) Pháp nhiếp, cũng có hai trường hợp:

(i) Dạy dỗ, có tám trường hợp. Nói tóm lược thì có ba trường hợp.

(1) đối với những người chưa định tâm, có năm phương pháp chỉ bảo làm cho họ buộc tâm vào, nghĩa là đối với các phiền não như tham, sân, si, mạn và nghi, phải bảo họ tu tập ngũ đình tâm quán (quán bất tịnh, quán từ bi, quán duyên khởi, quán giới sai biệt và quán số tức) để đối trị;

(2) đối với người đã định tâm, có một phương pháp dạy bảo làm cho họ được lợi ích, nghĩa là chỉ dẫn họ tu tập pháp quán trung đạo, xa lìa sự chấp đoạn, chấp thường;

(3) đối với người mà việc tu hành chưa được hoàn tất cứu cánh, có hai phương pháp chỉ bảo làm cho họ lìa bỏ những chướng ngại trong việc tu hành, nghĩa là xa lìa hai sự tăng thượng mạn: (a) chưa tu lại tự cho là đã tu; (b) chưa chứng quả lại tự cho là đã chứng quả.

Phải biết ba điều trên bao quát tám trường hợp dạy dỗ.

(ii) Răn nhắc, có năm trường hợp: (a) ngăn chặn làm việc ác; (b) khuyến khích làm việc lành; (c) nếu tạm thời vi phạm, phải nên như pháp can gián chỉ bảo; (d) nếu như thường thường vi phạm giới luật, tiếp tục làm ác, thì phải nên như pháp điều phục; (e) đối với người tuân thủ giới luật, thì nên hoan hỷ khen ngợi.

G8. Tùy tâm chúng sinh mà làm lợi ích. Có hai phần:

(1) Nói sơ lược: Lúc Bồ tát tùy thuận tâm tính của chúng sinh để làm lợi ích, trước hết phải hiểu rõ, hoặc *tâm tính*, hoặc *thể tính*, hoặc *căn tính* của chúng sinh đó. Sau khi hiểu rõ, nếu có thể ở chung thì sẽ ở chung, nếu có thể cộng tác thì sẽ cùng họ cộng tác. *Tâm tính*, tức là những tâm như thiện, ác, sân hận, tử bi, v.v..., *căn tính*, tức là sự tin ưa, còn *thể tính*, tức là phiền não. Phải nên quán xét kỹ càng căn cơ của họ, trước khi tùy thuận làm lợi ích,.

(2) Nói chi tiết: Lúc Bồ tát tùy thuận chúng sinh, phải nên chú ý đến những việc tổn hại hoặc lợi ích cho đối phương. Nếu như Bồ tát muốn tùy thuận theo tâm chúng sinh, phải nên quán sát lời nói cử chỉ của mình, có làm cho chúng sinh phát sinh sầu khổ hay không. Nếu như sự sầu khổ đó không thể làm cho họ xa lìa pháp ác, quay về nẻo lành, thì Bồ tát lúc đó sẽ cố gắng không làm cho chúng sinh đó sầu khổ; còn nếu như sự sầu khổ đó có thể làm cho họ xa lìa pháp ác, quay về nẻo lành, thì Bồ tát lúc đó không nên tùy theo ý họ, mà phải dùng tâm thương xót, tìm đủ phương tiện, làm cho họ sầu khổ, mục đích giúp cho họ được sự lợi ích cứu cánh.

Tất cả phương tiện vừa nêu ra, không ngoài mục đích tránh cho chúng sinh sầu khổ. Nếu có chúng sinh nhân đây sinh khởi

phiền não, Bồ tát phải tạm xả bỏ phương tiện này. Như phần trên đã nói qua.

Giả như Bồ tát dùng những phương tiện, không phải vì tùy thuận chúng sinh, mà do sự tự chuyên, biểu hiện thân khẩu, làm cho bọn họ sầu khổ, nếu như những phương tiện đó, (1) hoặc không ở trong học xứ của Bồ tát, (2) hoặc không phải là tư lương cho phúc đức hoặc trí tuệ, (3) hoặc không thể làm cho họ xa lìa pháp ác, an trụ trong pháp lành, lúc đó Bồ tát vì muốn hộ trì tâm của họ, thì phải nên lập tức đình chỉ, không được dùng những phương tiện này. Còn nếu như tương phản với ba điều trên, thì Bồ tát nên dùng tâm thương xót, nỗ lực tinh tiến, sử dụng những phương tiện vừa đề cập để làm lợi ích cho họ. Như phần trên đã giảng qua.

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, nếu biết chúng sinh đó *tâm nhiều phần hận, ôm ấp sự giận dữ không chịu xả bỏ*, lúc đó Bồ tát còn không khen ngợi họ, huống chi là quở trách, và hơn nữa, cũng chẳng nên khuyên can họ.

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, thấy có người ngu si, không hiểu đạo lý, thì dù người đó không đến thăm viếng hỏi han, Bồ tát còn phải tự mình tìm đến thăm viếng hỏi han họ, huống là người ấy tìm đến thăm viếng hỏi han mà Bồ tát lại không chịu thù đáp?

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, lúc khuyên nhắc hoặc quở trách, không bao giờ cố ý xúc phạm làm cho họ phiền não, mà phải dùng tâm từ bi, bên ngoài hiện vẻ an hòa mà khuyên nhắc hoặc quở trách.

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, vì sợ họ sinh khởi nhân duyên khinh miệt mình sau này, không bao giờ ở giữa đám đông mà cười nhạo khinh khi làm cho họ phải hổ thẹn; hơn nữa, vì sợ họ sống không an ổn, không nên làm cho họ sầu não. Tuy có năng lực thắng được đối phương, nhưng không bao giờ phô bày sự thua kém của họ, vì sợ họ sinh khởi mặc cảm tự ti. Tuy họ có lòng tin sâu xa, tỏ ra khiêm hạ, Bồ tát không bao giờ hiện tướng tự cao hách dịch, vì sợ làm cho họ sinh tâm khiếp nhục.

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, tuy cũng tới lui với họ, nhưng không nên quá thân mật, không nên thường tới lui, vì sợ họ bị gián đoạn công việc, sinh tâm nhàm chán. Hơn nữa, không nên tới lui sai thời, mà phải nên biết giờ giấc. Ba sự việc trên, các chú sở khác không có giải thích.

Lại nữa, Bồ tát tùy thuận tâm chúng sinh, không bao giờ ở trước mặt họ, hủy báng người mà họ yêu thích, hoặc khen ngợi người mà họ không ưa thích, vì sợ họ không được vui lòng.

Nếu như không phải thâm giao, không bao giờ thổ lộ tâm sự của mình, vì sợ tâm tình không hợp.

Không nên hy vọng người khác cúng dường mình. Biết vừa đủ mà thọ nhận, vì sợ họ sinh tâm chán ghét, chê cười, giận hờn, bất kính, không còn bố thí với lòng tin tha thiết như xưa, hoặc giả, họ lại còn khởi tâm muốn đòi lại vật đã cúng.

Nếu như tín chủ mời đến thọ trai, Bồ tát không bao giờ thoái thác, vì sợ họ phật lòng, phải nên an hòa từ tốn, dùng những

lý do chính đáng mà thoái từ, chẳng hạn như phải đọc tụng, tu thiền, trì giới, v.v..., làm cho thí chủ tâm tình hoan hỷ.

G9. Làm lợi ích cho người tu chánh hạnh.

Đối với những người tu hành, đầy đủ tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, v.v..., phải nên xưng dương tán thán công đức của họ, chẳng hạn, đối với người tu hạnh trì giới, bố thí đầy đủ, thì ca ngợi hạnh trì giới, bố thí là nhân của sự tôn quý, trong tương lai họ sẽ được thân tướng trang nghiêm, của cải tràn đầy; đối với người tu hạnh trí tuệ, thì ca ngợi họ đã trồng nhân cho sự giải thoát; đối với người tu hạnh đa văn, thì tán thán họ đã trồng nhân trí tuệ; đối với người tu tập tín tâm, thì ca ngợi họ đã trồng được nhân cho sự tôn quý (trì giới, bố thí) và giải thoát (đa văn, trí tuệ).

G10. Làm lợi ích cho những người phạm tội.

Đối với chúng sinh phạm tội, hoặc nhẹ, hoặc vừa, hoặc nặng, phải dùng tâm không tổn não, không sân hận, theo đúng như pháp mà quả trách. Việc trị phạt cũng tương tự như trường hợp quả trách.

Nếu như chúng sinh phạm tội, hoặc nặng, hoặc vừa, hoặc nhẹ, lúc ấy Bồ tát dùng tâm thương xót răn dạy họ và những người khác. Dùng lòng từ bi, phương tiện trục xuất người phạm tội, hoặc một tháng, hai tháng, cho đến nhiều năm, sau đó mới thu nhận lại.

Nếu như chúng sinh phạm tội nặng, lúc đó Bồ tát vì thương xót người đó, không muốn cho họ tổn hoại thêm nhiều phước báo, lại vì muốn răn dạy những người khác, bèn phải trục xuất họ vĩnh

viễn, không thấu nhận lại. Ở đây, *tổn hoại nhiều phúc báo*, là sự hưởng dụng của tín thí một cách không xứng đáng, hoặc ngang nhiên thọ nhận sự lễ lạy của những bạn đồng tu; *lỗi lầm*, là đối với những việc đúng lý nên làm mà không làm; còn *vi phạm*, là đối với những việc không nên làm mà lại làm. Điều này giống như ngài luận sư Đức Quang đã nói.

G11. Dùng thần lực làm lợi ích.

Vì muốn làm lợi ích chúng sinh, dùng thần lực điều phục họ. Có hai trường hợp.

1/ Dùng thần lực khủng bố họ: Hóa hiện cho họ thấy những địa ngục nóng, lạnh, v.v..., sau đó nói với họ: “Ông sống trên đời đã từng gây tạo nhiều điều ác, nay phải chịu những quả báo như vậy”, làm cho họ khiếp sợ, không còn dám làm điều ác nữa. Lại có một loại chúng sinh không có lòng tin, Bồ tát đã ở trước đại chúng tùy việc tra hỏi, nhưng đối phương lại ngoan cố, cự tuyệt không chịu trả lời. Lúc ấy Bồ tát bèn hiện Chấn kim cương thần, hoặc biến ra quỷ dạ xoa to lớn dữ tợn khủng bố đối phương, làm cho họ vì lý do này mà sinh khởi lòng tin tưởng kính trọng, trả lời những câu hỏi một cách chính đáng. Những người chung quanh cũng nhờ đó mà được điều phục. Ngài Tối Thắng Tử nói: “Điều này muốn nói rằng đối phương muốn làm tổn hoại thanh danh của Bồ tát ở trước đại chúng, thành thử mới tỏ thái độ ngoan cố, cự tuyệt không trả lời. Vì muốn đối phương phải trả lời chính đáng những câu hỏi của mình nên lúc đó Bồ tát mới phải hiện thần lực làm cho họ sợ hãi.”

2/ Dùng thần lực để dẫn dắt họ: Hoặc một thân hoá ra nhiều thân, nhiều thân nhập thành một thân, hoặc đi xuyên qua núi, vách

đá, v.v..., tới lui không chướng ngại, nhẫn đến biến thành thân trời Phạm thiên một cách tự tại, thân trên phụt lửa, thân dưới phun nước.

Hiện các loại thần biến khác biệt, hoặc nhập Hỏa giới định, v.v..., dùng phương tiện dẫn dắt nhiếp thọ, làm cho chúng sinh khởi lòng vui mừng, làm cho những người chưa tin, những người phạm giới, những người đốt nát, những người bồn sển, những người tà kiến, đều được đầy đủ tín, giới, xả, tuệ, v.v...

Như vậy, mười một hành tướng của giới nhiều ích hữu tình, các số giải khác giải thích có phần không đồng. Chỉ có quyển Giới Thập Nhị Tung Nan Thích là giải thích giống như phần trên, nghĩa là ba loại trợ giúp đều cùng một tướng. Điều này rất khế hợp với luận Du Già. Ngài Tối Thắng Tử nói: “Những điều làm cho tăng trưởng phước đức của chính mình thì gọi là Thiện pháp giới, còn những điều dẫn phát ý nguyện làm lợi ích cho chúng sinh thì gọi là Nhiều ích hữu tình giới”. Ý muốn nói, tuy chưa chân thực làm lợi ích, nhưng tâm đã khởi ước nguyện làm điều này thì được gọi là Nhiều ích hữu tình giới. Thế nhưng, luận Du Già chỉ đề cập đến những điều Nhiều ích hữu tình giới chân thực lợi ích cho chúng sinh. Nếu như chưa thực sự lợi ích cho người khác, thì chưa được gọi là đầy đủ Nhiều ích hữu tình giới. Tuy chưa đầy đủ, nhưng cũng không sai, giống như đang lúc chúng ta tán loạn hoặc hôn trầm, tuy không có tâm phòng hộ, nhưng cũng không thể gọi là phạm giới luật nghi.

Phát Bồ Đề Tâm Nghi Quỹ nói: “Lúc mới phát tâm, dùng Luật nghi giới làm căn bản, gọi là *nguyện hành*; lúc giải ngộ hành trì, dùng Thiện pháp giới làm căn bản, gọi là *tĩnh lự hành*; lúc Đăng Địa, dùng Nhiều ích hữu tình giới làm căn bản, gọi là *hoan hỷ*

hành”. Tuy có ba loại căn bản giới hành trước sau như vậy, thế nhưng, từ lúc vừa thọ giới xong, những người chưa có thần thông, tuy chưa thể chân thực làm lợi ích cho chúng sinh, vẫn phải siêng năng tu tập Nhiêu ích hữu tình giới. Do đó, ngài Thượng sư Vô Trước đã phân biệt cảnh giới của sự nhiều ích hữu tình mà tuyên thuyết giới tướng của Nhiêu ích hữu tình giới một cách rõ ràng thiết yếu. Chúng ta phải nên hiểu rõ, phải nên nương tựa vào đó mà tu học hạnh nhiều ích hữu tình. Đây gọi là Bồ tát thành tựu tất cả các loại Nhiêu ích hữu tình giới.

E4. Thâu góp ý nghĩa chánh yếu.

Như Bồ Tát Địa nói, ba tạng giới của Bồ tát, Luật nghi giới, Thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới, bao quát vô lượng tịnh giới học xứ, cũng gọi là vô lượng đại công đức tạng. Phần Bồ Tát Địa trong Quyết Trạch Phần của Du Già Sư Địa Luận, đem ba tạng giới này, gom thành ba tụ tỳ nại da (ba tụ giới).

Về phần Luật nghi giới, phải nên y theo giới biệt giải thoát cùng những điều đã được nói trong các bộ quảng luật mà tu học.

Về phần Nhiếp thiện pháp giới, phải nên siêng năng tu tập quán sát sáu tâm.

Như Nhiếp Trạch Phần nói: “Nên biết Bồ tát tỳ nại da, khái lược có ba tụ. Thứ nhất là Luật nghi giới tỳ nại da, tức là giới tướng tỳ nại da mà Đức Bạc Già Phạm đã chế định để độ hóa hàng Thanh văn.

Còn Nhiếp thiện pháp giới là gì? Tức là các vị Bồ tát trong lúc siêng năng tu tập Nhiếp thiện pháp giới, cần phải khéo léo quán sát sáu tâm. Sáu tâm đó là gì? Một là tâm khinh miệt, hai là tâm biếng nhác, ba là tâm bị che chướng, bốn là tâm mệt mỏi, năm là tâm mang bệnh, sáu là tâm có ma chướng.

Nếu như Bồ tát có tâm coi thường, tâm *không thắng giải*¹², cùng tâm lãng miệt, thì gọi là có tâm khinh miệt. Nếu tâm lười biếng, mê đắm, phóng dật, thì gọi là tâm biếng nhác. Nếu như tâm bị một hay nhiều phiền não trói buộc, che chướng, thì gọi là tâm bị che chướng. Nếu như vì gắng sức nỗ lực tinh tiến mà thân tâm bị mệt mỏi, bần thần, thì gọi là tâm mệt mỏi vì gắng sức. Nếu như có bệnh làm tổn hại đến tâm, làm cho không còn sức lực tu hành, thì gọi là tâm mang bệnh. Nếu như tâm có những ma chướng như ham thích đàm luận thị phi, v.v..., thì gọi là tâm có ma chướng.”

Nếu như sinh khởi sáu loại tâm như vậy, tùy hành giả nhẫn thọ hay không nhẫn thọ mà gọi là có tội hoặc không có tội. Luận Du Già Sư Địa lại nói: “Bồ tát phải nên quán sát kỹ lưỡng sáu loại tâm này, xem bọn chúng có đang hiện tiền hay không. Đối với ba loại tâm đầu, Bồ tát nhất quyết không nên sinh khởi. Giả như đã sinh khởi, không nên nhẫn thọ (nghĩa là phải tìm cách trừ diệt ngay), nếu như nhẫn thọ không chịu xả bỏ, thì tất cả (hành động) đều là có tội. Nếu như tâm mệt mỏi sinh khởi, nó có thể làm cho hành giả xả bỏ những phương tiện khéo, thế nhưng, nếu chỉ tạm thời nghỉ ngơi cho thân tâm đỡ mệt mỏi, để tương lai tu tập nhiều thiện pháp hơn, thì việc này (nghỉ ngơi, không phải là biếng nhác) không có tội.

Nếu như xả bỏ tất cả, cho rằng mình cần gì phải tu tập những pháp thiện này để phải chịu khổ, nếu nghĩ như vậy, thì sẽ có tội. Lúc tâm mang bệnh hiện tiền, Bồ tát không được tự tại, không thể tu pháp thiện theo ý mình, tuy phải (bất đắc dĩ) nhẫn thọ, nhưng không có tội. Nếu như tâm ma chướng hiện tiền, nếu như không bị đọa lạc, hoặc thấy việc làm đó có được nghĩa lợi lớn, tuy có nhẫn thọ, vẫn không có tội. Còn như nếu bị đọa lạc, hoặc thấy việc làm không có hoặc ít có nghĩa lợi mà vẫn nhẫn thọ, thì sẽ có tội.

Đối với sáu tâm trên, nếu ba tâm đầu sinh khởi mà vẫn nhẫn thọ, thì đều là có tội. Nếu tâm có bệnh, tuy phải nhẫn thọ, hoàn toàn vô tội. Hai tâm còn lại, nếu sinh khởi mà vẫn nhẫn thọ, thì hoặc là có tội, hoặc là vô tội.

Trong lúc thực hành giới Nhiêu ích hữu tình, phải nên quán sát sáu việc. Nhiếp Quyết Trạch Phần nói: “Nếu chư Bồ tát, trong lúc siêng năng tu tập thực hành giới lợi ích hữu tình, phải nên chân chánh quán sát sáu việc, nghĩa là: mình, người, tài suy, tài thịnh, pháp suy, pháp thịnh, đây gọi là sáu việc.”

Tài suy, nghĩa là y phục, thực phẩm, v.v..., chưa được thì không được, còn đã được thì bị gián đoạn, hư hoại. Nếu tương phản với những tướng trạng vừa nói thì gọi là tài thịnh.

Pháp suy, nghĩa là không nghe những điều chưa được nghe, chẳng hạn như những pháp thắng nghĩa, hoặc Đức Như Lai giảng nói những pháp vi diệu, đây gọi là sự nghe pháp bị chướng ngại; những điều trước kia chưa tư duy nghĩa lý, thì không còn cơ hội tư duy, giả sử có nghe pháp hoặc tư duy chẳng nữa, chẳng bao lâu lại quên mất, đây gọi là sự tư duy nghĩa lý bị chướng ngại; đối với

pháp lành đã tu mà chưa chứng đắc thì không chứng đắc, hoặc giả có chứng đắc chẳng nữa, cũng bị thoái thất, đây gọi là sự tu tập bị chướng ngại. Nếu tương phản với những tướng trạng trên thì gọi là pháp thành.

Trong đây, mình, người, tức là chỗ nương của tài, pháp, thành, suy.

Lại quán sát tướng trạng tiến, thoái của sáu việc, hoặc là có tội, hoặc là vô tội.

Như trong Luận có nói: “Trong đây, Bồ tát làm cho pháp của mình suy để cho tài của người khác thành, đây là điều không nên làm. Tương tự, làm cho pháp mình suy để pháp người khác thành, cũng là điều không nên làm.

Ý nghĩa ở đây muốn nói, những trường hợp, hoặc nhiếp vào “việt sở học”,¹³ hoặc nhiếp vào “tùy thuận việt sở học”, hoặc nhiếp vào “thoái thất pháp đã chứng đắc”, nên biết đây đều là pháp suy.

Lại nữa, chư Bồ tát làm cho tài mình suy để cho tài người khác thành, nếu như điều này không làm cho pháp mình suy, thì đây là điều nên làm; nếu như đưa đến pháp mình suy, thì điều này không nên làm. Trường hợp làm cho pháp người khác thành cũng tương tự như vậy.

Lại nữa, chư Bồ tát làm cho tài mình thành để cho tài người khác thành, đây là điều nên làm. Trường hợp làm cho pháp người khác thành cũng tương tự như vậy.

Lại nữa, chư Bồ tát làm cho pháp mình thanh để tài người khác thanh, đây là điều nên làm. Làm cho pháp mình thanh để pháp người khác thanh cũng tương tự như vậy.

Đối với những việc như vậy, nếu như không tu tập, gọi là có tội. Nếu như chân chánh tu tập, thì gọi là vô tội.

Như vậy, đối với ba tụ tịnh giới (tiết lược tỳ nại da) mà chư Bồ tát thọ trì, Bồ tát phải nên chú ý, tư duy tu học.”

Như vậy, Bồ tát đối với hữu tình, muốn thực hành pháp lợi, hoặc tài lợi, nếu như tự mình hủy hoại học xứ (Bồ tát giới) mà mình đã thọ, hoặc tuy chưa hủy hoại nhưng sắp sửa hủy hoại, hoặc đã hủy hoại nay thọ lại, hoặc vừa mới thọ lần đầu, do những lý do này mà không thể thực hiện được lợi ích cho người khác, trong những trường hợp này thì vô tội.

Nếu như việc lợi ích cho người khác, tuy làm cho tài của mình suy nhưng pháp không suy, nếu như không làm, thì gọi là có tội. Nếu như đưa đến pháp của mình suy, thì không nên làm.

Nếu như làm cho tài, pháp của mình thanh, mà không làm cho người khác thành tựu hai điều này (tài thanh, pháp thanh), thì gọi là có tội.

Lại nữa, việc làm lợi người, hoặc có khi có tội, hoặc có khi vô tội. Như Nhiếp Quyết Trạch Phần nói: “Nếu chư Bồ tát, đối với các hữu tình có ơn của mình, tùy thuận lòng mang ơn, tiếp tục phát khởi ý thích thân thiện, dùng tâm nhiễm ô (thiên vị), tìm phương

cách nhiếp thọ, mong làm bè đảng vây cánh, nên biết đây là có tội; hoặc đối với các hữu tình có oán với mình, tùy thuận lòng ác cảm, tiếp tục phát khởi tư tưởng oán thù, có tâm xấu xa, nên biết đây là có tội; hoặc đối với các hữu tình không ơn không oán, tiếp tục phát khởi ý tưởng lạnh nhạt, xả bỏ, nên biết đây là có tội. Giả sử hiện tiền có người muốn xuất gia, phải nên tùy thuận quán sát người đó, nếu như vì thời gian chưa thích hợp, hoàn cảnh chưa thích hợp, không độ cho họ xuất gia, thì không có tội. Còn nếu như có lòng thương xót đối phương, tùy độ cho họ xuất gia, cũng không có tội. Tương tự với trường hợp độ xuất gia, các trường hợp truyền thọ giới cụ túc, nhận làm y chỉ, thân làm đệ tử, cũng giống như vậy. Do những hành tướng vừa đề cập ở trên, nên biết ba loại giới của Bồ tát đều được viên mãn.”

Sau khi chánh thức thọ Bồ tát luật nghi, đối với ba tụ tịnh giới này, đều phải cung kính giữ gìn. Thế nhưng đối với giới luật nghi căn bản, chung với giới biệt giải thoát của bảy chúng, lại càng phải nên siêng năng học tập. Nhiếp Quyết Trạch Phần lại có nói: “Ba tụ tịnh giới, đều do giới luật nghi nhiếp trì, làm cho chúng hòa hợp. Nếu như có thể tinh tiến giữ gìn giới luật nghi, thì cũng là tinh tiến giữ gìn hai loại giới kia. Nếu đối với giới luật nghi không thể giữ gìn, thì cũng không thể giữ gìn hai loại giới kia. Do đây biết rằng nếu hủy phạm giới luật nghi, thì gọi là hủy phạm tất cả giới luật của Bồ tát.”

Hỏi: Như vậy, sau khi chánh thức thọ Bồ tát giới rồi, trong ba loại giới này, nên thọ trì một loại, hay là thọ trì cả ba?

Trả lời: Giới luật Bồ tát chỉ có một loại, không phải như giới biệt giải thoát có nhiều loại. Nếu như thọ trì, đối với các điều giới

phải học, không thể chỉ thọ trì một phần, mà phải thọ trì tất cả. Nhiếp Quyết Trạch Phần nói: “Nếu như trong ba tụ Bồ tát giới đã thọ, khiếm khuyết (nghĩa là không hành trì) bất cứ tụ nào, nên biết Bồ tát đó không giữ giới luật. Phải nói là người đó không giữ gìn Bồ tát giới luật, không thể nói là giữ gìn.”

Hỏi: Nếu vậy, ắt như Học Tập Luân nói: “Cho nên, phải tùy theo khả năng của mình, đối với một pháp lành, cũng nên chánh thức thọ trì thủ hộ”. Kinh Thánh Địa Tang nói: “Mười pháp lành như vậy, có thể đưa đến quả Phật. *Nếu như có người, cả suốt cuộc đời, không thể tu tập một pháp lành, mà lại tự xưng là hành giả Đại thừa chân thực, đang cầu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nên biết đó là người vô cùng dối trá, nói đại vọng ngữ, đối trước mười phương chư Phật mà dám lừa dối thế gian, nói lời đoan diệt. Đó là người ngu si, đến lúc chết đi, sẽ bị đọa vào các đường ác.*” Do đây mà biết, nếu như trong khoảng thời gian ngắn, tu tập các pháp lành, cũng được gọi là an trụ trong pháp lành. Ý nghĩa này cũng thấy Được Sư Lưu Ly Quang Vương Kinh nói đến. Như vậy, đối với giới luật, giữ gìn một phần, có thể gọi là giới Bồ tát không?

Trả lời: Ở đây không có nghĩa là người học tập Bồ tát giới phải nên làm như vậy.

Đây là vì có những người phát tâm nguyện, nhưng không thể thọ trì toàn bộ Bồ tát giới, vì muốn bọn họ từ từ tu tập, tùy theo năng lực của họ, mà cho họ học tập một phần của Bồ tát giới; hoặc trong khoảng thời gian ngắn, hộ trì những điều giới đang học tập. Đối với giới luật Bồ tát, tùy theo năng lực có thể giữ giới mà thọ ít nhiều. Nếu như hoàn toàn không thọ, tức là lừa dối chư Phật Bồ tát cùng các hàng trời người. Trong luận Du Già, vì muốn nêu rõ

những lỗi lầm như vậy, nên đã dẫn chứng kinh trên, lại nói thêm rằng: “Nếu những hữu tình phát tâm rộng lớn, nghe nói như thế, dùng trí tuệ quán sát, biết rằng Bồ tát hạnh là khó thực hành nhất, bèn phát tâm dũng mãnh, gánh vác việc lớn, cứu hộ chúng sinh, dứt trừ gốc rễ của sự khổ.” Đây là do nghe được những điều lỗi lầm của sự không bảo hộ học xứ đã thọ, biết rằng Bồ tát hạnh là khó thực hành nhất, *giả như đối với học xứ có thể gánh vác không sợ hãi, thì mới có thể tu trì tịnh giới của Bồ tát.*

Nếu như nghe lỗi lầm của sự không hộ trì giới luật, biết Bồ tát hạnh là điều khó thực hành nhất, nhưng đối với học xứ không thể hoàn toàn gánh vác, thì nên phát nguyện tuần tự mà tu học Bồ tát hạnh. *Nếu như tâm lực rộng lớn, phải nên thọ trì toàn bộ Bồ tát giới.* Nên biết đây là ý nghĩa chân thực của kinh Dược Sư. Những nghĩa như vậy, nếu đọc kỹ bộ kinh đó sẽ biết.

D2. Lãnh thọ giới pháp. Có hai phần:

E1. Thông nghĩa.

Bồ tát Long Thọ tuy chỉ tạo Phát Tâm Nghi Quỹ, chưa tạo Thọ Giới Nghi Quỹ riêng biệt, thế nhưng trong Phát Tâm Nghi Quỹ có nói:

“Con phát tối thắng Bồ đề tâm,
Rộng nhiếp tất cả chư hữu tình,
Ưu hành tối thắng Bồ đề hạnh,
Vì lợi hữu tình, nguyện thành Phật.

Tụng ba lần như vậy, phát Bồ đề tâm.”

Lại nói: “*Con nay sẽ thực hành pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, dâng trì thiền định, quán giải trí tuệ, thiện xảo phương tiện, dù thực hành một pháp nào, đều là vì lợi lạc tất cả hữu tình, cầu chứng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Nguyên theo chân các vị Bồ tát thù thắng đã lên bậc Thập địa, đầy đủ tâm Đại bi, trụ trong Đại thừa đạo trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, mà siêng năng tu hành. Xin nguyện với các ngài, con nay sẽ làm Bồ tát, ngưỡng mong các ngài chứng minh hứa khả cho con được làm Bồ tát.*”

Lại nữa, trong Học Tập Luân và Nhập Bồ Tát Hành Luân nói: “*Như vậy, thế nguyện học Bồ tát hạnh, tùy thuận tất cả các hạnh của Bồ tát. Phát tâm, có nghĩa là thọ giới.*”

Lược Du Già cũng nói: “*Tất cả Bồ tát trong ba đời, thế nguyện học ba tụ giới, có nghĩa là thọ học Bồ tát tịnh giới*”.

Ngài Bồ Đề Hiền và ngài Vô Úy Sinh dung hợp nghĩa lý của hai ngài Long Thọ và Vô Trước mà tạo thành quyển Thọ Giới Nghi Quỹ. Đạo Cự Luân Sơ cho rằng ngài Atisa khi viết quyển Phát Tâm Thọ Giới Nghi Quỹ, cũng đã y cứ vào nghĩa lý của các ngài Long Thọ, Vô Trước, Tịch Thiên, v.v...

Đại khái, hai loại nghi quỹ của hai ngài Long Thọ và Vô Trước, tuy có ít phần sai khác, nhưng trên phương diện đắc được giới pháp, ý nghĩa không có gì sai biệt. Nếu do vì hai lý thú Trung quán và Du già,¹⁴ khác nhau, mà cho rằng các phương diện: (1) người truyền giới, (2) nghi quỹ thọ giới và (3) căn bản tội, cũng chia thành hai loại Trung quán và Du già khác nhau, thì đây là lời nói hoàn toàn không có suy nghĩ!

Ngài Bồ tát Vô Trước, tuy nói thọ giới, cần phải phát khởi nguyện tâm, thế nhưng, ngoài quyển Thọ Giới Nghi Quỹ ra, ngài chưa trước tác Phát Tâm Nghi Quỹ. Trong các bộ luận của ngài Từ Thị và Thế Thân, cũng không thấy đề cập đến.

Thắng Oán Luận Sư lập ra hai loại theo thứ tự là Nguyện hạnh và Thọ giới. Ngài Atisa cũng viết riêng Phát Tâm Nghi Quỹ và Thọ Giới Nghi Quỹ. Trong Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luân Sở và Nhập Bồ Tát Hạnh Luân Sở của ngài Hắc Hành, cũng lập riêng Nguyện Hạnh Nghi Quỹ.

Nếu cho rằng Hạnh Nghi Quỹ không đồng với Giới Nghi Quỹ, thì điều này không đúng. Nên dùng Phát Nguyện Nghi Quỹ trước, sau khi lập nguyện kiên cố, kế đến mới dùng phép tắc của Giới Nghi Quỹ mà truyền giới. Đây gọi là phương tiện khéo léo của chư vị thiện tri thức đời trước, mục đích để làm kiên cố tịnh giới.

Hỏi: Nếu vậy, Quảng Thích Bồ Đề Tâm Luân nói: “Thế tục Bồ đề tâm, nghĩa là khởi tâm thương xót, thế nguyện hiện tại cứu độ tất cả hữu tình. Nguyện sẽ thành Phật, làm lợi ích rộng lớn cho hữu tình. Đây gọi là tướng trạng của sự phát tâm đầu tiên mong cầu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Như vậy, cũng giống như Giới Phẩm đã nói về pháp Nghi Quỹ: *Phải nên ở trước một vị Bồ tát khéo trì giới mà phát nguyện.*” Nghĩa này là thế nào?

Trả lời: Thế nguyện tu học tất cả học xứ của chư vị Bồ tát ba đời. Đối với những việc như vậy, tự thế phát tâm, đây là đầy đủ

pháp nghi quỹ phát nguyện tâm và hành tâm, chứ không phải chỉ nói đến nghi quỹ phát tâm mà thôi.

E2. Bốn nghĩa. Có hai phần:

F1. Pháp có thầy truyền giới. Có ba phần:

G1. Nghi thức thọ giới. Có năm phần:

H1. Khải thỉnh. Có hai phần:

I1. Biện minh nhân vật. Có hai phần:

J1. Biện minh người thọ giới.

Người thọ giới làm thế nào để được thọ tịnh giới? Các vị Bồ tát, hoặc tại gia, hoặc xuất gia nào khởi tâm ham thích siêng năng học tập ba tu giới tạng mà Bồ tát cần phải học tập như đã nói ở phần trên, trước tiên phải nên phát hồng thệ nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nghĩa là y theo lời dạy bảo của bậc Thượng sư mà phát nguyện tâm. Nếu như chỉ muốn thọ giới Bồ tát mà không muốn tu học học xứ Bồ tát, hoặc giả ham thích học tập nhưng lại không khởi nguyện tâm, thì không nên truyền thọ giới Bồ tát cho họ. Hơn nữa, vì muốn làm y chỉ cho người thọ tịnh giới Bồ tát, trước hết phải nói cho họ nghe Bồ tát học xứ cùng hành tướng của sự phạm giới trong Bồ tát pháp tạng ma đất lý ca, bảo họ phải tự thẩm xét những điều vừa được nghe, xem có thể thọ trì được hay không? Họ phải nên tự dùng trí tuệ quán sát, suy ngẫm về việc thọ giới Bồ tát. Đây không phải là điều tự họ không muốn mà chỉ vì do người khác khuyên bảo, hơn nữa, cũng không phải vì muốn hơn người khác mà thọ giới. Nếu được như vậy, nên biết người đó là Bồ tát kiên cố, có thể thọ trì Bồ tát tịnh giới. Nên dùng pháp thọ giới mà chánh thức truyền giới cho họ.

Điều này khác với Tỳ nại da (giới pháp của Thanh văn), nghĩa là trong giới pháp Bồ tát, trước khi truyền thọ tịnh giới Bồ tát, vị thầy truyền giới bảo người sắp thọ giới *phải khéo nghe, biết đúng và hiểu rõ giới pháp*, để cho họ đối với những điều sẽ học, có thể *khéo léo giữ gìn, tín tâm kiên cố*, sau đó mới truyền giới cho họ.

Nếu có thể thành tựu tâm ham thích thì mới có thể sinh khởi tịnh giới, còn như nếu chưa thành tựu thì không thể sinh khởi. Như Nhiếp Quyết Trạch Phần nói: “Nếu như có người vì muốn cho người khác biết (mình thọ giới), hoặc vì tùy thuận theo người khác, hoặc do người khác khuyến nủ, hướng dẫn mà thọ giới Bồ tát, chứ không phải: (1) hoặc tự chính họ sinh khởi tâm ưa thích, (2) hoặc do sự quán sát của chính họ mà sinh tịnh tín, (3) hoặc do họ khởi tâm thương xót đối với hữu tình, (4) hoặc do họ ưa thích pháp lành mà thọ giới, phải nên nói rằng đây không phải là sự giữ gìn giới pháp chân thực, cũng không phải là sự tu tập thiện pháp viên mãn, và cũng không thể chứng đắc được quả vị thù thắng. Nếu như tương phản với những điều vừa nói trên, nên biết đó gọi là sự giữ gìn giới pháp chân thực, cũng gọi là sự tu tập pháp lành viên mãn, và có thể chứng đắc được quả vị thù thắng.”

J2. Biện minh người truyền giới.

Có thể từ những vị thầy truyền giới nào cầu xin thọ giới? Nên thẩm xét tìm cầu những vị đồng pháp Bồ tát đã phát đại nguyện, nghĩa là đã phát nguyện thọ trì giới Bồ tát, đối với Đại thừa đã có đầy đủ trí lực, ràng rỗi nghi thức truyền giới, đồng thời có thể giải đáp nghi vấn. Người cầu thọ giới có thể từ những vị thầy truyền giới như vậy mà cầu xin thọ giới.

Không thể từ những vị thầy truyền giới nào cầu xin thọ giới? Các hành giả cầu thọ Bồ tát không nên từ những vị chỉ có kiến thức thông minh mà cầu thọ giới, e rằng họ sẽ làm tổn hoại sự ưa thích và sự hành trì của mình.

Tổn hoại sự ưa thích, nghĩa là: (1) không có lòng tin thanh tịnh đối với giới pháp đã thọ, vì từ đầu đã không tin hiểu, đây là sự tổn hoại bậc thượng; (2) không thể khế nhập, đây là sự tổn hoại bậc trung; (3) không thể khéo tư duy, hoặc không tinh tiến, đây là sự tổn hoại bậc hạ.

Tổn hoại sự hành trì, nghĩa là có thể tổn hoại sự hành trì pháp lục độ: (1) Do sức mạnh tăng thượng của lòng tham, như tham luyến thân mệnh, tài sản mà sinh khởi bồn sển, đây gọi là sự che chướng của lòng tham lam bồn sển. Đối với vật chưa được sinh lòng tham mãnh liệt, đối với vật đã được không cảm thấy thỏa mãn. Tất cả những sự việc trên gọi là chướng ngại bố thí. (2) Do phạm tội tha thắng,¹⁵ nên gọi là hủy phạm tịnh giới; do ác hạnh hiện hành, lại phạm thêm giới khác. Đối với học xứ, không có tâm cung kính, đối với giới luật nghi lại sinh tâm giải đãi. (3) Nếu gặp nghịch cảnh, không thể nhẫn thọ, có ý tưởng bị xúc phạm nên sinh lòng giận dữ. Nếu bị người khác làm tổn hại, thường cảm thấy bị xúc phạm mà sinh lòng oán hận; không nhẫn nại đối với người làm bốn điều lỗi lầm, vi phạm bốn pháp của sa môn.¹⁶ (4) Không thích pháp lành, sinh tâm biếng nhác, tùy thuận ác nghiệp mà sinh lười biếng, nghĩa là thường ham ưa ngủ nghỉ cả ngày lẫn đêm, thích dựa, thích nằm, thích tụ họp bè bạn, luống uổng ngày tháng, thích đàm luận chuyện vu vơ. (5) Tâm không khéo an trụ trong xa ma tha, tỳ bát xá na, v.v..., mà thường tán loạn, nhãn đến trong một khoảng thời gian ngắn cũng không thể để tâm an định để tu tập. (6) Ác tuệ, có hai

loại: (a) hiện hành ác tuệ, nghĩa là không thể tự mình hiểu biết, căn tính hôn muội, tuy được chỉ bảo, nhưng cũng không thể lĩnh hội, đây là loại ngu si, hoặc đối với hạnh nguyện rộng lớn, tự sinh khiếp nhược, không thể nhẫn thọ; hoặc tính tình ngu muội, tâm tính cực kỳ hạ liệt; (b) ác tuệ khởi nhân, nghĩa là phỉ báng tạng Tố đất lấm (kinh tạng) của Bồ tát, cho rằng có sự sai lầm.

Đối với những hạng người như vậy, không thể từ bỏ họ mà cầu thọ giới Bồ tát.

Có số giải nói: “Đối với những lỗi lầm vừa nêu trên, nếu như người nào đầy đủ phần lớn, thì không thể từ họ cầu thọ giới, thế nhưng, không có nghĩa là đối với người chỉ có ít phần lỗi lầm mà không thể từ họ cầu thọ giới”. Điều này có nghĩa, nếu như họ không có những lỗi lầm nghiêm trọng, mà chỉ có một vài khuyết điểm, thì cũng có thể từ họ cầu thọ giới.

I2. Biện minh pháp thọ giới. Có hai phần:

J1. Biện minh pháp của người thọ giới.

Như phần trước đã nói Bồ tát cầu thọ giới, trước tiên phải đánh lễ vị thầy truyền giới. Bởi vì nếu không cung kính, ắt không thể sinh khởi Bồ tát giới. Lại như, hai ngài Thắng Oán, Vô Úy Sinh đều nói: “Trước tiên, nên cúng dường mạn đà la,¹⁷ kế đó tác bạch như sau: *Con nay từ nơi Ngài, mong cầu được thọ tất cả Bồ tát giới. Duy nguyện Ngài không nề lao nhọc, thương xót hứa khả.*” Nếu không cầu thọ, giới Bồ tát sẽ không sinh khởi!

Các ngài Thắng Oán, Bồ Đề Hiền, Atisa, Vô Úy Sinh đều nói: “Phải nên tác bạch ba lần như vậy.” Hai ngài Vô Úy Sinh,

Thắng Oán cũng nói: “Lúc đó nên quỳ gối chấp tay.” Lại như phần sau có nói đến các uy nghi, tùy ý chọn lựa đều được cả.

J2. Biện minh pháp của người truyền giới.

Vị Bồ tát truyền giới, đối với Bồ tát cầu thọ tịnh giới, nên tuyên thuyết công đức rộng lớn của Bồ tát tịnh giới; kể đến, lại vì người cầu thọ giới, giảng giải các loại tội tướng khinh, trọng của học xứ, làm cho họ sinh lòng ưa thích, nói như vậy: “*Thiện nam tử lắng nghe, ông nay phát nguyện đối với hữu tình, ai chưa được độ làm cho họ được độ, ai chưa được giải thoát làm cho họ được giải thoát, ai chưa chứng đắc Niết bàn làm cho họ chứng đắc Niết bàn, tiếp nối dòng dõi Phật, làm cho không đoạn tuyệt. Ông có thể làm được như vậy hay không? Ông nay phải nên như vậy, phát kiên cố tâm, lập kiên cố nguyện!*”.

Đây là vì thấy người thọ giới chưa hiểu rõ ý nghĩa thọ giới, muốn cho họ đối với sự thọ giới sinh khởi lòng ưa thích, phát tâm gánh vác những điều phải học, ý nguyện kiên cố, cho nên mới nói lời như vậy.

Công đức của sự hộ trì giới luật sẽ được nói đến ở phần sau.

Lại như, Học Tập Luân nói: “Tịch Tĩnh Quyết Định Thân Biến Kinh nói: *Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi! Nếu Bồ tát ở nơi hàng hà sa số chư Phật, ở trước mỗi vị Phật, cúng dường Đại tự tại ma ni bảo vương đầy khắp hàng hà sa số cõi Phật. Cúng dường như vậy trải qua số kiếp như hàng hà sa. Mạn Thù Thất Lợi! Lại có Bồ tát khác, sau khi nghe được Bồ tát luật nghi, bèn tự suy ngẫm rằng ta phải tu học chánh pháp như vậy. Vị Bồ tát ưa thích tu học (Bồ tát*

luật nghi) đó, mặc dù chưa tu học, đã được rất nhiều phước báo, vượt hơn phước đức của vị Bồ tát trước dùng Đại tự tại ma ni bảo vương cúng dường chư Phật. Nếu như Bồ tát nào thấy được công đức như vậy, thì không nên thoái chuyển. Kinh này lại nói: *Mạn Thù Thất Lợi!* Giả sử tất cả hữu tình nhiều như số vi trần trong một cõi tam thiên đại thiên thế giới, mỗi một hữu tình đều làm vua cõi Diêm phù đề. Các vị vua đó ra lệnh như sau: “Nếu có Bồ tát nào thọ trì đọc tụng, theo lời dạy mà tu hành các kinh điển Đại thừa, mỗi ngày chúng ta sẽ dùng móng tay nhọn cắt năm lạng thịt, làm cho Bồ tát đó đau đớn mà chết.” *Mạn Thù Thất Lợi!* Vị Bồ tát (ưa thích tu học Bồ tát luật nghi) đó, tuy nghe những lời hăm dọa như vậy, không kinh không sợ, không khủng hoảng, nhẫn đến không khởi một niệm lo lắng, không khiếp không lui, cũng không do dự, an nhiên thọ trì chánh pháp càng thêm tinh tiến. *Mạn Thù Thất Lợi!* Vị Bồ tát đó trì, tụng, giải, hành, vì tâm dũng mãnh, nên sự bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, tất cả tam ma địa đều dũng mãnh. *Mạn Thù Thất Lợi!* Bồ tát đối với những người đến làm hại, cũng không sinh tâm phẫn nộ, oán ghét hay giận dữ. *Mạn Thù Thất Lợi!* Vị Bồ tát đó, ngay như Đế Thích, Phạm vương cũng không lay động nổi.”

Nếu như hiện đời cung kính thọ trì những điều đã học, thì có thể hoạch được quả báo thù thắng. Nguyệt Đăng Tam Muôi Kinh nói:

Nếu trong số kiếp như hằng sa,
Nơi Phật, ngàn ức na do tha,
Chí tâm cúng dường phan, bảo cái,
Lại cúng thức ăn và đèn, hoa,
Chẳng bằng ở vào đời mạt pháp,

Thánh giáo Như Lai sắp bị diệt,
Thọ trì sở học trong một ngày,
Phước báo thù thắng hơn trần sa.

Bởi thế phải nên thọ trì sở học. Như vậy, vị Bồ tát truyền thọ tịnh giới, phải nên đối với vị Bồ tát cầu học giới giảng dạy tường tận những điều mà Luận đã nói.

Nói về các tội khinh trọng của học xứ, nghĩa là nói tường tận về: (1) các tội căn bản tức là tội trọng, (2) các sự vi phạm khác gọi là tội khinh, (3) những sự tai hại của việc không gìn giữ sở học.

Như Học Tập Luận nói: “Chánh Pháp Niêm Xứ Kinh nói: *“Nếu như trước đó, trong một khoảnh khắc, khởi tâm bố thí, sau đó lại không bố thí, sẽ bị đọa ngã quỷ; còn nếu trước đó đã hứa bố thí, sau lại không bố thí, sẽ bị đọa địa ngục.”* Huống chi đã hứa bố thí Vô thượng Bồ đề cho tất cả hữu tình mà lại không chịu tu tập!”

Pháp Tập Kinh nói: “Thiện nam tử! Bồ tát nên khéo tu tập thực đế. Vì sao? Thiện nam tử! Thực đế tức là chánh pháp. Thiện nam tử! Vì sao gọi là thực đế? Nếu Bồ tát phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nhẫn đến thà mất thân mạng, quyết không xả bỏ tâm này. Vì không xả bỏ chúng sinh, cho nên gọi là Bồ tát thực đế. *Nếu như Bồ tát đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, sau đó lại xả bỏ tâm này, cùng xả bỏ chúng sinh, Bồ tát đó là kẻ đại vọng ngữ, thực đáng bị quả trách, ruồng bỏ.”*

Thánh Hải Ý Kinh nói: “Này Hải Ý! Ví như trên thế gian có một vị vua, hay một vị đại thần, triệu tập tất cả dân chúng trong nước, hứa hẹn khoản đãi một bữa cơm ngon để mọi người được no

đủ, thế nhưng lại không chuẩn bị các thức ăn uống, lừa dối tất cả nhân dân trong nước. Những người dân đó không được ăn uống, bèn tản mác khắp nơi đi tìm thức ăn, trong lòng giận dữ căm hận, oán trách rồi trở về nhà. Nay Hải Ý! Bồ tát cũng tương tự như thế, nguyện vì tất cả hữu tình, người chưa được độ làm cho được độ, người chưa được giải thoát làm cho giải thoát, người chưa được an ổn làm cho an ổn, người chưa được Niết bàn làm cho được Niết bàn, thế nhưng vị Bồ tát đó, tuy có nguyện như vậy, nhưng lại không siêng năng tu tập đa văn, cũng không tích tập pháp lành, Bồ đề phần pháp, đây gọi là không thể thực hành những điều đã hứa. Vị Bồ tát đó là kẻ lừa dối các hàng trời, người. Các vị trời khi xưa gần gũi Đức Như Lai, thấy thế bèn quở trách, ruồng bỏ. Nếu như trước đã hứa bố thí, sau đó lại có thể thực hành điều đã hứa, vị thí chủ như vậy rất là hiếm có. Nay Hải Ý! Cho nên phải biết rằng Bồ tát không nên chỉ dùng lời nói, lừa dối tất cả hàng trời người trên thế gian.”

Đối với học xứ, trước đó phát nguyện hộ trì, sau lại không chịu phòng hộ, do những sự tệ hại như vậy, sẽ bị đọa vào ác đạo. Nói lời dối gạt, coi thường lừa bịp chư Phật Bồ tát và hàng trời người, người ấy cũng bị chư thiên quở trách.

Do vì thấy được những công đức của sự trì giới và những tệ hại của sự vi phạm, vị Bồ tát đó mới có thể không xả bỏ chỗ phát tâm, kiên cố thế nguyện, thọ trì tịnh giới.

Điều này, trong bộ luận của ngài Atisa, chưa nói đến công đức của tịnh giới và các tội khinh trọng. Chỉ ở sau câu “Thiện nam tử lắng nghe ... lại phải nên lập nguyện kiên cố”, thêm vào các câu hỏi: *Không phải vì muốn hơn người khác phải không? Không phải*

do tự ông muốn mà do người khác khuyến khích phải không? Đối với tạng Tố đất lành (kinh), tạng Ma đất lý ca (luận) của Bồ tát, đã nghe qua chưa? Hiểu chưa? Tin chưa? Có thể thọ trì ít phần hay không? Đối với các câu hỏi này, mỗi câu đều phải theo đúng nghi thức mà trả lời.

Câu trên: *Chưa được độ làm cho được độ*, như ngài Hữu Hiền Luận sư nói: “Đối với Thanh văn, Duyên giác, chưa thể đoạn trừ sở tri chướng, làm cho họ đoạn trừ; đối với các trời Đế Thích, Phạm thiên, chưa thể giải thoát khỏi tham, si, làm cho họ giải thoát; đối với các chúng sinh đang thọ khổ trong địa ngục, chưa thể thoát ly, làm cho họ thoát ly; đối với các loại hữu tình, chưa thể chứng đắc vô trụ Niết bàn, làm cho họ chứng đắc.”

H2. Đây đủ tư lương.

Muốn cầu Biệt giải thoát giới, cần phải cung kính thừa sự tăng chúng, thì mới được thọ học Biệt giải thoát giới.

Còn Bồ tát giới này, vì là tối thù thắng, phải nên trước tiên cúng dường rộng lớn chư Phật Bồ tát, kế đến mới có thể được Bồ tát tịnh giới. Cho nên các vị Bồ tát cầu thọ tịnh giới, phải nên lộ vai phải, ở trước tượng Phật, cầu thỉnh mười phương ba đời chư Phật Thế Tôn, cùng các vị Bồ tát đẳng địa đã được đại trí tuệ, đầy đủ đại thần lực, làm đối tượng cúng dường.

Hiện tiền, chuyên tâm quán niệm công đức của tịnh giới. Những công đức này không đồng với Thanh văn. Sự phát khởi của tâm tối thượng đệ nhất ưa thích tịnh giới tùy thuộc vào lực tinh tiến ở hiện tại, cùng lực nhân duyên đời quá khứ mà sinh khởi tâm ân

trọng, hoặc do lực của nhân duyên này mà sinh khởi tịnh tâm, cung kính cúng dường.

Trước tiên, cần phải quét dọn tẩy rửa sạch sẽ đàn tràng thọ giới, chưng bày thật trang nghiêm. Chính giữa an trí tượng Phật, hai bên an trí các tượng Bồ tát. Hành giả tự quán tưởng mười phương chư Phật, Bồ tát, như đang ở trước mặt, chuyên tâm tưởng niệm công đức của các ngài, khởi phát lòng tin cao độ. Lại phải ngưỡng thỉnh Thượng sư (truyền giới sư) ngồi tòa sư tử, y theo lời dạy trong Nghi Quỹ, quán tưởng ngài như Đức Như Lai, dâng lên các món cúng dường thượng diệu: hoa, đèn, hương đốt, hương xoa, v.v..., kế đến, ở trước Tam bảo và Thượng sư, phân biệt lễ bái, tán thán, cung hiến mạn đà la. Thượng sư cũng dùng phương tiện khéo léo, chỉ dẫn các đệ tử cách thức cúng dường.

H3. Cung thỉnh nhanh chóng truyền giới.

Kế đó quỳ xuống đất, cất lời thỉnh cầu như sau: “Duy nguyện thương xót, truyền cho đệ tử Bồ tát tịnh giới luật nghi”. Nếu như Thượng sư là người tại gia, nên xưng vị đó là “Thiện nam tử”, nếu là người xuất gia trẻ tuổi có đức hạnh, nên xưng vị đó là “Đại đức”, còn nếu là bậc xuất gia tuổi cao có đức hạnh, nên xưng là “Trưởng lão”. Ngài Atisa nói: “Phải nên thỉnh cầu thêm: *Xin nguyện nhanh chóng truyền thọ giới pháp*, như vậy ba lần.”

Ngài Đức Quang cho rằng: “Đã nói có ba loại: Thiện nam tử, Đại đức, Trưởng lão, *ắt không cần phải từ người xuất gia cầu thọ tịnh giới, mà cũng không phải chỉ từ người tuổi cao, trưởng lão mà cầu thọ tịnh giới*”.

Ngài Cát Tường Trí nói:

Tỳ kheo cầu thọ giới,
Trong hai thừa Hiển, Mật,
Phải từ tỳ kheo thọ,
Không nên từ người khác.

Nghĩa là các tỳ kheo cầu thọ hai loại giới thù thắng (Biệt giải thoát giới và Tam tụ tịnh giới), phải nên từ các tỳ kheo mà cầu thọ giới, không được từ các vị tại gia cầu thọ. Thế nhưng, ở đây cũng không có nghĩa là nếu từ người khác (không phải tỳ kheo) thọ giới, thì không sinh khởi Bồ tát tịnh giới.¹⁸

H4. Sinh khởi niềm vui thù thắng.

Phải nên chuyên tâm tưởng niệm một cảnh, trưởng dưỡng tịnh tâm, tự nghĩ rằng: “*Không bao lâu, ta sẽ được vô tận vô lượng vô thượng đại công đức tạng.*” Sau khi suy ngẫm nghĩa lý như vậy, bèn đứng yên chấp tay im lặng.

H5. Hỏi theo thứ tự.

Lúc đó vị Bồ tát có trí lực, dùng tâm không loạn, hoặc ngồi hoặc đứng, hướng về người thọ giới, hỏi lời như thế này: “*Này (tên người thọ giới), thiện nam tử lắng nghe (hoặc: pháp đệ lắng nghe), ông có phải là Bồ tát không?*”¹⁹ Người thọ giới nên trả lời: “*Là Bồ tát.*” Hỏi tiếp: “*Phát Bồ đề tâm chưa?*” Nên trả lời: “*Đã phát.*” Hai câu hỏi này có ý muốn chứng biết người thọ giới có chủng tính làm Bồ tát. Hơn nữa, làm cho tâm phát nguyện của họ càng thêm kiên cố.

Thượng sư Atisa nói: “Trước tiên hỏi theo thứ tự, sau đó sinh khởi lòng vui mừng, kế đó hỏi tiếp: Ông có muốn ở nơi tôi thọ tất cả Bồ tát học xứ, thọ tất cả Bồ tát tịnh giới không? Người thọ nên trả lời: *Nguyện thọ*. Sau khi trả lời như vậy xong, mới truyền giới cho họ.”

G2. Nghi quỹ chánh hành.

Trước tiên nên khai thị văn nghĩa của nghi quỹ, nói lời như sau: “*Này (tên người thọ giới), thiện nam tử lắng nghe! Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả Bồ tát tương lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ tát hiện tại ở mười phương đang đầy đủ. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ tát quá khứ đã học, tất cả Bồ tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ tát hiện tại ở mười phương đang học. Tất cả học xứ, tất cả tịnh giới, nghĩa là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới, ông có thể thọ trì hay không?*” Trả lời: “*Có thể thọ trì.*” Như vậy ba lần hỏi, ba lần trả lời: “*Có thể thọ trì.*”

Học xứ, tức là những điều mà Bồ tát cần phải tu học, còn *tịnh giới*, tức là tự tính của học xứ của Bồ tát.

Phần trên là khai thị những học xứ cộng học và hành tướng của học xứ của Bồ tát ba đời. Nói tổng quát là ba tụ tịnh giới. Như vậy Bồ tát cần phải chánh thức thọ trì.

G3. Nghi quỹ chung hành. Có bốn phần:

H1. Khái bạch thỉnh cầu chứng minh.

Vị Bồ tát truyền giới (Truyền giới sư), ở trước hình tượng Phật, đối với mười phương hiện tại chư Phật và chư Bồ tát, cung kính cúng dường, cúi đầu đánh lễ, chấp tay bạch rằng: “*Con là Bồ tát (tên người truyền giới). Hiện nay ở trước con, là Bồ tát (tên người thọ giới), nhẫn đến ba lần cầu thọ Bồ tát tịnh giới. Con là Bồ tát (tên người truyền giới), đã vì Bồ tát (tên người thọ giới), mà chứng minh. Duy nguyện chư Phật Bồ tát trong mười phương vô biên vô tế thế giới, bậc chân chánh đệ nhất, hoặc hiện, hoặc không hiện, trong tất cả mọi thời, tất cả mọi nơi, tất cả hữu tình hiện đang giác ngộ, xin các ngài chứng minh cho Bồ tát (tên người thọ giới) cầu thọ giới.*” Lần thứ hai, lần thứ ba, cũng nói như vậy.

Lại bảo các đệ tử theo nghi thức mà ngài, phải nên tưởng niệm như sau: “Con nay lễ lạy dưới chân mười phương chư Phật Bồ tát.” Liền hướng về mười phương đánh lễ ba lần, rải hoa cúng dường, đứng dậy chấp tay, trước tiên cầu thỉnh mười phương hiện tại chư Phật Bồ tát hộ niệm cho hành giả, kế đó thỉnh cầu chư Phật Bồ tát chứng minh. Nếu đánh lễ phương trên và phương dưới, thì phải đem tâm hướng về các cõi phương trên và phương dưới, đồng thời đánh lễ về hướng đông và hướng tây.

Nói *không hiện*, có nghĩa là những người truyền giới và thọ giới, còn *hiện*, có nghĩa là tất cả chư Phật Bồ tát.

H2. Tán thán công đức thọ giới.

Như vậy, sau khi yết ma thọ giới hoàn tất, do công năng của pháp yết ma hiện tượng trước chư Phật hiện đang trụ thế, và chư vị đấng địa Bồ tát ở khắp mười phương vô biên vô tế thế giới, khiến

cho ở ngay chỗ ngồi của các ngài, hiện khởi tướng chấn động, chứng tỏ người cầu thọ giới ấy đã được giới thể Bồ tát.

Lúc đó, mười phương chư Phật Bồ tát, đối với vị Bồ tát vừa thọ giới đó, khởi lòng thương tưởng, do sự thương tưởng, chuyển chánh trí kiến, do chánh trí kiến bèn biết được như thật là ở thế giới như vậy có vị Bồ tát như vậy đang ở nơi Bồ tát như vậy chánh thức thọ Bồ tát tịnh giới. Các ngài coi tất cả Bồ tát vừa thọ giới Bồ tát đó như con, như em, sinh tâm thân thiện, nghĩ tưởng thương xót. Nhờ sự tưởng nghĩ thương xót của chư Phật Bồ tát, khiến cho vị Bồ tát đó phát tâm mong cầu pháp lành, đối với các học xứ học tập không gián đoạn, tăng tiến không ngừng, không hề lui sụt, mà được thành tựu.

Bồ tát tịnh giới luật nghi, đối với tất cả tịnh giới luật nghi khác, có bốn sự thù thắng: (1) vô thượng, nghĩa là tối thắng không thể so sánh được, (2) có vô lượng vô biên đại công đức tạng theo bên hành giả, có thể nhiếp thọ vô lượng đại công đức quả báo, (3) giới này do thiện tâm ưa thích đệ nhất tối thượng mà phát khởi, có thể khởi niềm vui tăng thượng, mong làm lợi lạc tất cả hữu tình, (4) có thể phổ biến đối trị tất cả ác hành sinh khởi bởi ba độc tham, sân, si của chúng sinh.

Công đức thọ trì biệt giải thoát tịnh giới luật nghi (giới Thanh văn), so với công đức thọ trì Bồ tát tịnh giới luật nghi, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, số phần không bằng một, toán phần không bằng một, kể phần không bằng một, dù phần không bằng một, ô ba ni sát đàm phần cũng không bằng một.

H3. Cúng dường báo ân.

Lúc đó, vị truyền giới Bồ tát, hướng về chư Phật Bồ tát trong vô biên vô tế thế giới ở khắp mười phương, cúng dường giống như trên, cúi đầu đánh lễ, cung kính mà lui ra.

H4. Không được vội vàng trình bày, khai thị Bồ tát giới.

Các vị Bồ tát, đối với giới văn, nghi quỹ của Bồ tát luật nghi mà mình đã thọ, tuy đã thọ trì rất ráo, nhưng đối với những hữu tình không tin tưởng, oán ghét Bồ tát tạng, nếu chưa kịp tìm hiểu xem đối phương có căn cơ Bồ tát hay không, thì không nên vội vàng nói cho họ biết. Tại sao như vậy? Bởi vì bọn họ nghe xong, không thể tin hiểu, do sự vô tri che mờ tâm trí, bèn sinh hủy báng, cho rằng Bồ tát tạng là bất thiện, là vô nghĩa, là không hợp với đạo lý.

Hơn nữa, giả như có người phỉ báng, miệng nói lời ác, ý chấp tà kiến, tà tưởng, hiện khởi toàn những ý niệm ác đối với một vị Bồ tát đang an trụ trong tịnh giới Bồ tát, thành tựu tạng công đức lớn, thì cho đến ngày nào người phỉ báng kia chưa hoàn toàn xả bỏ những niệm ác đó, họ sẽ vĩnh viễn bị vô lượng nghiệp báo ác lớn theo đuổi, như bóng theo hình.²⁰

Nghi quỹ chung hành này, ngài Atisa thâm nhiếp thành bốn loại. Trong luận Du Già, cũng có ý nghĩa như vậy. Lại nữa, ngài Atisa nói sau phần khải bạch thỉnh chứng minh, là đến phần cúng dường báo ân. Luận Du Già trình bày, cũng nói như vậy.

Hiện nay ở đây, vì để được tiện lợi, nên sắp phần cúng dường báo ân ra phía sau. Bồ Tát Giới Nhi Thập Tụng tóm tắt ý nghĩa như sau:

Chí tâm cung kính lễ, cúng dường,
Tất cả Như Lai và Bồ tát,
Vô lượng tạng phước đức rộng lớn,
Của tất cả Bồ tát giữ giới,
Trong tất cả mười phương ba đời ,
Dùng sự vui thích thắng diệu này,
Từ vị thầy có thắng trí lực,
Đầy đủ giới đức mà thọ giới,
Khi ấy, tất cả Phật Bồ tát,
Thấy người thọ giới tu pháp lành,
Bền thường sinh khởi tâm thân thiện,
Giữ gìn thương mến như con một.

Hai câu đầu chỉ thị nghi quỹ gia hành, sáu câu kế nói về người thọ giới, lòng ưa thích thọ giới và người truyền giới, bốn câu cuối tán thán công đức, chỉ thị nghi quỹ chung hành.

F2. Pháp không có thầy truyền giới.

Nếu như không gặp được vị thầy truyền giới đầy đủ công đức như trên đã nói, lúc đó nên đối trước tượng Phật, tự mình thọ tịnh giới luật nghi. Trật vai áo bên phải, quỳ xuống chắp tay, nói lời như sau: “*Con tên là ... Ngưỡng khải mười phương tất cả chư Phật, chư vị đấng địa Bồ tát. Con nay mong được ở nơi chư Phật Bồ tát ở mười phương thế giới, thệ nguyện thọ trì tất cả Bồ tát tịnh giới, nghĩa là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ tát quá khứ đã học, tất cả Bồ tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ tát hiện tại ở khắp mười phương đang học*”. Nói như vậy ba lần. Nói xong đứng dậy. Còn tất cả các

phần khác đã nói ở phần trên đều cần phải biết, nghĩa là tất cả nghi quỹ khác, cũng giống như pháp có thầy.

Các bộ số giải khác, tuy không nói rõ tất cả những gì cần phải làm hoặc không làm, thế nhưng các phần: (1) hỏi theo thứ tự, (2) khải bạch, (3) thỉnh cầu chứng minh, (4) không nên vội vàng trình bày khai thị giới văn nghi quỹ, v.v..., có thể không cần đến trong pháp không có thầy truyền giới này.

Về vấn đề có thầy, không có thầy, Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luân Sở nói: “Nếu có chướng ngại về tính mạng hoặc tịnh mạng, tuy ở gần vị thầy truyền giới, cũng giống như không có thầy; nếu không có chướng ngại về tính mạng hoặc tịnh mạng, tuy ở cách xa vị thầy truyền giới, cũng nên đến vị ấy mà cầu thọ giới.”

Lại nữa, Tân Sở nói: “Những người đối với điều giới đã thọ trước kia *hoàn xuất hoàn tịnh*,²¹ cùng những người *không có lòng tin thanh tịnh*, không nên y theo pháp không thầy, mà phải y theo pháp có thầy để thọ giới.”

“Người không có lòng tin thanh tịnh”, nghĩa là tuy có thầy truyền giới, nhưng không kính trọng tin tưởng, mà lại muốn tự mình thọ giới Bồ tát, đây là điều phi lý.

“Đối với điều thọ trước kia, *hoàn xuất hoàn tịnh*”, nghĩa là như Cựu Sở nói: “Nếu có thầy truyền giới, thì y vào pháp có thầy mà thọ, còn nếu không có thầy truyền giới, thì y vào pháp không thầy mà thọ giới.” Ý nghĩa này phát xuất từ pháp không có thầy trong Bồ Tát Địa, đây là mật ý của ngài Vô Trước, nghĩa là đối với trường hợp thọ giới hoàn xuất hoàn tịnh, phải y như trong luận đã

nói về trường hợp không gặp được vị thầy truyền giới đầy đủ giới đức.

Đáng tiếc, trong thời đại này, chánh pháp suy vi, đối với giới pháp Đại Tiểu thừa, những người thọ giới, tu học, ái hộ giới pháp, thật là hiếm thấy, giống như sao buổi sáng; mặt khác, người truyền giới có công đức nhiều hơn lỗi lầm, cũng rất là hiếm thấy, huống là đầy đủ tất cả đức hạnh mà kinh luận đề cập đến.

Trong giới biệt giải thoát (Thanh văn) và giới Mật thừa, thì khi thọ giới, phải y vào nghi quỹ, nếu như không có thầy thì trên căn bản không có sự thọ giới. Còn như muốn thọ giới Bồ tát (Đại thừa), nếu chưa gặp được vị thầy truyền giới đầy đủ giới đức, thì có thể tự mình ở trước tượng Phật, y theo các nghi quỹ thanh tịnh mà thọ giới, ắt sẽ sinh khởi giới thể viên mãn, nghĩa là lúc thọ giới, Bồ tát giới pháp khác với Thanh văn và Mật thừa, do đây tất cả các vị Bồ tát đầy đủ trí tuệ, phải nên thọ trì thanh tịnh giới pháp này, dùng sự ưa thích thù thắng mà chân chánh hộ trì. Bởi thế, các hữu tình kham năng thọ giới, phải tùy sức của mình mà siêng năng tu học. Bồ tát Tịch thiên nói:

Con nay được phước lớn,
May mắn được thân người,
Lại sinh trong nhà Phật,
Làm con Đức Như Lai.

(Nhập Bồ Tát Hạnh, Phẩm thứ ba, kệ 25)

Nghĩa là người thọ giới, phải nên tưởng nghĩ như vậy: “Thọ được giới pháp Bồ tát, ắt trong đời này, được nhiều lợi lạc, thân

người có được này, sẽ không luống uổng, có thể nhập vào hàng ngũ Bồ tát.” Ngài Tịch Thiên lại nói:

Từ nay con phải làm,
Xán lạn gia tộc Phật,
Quyết không làm ô nhiễm,
Dòng dõi tôn quý này.

(Nhập Bồ Tát Hạnh, Phẩm thứ ba, kệ 26)

Lại nữa, người thọ giới, phải nên nghĩ như vậy: *“Từ nay trở đi, những điều mình tu tập, quyết không để cho giới pháp này bị nhiễm ô.”*

Đến đây đã giải thích phần thọ giới xong.

D3. Phòng hộ giới pháp. Có hai phần:

E1. Nói tổng quát về phòng hộ giới.

Vị Bồ tát an trụ trong Bồ tát tịnh giới, cần phải khéo léo thẩm xét, hiểu rõ các tướng thủ xả, điều nào Bồ tát phải nên làm, điều nào Bồ tát không nên làm. Sau khi đã thẩm xét, hiểu rõ rồi, bèn theo đó mà siêng năng tu học, để hoàn thành tác nghiệp chân chánh. Lại phải chuyên tâm gắng sức học tập tạng Tố đất lấm (kinh) của Bồ tát, cùng các số giải, tùy theo sự học hỏi mà cố gắng tu tập. Học Tập Luân nói:

Đại thừa Phương quảng dạy,
Bồ tát tịnh luật nghi.

Lại nói:

Không lia thiện tri thức,
Thường thấy, nghe kinh điển.

Phải nên y vào những phương tiện đã nói ở phần trên mà khéo léo phòng hộ giới Bồ tát, lại không nên xả bỏ thiện tri thức cùng các vị Bồ tát tu tập đúng pháp. Đây là phương tiện thù thắng để hộ trì giới luật. Lại phải nên học rộng các kinh điển như Đại Tập, v.v..., hơn nữa, lại phải nên học tập Bồ Tát Địa, Học Tập Luân. Nếu không chịu học tập thọ trì giới phẩm, thì đối với Bồ tát học xứ sẽ trở nên mù mờ, đã vậy, lại đối xứng là hành giả Đại thừa, lừa dối người đời, thì sẽ bị các vị thọ trì kinh điển Đại thừa, khéo léo tìm cầu thắng tuệ giải, ruồng bỏ. Nếu đã ở nơi các vị thiện tri thức lắng nghe Bồ tát giới xong, phải nên tinh tiến tu học những điều đã thọ, đừng để giống như kẻ nghèo, đếm tiền giùm cho người khác. Kinh Pháp Cú nói:

Tuy nói năng khéo léo,
Phóng dật không tu hành,
Như mục đồng đếm trâu,
Không xứng làm sa môn.
Tuy không khéo nói năng,
Vi tu hành đúng pháp,
Xa lìa tham sân si,
Xứng làm bậc sa môn.

Lại như Nhập Bồ Tát Hạnh nói:

Pháp, nên cung kính hành,

Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành? (Phẩm thứ năm, kệ 109)

Hỏi: Nếu vậy, người mới bắt đầu vào Đại thừa, đối với các học xứ trong Tố đất lăm, phải nên học tập bao nhiêu?

Trả lời: Hành giả mới vào Đại thừa, những phần mà Đức Như Lai chính thức cấm đoán, thì không nên học tập; hoặc giả, tuy Đức Như Lai không cấm đoán, nhưng chưa thích hợp với hành giả, thì cũng không nên tu tập liền. Ngoài hai phần này ra, tất cả các học xứ khác của Bồ tát, nếu như không tu tập, nên biết là sẽ có tội. Điều này cũng giống như Học Tập Luận nói: “Phàm các Bồ tát, đối với những phần mà Đức Như Lai chánh thức cấm chỉ, hoặc những phần chưa thích hợp với trình độ hiện thời của họ, thì không nên học tập. Như vậy, Bồ tát Đại thừa sơ cơ, không nên tu học hai phần này, ngoài ra tất cả các pháp môn khác đều phải nên tu học.”

Lại nữa, trừ hai chỗ không nên học tập vừa nói, đối với những học xứ khác, nếu như chưa đủ trình độ thọ trì, cho nên chưa học tập, cũng không có tội.

Lại như, Học Tập Luận nói: “Vì muốn thành tựu một học xứ, đối với học xứ khác, tuy không phòng hộ cũng không có tội. Ví như muốn thực hành bố thí rộng lớn, thì giới luật có thể trì hoãn, còn đối với sự bố thí thì không được trì hoãn. Điều này trong kinh Vô Tân Ý có nói đến.”

Lại như, trong kinh Thập Địa nói: “Đây không có nghĩa là đối với các học xứ khác không cần tu học, mà phải tùy theo năng lực mà nỗ lực tu học.”

Lúc đang chánh thức tu tập học xứ, hoặc có sự vi phạm (có tội), hoặc không có sự vi phạm (không có tội).

(1) Có hay không có sự vi phạm:

a/ Có sự vi phạm: Hoặc giả, muốn làm cho tất cả hữu tình, thân tâm đều được an lạc, xa lìa sự ưu khổ, thế nhưng không chịu dùng tâm chân thực chí thành, ba nghiệp tinh tiến, mà lại khởi tâm lơ là, dù trong một sát na, đây gọi là có tội.

Hoặc giả, lúc đang tinh tiến tu tập, không chịu tích tập trợ phẩm tư lương, không nỗ lực đối trị phiền não, mà lại lơ là giống như trên, cũng gọi là có tội.

Hoặc giả, muốn đối trị sự ưu khổ lớn, mà lại không chịu nhẫn thọ những ưu khổ nhỏ, hoặc giả, muốn thành tựu những nghĩa lợi lớn, mà không dám xả bỏ những nghĩa lợi nhỏ, những sự việc như vậy, dù trong một khoảng sát na, sinh khởi tâm lơ là, cũng gọi là có tội.

b/ Không có sự vi phạm: Hoặc giả, chưa đủ sức lực, chưa thể tu học, hoặc giả, đối với các học xứ không phải là “chế giới”, cũng không phải là chỗ Bồ tát cần phải chánh thức hành trì, nên chưa tu học, thì không có tội. Nếu kẻ nào cưỡng bức người khác tu học các học xứ này, thì kẻ cưỡng bức đó cũng gọi là có tội.

Các tội này, chỉ cần dùng phương pháp sám hối thông thường, không cần dùng tác pháp sám hối, thì tội cũng được tiêu trừ, trở lại thanh tịnh. Nếu có các học xứ có thể học tập, nhưng lại không chịu siêng năng học tập, cũng gọi là có tội. Những loại tội này có thể gọi là tính tội, giống như trường hợp “đã biết mà cố ý vi phạm”.

(2) Thế nào gọi là có tội? Có hai trường hợp: (a) không chuyên tâm suy ngẫm mà vi phạm, nghĩa là không tùy sức lực của mình, suy ngẫm kỹ lưỡng là có hợp lý hay không, mà vội vàng tiến hành, hoặc gặp nghịch cảnh mà đình chỉ, hoặc là bỏ phước. Phải biết đây là có tội. (b) Tuy suy ngẫm nên làm hay không nên làm mà vẫn vi phạm, nghĩa là tuy suy ngẫm kỹ lưỡng việc tiến hành, hoặc đình chỉ, hoặc bỏ phước, có hợp lý hay không, thế nhưng, đối với điều nên làm lại không chịu làm, cũng gọi là có tội. Nếu làm những việc điên đảo, nhấn đến phạm những điều mà hạng người hạ tiện chê bai, cũng gọi là có tội, như phẩm đầu của Học Tập Luân có nói đến.

Về việc vi phạm những điều mà chư Bồ tát nên làm hoặc không nên làm, Bồ Tát Giới Thập Nhi Tung nói sơ lược như sau:

Đối với chính mình và người khác,
Nếu có lợi lạc, phải nên làm,
Khổ, nhưng có lợi, cũng nên làm,
Vui, nhưng không lợi, chớ nên làm.

“Có lợi lạc”, nghĩa là làm cho mình, người không có sự nhiễm ô, cũng không có tội cấu, trong đời vị lai, thọ quả báo an lạc. “Vui (an lạc)”, nghĩa là thọ dụng sự an lạc, nếu mình hoặc người khác, hiện tiền được an lạc, trong tương lai lại được lợi ích, thì đây

là điều nên làm; nếu mình hoặc người khác, hiện tiền bị khổ, trong tương lai lại không có lợi ích, thì đây là điều không nên làm; nếu như hiện tiền tuy thọ khổ, nhưng trong tương lai lại có lợi ích, thì đây cũng là điều nên làm.

Ví như người hiền, quả trách hành động ác và hành vi hạ liệt, ngăn chặn không cho hiện hành, điều này, hiện tiền có vẻ như khổ, nhưng trong tương lai lại có lợi; ví như thuốc hay, vị tuy không ngọt, tạm thời có cảm giác khổ, nhưng lại có lợi ích đối với căn bệnh, hoặc như tà dâm, hiện tại có vẻ như vui sướng, nhưng trong tương lai tăng trưởng nhiều sự khổ, hoặc như cơm có thuốc độc, tuy có vẻ như ngon ngọt, nhưng vì thuốc độc có thể làm hại, cũng phải nên ngăn chặn, đoạt lấy (không cho người khác ăn). Những ý nghĩa rộng rãi như vậy, trong Bồ Tát Địa, các phẩm về lợi mình lợi người đều có giảng nói.

E2. Nói chi tiết về phòng hộ giới. Có sáu phần:

F1. Các tội nên xả. Có hai phần:

a/ Các vị Bồ tát nào sinh khởi tội lỗi? Luận nói: “Lại nữa, nếu như hành giả bị cuồng loạn, hoặc bị sự khổ áp bức nặng nề, hoặc chưa từng thọ Bồ tát tịnh giới luật nghi, nên biết, trong tất cả trường hợp này, giả sử có phạm giới, đều không gọi là vi phạm.” Điều này có nghĩa là Bồ tát nên an trụ trong hai pháp: (1) không xả tịnh giới mà mình đã thọ, (2) vui thích an trụ trong tịnh giới đã thọ.

b/ Tội có mấy loại? Tội có hai loại. Giới Nhi Thân Tụng Sở nói: “Trong Bồ tát giới, tổng quát có hai loại tội: (1) tha thắng, (2) vi phạm, không giống như tỳ kheo giới có năm loại tội.” Tân Sở và

Mâu Ni Hộ Niêm Trang Nghiêm Luân cũng nói chỉ có hai phẩm tội này. Trong luận Du Già, ý nghĩa cũng giống như vậy.

Tây tạng có một vị pháp sư, cùng với quyển Nan Thích của ngài Hắc A xà lê, cho rằng: “Trong Bồ tát giới, những điều cần phải phòng hộ, có ba loại: (1) tội tha thắng, (2) tội thô (thâu lan giá), và (3) tội vi phạm.” Điều này không hợp lý. Như các vị ấy nói, nếu dùng phiền não nhuuyến (nhẹ) trung phẩm phạm tội tha thắng, thì gọi là tội thô. Điều này tương phản với những điều mà Luân Du Già đã nói, vì trong Luân Du Già chỉ nói đến tội tha thắng và tội vi phạm. Lại nữa, dùng phiền não nhuuyến (nhẹ) trung phẩm phạm tội tha thắng, giới tính tuy thuộc về vi phạm, nhưng phẩm loại lại thuộc về tha thắng, nghĩa là nếu phạm tội tha thắng, không luận là tội thô hay tội vi phạm, nhất luật đều phải nên nhiếp vào tội tha thắng.

G1. Các tội tha thắng. Có năm phần:

H1. Tự tính của tội tha thắng.

I1. Thuyết minh của Luận Du Già.

Bồ tát an trụ trong giới luật nghi, có bốn pháp tha thắng xứ. Phân làm hai chi.

J1. Thông chi.

Trong phần phân biệt ba loại phiền não phạm giới ở phần sau sẽ giảng.

J2. Biệt chi. Có bốn phần:

K1. Vì lợi dưỡng cung kính, khen mình chê người:

Giới văn: *Nếu Bô tát, vì tham cầu lợi dưỡng cung kính, tự khen ngợi mình, hủy nhục, chê bai người khác, đây gọi là phạm tội tha thắng thứ nhất.*

Trong đây có ba phần: (1) đối tượng, (2) lời nói ra, (3) vì sao phát khởi lời khen chê.

(1) Đối tượng: đối tượng của pháp tha thắng này, không phải là chính mình, mà là người cùng loại với mình, và hơn nữa, đối phương có thể hiểu ý mình nói. Trong Luận Du Già tuy không có đoạn văn này, nhưng thực có ý nghĩa như vậy.

(2) Lời nói ra: tức là nói công đức của mình và lỗi lầm của đối phương. Đối với mình thì ca ngợi, tự đắc; đối với đức hạnh và sự khả kính của đối phương thì chê bai, hủy báng.

(3) Vì sao phát khởi lời khen chê. Có bốn phần: (a) lợi dưỡng cung kính, (b) lòng tham cầu, (c) sự khác biệt giữa lợi dưỡng và cung kính, (d) thẩm xét lời nói ra có phải vì do tham muốn cung kính và lợi dưỡng hay không.

(a) Lợi dưỡng cung kính: nghĩa là các mối lợi dưỡng như y phục, thực phẩm, phòng ốc, xe cộ, và các sự cung kính như chường dọn chỗ ngồi, sửa soạn giường gối.

(b) Lòng tham cầu: sự tham cầu lợi dưỡng cung kính, không phải vì để cúng dường Tam bảo, hay vì thương xót kẻ hạ liệt, cứu

tế người bần khổ, mà là do bản tính ham muốn, tăng trưởng sự tham lam, nên mong cầu sự cung kính cúng dường.

(c) Sự phân biệt giữa lợi dưỡng và cung kính: mỗi lợi dưỡng mong cầu, là những tài vật không phải của mình đang có; nếu như không tham cầu lợi dưỡng, ắt sẽ không làm công việc khen mình chê người; sự cung kính mong cầu, tức là làm cho tín đồ cung kính tín tưởng mình; đem các lợi dưỡng cho tín đồ của mình cùng hưởng.

(d) Thẩm xét lời nói ra có phải vì do sự tham muốn cung kính và lợi dưỡng hay không: đối với hai sự lợi dưỡng, cung kính, chỉ cần tham một thứ, mà phát khởi sự khen mình chê người, chứ không cần phải tham cả hai mà phát khởi sự khen chê. Khi thốt ra lời khen chê, nếu đối phương hiểu rõ ý mình muốn nói, thì phạm vào giới tha thắng thứ nhất.

Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung Tân Sở nói: “Đối phương là người có công đức, và là đối tượng cung kính của những hữu tình khác.” Trát Mục Tra Sở cũng cùng một ý, cho rằng đối phương là người có công đức. Hư Không Tang Kinh nói có hai tướng, như phần sau sẽ đề cập.

Như Tân Sở nói: “Tham cầu lợi dưỡng cung kính, tức là tham cầu lợi dưỡng y phục, cùng sự cung kính cúng dường các vật quý báu, đối với các việc như vậy sinh khởi lòng tham luyến tăng thượng.” Trát Mục Tra Sở cũng nói: “Lợi dưỡng, tức là y phục, tiền tài, bảo vật, còn cung kính, tức là sự tôn kính hầu hạ, dâng hiến pháp tòa, v.v...”

K2. Bản sển không bố thí tài vật, Phật pháp:

Giới văn: *Nếu Bồ tát, hiện đang có tiền của, thấy người nghèo khổ không nơi nương tựa, đến xin tài vật, nhưng vì bản sển, không sinh lòng thương xót bố thí, hoặc giả, có người đến cầu pháp, do tính bản sển, tuy thông hiểu Phật pháp, nhưng không chịu giảng nói, đây gọi là phạm tội tha thắng thứ hai.*

Trong đây có bốn phần: (1) người đến xin, (2) vật được xin, (3) chỗ xin tài vật, Phật pháp, (4) sự khởi tâm không muốn bố thí.

Người đến xin: Có sở giả cho rằng người đến xin “hoặc là người khổ sở không có tài vật, hoặc là người bản cùng không thức ăn uống, hoặc người bị mất đi người chủ gia đình, không còn ai để nương tựa, hoặc là người không có bạn bè giúp đỡ, không nơi nhờ vả.” Vì thiếu thốn hai món cần thiết (tài vật, Phật pháp), ngoài Bồ tát (người bố thí) ra, không còn ai có thể giúp đỡ, cho nên bọn họ hết lòng đến cầu xin, và hiện đang đứng trước mặt Bồ tát. Trát Mục Tra Sở nói: “Đây là người đến xin đang đứng trước mặt”.

Vật được xin: là những vật không phải là vũ khí, hoặc những món độc hại, hoặc những vật không thích đáng, hoặc vật không còn có thể dùng được, hoặc có thể gây tổn hại.

Chỗ xin tài vật, Phật pháp: Tân Sở nói: “Là người đang có tiền của, hoặc thông hiểu Phật pháp, đây gọi là đang có”.

Sự khởi tâm không muốn bố thí: nghĩa là bị tâm tham lam bản sển che lấp, nhất định không chịu bố thí; như Luân Du Già nói: “Không khởi lòng thương xót, nên không tu tập tài thí, vì tâm bản sển Phật pháp, nên không bố thí Phật pháp.” Tân Sở và Trát Mục

Tra Sớ đều cho rằng do tâm bản sển nên không chịu bố thí tài vật và Phật pháp. Giới Nhi Thập Tung cũng đồng với quan điểm này. Tây tạng có pháp sư nói: “không những tự mình bản sển nhất định không bố thí, mà còn làm cho người xin cảm thấy tuyệt vọng”. Thế nhưng, tham khảo các bộ luận Ấn độ, đều không thấy nói đến điều này, vả lại nghĩa lý cũng không phù hợp.

K3. Đánh đập hữu tình, không xả oán kết:

Giới văn: *Nếu Bồ tát, nuôi dưỡng trong lòng những sự phẫn hận, do nhân duyên này, không những nói ra lời ác, lại còn vì sự giận dữ, bèn dùng tay, chân, ngói, gạch, dao, gậy, đánh đập làm tổn thương, khổ não cho người khác. Do vì ôm trong lòng sự phẫn hận mãnh liệt cho nên đã xâm phạm đối phương; đối phương đến van lơn, cầu xin tha thứ, lại không chấp nhận, không chịu buông xả sự oán hận, đây gọi là phạm tội tha thắng thứ ba.*

Trong đây có hai phần: (1) đánh đập, (2) không chấp nhận sự van lơn cầu xin tha thứ.

1/ Đánh đập: Có hai loại, (a) ưa thích: nếu Bồ tát đối với các hữu tình, do sự phẫn nộ, bèn lên tiếng chửi rửa nhục mạ, không những không chịu xả bỏ mà còn tăng trưởng sự oán hận, do đây, bị sự phẫn hận che mờ tâm trí, (b) gia hành: do không xả bỏ oán hận, đối với hữu tình khác, bèn dùng tay chân, hoặc dùng ngói gạch đập đánh, hoặc dùng vũ khí làm tổn hại, hoặc dùng gậy đánh, dây trói làm tổn hại. Loại hữu tình nào bị làm tổn hại, điều này trong Luân Du Già không nói rõ ràng, nhưng vẫn phải biết rằng, đối phương là đồng loại với mình, là người có tri giác. Thế nào gọi là chửi rửa? Nghĩa là nói lời ác độc và đối phương cảm nhận được. Thế nào là

đánh đập, điều này, Học Tập Luân trong phần phạm căn bốn tội có nói rõ ràng.

2/ Không chấp nhận sự van lơn cầu xin tha thứ: có bốn phần, (a) người đến van lơn cầu xin tha thứ, (b) tướng trạng của sự van xin, (c) phát khởi sự phẫn nộ, (d) không chấp nhận sự van xin.

a/ Như Tân Sở và bộ số giải của ngài Tối Thắng Tử đều nói: “Đối phương (kẻ xúc phạm) hiện nay đến cầu xin tha thứ sự xúc phạm của họ đối với Bồ tát”, nghĩa là đối phương đó đã lỡ xúc phạm, nay đem tâm chí thành đến cầu xin tha thứ.

b/ Tướng trạng của sự van xin: đối phương đúng lúc, đúng như pháp, đến trước mặt Bồ tát mà cầu thỉnh sự nhẫn thọ, tha thứ.

c/ Phát khởi sự phẫn nộ: Bồ tát đối với sự xúc phạm của đối phương, trong tâm ôm ấp một sự oán hận, cảm hờn mãnh liệt.

d/ Không chấp nhận sự van xin tha thứ: Bồ tát không nhẫn thọ, không thêm nghe lời van xin của đối phương, không chịu xả bỏ tâm oán hận.

K4. Phỉ báng Bồ tát tạng, nói pháp tương tự:

Giới văn: *Nếu Bồ tát, phỉ báng pháp tạng của Bồ tát, ham thích diễn nói, khai thị, kiến lập pháp tương tự với Chánh pháp; đối với pháp tương tự này, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc bị người khác xúi dục, đây gọi là phạm tội tha thắng thứ tư.*

Trong đây có hai phần: (1) phản bội Đại thừa, (2) nói pháp tương tự.

1/ Phản bội Đại thừa, lại có hai phần: (a) chỗ bị phản bội, tức là phỉ báng tất cả hai loại pháp tạng thâm sâu rộng lớn của Bồ tát mà Đức Phật tuyên thuyết; (2) tướng trạng của sự phản bội, như phần dưới nói về tướng trạng của sự hủy báng.

2/ Nói pháp tương tự, cũng có hai phần: (a) Pháp được giảng nói: Các bộ sơ giải đều chưa nói rõ là loại pháp nào, chỉ có Trát Muc Tra Sở nói là pháp thiên lệch (Tiểu thừa) và pháp khiếm khuyết (ngoại đạo), thế nhưng Luân Du Già nói là *pháp tương tự với chánh pháp, hoặc pháp ngoại đạo*. Nếu không phải là pháp tương tự với Đại thừa, ắt phải là tất cả pháp không thanh tịnh khác. (b) Tướng trạng của sự giảng nói: Đem sự ưa thích của mình, nói cho người khác nghe, làm cho họ chuyển hướng theo đường lối của mình.

Hợp chung các ý nghĩa trên, Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung nói:

Nếu sinh khởi phiền não mãnh liệt,
Ắt sẽ hủy hoại tất cả giới,
Phải biết phạm tội có bốn loại,
Ý Phật muốn nói “đồng tha thắng”:
(i) Do vì tham lợi dưỡng cung kính,
Cho nên khen mình mà chê người,
(ii) Đối người nghèo khổ không chỗ nương,
Bỏn sẻn tài, pháp, không bố thí,
(iii) Người cầu tha thứ, không chấp nhận,
Ôm lòng phần hận, còn đánh đập,

(iv) Phán bội Bồ tát tạng Đại thừa,
Ưu thích giảng nói pháp tương tự.

Ngài Bồ Đề Hiền giải thích như sau: “*Phiền não mãnh liệt*, nghĩa là phiền não bậc thượng; *phạm tội*, nghĩa là sự phạm giới của một vị Bồ tát còn đầy đủ tịnh giới; *tha thắng*, nghĩa là hủy phạm giới cấm, bị phiền não thắng mình. *Đồng tha thắng*, nghĩa là chỉ có nguyên nhân của sự phạm giới là tương đồng với các tỳ kheo phạm tội tha thắng (ba la di), chứ không phải tất cả đều tương đồng, chẳng hạn như các tỳ kheo phạm tội tha thắng, trong hiện đời, không được thọ lại giới tỳ kheo, còn các vị Bồ tát, *nếu phạm tội tha thắng, trong hiện đời, vẫn có thể được thọ lại giới Bồ tát.*”

Hải Vân Sơ nói: “(1) Như các vị Thanh văn, tham pháp dâm dục, làm hủy hoại mình và người, tức là phạm tội tha thắng; tương tự, Bồ tát tham luyến lợi dưỡng cung kính, làm hủy hoại mình và người, cũng là phạm tội tha thắng. (2) Như các vị Thanh văn, tham muốn tiền của của người khác, khởi tâm trộm cắp, gọi là phạm tội tha thắng; tương tự, Bồ tát có tiền của, Phật pháp mà không chịu bố thí, cũng gọi là phạm tội tha thắng. (3) Các vị Thanh văn giết người, tức là phạm tội tha thắng; tương tự, Bồ tát khởi tâm hiềm hận, dùng tay chân làm tổn não hữu tình, hoặc người khác đã làm tổn hại đến Bồ tát, hiện nay họ đến van xin sám hối, nhưng Bồ tát không chịu lắng nghe, không chịu tha thứ, đây cũng là phạm tội tha thắng. (4) Các vị Thanh văn nói dối chứng được quả Thánh, tức là phạm tội tha thắng; tương tự, Bồ tát có chánh pháp, không chịu giảng nói, còn quay lại hủy báng chánh pháp, nói đó không phải là chánh pháp, đây cũng gọi là phạm tội tha thắng.” Có bộ sơ giải khác nói: “Những điều trong đây nói, tương đồng với các loại *nhân tương* của tội tha thắng của Thanh văn, cho nên gọi là đồng tha thắng.”

Về số mục của tội tha thặng, ở Tây tạng có pháp sư nói có tám, thế nhưng, Luân Du Già chỉ nói có bốn tội tha thặng. Giới Nhi Thập Tung cũng nói: “Nên biết tội có bốn loại.” Nếu nói có tám, điều này không hợp lý. Nếu như vị ấy nói có tám tội tha thặng, ấy là trong mỗi tội tha thặng lại chia làm hai tội, chẳng hạn, trong tội tha thặng thứ nhất, tự khen mình là một tội, chê bai người khác là một tội.

Lại nữa, ở Tây tạng có pháp sư cho rằng: “Trong mỗi tội tha thặng, như *tự khen mình, chê người*, v.v..., lại chia làm hai tội, tức là thành tám tội, cộng thêm bốn tội tha thặng của biệt giải thoát giới, tổng cộng là mười hai tội, giống như vì tham chút dầu ăn mà cầm gậy đánh người, như vậy vì tham lợi dưỡng cung kính mà khen mình chê người còn là tội tha thặng, huống chi là tà dâm. Đây cũng là bốn ý của bản sơ giải của ngài Hải Vân.” Thế nhưng, trong quyển Bồ Tát Địa Sở của ngài Hải Vân hoàn toàn không có ý nghĩa này.

Như Giới Phẩm Sở của ngài Trát Mục Tra nói: “Nếu như không tham lợi dưỡng cung kính, v.v..., càng không nên phạm bốn tội tà dâm, v.v...”, ở đây, chỉ có nghĩa là không phạm tội tha thặng của giới biệt giải thoát, chứ không có nghĩa là tội tha thặng của biệt giải thoát giới là tội tha thặng của Bồ tát giới.

Những điều vừa thuật ở trên, đều do các pháp sư tự họ nghĩ ra, chứ chưa hề thấy nói đến trong các kinh luận.

Nên biết, nói có *bốn tội tha thặng* là nói đến các tội tha thặng do sự *khởi tâm mà phạm*, nghĩa là: (1) đối với lợi dưỡng cung

kính, khởi tâm tham cầu, (2) đối với tài vật, khởi tâm bỏn sẻn, (3) đối với hữu tình, khởi tâm tổn hại xúc não, (4) đối với Chánh pháp của Phật, khởi tâm ngu si tà kiến. Đây gọi là bốn tội tha thắng.

Nói có *tám tội tha thắng*, là nói đến các tội tha thắng do sự *gia hành (tạo tác) mà phạm*, nghĩa là: (1) tự khen ngợi mình, (2) chê bai người khác, (3) không bố thí tài vật, (4) không bố thí Phật pháp, (5) đánh đập hữu tình, (6) không chấp nhận sự sám hối, (7) phản bội Chánh pháp, (8) nói pháp tương tự. Đây gọi là tám tội tha thắng.

Do đây có thể nói, tuy nói bốn tội tha thắng, nhưng cũng không ngại nói có tám tội. Lại như, Mâu Ni Hộ Niêm Trang Nghiêm Luận nói: “Trong Bồ tát tạng, nói có bốn loại căn bản trọng tội.” Lại nói: “Bốn tội căn bản như (1) tự khen mình chê người, v.v..., mỗi tội lại có thể phân làm hai phần, thành ra có tám loại căn bản trọng tội.” Như trong Luân Du Già cũng phân biệt có tám loại tội như khen mình, chê người, v.v...

Sớ của ngài Hải Vân, đối với tội tha thắng thứ hai, cũng phân làm hai tội: “(1) có người nghèo khổ đến xin, không bố thí tài vật, (2) có người đến cầu pháp, không chịu bố thí pháp, cả hai đều là tội tha thắng. Như vậy, phân biệt mà nói, ba tội tha thắng kia cũng tương tự như vậy.” Ngài Vô Úy Sinh cũng nói có tám. Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luận Sớ nói: “Ở đây, Bồ tát Vô Trước, rõ ràng có ý muốn nói có tám tội tha thắng.” Ngài Atisa cũng y theo các vị cổ đức mà nói có tám. Cho nên ở đây nói có tám tội tha thắng.

Lại nữa, Học Tập Luân và Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung, đối với tội tha thắng thứ ba, hình như đều nói có một tội, đây là do các bản dịch có chỗ hơi khác biệt, nhưng nếu khảo sát ý nghĩa, thực sự là có hai tội. Giới Nhi Thập Tung Cựu Số và Bồ Tát Địa, cũng đồng quan điểm này.

Lại như, trong Nhập Bồ Tát Hành Luân Số của ngài Trí Tuệ Sinh, dẫn chứng Học Tập Luân, nói:

Do phẫn nộ, đánh đập hữu tình,
Trong lòng ô m oán hờn mãnh liệt,
Không chịu thọ nhận sự sám hối.

Đối với tội tha thắng này, phân biệt nói thêm, ví như trong phần tội vi phạm (tội khinh) có nói:

Người đến cầu pháp, không nói pháp,
Người đến cầu tài, không thí tài,
Có người xúc phạm, liền trả đũa,
Người đến sám hối, không thọ nhận,
Ghét bỏ, hủy báng Bồ tát tạng,
Chưa rành Phật pháp, học thế gian,
Ưu thích, siêng tu pháp ngoại đạo.

Những việc như vậy, đều gọi là tội vi phạm. Nay nói là tội tha thắng, tuy có sự tương vi, nhưng cũng không có lỗi.

Đây có ý muốn nói, như hai pháp *không bố thí tài vật, không bố thí Phật pháp*, nếu do tâm bòn sẻn phát khởi, thì gọi là tội tha

thắng, còn nếu không do tâm bỗng sễn phát khởi, thì gọi là tội vi phạm.

Lại như, Tân Số nói: “Như sự *không bố thí pháp*, do động cơ phát khởi khác biệt mà tội trạng có sự sai biệt. Đối với các điều giới khác, cũng do động cơ phát khởi khác biệt mà có tội trạng sai biệt.”

Đây cũng như trong trường hợp đánh người khác, nghĩa là nếu bị người đánh mà đánh lại, thì gọi là tội vi phạm, còn nếu không phải vì trả đũa mà đánh người khác, thì gọi là tội tha thắng. Tương tự, trong trường hợp *không thọ nhận sự sám hối*, nếu không phải vì hiềm hận, thì gọi là tội vi phạm, còn nếu như có tâm hiềm hận, thì gọi là tội tha thắng.

Phản bội Đại thừa, cũng có hai tội vi phạm và tha thắng. Như Trát Mục Tra Số nói: “Như vậy, so với tội phỉ báng Bồ tát tạng ở phần trên có gì khác biệt? Nghĩa là phần trước (phạm tội tha thắng) là hủy báng tất cả hai loại pháp tạng Đại thừa thâm sâu quảng đại của Bồ tát, còn ở đây (phạm tội vi phạm) là chỉ đối riêng tạng Tố đất lăm (kinh), không khởi tâm tin hiểu mà sinh khởi sự hủy báng.” Thế nhưng, trong Luân Du Già chưa thấy nói rằng nhất định là chỉ hủy báng riêng tạng Tố đất lăm.

Tinh tiến học tập luận điển ngoại đạo, cũng gọi là tội vi phạm. Đây có hai loại: (1) Hiện có Phật pháp, đối với Phật pháp chưa nghiên cứu học tập kỹ lưỡng, mà lại siêng năng học tập sách vở thế gian, đây gọi là phạm. (2) Nếu như trí tuệ cao siêu, nhớ lâu không quên, thì cho phép mỗi ngày, dùng hai phần thời gian học tập Phật pháp, một phần thời gian học tập luận điển ngoại đạo và

sách vở thế gian. Tùy phương tiện mà học hỏi, nhưng không được rông rã thường thức, ham thích mê luyến, nếu như vậy cũng gọi là có tội.

Khai thị, kiến lập pháp tương tự với chánh pháp, đây gọi là tội tha thắng, nghĩa là Bồ tát đó, không những tự mình ưa thích, mà còn tự tu tập, không những như thế, mà lại còn xúi giục người khác tu tập theo mình. Sở của ngài Hải Vân nói: “Người khai thị, kiến lập phi chánh pháp, phạm tội tha thắng. Ưa thích, nghĩa là tự mình ưa thích; diễn nói, nghĩa là đem sự ưa thích của mình nói cho người khác nghe; kiến lập, nghĩa là tự mình lập một môn phái, dẫn dụ người khác theo vào.”

Tự khen mình chê người, gọi là tội vi phạm. Sự phát khởi của giới này khác với tội tha thắng *khen mình chê người* vừa được đề cập ở phần trên. Điều này ở phần sau sẽ nói đến.

Những tội như vậy, không nên dùng sự “có hay không có sự hổ thẹn” mà phân biệt là phạm tội tha thắng hay tội vi phạm. Nếu như dùng pháp “có hay không có sự hổ thẹn” mà phân biệt, thì những trường hợp này đều là phiền não nhuuyến bậc trung, không gọi là tha thắng.

I2. Thuyết minh của các bộ luận khác (Học Tập Luận nói về tất cả tội nặng căn bản).

J1. Các luận sư khác.

K1. Nêu lên lập luận của các luận sư khác.

L1. Bồ Đề Hiền.

Bộ Tân Sở của ngài Bồ Đề Hiền cho rằng Luân Du Già dẫn chứng Hư Không Tạng Kinh nói về căn bốn trọng tội, không phải căn cứ sau khi thọ giới mà nói. Phải nên thiết lập “*những điều giới đó không phải là căn bốn tội*” mà phá trừ “*những điều giới đó là căn bốn tội*”.

Thiết lập “*những điều giới đó không phải là căn bốn tội*”, nghĩa là các tội này không phải là nhân duyên hủy hoại “*tịnh giới đầy đủ*”; như trong Kinh có nói: “*Vua Sát đế lợi có căn bốn tội, đốt sạch tất cả nhân lành đời trước, xa lìa những quả báo vui cõi trời người, sa vào ác đạo, phạm tội tha thắng.*” Đây có nghĩa là hủy hoại tất cả căn lành và quả vui cõi trời người có được trước khi thọ giới.

Nói phá trừ “*những điều giới đó là căn bốn tội*”, nghĩa là nếu các tội này là nhân duyên hủy hoại “*tịnh giới đầy đủ*”, ắt phải là tội tha thắng. Nếu vậy, vị Bồ tát đầy đủ tịnh giới, đối với tất cả tội tha thắng này, tùy phạm một tội thì sẽ mất giới thể, hưởng chi là phạm tất cả. Những nhân duyên như vậy, trong phần Bồ Tát Địa ắt phải đề cập, thế nhưng chưa hề thấy đề cập đến.

Lại nữa, Đức Thế Tôn vì vua Sát đế lợi nói có năm tội căn bốn, vì các vị Bồ tát mới an trụ trong pháp Đại thừa, nói có tám tội căn bốn, như vậy sự trì giới của họ, ắt phải có sự khác biệt. Thế nhưng, nếu nói như vậy, thực không hợp lý, vì như Kinh nói: “*Vua Sát đế lợi có năm tội căn bốn, không phải là tội căn bốn của Bồ tát Đại thừa sơ cơ*”. Còn như nếu cho rằng tám tội căn bốn của hành giả Đại thừa sơ cơ không phải là tội căn bốn của vua Sát đế lợi, thì cũng không hợp lý, bởi vì giới luật nghi không có sự sai biệt.

L2. Vô Úy Sinh.

Ngài Vô Úy Sinh cho rằng Hư Không Tang Kinh và Bồ Tát Địa nói về căn bốn tội, tuy có chỗ bất đồng, nhưng không có lỗi tương vi (trái nghịch), nghĩa là do vì bổ đặc già la có ba phẩm thượng, trung, hạ khác nhau, như vậy tội căn bốn cũng có ba loại: năm điều, tám điều, bốn điều khác nhau. Nếu y theo đây mà nói thêm về sự khác biệt của tội tương, phải nên nói như sau: “Mỗi một bổ đặc già la, cũng có tất cả các tội khác”, nghĩa là năm tội của vua Sát đế lợi là tội của bổ đặc già la trung phẩm, tám tội của hành giả Đại thừa sơ cơ là tội của bổ đặc già la hạ phẩm, bốn tội mà Bồ Tát Địa nói đến là tội của bổ đặc già la thượng phẩm. Nếu y vào mỗi một bổ đặc già la mà có thể an lập tất cả tội, thì ba phẩm bổ đặc già la, mỗi phẩm bổ đặc già la phải có mười bảy tội căn bốn.

Thế nhưng, Hư Không Tang Kinh đã nói đến tội tha thắng thứ nhất trong Bồ Tát Địa, nếu vậy, Hư Không Tang Kinh phải có mười bốn tội căn bốn, thêm vào ba tội trong Bồ Tát Địa, hợp thành mười bảy tội căn bốn. Ba tội trong Bồ Tát Địa, nghĩa là hai tội thứ hai và thứ ba, thêm vào tội thứ bốn *Ham thích diễn nói pháp tương tự với chánh pháp*.

Ngài Bồ Đề Hiền lại cho rằng bốn tội được nói trong Bồ Tát Địa có thể hàm nhiếp tất cả tội khác. Tất cả tội khác, không tội nào không bị hàm nhiếp trong bốn tội căn bản này.

Hàm nhiếp có hai: (1) năng nhiếp, tức là tội khen mình chê người, v.v..., phân ra thành tám tội; (2) sở nhiếp, tức là hàm nhiếp tội *Phản bội Đại thừa*, tội *Vì tham cầu lợi dưỡng cung kính nên khen mình chê người*, v.v..., cùng các tội trong Hư Không Tang Kinh, lại

thêm tội *Rốt ráo thoái thất Bồ đề tâm* trong Thiên Xảo Phương Tiên Kinh, tức thành mười bốn tội căn bản.

Hàm nhiếp thế nào? Khiến cho người khác xả giới biệt giải thoát, nói càn là Thanh văn không cần xả bỏ tâm tham, v.v..., tự cho mình đã được pháp nhãn thậm thâm, tức là nhiếp vào điều giới khen mình chê người.

Lại nữa, cướp đoạt tài vật của Tam bảo, đoạt cà sa của tỳ kheo đang mặc, trói phạt sa môn, cưỡng đoạt đũa đem cho kia, lấy vật của người thật tu đem cho người giả tu, đều là nhiếp vào pháp bổn sển tài vật không bố thí, nghĩa là do bổn sển tài vật, khởi tâm tham mãnh liệt. Đối với tài vật của người khác, ngăn trở không cho họ sử dụng để mà đoạt lấy, hoặc tự ý đem cho người khác, đối với vật bố thí thì dùng sức mạnh để cưỡng đoạt. Những việc như vậy đều là do tính bổn sển.

Lại nữa, phá hòa hợp tăng tạo tội vô gián, làm cho đối phương bỏ phế việc tu hành (xa ma tha), đây là nhiếp vào bổn sển pháp không chịu bố thí; đối với tất cả pháp, tự mình không nhẫn thọ, lại phá hoại người khác không cho nhẫn thọ; khởi tâm bổn sển mãnh liệt, tự mình không chánh giải, lại làm cho người khác không chánh giải.

Lại nữa, mặc tình đánh đập tỳ kheo phá giới, tạo bốn nghiệp vô gián (ngoại trừ phá tăng), và hủy hoại xóm làng thành ấp, đây là nhiếp vào giới đánh đập hữu tình.

Lại nữa, khiến cho người khác xả bỏ pháp Thanh văn, Duyên giác, nói nghĩa lý chân thực thâm sâu cho người ngu si, làm

cho họ xả bỏ tâm Bồ đề, đây là nhiếp vào phỉ báng Bồ tát tạng, nghĩa là ba pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều là do Phật nói, nếu làm cho họ xả bỏ một pháp, họ sẽ bỏ luôn hai pháp kia. Tự mình làm cho những người ngu muội, do nhân duyên này, phỉ báng lý chân không, thoái thất tâm Bồ đề, vì đã xả bỏ Đại thừa.

Lại nữa, chấp giữ tà kiến, mình và người an trụ trong mười nẻo bất thiện, làm cho hành giả Đại thừa thoái thất tâm Bồ đề, chuyển qua tu Tiểu thừa, tức là nhiếp vào nói pháp tương tự, ý muốn nói là hai Thừa kia, so với pháp Đại thừa, thì được xem là pháp tương tự.

L3. Tây tạng pháp sư 1.

Có một vị pháp sư cho rằng, do vì căn cơ chúng sinh khác biệt, cho nên ý thú của kinh luận cũng khác biệt. Nghi quỹ truyền giới được biên chế cũng có nhiều sự sai khác, cho nên nếu y vào Học Tập Luân và Nhập Bồ Tát Hành Luân mà thọ giới, thì phải lấy những điều giới trong Hư Không Tạng Kinh làm căn bản tội; còn nếu y vào nghi quỹ của Bồ Tát Địa mà thọ giới, thì phải lấy những điều giới trong Bồ Tát Địa làm căn bản tội.

L4. Tây tạng pháp sư 2.

Tây tạng lại có pháp sư cho rằng đây là do tông chỉ của hai tông Trung quán và Duy thức không đồng mà đưa đến sự khác biệt.

K2. Đả phá lập luận của các luận sư khác.

L1. Phá ngài Bồ Đề Hiền.

Từ trước đến giờ những điều mà bộ Tân Sở của ngài Bồ Đề Hiền nêu lên đều không hợp lý, nghĩa là trái ngược với sự giải thích kinh điển của ngài Tịch Thiên. Như trong Học Tập Luận của Bồ tát Tịch Thiên, đầu tiên nêu lên câu hỏi giả thiết: “Vị vua Sát đế lợi và hành giả Đại thừa sơ cơ, đã đầy đủ giới Bồ tát hay chưa? Nếu như đầy đủ thì không nên phân biệt vua Sát đế lợi có năm tội, hành giả Đại thừa có tám tội; còn nếu chưa đầy đủ thì không thể cho rằng “những người đó phạm tội”, vì sao lại gọi là tội của sự phạm giới đầy đủ?”

Sau đó nêu lên câu trả lời như sau: “Đối với tất cả tội, tùy theo chỗ phạm, mà thiết lập danh xưng của tội trạng, làm cho người phạm sinh tâm sợ hãi. Như vậy, tất cả đều gọi là tội, cần phải xa lìa. Phải nên nói như vậy, thì không có sự tương vi, nghĩa là tội căn bản này, nếu chưa thọ giới mà phạm, ắt sẽ hủy diệt tất cả thiện căn, không thể thọ giới; còn nếu như đã thọ giới đầy đủ rồi mà phạm giới, thì tội lại càng nặng hơn.” Còn như ngài Bồ Đề Hiền lại cho rằng sự phạm tội có thể hủy hoại tất cả thiện căn trước khi thọ giới, nhưng không thể hủy phạm giới, đây là điều tương vi mà chúng ta muốn đề cập đến.

Lại nữa, bộ sớ của ngài Bồ Đề Hiền đề cập đến những tội đó, nếu là căn bản tội, thì trong Bồ Tát Địa phải nói đến, thế nhưng lại không thấy đề cập đến. Nếu như cho rằng vì trong Bồ Tát Địa chưa nói các tội căn bản khác, cho nên các vị Bồ tát tu học tịnh giới chỉ có thể dùng bốn pháp làm căn bản tội, mà không biết đến các tội căn bản khác, nếu không biết các tội khác thì cũng không thể hủy phạm giới. Do vì không biết có chỗ phòng hộ, đây tức là có lỗi.

Còn nếu cho rằng “những điều tội đó” không phải là căn bản tội, thì trong Bồ Tát Địa cũng phải quyết định nói không phải là căn bản tội, thế nhưng lại chưa thấy nói đến. Nếu đem “không phải căn bản tội” cho là căn bản tội, “không hủy phạm tịnh giới” cho là hủy phạm tịnh giới, thì đây cũng là không biết chỗ phòng hộ, cũng gọi là có lỗi.

Lại nữa, các tội mà Hư Không Tang Kinh nói đến, trong Bồ Tát Địa không thấy nói đến, và ngược lại, những tội vi phạm mà Bồ Tát Địa nói đến, trong Học Tập Luân cũng không đề cập đến. Nên biết, trong các kinh luận, không nhất định phải nói đến tất cả các học xứ, bởi thế, trong Bồ Tát Địa cũng như Học Tập Luân đều nói: “Nếu như muốn biết, phải nên tham khảo tạng Kinh tạng”.

L2. Phá ngài Vô Úy Sinh.

Như ngài Vô Úy Sinh cho rằng: “Đem những điều mà Học Tập Luân nói làm căn bản tội”, đây là điều chí lý. Thế nhưng, nếu cho rằng bốn tội căn bản trong Bồ Tát Địa, có thể hàm nhiếp tất cả tội khác, thì sự hàm nhiếp này, phần lớn không được hợp lý, bởi vì đem mỗi một biệt tướng thâm nhiếp vào tổng tướng, đây là điều không thích nghi.

L3. Phá Tây tạng pháp sư 1.

Lập luận của pháp sư Tây tạng 1, Học Tập Luân đã luận phá, nghĩa là Bồ tát đầy đủ giới, không nên thiết lập các tội khác biệt.

L4. Phá Tây tạng pháp sư 2.

Trong Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luân Số, có pháp sư Tây tạng nói rằng năm tội của vua Sát đế lợi không phải là tội căn bản, tám tội của Bồ tát Đại thừa mới là tội căn bản. Lại nói hai tông Long Thọ, Vô Trước bất đồng. Nên biết ở đây Học Tập Luân dung hợp hai tông mà nói các loại tội. Những điều mà pháp sư trên vừa nói, đều là sự tương vi, ý nghĩa cũng không thể thành lập.

J2. Thuyết minh của Học Tập Luân.

Đại khái, như Hư Không Tạng Kinh nói về các tội căn bản, ngài Bồ tát Tịch Thiên chú thích ý nghĩa của kinh, cũng nói rằng chúng là tội nặng căn bản, và hơn nữa, ngài lại còn dung nhiếp ý nghĩa của kinh này và Bồ Tát Địa. Dung nhiếp ý nghĩa của hai tông Trung Quán và Du Già, đây là điều thích đáng nhất.

Như bản cữ dịch của Học Tập Luân nói: “Để cho dễ hành trì, đối với những điều tội đó, dung nhiếp thành một, ghi thành già đà (kệ).”

Nếu theo cữ dịch, hình như đem hai tông, dung nhiếp thành một nghĩa; nhưng nếu theo tân dịch, thì chỉ y vào một tông nghĩa, tức là thiết lập tông nghĩa của ngài Vô Trước.

Lại nữa, Nhập Bồ Tát Hành Luân Đại Số cũng nói đây là tội nặng căn bản. Bộ số của ngài Thiện Thiên cũng nói: “Trước tiên nên đọc tụng Hư Không Tạng Kinh, mới có thể tư duy quyết trách các tội căn bản”, nghĩa là trong các tội, những tội có thể hủy hoại giới thể, tức là căn bản tội. Hư Không Tạng Kinh đã đại khái nói qua, cho nên phải tìm đọc cho biết. Số của ngài Giải Thoát

Nguyệt cũng nói: “Đối với các tội căn bản có thể hủy hoại giới thể, nhất nhất phải xem Hư Không Tang Kinh.” Sở của ngài Biển Chiếu Sinh cũng nói giống như trên, nghĩa là thiết lập những điều tội đó là căn bản tội.

Trong Học Tập Luân hàm nhiếp các tội căn bản thành bài kệ như sau:

- (1) *Cướp đoạt tài sản của Tam bảo,*
Đây là tội tha thắng thứ nhất.
- (2) *Phản bội cùng hủy báng chánh pháp,*
Phật nói là tha thắng thứ hai.
- (3) *Đối với tỳ kheo, dù phá giới,*
Đoạt cà sa, hoặc đánh đập họ,
Hoặc đem trời buộc, giam vào ngục,
Bức họ hoàn tục, bỏ xuất gia.
- (4) *Tạo tác năm loại tội vô gián.*
- (5) *Bám chặt tà kiến, báng nhân quả.*
- (6) *Hủy hoại thành ấp và làng xóm,*
Phật nói đều là tội căn bản.
- (7) *Lại vì những người không trí tuệ,*
Diễn nói sâu rộng lý chân không.
- (8) *Làm cho người muốn vào Phật thừa,*
Thoái thất tâm Bồ đề Vô thượng.
- (9) *Khiến người xả bỏ pháp Thanh văn,*
Mà chỉ tu học pháp Đại thừa.
- (10) *Nói bừa rằng Thanh văn, Duyên giác,*
Không thể xả bỏ phiền não tham,
Làm cho người tu bỏ Nhị thừa.
- (11) *Tự khen có công đức thù thắng,*

Vì tham lợi dưỡng và cung kính,
 Dem lời gian xảo nhục mạ người.
 (12) Tự cho đã được nhân thậm thâm,
 Diên đảo, phô trương, loè người khác
 (13) Lạm quyền trói, phạt các sa môn,
 Tài vật thí chủ cúng Tam bảo,
 Ý mạnh giành lấy cho kẻ khác.
 (14) Làm người khác bỏ xa ma tha,
 Lấy vật của bậc chân tu hành,
 Dem cho kẻ tu hành giả dối.
 Như vậy, đều là tội căn bản,
 Đều là nhân của đại địa ngục,
 Phải nên đối ngài Hư Không Tạng,
 Trong mộng, sám hối diệt chư tội.
 (15) Rốt ráo, thoát thất tâm Bồ đề.
 (16) Bản sển không khởi lòng thương xót,
 Người đến cầu xin, không bố thí.
 (17) Trong lòng ôm ấp nổi oán hờn,
 Người đến sám hối, không tha thứ,
 Giận dữ đánh đập chư hữu tình.
 (18) Do tâm nhiễm dục, theo người khác,
 Ham thích diễn nói pháp tương tự.

K1. Pháp tha thắng thứ nhất.

Pháp tha thắng thứ nhất là gì? Nghĩa là **đổi với tài vật của Tam bảo, không cho mà lấy**. Trong đây có sáu phần:

1/ Tài vật chủ: Trong kinh chỉ nói vật của tốt đồ ba, vật của tăng, và vật của tứ phương tăng. Tốt đồ ba, tức là Phật và pháp, hợp

với tăng già, gọi là Tam bảo. Nói Phật, nghĩa là Phật thân, hoặc các Phật tượng; nói Pháp, nghĩa là kinh điển, hoặc luật luận; nói Tăng, thì có sự giản biệt như sau, (a) nếu là phạm phu, cần phải bốn vị tỳ kheo trở lên mới được gọi là tăng, (b) nếu là thánh nhân, chỉ cần một vị cũng gọi là tăng. Tứ phương tăng thì không có sự giản biệt. Lại nữa, có bộ luận khác cho rằng: “ Tam bảo, tức là (1) Thích Ca Như Lai, (2) vô lậu diệt đạo, (3) các bậc thánh hữu học”. Ở đây, chúng ta không chọn nghĩa này, bởi vì trong đây chỉ nói “vật của tốt đồ ba và vật của tứ phương tăng.” Lại nữa, nếu cướp đoạt vật của tốt đồ ba, hoặc vật của người khác cúng cho tăng, hoặc vật của tứ phương tăng, chỉ cần đoạt tài vật của một Bảo là phạm, không cần phải đoạt tài vật của cả ba Bảo mới phạm.

2/ Đồ vật bị đoạt: Trong kinh không có nói rõ ràng. Nên biết tất cả ruộng, đất, phòng ốc, ẩm thực, xe cộ đều là đối tượng. Số lượng nhiều ít, cũng không thấy nói rõ. Nên biết, vật bị trộm cắp, dù là nhỏ bé nhất, cũng thành nghiệp trộm cắp. Nếu vật của người khác cúng cho tăng, dù là vị tăng đó đã nhận được hay chưa, nếu trộm cắp thì cũng đồng như trộm đồ vật của tăng, do vì thí chủ đã có ý cúng dường vật đó cho Tam bảo, thì vật đó tức là vật của Tam bảo.

3/ Người trộm: lúc trộm đồ vật của tăng, phải chính mình không phải là tăng.

4/ Ý tưởng muốn trộm cắp: Đây có ba phần. (a) Tâm tư, nghĩa là có sự phân biệt. Đối với vật của Tam bảo có ý muốn trộm cắp, tâm không cuồng loạn. Nếu như trộm nhầm, thì không gọi là trộm cắp đồ vật của Tam bảo. Đây là tướng tổng quát của sự không cho mà lấy. (b) Phát khởi ý muốn trộm cắp, nghĩa là vật của Tam

bảo đó, không phải là của riêng mình, và muốn làm cho nó lìa khỏi bốn xứ. Ý tưởng muốn trộm cắp này, hoặc là “nghề nghiệp” của họ, hoặc do phiền não mà phát khởi, chứ không nhất định phải là do tâm tham phát khởi ý muốn trộm cắp. Nếu vì muốn làm lợi người khác, đem tâm thương xót mà làm việc cướp đoạt, điều này có tội hay không, phần sau sẽ nói tới. Ví như có những căn bốn tội, trong các điều giới khác, có thể khai phương tiện, nhưng không thể ngay trong điều giới căn bốn tội đó mà được quyền khai phương tiện.

5/ Gia hành của sự trộm cắp, nghĩa là tự mình trộm, hoặc bảo người khác trộm. Tự mình làm hoặc bảo người khác làm, tội đều như nhau. Nếu người khác không hay biết mà mình lấy trộm, hoặc mình dùng thế lực cưỡng đoạt, đều gọi là phạm, cho nên bản cữ dịch của Luân Du Già nói: “Lấy trộm và cưỡng đoạt tài vật của Tam bảo.”

6/ Hành tướng của sự không cho mà lấy: nghĩa là muốn lấy cho được món đồ ấy.

Trong điều giới tha thắng này, có ba tội tha thắng, nghĩa là trộm cướp tài vật của Phật, của pháp và của tăng.

K2. Pháp tha thắng thứ hai.

Pháp tha thắng thứ hai là gì? Nghĩa là ***hủy báng, xả bỏ chánh pháp***. Trong đây có hai phần:

1/ Đối tượng của sự hủy báng, xả bỏ. Kinh nói: “*Phỉ báng pháp Thanh văn, hoặc pháp Duyên giác, hoặc pháp Đại thừa. Lại còn cấm chế người khác không cho tu học, đây là tội nặng căn bản*

thứ hai.” Trong đây chữ “hoặc”, có nghĩa là mỗi một loại kinh điển của ba Thừa, đều là chánh pháp. Phỉ báng pháp Đại thừa, nghĩa là nếu phỉ báng, phản bội bất cứ một pháp nào của Đại thừa sâu xa rộng lớn, thì đều gọi là phạm. Điều đang nói ở đây, và trong Bồ Tát Địa nói phỉ báng Đại thừa, là tội tha thắng, nghĩa là pháp Đại thừa này nêu rõ hai loại pháp sâu xa rộng lớn của kinh tạng. Tương tự, đối với pháp tạng Tiểu thừa, pháp tứ đế của Thanh văn, pháp mười hai nhân duyên của Duyên giác, nếu phỉ báng một pháp, cũng gọi là phạm. Nên biết, đây cũng giống như phỉ báng pháp Đại thừa.

Hoặc có người hỏi: “Phỉ báng, xả bỏ một pháp của Đại thừa gọi là tội vi phạm (nhẹ), phỉ báng, xả bỏ pháp Thanh văn, Duyên giác gọi là tội tha thắng, điều này dường như không có lý, bởi vì tội phỉ báng Đại thừa nặng hơn phỉ báng Tiểu thừa?”

Trả lời: “Không có mâu thuẫn. Các giới trước sau, không nhất định phải y vào sự vi phạm lớn nhỏ mà kết tội nặng nhẹ. Như trong giới biệt giải thoát, nếu giết người, gọi là phạm tội tha thắng, còn nếu ác tâm làm cho thân Phật chảy máu, gọi là tội thô (tội thân lan giá, nhẹ hơn tội tha thắng). Còn hành giả Đại thừa, đối với tài sản của người tại gia, không cho mà lấy, không gọi là phạm tội tha thắng, còn nếu như hiện tại đang có tài vật, đối với người nghèo khổ đến xin, bòn sẻn không chịu bố thí, thì gọi là phạm tội tha thắng.

2/ Tướng trạng của sự xả bỏ: Học Tập Luận, Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luận đều dẫn Kinh nói: “Phỉ báng pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, hoặc pháp Đại thừa, hoặc cấm chế người khác, không cho tu học”. Thế nhưng, tra lục nguyên văn của kinh, thì chỉ

thấy nói: “Phỉ báng, xả bỏ pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thừa, ngăn trở làm khó khăn, không chịu tu học”. Trong Bồ Tát Địa cũng chỉ nói “tự phỉ báng Đại thừa”, chưa thấy nói làm cho người khác chuyển theo mình. Như vậy, hai cách nói này đều giống nhau. Tội tha thắng này, không nhất định phải làm cho người khác phỉ báng, xả bỏ. Tự mình phỉ báng, nghĩa là đối với chánh pháp, phỉ báng cho rằng không phải do Đức Như Lai nói ra.

Hỏi: Nếu vậy, trong phần tội vi phạm, phỉ báng, xả bỏ pháp Thanh văn, gọi là tội vi phạm, như vậy là trái ngược với ở đây?

Trả lời: Đó chỉ là khinh miệt, chứ không phải là hủy báng, xả bỏ. Như phần sau sẽ nói.

Trong pháp tha thắng này, có ba tội tha thắng, nghĩa là phỉ báng pháp Thanh văn, phỉ báng pháp Duyên giác, và phỉ báng pháp Bồ tát.

K3. Pháp tha thắng thứ ba.

Pháp tha thắng thứ ba là gì? Là *xâm hại tổn thương xuất gia tỳ kheo*. Trong đây có hai phần.

1/ Người bị xâm hại: Như trong Kinh nói: “Người nương vào Phật pháp xuất gia, cạo râu tóc, mặc pháp phục, có giới hoặc không có giới, trì giới hay phá giới”, tức là như trong bài kệ phía trước nói: “Đối với các tỳ kheo, dù phá giới”.

2/ Xâm hại tổn thương thế nào? (a) tâm mong muốn: do phiền não mà khởi tâm tổn hại; (b) gia hành: những hành động như

đoạt cà sa, hoặc khiến cho hoàn tục, bức bách xả giới, nhẫn đến đánh đập, hoặc bắt giam vào ngục, hoặc sát hại, thì phạm tội tha thắng. Nên biết, đây là nhiếp vào giới tha thắng “đánh đập, xâm hại, tổn não hữu tình”. Lại như, cưỡng đoạt cà sa của những người xuất gia đầy đủ giới đức, nếu như số lượng tỳ kheo bị cưỡng đoạt chưa đến bốn vị, nên biết đây là nhiếp vào tội tha thắng này, còn như số lượng tỳ kheo bị cưỡng đoạt từ bốn vị trở lên, thì ắt là phạm tội tha thắng thứ nhất.

Trong pháp tha thắng này, có hai tội tha thắng, (a) cưỡng đoạt cà sa, (2) bức bách hoàn tục.

K4. Pháp tha thắng thứ tư.

Pháp tha thắng thứ tư là gì? Nghĩa là *tạo năm nghiệp vô gián: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp tăng, dùng ác tâm làm thân Phật ra máu*. Đây gọi là năm tội vô gián căn bản. Lại nữa, ngoại trừ *phá hòa hợp tăng* ra, bốn tội vô gián kia đều nhiếp vào pháp tha thắng thứ năm trong Bồ Tát Địa.

K5. Pháp tha thắng thứ năm.

Pháp tha thắng thứ năm là gì? Nghĩa là *khởi tà kiến, chấp chặt không bỏ, nói cần là không có nghiệp quả thiện ác đời trước đời sau*. Khởi tà kiến như vậy, đoạn diệt thiện căn. Tội tha thắng này, không nhất định phải là bảo người khác làm mười điều ác, mà chỉ cần tự mình làm mười điều ác, tức là phạm tội tha thắng.

K6. Pháp tha thắng thứ sáu.

Pháp tha thắng thứ sáu là gì? Tức là **phá hủy, tổn hoại trụ xứ**.

Trong đây có hai phần: (1) chỗ bị hủy hoại: là những chỗ như quốc, ấp, thành và thị; (2) năng hủy, có hai phần: (i) tâm mong muốn, nghĩa là do phiền não phát động mà khởi tâm hủy hoại; (ii) gia hành, nghĩa là dùng tất cả các phương tiện thực hiện sự hủy hoại.

Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luân dẫn chứng Kinh nói rằng: “Trên đây, pháp tha thắng thứ nhất đến thứ năm là năm tội của vua Sát đế lợi, pháp tha thắng thứ sáu là tội thứ hai của đại thần, hợp với bốn tội vô gián, thành ra năm tội của đại thần.”

Ở đây chỉ nói tội tha thắng *hủy hoại trụ xứ*, còn tội căn bản *hủy hoại hữu tình trong trụ xứ* (quốc ấp), thì được nhiếp vào tội tha thắng *đánh đập hữu tình*, và còn tội căn bản *hủy hoại tài vật trong trụ xứ*, thì lại được nhiếp vào tội tha thắng thứ nhất, hoặc tội tha thắng thứ mười ba. Trong tội tha thắng này có bốn tội tha thắng, nghĩa là hủy hoại (a) quốc, (b) ấp, (c) thành, (d) thị.

K7. Pháp tha thắng thứ bảy.

Pháp tha thắng thứ bảy là gì? Là **nói nghĩa lý thâm sâu cho những người không đủ trình độ** (không đúng căn cơ).

Trong đây có ba phần: (1) Người nghe pháp: là những người có trí tuệ nông cạn, nghe nói lý chân không thâm diệu, liền sinh lòng lo sợ, thoái thất tâm Bồ đề. (2) Pháp được nói: là lý chân không, xa lìa tất cả hý luận. (3) Sau khi nghe xong: nghĩa là sau khi

nghe xong lý thuyết chân không, đối phương bèn sinh lòng sợ hãi, thoái thất tâm Đại bồ đề, và sinh tâm ưa thích Tiểu thừa.

Đây là do vì không quán sát đối phương có đủ trình độ hay không, nên vội vàng khinh suất nói pháp thâm sâu. Nếu như sau khi quán sát kỹ lưỡng, cho rằng đối phương có đủ trình độ, thế nhưng đối phương rất ráo không phải là người đứng căn cơ như mình nghĩ, thì không gọi là phạm tội tha thắng.

K8. Pháp tha thắng thứ tám.

Pháp tha thắng thứ tám là gì? Nghĩa là *làm cho người khác thoái thất tâm Đại thừa*.

Trong đây có hai phần: (1) Người có thể thoái thất: tức là những hữu tình đã tu tập pháp Đại thừa, đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, an trụ trong Đại thừa. (2) Tướng trạng làm cho thoái thất: tức là nói với đối phương như sau: “Sức ông không kham tu lục độ vạn hạnh, không thể thành tựu Nhất thiết chủng trí, chi bằng phát tâm Thanh văn, Bích chi phật, mau thoát sinh tử, chứng nhập Niết bàn.”

Hỏi: Ý trong đây muốn nói là làm cho người khác thoái thất tâm Đại thừa, hay còn cần phải làm cho họ thoát sục, tu pháp Tiểu thừa (mới phạm tha thắng)?

Trả lời: Như Nhập Bồ Tát Hành Luân Đại Sở nói: “Thứ hai, làm cho người khác thoái thất tâm Vô thượng Bồ đề, lại còn làm cho họ phát tâm tu Tiểu thừa.” Như vậy, còn cần phải làm cho họ chuyển tu Tiểu thừa mới phạm.

K9. Pháp tha thắng thứ chín.

Pháp tha thắng thứ chín là gì? Là *làm cho người khác xả bỏ giới biệt giải thoát*.

Trong đây có hai phần: (1) Người khác nghe và tin tưởng: tức là những người đã như lý tu học biệt giải thoát tỳ nại da. (2) Tướng trạng làm cho người nghe và tin tưởng: tức là nói với đối phương như sau: “Ông cần gì thọ học giới tỳ nại da, ông nên đọc tụng Kinh điển Đại thừa, mau phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, diệt trừ trọn vẹn ba ác nghiệp do phiền não sinh ra,” nghĩa là nói chỉ cần đọc tụng Đại thừa, phát Bồ đề tâm, là có thể diệt trừ trọn vẹn các ác nghiệp.

Bản cật dịch, ở đây tuy cũng nói: “Xả bỏ biệt giải thoát giới, thoát thất tâm đã phát, đọc tụng Đại thừa”, thế nhưng, bản tân dịch và Hư Không Tạng Kinh mới là chính xác. Nhập Bồ Tát Hành Luân Đại Sở cũng nói: “Thứ ba, nói với người khác rằng: “Ông nên xả bỏ giới biệt giải thoát, phát tâm Đại thừa, đọc tụng Đại thừa, thì sẽ được thanh tịnh.”

Hỏi: Như thế, tại sao trong phần tội vi phạm phía sau có nói: “Nếu chư Bồ tát nói như vậy: “Bồ tát không nên học tập pháp tương ứng với Thanh văn thừa”, đây gọi là phạm tội vi phạm”.

Trả lời: Nếu nói như vậy, làm cho người khác tin hiểu, thì gọi là vi phạm; còn nếu làm cho người khác thoái thất, xả bỏ sở học, thì gọi là tha thắng.

K10. Pháp tha thắng thứ mười.

Pháp tha thắng thứ mười là gì? Là *hủy báng pháp Thanh văn thừa*.

Trong đây có hai phần: (1) Chỗ hủy báng: nghĩa là hữu học thừa, tức là pháp của các vị hữu học tu học, cũng tức là Thanh văn thừa, hoặc là Duyên giác thừa, hoặc là cả hai thừa Thanh văn, Duyên giác. (2) Tướng trạng của sự hủy báng: nghĩa là dùng tâm cao ngạo nói lời hủy báng như sau: “Ông là Tiểu thừa, chỉ học Tiểu thừa, không thể đoạn trừ kết sử phiền não.” Điều này giống như trong Kinh nói: “Ông không nên nghe, thọ trì, đọc tụng Kinh điển Thanh văn, không nên dạy người khác”. Chỉ cần nói như vậy là đã phạm tội tha thắng, không cần phải như Kinh nói thêm: “Làm cho người thọ trì xả bỏ Nhị thừa”, mới gọi là tội tha thắng.

Trong đây nói đối phương (người nghe) nghe và tiếp nhận thì (người nói) phạm tội tha thắng, nên biết đối phương (người nghe) trong điều giới này so với người nghe trong hai điều giới thứ bảy và tám không đồng. Người nghe trong hai điều giới trên đây đủ giới luật, do nghe và tin tưởng bèn thoái thất tâm Bồ đề, cho nên không được liệt kê trong điều tội căn bản này. Phần sau sẽ nói rõ hơn.

Lại nữa, tội tha thắng này so với tội tha thắng thứ hai “phỉ báng xả bỏ pháp Thanh văn”, có chỗ khác biệt, tức là phía trên là phỉ báng kinh điển, cho rằng không phải do Phật nói, còn ở đây là phỉ báng pháp, cho rằng pháp này không thể đoạn trừ căn bản sinh tử luân hồi.

K11. Pháp tha thắng thứ mười một.

Pháp tha thắng thứ mười một là gì? Là *tự khen mình và chê bai người khác*.

Trong đây có bốn phần: (1) Người nói: tức là như Học Tập Luân dẫn Kinh nói: “Thấy đối phương được người khác kính trọng tin tưởng, khởi tâm ganh tị, bèn tự khen mình.” Đây có nghĩa là hủy báng kẻ được người khác kính trọng tin tưởng, và cũng hủy báng kẻ bị người khác hủy báng, không những chỉ hủy báng đối phương mà còn tự khen mình. Đại khái là hủy báng tất cả mọi người. Lại nữa, trong bản dịch khác, tuy không nói đối phương được người khác kính trọng tin tưởng, nhưng cũng ẩn hàm ý nghĩa này. (2) Việc được nói: tức là công đức của mình và việc xấu xa của người khác. (3) Tướng trạng của sự khen chê: tức là vì tham cầu lợi dưỡng cung kính, bèn đọc tụng Đại thừa, giảng giải, nói lời đâm thọc, nói với người khác như sau: “Tôi là hành giả Đại thừa, không cầu lợi dưỡng, còn người đó thì ngược lại”. Trong Kinh nói: “Tự khen một cách dối trá rằng mình đắc được thượng nhân pháp”. Nên biết điều giới này không giống như điều giới kế tiếp “Nói dối chứng đắc thượng nhân pháp”. Điều giới này và điều giới trên đều thuộc vào loại “tự khen”. (4) Động cơ phát khởi lời nói: tức là vì tham cầu lợi dưỡng cung kính, thấy người khác được lợi dưỡng cung kính, bèn ôm lòng ganh ghét, như Kinh nói: “Do vì ganh ghét, cho nên tạo bốn loại ngữ nghiệp bất thiện.”

Trong Học Tập Luân của Bồ tát Tịch Thiên dẫn các tội tha thắng trong Bồ Tát Địa, trừ tội tha thắng thứ nhất, ý muốn nói tội tha thắng thứ nhất của Bồ Tát Địa cùng ý nghĩa với ở đây. Thế nhưng đoạn văn của Bồ Tát Địa không có ở trong điều giới này. Hình như phải dẫn toàn bộ đoạn văn đó ra thì mới hợp lý.

Lại nữa, sự tự khen, hoặc chê người này, là do tham cầu lợi dưỡng, hoặc cung kính; hành giả đối với hai sự việc này, chỉ cần tham một việc, đều gọi là có tội, như phần trước đã nói qua.

Những điều khen chê, có thể là hư dối, có thể là chân thực. Trong Kinh nói lược như sau: “Nói lời đâm thọc”, nghĩa là tạo tác nhân duyên nói dối, phạm tội rất nặng. Trát Mục Tra Sớ nói: “Tự mình không có đức, khen dối là có đức, người khác thực không có lỗi, chê dối là có lỗi”. Tân Sớ cũng nói: “Có nghĩa là khen công đức thực và khen công đức không thực, nếu như không phải công đức thực mà tự khen, đây gọi là khen lộn lạo”. Câu trên, khen hai loại công đức thực và không thực, nghĩa là lời khen có thẳng có liệ; không có thực công đức mà tự khen, thì gọi là vọng ngữ.

K12. Pháp tha thắng thứ mười hai.

Pháp tha thắng xứ thứ mười hai là gì? Là ***nói dối chứng đắc thượng nhân pháp***.

Trong đây có hai phần: (1) người nghe: tức là người có thể hiểu ý nghĩa của lời nói, (2) tướng trạng của lời nói: tức là nói với người khác rằng: “Tôi đã chứng đắc nghĩa *Không* thậm thâm trong kinh điển, nay vì lòng từ bi mà giảng nói cho các vị, các vị nên y theo đây mà tu hành.”

Nên biết người đó không thực sự giải ngộ kinh điển, không phải vì ganh ghét, mà vì tâm nhiễm ô nên nói pháp đối trá, làm cho những chúng sinh khác nghe, tin tưởng thọ trì. Người nói lời này, nếu là tỳ kheo Bồ tát thì sẽ cùng lúc phạm hai tội tha thắng. Nhập

Bồ Tát Hành Luân Sở nói: “Chỉ dùng miệng tụng, lại tự cho rằng mình hiểu ý nghĩa thậm thâm, bèn nói cho người khác, khiến cho họ họ trì, thì gọi là tội căn bản.” Nếu nói như vậy, là tương phản với ý nghĩa của kinh.

K13. Pháp tha thắng thứ mười ba.

Pháp tha thắng thứ mười ba là gì? Là *cưỡng đoạt tài vật của Tam bảo*.

Các vị đại thần, tể tướng, ý vào thế lực của nhà vua, xử phạt, giam giữ tỳ kheo, đoạt tài vật của họ, lại còn sai khiến các tỳ kheo gian ác trộm cắp tài vật của tăng (cá nhân), của tăng già (thập phương tăng) và tứ phương tăng (thường trụ), vật của tốt đồ ba (Phật và pháp), đem đến cung hiến cho họ, sau khi được đồ vật bèn đem dâng cho nhà vua, vua và quần thần đều phạm tội căn bản.

Trong đây, tội căn bản giam giữ, xử phạt sa môn nhiếp vào tội căn bản thứ hai, còn tội căn bản cướp đoạt tài vật Tam bảo nhiếp vào tội căn bản thứ nhất. Đây là tội căn bản “Dùng sức mạnh cưỡng đoạt đem cung hiến cho người khác”, nghĩa là tội căn bản thứ nhất là tự mình trộm cắp hoặc bảo người khác trộm cắp, còn tội căn bản này tức là tội xử phạt giam giữ sa môn, đoạt tài vật của họ, sai khiến họ phải làm việc trộm cắp, hoặc bảo người khác trộm cắp rồi tự mình hưởng thọ tài vật đó. Trong đây đồ vật bị cưỡng đoạt hoặc thuộc về một tỳ kheo, hoặc hai tỳ kheo, hoặc ba tỳ kheo. Phần còn lại như phần trên đã nói, tất cả đều cần phải biết.

K14. Pháp tha thắng thứ mười bốn.

Pháp tha thắng thứ mười bốn là gì? Tức là *kiến lập các pháp ác, v.v...*

Trong đây có hai phần: (1) Thiết lập chế định ngược với chánh pháp. Người thiết lập chế định này là tỳ kheo tu hành như pháp; pháp được chế lập, là do vị tỳ kheo đó dùng tâm tổn hại, thiết lập chế định ngược với chánh pháp, làm cho các tỳ kheo khác, phớt bỏ việc tu tập xa ma tha (chỉ), tỳ bát xá na (quán), sinh khởi nhiều phiền não. (2) Cưỡng đoạt tài vật của người tu chánh định. Trong đây có bốn phần: (a) Chủ nhân của tài vật: tức là các tỳ kheo siêng năng tu hạnh viễn ly; vị chủ nhân, nếu là thánh nhân, hoặc nếu ở trong tăng đoàn, thì đây gọi là tội tha thắng thứ nhất. Trong điều giới này, chủ nhân của tài vật, không phải là thánh nhân, không phải là vị tỳ kheo sống trong tăng đoàn từ bốn người trở lên. (b) Tài vật: tất cả đồ dùng của họ đều gọi là tài vật. (c) Tâm ý: đối với đối phương có tâm sân hận. (d) Gia hành: đối với tài vật của đối phương, không cho mà lấy, lấy xong đem cho những người giả tu hành.

Như trong Kinh có nói: “Hai người đó đều phạm vào tội căn bản”. Nói hai người đó, tức là (1) nhà vua, (2) vị tỳ kheo nói lỗi lầm của người tu chánh hạnh. Có chỗ nói người giả tu hành cũng phạm tội căn bản. Điều này trái ngược với ý của kinh.

“Như vậy, đều là tội căn bản”, nghĩa là từ tội tha thắng thứ bảy đến thứ mười bốn, sau mỗi bài kệ, phải thêm một câu “như vậy, đều là tội căn bản”. Tám tội nặng này, tức là trong Kinh nói tám tội của hành giả Đại thừa sơ cơ.

“Đều là nhân của đại địa ngục”, tức là các tội nghiệp đã tạo.

“Trong mộng sám hối diệt chư tội”, tức là chỉ điểm phương tiện giúp cho người phạm tội được phục hồi sự thanh tịnh.

Hỏi: Có những tội nặng căn bản như vậy, phải nên như bài kệ nói: “Phạm giới bậc thượng phải thọ lại”, tại sao lại bắt phải sám hối trừ diệt tội chướng phục hồi sự thanh tịnh?

Trả lời: Nếu có thể sám hối diệt trừ tội phạm giới, theo như Kinh nói, có thể ra khỏi ác đạo. Thế nhưng, sau khi tội chướng được trừ diệt, thanh tịnh trở lại, vẫn phải thọ lại giới pháp. Những nghĩa lý như vậy, nên xem Học Tập Luân dẫn Phương Tiện Thiên Xảo Kinh nói: “Phạm tội căn bản có thể phục hồi thanh tịnh”.

Lại nữa, nghĩa lý này còn có nhiều cách thuyết minh khác, nghĩa là tội đã phạm, nếu không thuộc về phiền não bậc thượng, thì sẽ thuộc về tội tha thắng do phiền não bậc trung, hạ, và như vậy, do sám hối diệt tội, có thể làm hành giả phục hồi thanh tịnh. Điều này phần sau sẽ nói tường tận hơn.

“Rốt ráo, thoái thất tâm Bồ đề”, nghĩa là xả bỏ nguyện tâm. Tội căn bản này, như Phương Tiện Thiên Xảo Kinh nói. Người phạm tội căn bản này, bắt buộc phải là một người đầy đủ giới Bồ tát. Sát na đầu tiên, thoái thất tâm đó, vẫn chưa gọi là mất giới. Đến sát na thứ hai, thì mới mất giới Bồ tát, chứ không phải chỉ ngẫu nhiên thoái thất tâm đó mà không được gọi là Bồ tát. Tương tự như trường hợp thoái thất Bồ đề tâm, nếu Bồ tát sinh khởi tà kiến thì cũng sẽ mất giới.

Hai tội này, nếu như sinh khởi, thì phạm tội căn bản, không cần biết có phải là phạm tội với tâm phiền não bậc thượng hay không. Còn những trường hợp khác thì phải kể vào.

“Bổn sển không khởi lòng thương xót, người đến cầu xin, không bố thí”, hai câu này có nghĩa là có người đến xin tài vật, không bố thí tài vật, có người đến hỏi pháp, không bố thí pháp.

“Trong lòng ôm ấp nổi oán hờn, người đến van lơn, không tha thứ, giận dữ đánh đập chư hữu tình”, ba câu này so với bản dịch của Học Tập Luận có chỗ sai khác, như phần trên đã nói.

“Do tâm nhiễm dục, theo người khác, ham thích diển nói pháp tương tự”, hai câu này, câu đầu, như trong Mâu Ni Hộ Niêm Trang Nghiêm Luận, dẫn bản dịch khác của bộ luận này nói: “Do sự nhiễm dục, và theo người”, văn nghĩa có vẻ thích đáng hơn. Lại như Bồ Tát Địa nói: “Đối với pháp tương tự, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc bị người khác lay chuyển”, như vậy, hai câu hợp lại, có hai cách giải thích: (a) do nhiễm dục mà nói pháp tương tự, đó là do tự mình có kiến giải phi lý, (b) do tùy thuận người khác mà nói pháp tương tự, đó là bị người khác lay chuyển.

H2. Hậu quả của sự phạm tội tha thắng.

Bồ tát đối với tội tha thắng, chỉ cần phạm một tội, thì trong pháp tu hiện đời, không thể tích tập, không thể nhiếp thọ tư lương rộng lớn của Bồ tát, trong pháp tu hiện đời, không thể có niềm vui cùng ý thích thanh tịnh, hưởng hồ là phạm tất cả. Đây gọi là Bồ tát tương tự, chứ không phải Bồ tát chân thực.

Ngài Đức Quang nói: “Tích tập có nghĩa là tăng trưởng, nhiếp thọ có nghĩa là sinh khởi.”

Bộ số khác nói: “Không thể tích tập tư lương để chứng nhập Đại địa Bồ tát.”

“Niềm vui cùng ý thích thanh tịnh”, các bộ số cho là chứng nhập Đại địa, tức là chứng nhập sơ địa.

Nói tóm lại, đối với các tội tha thắng, chỉ cần phạm một tội, tức thì trong pháp tu hiện đời không thể chứng nhập sơ địa, nghĩa là tất cả tư lương rộng lớn, chuẩn bị cho việc chứng nhập sơ địa, đã tích tập trước kia, không thể tăng trưởng, còn các tư lương chưa tích tập thì không thể sinh khởi, huống chi là thường phạm tội tha thắng! Bởi thế không nên tái phạm tội tha thắng mới có thể nghĩ đến việc thọ lại giới Bồ tát. Đối với tội căn bản, chẳng thà xả bỏ thân mệnh chứ không vi phạm. Như Nhập Bồ Tát Hành Luận nói:

Nếu như không quả quyết,
Phát tâm, lại tạo ác,
Lên xuống cõi luân hồi,
Khó mà chứng đạo quả (Phẩm thứ tư, kệ 11)

Nói về bốn pháp tha thắng, Luân Du Già và Học Tập Luận, đều có lập luận giống nhau. Hư Không Tạng Kinh cũng nói đến những lỗi lầm của các tội đó như sau: “Hành giả Đại thừa sơ cơ, nếu như phạm tội căn bản, thì tất cả thiện căn đã tu tập trước kia đều bị đốt sạch, đó là tha thắng xứ. Mất sự vui của người, trời cùng cảnh giới hỷ lạc của Đại thừa, đọa vào ác đạo, lưu chuyển sinh tử, xa lìa thiện tri thức.”

H3. Phân biệt ba loại phiền não phạm giới.

Hỏi: Loại phiền não nào phạm giới, không gọi là mất giới? Loại phiền não nào phạm giới, gọi là mất giới?

Trả lời: Bồ tát, nếu dùng tâm phiền não bậc hạ hoặc bậc trung, hủy phạm bốn tội tha thắng, thì không bị mất tịnh giới luật nghi của Bồ tát, còn như nếu dùng tâm phiền não bậc thượng hủy phạm bốn tội tha thắng, thì gọi là mất giới Bồ tát.

Tội tha thắng, như phần trước đã nói, nếu là tội “ý nhạo (ư thích)” thì có bốn loại, còn nếu là tội “gia hành” thì có tám loại, chẳng hạn như tham cầu lợi dưỡng cung kính, v.v..., nhấn đến các tội được nói trong Học Tập Luân. Nếu như không phải phạm tội với tâm phiền não bậc thượng, thì không gọi là tội tha thắng. Trường hợp các tội khác, nên biết cũng tương tự như vậy. Còn nếu như tạm thời sinh khởi một niệm tà kiến, hoặc “hơi hơi” thoái thất tâm Bồ đề, thì phạm tội tha thắng, không cần phải khởi tâm phiền não bậc thượng, như phần trước đã nói qua.

Hư Không Tang Kinh nói đến các tội, nếu như không phải dùng tâm phiền não bậc thượng mà phạm, phải biết đó là phạm tội với tâm phiền não bậc hạ hoặc bậc trung. Luân Du Già, trong phần nói về các tội tha thắng, nếu như chưa phạm tội tha thắng, thì có thể gọi là phạm tội bậc trung hoặc bậc hạ.

Phạm tội với tâm phiền não bậc thượng, có nghĩa là nếu Bồ tát (1) thường thường vi phạm bốn tội tha thắng, (2) hoàn toàn không biết hổ thẹn, (3) trong lòng cảm thấy vui thích, (4) cho là có

công đức, nên biết đây gọi là phạm tội tha thắng với tâm phiền não bậc thượng. Điều này được chia làm bốn phần:

1/ Thứ nhất: thường thường vi phạm bốn tội tha thắng.

“Bốn tội tha thắng”: như có sớ giải nói: “Điều này muốn nói là chỉ cần phạm một tội tha thắng, chứ không bắt buộc phải phạm cả bốn tội một lúc.”

“Thường thường vi phạm”: Tây tạng có pháp sư nói: “Đây là nói phạm hai lần trở lên”. Lại có pháp sư nói: “Đây cần phải có đủ ba giai đoạn: gia hành, chánh hành và chung hành”. Thế nhưng trong các bộ sớ khác không thấy nói đến điều này, mà ý nghĩa cũng không phải như thế, cho nên không thể y cứ. Ở đây có nghĩa là phạm xong một tội tha thắng, sau đó qua một đoạn thời gian, lại tiếp tục phạm thêm một tội tha thắng (có thể đồng loại hoặc khác loại), đây gọi là thường thường vi phạm. Như Tân Sớ nói: “Phiền não mãnh liệt, nghĩa là phiền não phát động xong, sau đó lại thường thường phát động không ngừng, chưa từng sinh khởi một niệm hổ thẹn.” Trát Mục Tra Sớ cũng nói: “Hoặc đối với bốn pháp tha thắng, hoặc đối với một pháp trong bốn pháp tha thắng này, trong những thời gian sau, thường thường mong muốn phát động.” Lại như, hai ngài Hải Vân và Tối Thắng Tử đều nói: “Do vì những pháp tha thắng như vậy thường thường phát động, có thể làm hủy hoại tất cả sự hổ thẹn, cho nên nói *Chưa từng sinh khởi một niệm hổ thẹn*.” Ở đây nói, do vì pháp tha thắng thường thường phát động, có thể hủy hoại sự hổ thẹn; ý nghĩa giống như hai ngài vừa nói. Lại có sớ giải nói: “Không có thời gian nhất định”. Phần sau sẽ nói tường tận.

2/ Thứ hai: hoàn toàn không có sự hổ thẹn.

Hổ thẹn, như Bồ Tát Địa nói: “Bồ tát lúc sắp sửa phạm tội, nếu như biết rõ đây là điều mình không nên làm, liền sinh hổ thẹn, đây gọi là tâm; hơn nữa, đối với việc ác, lo sợ bị người khác quở trách, liền sinh hổ thẹn, đây gọi là quý.”

Hai pháp này, cảnh sở duyên là hành vi ác của chính mình. Hành tướng của nó là sự hổ thẹn, còn sự phân biệt giữa hai pháp là: (i) nếu nghĩ rằng đây là điều mình không nên làm, nghĩ đến thân phận của chính mình mà khởi lòng hổ thẹn thì gọi là tâm, (ii) còn nếu như lo sợ người khác quở trách, nghĩ tưởng đến người chung quanh mà sinh lòng hổ thẹn thì gọi là quý. Như vậy, nếu phạm tội với tâm phiền não bậc thượng, bậc trung, nhẫn đến bậc hạ, đều không sinh khởi hai tâm như vậy, thì gọi là *hoàn toàn không có sự hổ thẹn*.

Tại sao hoàn toàn không sinh khởi sự hổ thẹn? Do vì sự phát động của các ác hành có khả năng làm phạm tội tha thắng, nghĩa là nếu phạm tội tha thắng thì hai tâm này hoàn toàn không sinh khởi, bởi vì nếu như có thể sinh khởi dù chút ít tâm hổ thẹn, thì không còn gọi là phạm tội tha thắng.

Như thế, hai tâm này lúc nào thì có thể sinh khởi, lúc nào thì không thể sinh khởi? Có người cho rằng tâm hổ thẹn sinh khởi hay không, là trong khoảng thời gian cố định mà các hành vi ác có khả năng phạm tội tha thắng phát động. Thế nhưng, điều này không hợp lý. Phần sau sẽ nói tường tận hơn.

3/ Thứ ba: trong lòng cảm thấy rất ưa thích.

Hai ngài Hải Vân và Tối Thắng Tử đều nói: “Do không có tâm tầm, cho nên sinh lòng ham ưa, nghĩa là vì không có tâm tầm, cho nên đối với các hành vi ác, sinh lòng ham ưa; hoặc vì không có tâm tầm và tâm quý, cho nên đối với hành vi ác khởi lòng ham ưa.” Trát Muc Tra Sở nói: “Do không có tâm tầm quý, đối với tội ác, sinh lòng vui thích, cho nên gọi là ham ưa.” Đây có nghĩa là đối với các việc ác, không những không có tâm tầm quý, mà còn sinh khởi tâm ham ưa. Hai ngài Hải Vân và Tối Thắng Tử đều nói: “Ưa thích, có nghĩa là đối với các việc ác, phát động không ngừng (không chịu xả bỏ).”

Hỏi: Trong các phần này, phần đầu tiên là căn bản. Nếu không đầy đủ các phần sau, thì không gọi là đầy đủ các điều kiện của sự phạm tội với tâm phiền não bậc thượng. Cho nên phải thêm các phần phía sau. Thế nhưng trong phần thứ ba, trong lòng cảm thấy rất ưa thích, đối với các ác hành không chịu xả bỏ; không xả ác hành, tức là không có tâm quý, như vậy thì không cần phần thứ hai, cũng vẫn được gọi là phạm tội với tâm phiền não bậc thượng?

Trả lời: Trong đây nói: “Không xả các ác hành”, không phải là thấy lỗi lầm mà không xả bỏ, mà có nghĩa là vì ưa thích cho nên không xả bỏ. Như ngài Đức Quang Luận Sư nói: “Nói ưa thích (ái nhạo), “ái” có nghĩa là ham ưa, hết lòng ham muốn, còn “nhạo” là gia hành, an trụ trong sự việc đó.” Đây có nghĩa là: “có tâm ưa thích các ác hành gọi là ái, còn ưa thích làm các ác hành gọi là nhạo.” Nói như vậy, có vẻ phù hợp với bổn ý của Luân Du Già.

Hỏi: Nếu vậy, ắt sẽ trùng lặp với ý nghĩa “thường thường phát động”, nghĩa là muốn tiếp tục phát động ác hành, tức là thích làm ác hành.

Trả lời: Không có lỗi trùng lặp. Phía trên là sự mong cầu, còn phía dưới là sự vui thích. Hai tâm này có sự khác biệt.

4/ Thứ tư: cho là có công đức.

Hai ngài Hải Vân và Tối Thắng Tử đều nói: “Đối với các hành vi ác, không thấy lỗi lầm.”

Nếu nghĩ như vậy: “Nếu như thấy lỗi lầm, có thể sẽ sinh khởi tâm hổ thẹn, và như vậy, làm sao đối với tội ác mà có thể khởi tâm ưa thích?” Nên biết, điều này thực sự không có sự tương phản, nghĩa là thấy sự lỗi lầm, sinh khởi tâm hổ thẹn, đây là nhân của sự tầm quý, nhưng chưa phải thực sự tầm quý. Như vậy, tuy thấy được lỗi lầm của sự việc, nhưng vẫn ưa thích, theo đó mà làm. Cũng như trường hợp người trì giới làm việc phi phạm hạnh.

Trát Mục Tra Sở giải thích ý nghĩa của hai chữ “ái nhạo”, chỉ là đảo ngược thứ tự của hai chữ mà nói. Còn các nghĩa khác cũng giống như trên.

Ngài Đức Quang Luận Sư nói: “Nếu đối với pháp tha thắng xứ đó, nghĩ là công đức, mà sinh tâm ưa thích, thì gọi là “cho là có công đức”. Đây không có nghĩa là pháp tha thắng xứ đó không có lỗi lầm. Như nói chữ “dục” trong “công đức của ngũ dục”, đây là dục (sự ham muốn) của ý, chứ không phải là thấy chỗ ý không

muốn. Các bộ số giải khác đối với điều này, ý nghĩa cũng giống như ở đây.

Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luận Số nói: “*Thường thường, có nghĩa là vượt quá một khoảng thời gian cố định, không sinh khởi tâm hổ thẹn, vì không hổ thẹn nên không gián đoạn. Trong khoảng thời gian cố định, như Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: Nếu chư Bồ tát, lúc sáng sớm phạm giới, đến khoảng giữa trưa không xả bỏ tâm Bồ đề, đây gọi là giới thân của Bồ tát không bị hủy hoại. Tương tự, lúc giữa trưa phạm, đến khoảng xế chiều không xả bỏ tâm Bồ đề, lúc xế chiều phạm, đến khoảng đầu đêm không xả bỏ tâm Bồ đề, lúc đầu đêm phạm, đến khoảng nửa đêm không xả bỏ tâm Bồ đề, lúc nửa đêm phạm, đến khoảng cuối đêm không xả bỏ tâm Bồ đề, lúc cuối đêm phạm, đến khoảng sáng sớm hôm sau không xả bỏ tâm Bồ đề, thì gọi là giới thân của Bồ tát không hủy hoại.* Như vậy, từ sáng sớm của ngày thứ nhất đến sáng sớm ngày thứ hai, ban ngày ba phần, ban đêm ba phần, một ngày một đêm có tổng cộng sáu phần.”

Nếu y theo sự giải thích của cổ đức vừa nói ở trên, hai nghĩa (1) thường thường phát động và (2) không có hổ thẹn là một, như vậy, ắt sẽ tương phản với Luận đã liệt kê hai phần khác nhau.

Hơn nữa, nếu trong Luận đã nói các điều kiện, sau lại thêm vào “trong một khoảng thời gian cố định”, thì như thế, trong Bồ Tát Địa liệt kê các điều kiện để phạm tội với tâm phiền não bậc thượng lại không đầy đủ. Còn nếu để mặc bất cứ nhà chú giải nào cũng có thể tăng thêm điều kiện, thì số điều kiện có thể sẽ trở thành quá nhiều, đến vô cùng tận. Điều này cũng lại không hợp lý.

Như phần sau sẽ nói đến, việc thiết lập “trong khoảng thời gian cố định”, cũng không phải là bản nghĩa của Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh. Kinh đó nói: “Ưu Ba Ly! Do ý nghĩa này, ta vì chư Bồ tát thuyết minh khai giới và giá giới, còn đối với Thanh văn chỉ thuyết minh giá giới. Nay Ưu Ba Ly! Nếu chư Bồ tát phát tâm tu hành trong pháp Đại thừa, lúc sớm mai phạm giới, đến khoảng giữa trưa không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại; nếu lúc giữa trưa phạm giới, đến khoảng xế chiều không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại; nếu lúc xế chiều phạm giới, đến khoảng đầu đêm không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại; nếu lúc đầu đêm phạm giới, đến khoảng nửa đêm không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại; nếu lúc nửa đêm phạm giới, đến khoảng cuối đêm không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại; nếu lúc cuối đêm phạm giới, đến khoảng sớm mai không xả bỏ tâm Nhất thiết trí, thì giới thân của vị Bồ tát đó không bị hủy hoại. Nay Ưu Ba Ly! Do ý nghĩa này, ***các vị hành giả Bồ tát thừa, thọ trì khai giới giá giới, giả sử nếu có phạm giới, không nên đánh mất niềm tin, sinh khởi ưu sầu hối hận một cách quá đáng, tự làm náo loạn tâm mình.*** Còn như các hành giả Thanh văn thừa, nếu như phạm giới, tức là hủy hoại tịnh giới của Thanh văn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn trì giới là để đoạn trừ phiền não, như cứu đầu đang bị cháy,²² lòng chỉ mong cầu chứng đắc Niết bàn, do ý nghĩa này, nên gọi là Thanh văn thừa chỉ thọ trì giá giới.” Trong đây nói lúc sớm mai phạm tội, tức là phạm tội căn bản.

Hỏi: Làm sao biết đó là tội căn bản?

Trả lời: Theo như câu trả lời trong kinh, hành giả Bồ tát thừa thọ trì khai giới giá giới, hành giả Thanh văn thừa chỉ thọ trì giá giới, lại nữa, ý nghĩa tổng quát của Kinh muốn nói: “Học xứ Bồ tát có thể khôi phục thanh tịnh, còn chỗ Thanh văn phạm, không thể khôi phục thanh tịnh.” Do đây nói đó là tội căn bản, có nghĩa là trong Thanh văn thừa, ngoại trừ tội căn bản ra, phạm các tội khác đều có thể khôi phục thanh tịnh, như vậy, pháp khôi phục thanh tịnh này, không phải chỉ riêng Bồ tát thừa mới có.

Hỏi: Nếu vậy, đã gọi là căn bản tội, lại nói giới thân không hủy hoại, đây là phạm vào lỗi tương vi, bởi vì phạm giới tức là giới thân bị hủy hoại?

Trả lời: Không có lỗi tương vi. Như Học Tập Luận dẫn Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “Giới thân vô biên”, nghĩa là nếu như trong giới luật của Bồ tát thừa, phạm tội căn bản mà không thể thọ lại, thì đây tức là hữu biên (có giới hạn), là có lúc cùng tận. Thế nhưng, trong giới luật Bồ tát có thể thọ lại, cho nên gọi là vô biên.

Như phần trên nói về “trong một khoảng thời gian cố định”, ắt là trong khoảng thời gian đó phải nên khôi phục thanh tịnh. Như Kinh nói: “Lúc sớm mai phạm giới đến khoảng giữa trưa”, thế nhưng, khoảng thời gian giữa sớm mai và giữa trưa không phải là cố định; lại nữa, Luận chỉ nói là không có tâm hổ thẹn, cùng nói đến sự thấy lỗi lầm hoặc không thấy lỗi lầm, còn trong Kinh chỉ nói đến sự không xả bỏ tâm Bồ đề, cả hai đều không nói rằng có “một khoảng thời gian cố định”.

Hỏi: Nếu vậy, Đạo Cụ Luận Sơ nói: “Sáu thời lại chia làm mười tám phần, buổi sớm mai có ba phần, trong hai phần đầu nếu

phạm giới, trong phần sau nếu không quên Bồ đề tâm, thì không bị mất Bồ tát giới thể, năm thời sau cũng tương tự như vậy”, ý nghĩa phải nên giải thích như thế nào?

Trả lời: Nên biết đoạn văn này là chỉ tướng trạng của các đệ tử đầy đủ giới luật tu hành đạo hạnh, phía trước còn có một câu “xa lìa bạn ác, tu tập đúng thời”, nói “tu tập đúng thời”, nghĩa là trong sáu thời, mỗi thời chia làm ba phần, trong hai phần đầu, nếu có phạm giới, đến phần thứ ba, cần phải không được quên tâm Bồ đề, mà tu tập sự khôi phục thanh tịnh. Nếu không như vậy, ắt sẽ có sự tương phản với nghi quỹ tu hành khôi phục sự thanh tịnh của hành giả bậc hạ. Số văn cũng nói: “Hành giả bậc thượng có thể khôi phục thanh tịnh trong phần đầu, hành giả bậc trung khôi phục thanh tịnh ở phần thứ hai, còn hành giả bậc hạ đến phần thứ ba mới khôi phục thanh tịnh.” Nếu nói thêm nữa, bộ số này còn nói thêm năm mươi bốn nghi quỹ tu tập để khôi phục thanh tịnh, nghĩa là hành giả bậc thượng thượng ở phần đầu tiên của sát na, bậc thượng trung ở phần thứ hai của sát na, bậc thượng hạ ở phần thứ ba của sát na mới được khôi phục thanh tịnh. Trong đây nói nghi quỹ tu hành để khôi phục thanh tịnh, chứ không nói đến khoảng thời gian phạm tội tha thắng.

Hỏi: Nếu vậy, phạm tội căn bản mà vẫn có thể khôi phục thanh tịnh, vậy giới này là Bồ tát giới? Hay là giới biệt giải thoát trong Bồ tát thừa? Nếu là Bồ tát giới, mà lại nói rằng “không xả bỏ nguyện tâm thì có thể khôi phục thanh tịnh”, điều này không hợp lý. Tuy đã xả bỏ nguyện tâm, nếu sau đó lại phát tâm, thì Bồ tát tịnh giới đã thọ trước kia, cũng có thể sinh khởi lại; còn nếu là giới biệt giải thoát trong Bồ tát thừa, các Kinh điển Đại Tiểu thừa phần lớn nói rằng tội tha thắng hủy phạm giới biệt giải thoát, sau đó dù có

thọ lại cũng không thể nào sinh khởi lại giới biệt giải thoát đã thọ trước kia. Như vậy, nếu dùng lý do xả bỏ hay không xả bỏ nguyện tâm mà phân biệt tội phạm có thể khôi phục hay không, điều này có vẻ không hợp lý!

Trả lời: Ngài Tịch Thiên Bồ tát viện dẫn Kinh này, chứng minh ***uy lực của Bồ đề tâm có thể làm thanh tịnh các tội đã phạm***. Ý của Kinh muốn nói, tuy là hủy phạm tội trọng căn bản, nếu như không xả bỏ nguyện tâm, có thể khôi phục thanh tịnh. Tuy do vì hủy phạm tội trọng căn bản, chướng ngại giới pháp sinh khởi trở lại, thế nhưng, lại do vì không xa lìa uy lực của Bồ đề tâm, cho nên có thể trừ khử những chướng ngại đó, do đây có thể chứng minh rằng điều ngài nói là giới biệt giải thoát trong Bồ tát thừa. Bởi vì, *nếu là Bồ tát giới, thì tuy đã xả bỏ nguyện tâm, sau này vẫn có thể sinh khởi trở lại*. Lại như phần trước đã dẫn **Nhập Bồ Tát Hành Luân** nói:

Nếu như không quả quyết,
Phát tâm, lại tạo ác,
Lên xuống cõi luân hồi,
Khó mà chứng đạo quả. (Phẩm thứ tư, kệ 11)

Đây là nói đến hoạn nạn của sự xả bỏ Bồ đề tâm. Nói “không quả quyết”, có nghĩa là xả bỏ nguyện tâm. **Nhập Bồ Tát Hành Luân** còn nói: “Trong Bồ tát giới đạo, tội xả tâm nặng nhất”. Nói “Phát tâm, lại tạo ác, lên xuống cõi luân hồi”, có nghĩa là sau khi phạm tội căn bản, lại có thể sinh khởi lại uy lực của nguyện tâm, do uy lực của nguyện tâm, lại có thể sinh khởi lại tịnh giới.

Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “Thế nào gọi là giới biệt giải thoát của Thanh văn thừa? Thế nào gọi là giới biệt giải thoát của Duyên giác thừa? Thế nào gọi là giới biệt giải thoát của Bồ tát thừa?” Đây là hỏi giới biệt giải thoát của Bồ tát, chứ không phải Bồ tát giới!

Lại như, trong kinh, khi giải đáp giới biệt giải thoát của Đại Tiểu thừa nói: “Vì chư Bồ tát giảng nói khai giới, giá giới, vì chư Thanh văn chỉ nói giá giới.” Điều này phần trước đã nói tường tận, cho nên biết đây là giới biệt giải thoát trong Bồ tát thừa.

Hỏi: Nếu vậy, không xả bỏ nguyện tâm, có thể khôi phục sự thanh tịnh, còn xả bỏ nguyện tâm thì không thể khôi phục sự thanh tịnh, sự khác nhau thế nào?

Trả lời: Đây không có nghĩa là bất cứ người nào đầy đủ giới biệt giải thoát, phạm tội căn bản đều có thể khôi phục sự thanh tịnh, mà không có sự khác biệt. Nghĩa là vị Bồ tát đầy đủ giới biệt giải thoát, nếu phạm tội căn bản của giới biệt giải thoát, sau khi phạm vẫn không hoàn toàn xả bỏ nguyện tâm đã phát trước kia, trong trường hợp này có thể thọ lại; còn như vị Bồ tát đó phạm tội căn bản, trong ba thời: gia hành, chánh hành, hoặc chung hành, nếu xả bỏ nguyện tâm đã phát trước kia, thì trong trường hợp này ắt không thể thọ lại. Nếu nói trong trường hợp này vẫn có thể thọ lại, thì hành giả Tiểu thừa cũng có thể thọ lại, đây là một điều sai lầm to tát.

Sớm mai, nghĩa là từ lúc mặt trời mới mọc cho đến khi mặt trời sắp đứng bóng, giữa trưa, là chỉ giới hạn thời gian cuối cùng của sự phạm giới. Như vậy, phạm tội căn bản, sau đó nếu hoàn

toàn không xả bỏ nguyện tâm đã phát, do uy lực của nguyện tâm, tội căn bản này không thể chướng ngại sự sinh khởi trở lại của giới luật, còn nếu xả bỏ nguyện tâm, tức là không thể trừ khử được lực lượng chướng ngại đó, không thể khôi phục được sự thanh tịnh.

Lại nữa, ngay trước khi phạm tội căn bản, nếu xả bỏ nguyện tâm, thì không khôi phục được sự thanh tịnh, cho nên *hành giả sau khi phạm tội, tuyệt nhiên không nên xả bỏ nguyện tâm*. Mật ý của Kinh này khi nói rằng “không xả bỏ”, có nghĩa là không xả bỏ nguyện tâm đã từng phát trước kia, chứ không có nghĩa là lúc phạm giới vẫn chưa phát nguyện tâm.

Phương Thiên Thiện Xảo Kinh nói: “Thiện nam tử! Ông nay nên biết, Bồ tát ma ha tát đầy đủ phương tiện thiện xảo, hoặc có lúc gặp ác tri thức dẫn dụ làm cho thoái thất tâm Vô thượng Bồ đề, phạm tội cực nặng. Bồ tát lúc đó nên suy ngẫm như thế này: *Ta nay nếu như lập tức thủ chứng Niết bàn, không còn có thể mặc áo giáp tinh tiến, làm sao có thể độ thoát tất cả chúng sanh thoát khỏi sự khổ não của luân hồi. Ta nay không nên vì nhân duyên này mà hủy hoại tâm Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì ta muốn ở trong luân hồi độ thoát tất cả chúng sanh. Dù có phạm tội cực nặng, cũng quyết không đoạn diệt thiện căn!* Thiện nam tử! Đây gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ tát ma ha tát. Lại nữa, nếu như có vị xuất gia Bồ tát, có tâm phân biệt, sinh khởi tác ý khác biệt, phạm bốn tội căn bản, nếu như vị đó đầy đủ phương tiện thiện xảo, phải lập tức sám hối, ta nói vị Bồ tát đó là người vô tội.” Cho nên ***người phạm tội, phải là Bồ tát, mới có thể thọ lại***; còn nếu là *người trước đó đã thuộc về các Thừa khác, phạm tội căn bản, sau đó dù có thọ giới làm Bồ tát, cũng không thể thọ lại giới biệt giải thoát*.

Hai Kinh trên đây đều là nói về giới biệt giải thoát trong Bồ tát thừa.

Có người hiểu lầm ý nghĩa này, cho rằng giới biệt giải thoát trong Đại thừa, tuy phạm tội tha thắng, sau đó có thể thọ lại, sẽ đắc giới thể như trước kia. Phải biết chỉ có Bồ tát Đại thừa (trước đó đã thọ Bồ tát giới, sau đó phạm tội căn bản của giới biệt giải thoát), mới có thể thọ lại, chứ không phải tất cả mọi người trong Đại thừa đều được như vậy.

Lại nữa, Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói giới biệt giải thoát của Đại, Tiểu thừa có ba loại khác biệt: (1) “tận hình thọ giới” và “không phải tận hình thọ giới”, (2) “khai giới và giá giới” và “chỉ có giá giới”, (3) “thâm nhập giới” và “yếm ly giới”.

Có người cho rằng “thâm nhập giới” tức là biệt giải thoát giới của Bồ tát thừa, sau khi chết vẫn không xả (không mất giới thể), cho nên gọi là thâm nhập. Điều này không đúng, bởi vì Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “Bồ tát như vậy thành thực thiện căn, tất cả phiền não phải nên dần dần trừ tận, không nên trong một đời trừ tận các phiền não. Các hành giả Thanh văn, thành thực thiện căn, như cứu đầu đang bị cháy, nhắm đến không khởi một niệm thọ thêm thân đời sau.” Như vậy, hai ý nghĩa thâm nhập và yếm ly, có nghĩa là từ phương diện thọ thêm thân đời sau hay không mà nói.

Phần trên đã biện minh tường tận những ý nghĩa muốn nói. Dưới đây là nói về bốn nghĩa của sự phạm tội với ba phiền não.

Hỏi: Trong phiền não bậc thượng có bốn phần: (1) hoàn toàn không có tâm hổ thẹn, (2) không thấy lỗi lầm, hai phần này

thuộc về “giá thuyết”, (3) sau lại muốn phát động, (4) cảm thấy rất ưa thích, hai phần này thuộc về “biểu thuyết”. Những phần này phải bắt đầu phát khởi từ lúc nào đến lúc nào (nghĩa là trong khoảng thời gian nào)?

Trả lời: (1) hoàn toàn không có tâm hổ thẹn, (2) không thấy lỗi lầm, hai phần giá thuyết này, từ lúc bắt đầu phát khởi, cho đến lúc chánh hành đầy đủ, thường không gián đoạn. Trong khoảng thời gian này, nếu khởi tâm hổ thẹn, hoặc nếu thấy được lỗi lầm, chỉ cần một trong hai việc hiện khởi, thì sự phạm tội không đầy đủ điều kiện để gọi là phạm tội với tâm phiền não bậc thượng.

Tương tự, (3) sau lại muốn phát động, (4) cảm thấy rất ưa thích, hai phần biểu thuyết này, cũng trong khoảng thời gian đó phát khởi, nhẫn đến khi chánh hành đầy đủ, trong khoảng trung gian, không xả bỏ ý niệm đó; chứ không có nghĩa là cùng một ác hành, hiện hành không gián đoạn.

Hỏi: Thế nào là phạm với tâm phiền não bậc trung? Tâm phiền não bậc hạ?

Trả lời: Các ngài Hải Vân, Đức Quang, Tối Thắng Tử và bản cật dịch của Bồ Tát Giới Nhi Tập Tung đều không thấy nói đến, chỉ có Trát Mục Tra Số nói có hai nghĩa: (1) Tự tông nghĩa: nghĩa là do phiền não sinh khởi, phiền não tùy thuận, phiền não hộ trì mà trở thành phạm tội với tâm phiền não bậc hạ, trung, hoặc thượng. Lúc đầu là tạm thời sinh khởi, kể đó sau khi sinh khởi, tâm tùy thuận theo phiền não, cuối cùng là phiền não thế lực tăng thượng (càng lúc càng mạnh). (2) Tha tông nghĩa: nghĩa là như Bảo

Vân Kinh nói: “Y vào ba phẩm hạ, trung, thượng của ba độc tham, sân, si mà phân biệt.”

Hai lối thuyết minh vừa nói trên, nghĩa lý đều không hợp. Lại nữa, Giới Nhi Thập Tung Tân Sở nói: “Đối với bốn phần vừa đề cập ở trên, tăng thêm một phần “người khác khuyên gián không chịu xả bỏ”, nếu đầy đủ năm phần này thì là phiền não bậc thượng; nếu như người khác can gián mà xả, thì là phiền não bậc trung; nếu như không cần đợi người khác can gián, tự mình có thể xả bỏ ác hành, thì là phiền não bậc hạ.”

Điều này cũng phi lý, bởi vì nếu các bộ số giải có thể tăng gia các phần, thì số phần mà Bồ Tát Địa thiết lập sẽ tăng gia vô hạn lượng.

Hỏi: Như vậy, thế nào mới là nghĩa chánh?

Trả lời: Thượng sư Vô Trước chỉ nói phạm với ba tâm phiền não khác biệt. Trước hết, cần phải biết rõ ba loại này, nếu như không biết, ắt không thể biện biệt là khi phạm tội nào thì phải ở trước ba bồ đặc già la làm pháp sám hối? Phạm tội nào thì phải ở trước một bồ đặc già la làm pháp sám hối? Điều này trong các phẩm khác (trung, hạ), đại khái, chưa nói tường tận, phải ở trong phẩm phiền não bậc thượng mới có thể hiểu rõ.

Trong ba điều kiện (1) cảm thấy rất ưa thích, (2) sau lại muốn phát động, (3) không thấy lỗi lầm, thì điều kiện (3) không thấy lỗi lầm, là phiền não thô trọng so với hai phần đầu. Tuy có hai điều kiện đầu (1) và (2), nếu như thấy lỗi lầm thì có thể sinh khởi tâm hổ thẹn. Nếu như hoàn toàn không thấy sự tai hại, ắt là không

thể sinh khởi tâm hổ thẹn. Lại nữa, thấy được lỗi lầm, tuy không có nghĩa nhất định sẽ sinh khởi tâm tầm quý, thế nhưng nếu không thấy lỗi lầm, ắt là tâm tầm quý nhất định không sinh khởi! Cho nên lúc các điều kiện của tâm phiền não bậc thượng chưa đầy đủ, nếu như thấy được lỗi lầm, nên biết đây gọi là phạm với tâm phiền não bậc trung, nghĩa là, không thấy lỗi lầm, nhất định không có tâm hổ thẹn, còn như có tâm hổ thẹn, nên biết nhất định là đã thấy lỗi lầm, cho nên, hai điều kiện này, không cần phải phân cắt chúng ra.

H4. Có thể khôi phục sự thanh tịnh đặc thù

Nếu chư Bồ tát, tạm thời phạm một pháp tha thắng xứ, không phải là tức thời mất giới Bồ tát luật nghi, ý nghĩa này không giống như giới biệt giải thoát (Tiểu thừa) là nếu phạm tha thắng xứ liền mất giới luật nghi đã thọ, giống như Luân Du Già nói: “Như các tỳ kheo phạm pháp tha thắng, tức thời bị mất giới biệt giải thoát”.

Lại không giống như giới biệt giải thoát, phạm pháp tha thắng xứ, sau khi mất giới, nếu như thọ lại, giới thể không còn sinh khởi trở lại, như Luân Du Già nói: “Nếu chư Bồ tát, do đây hủy phạm xả bỏ Bồ tát luật nghi giới, trong pháp tu hiện đời, có thể thọ lại, không phải là mất hẳn, còn các tỳ kheo an trụ trong giới luật nghi, nếu phạm giới tha thắng xứ, trong pháp tu hiện đời không thể thọ lại.”

Có người nói phạm pháp tha thắng xứ một lần, không gọi là mất giới, phải phạm đi phạm lại nhiều lần mới gọi là mất giới. Điều này không phải là Luân Du Già nói.

Giả thiết có người hỏi: “Trong giới biệt giải thoát, nếu phạm pháp tha thắng xứ, nếu như phát lồ, thì giới thể bị mất trước kia có thể thọ lại. Đức Như Lai nói như vậy gọi là đầy đủ, tại sao nói là không thể thọ lại?”

Trả lời: Ở đây có hai cách thuyết minh. (1) Có người cho rằng nếu phát lồ thì không gọi là tha thắng. Phạm các tội tha thắng đều có sự phú tàng (che dấu), nếu có sự che dấu, thì có thể nói người đó không thể thọ lại. Ở đây muốn nói người phạm tội đó là hành giả Tiểu thừa, như phần trên đã nói. (2) Có người cho rằng dù có phát lồ cũng vẫn gọi là tội tha thắng, ý muốn nói rằng giới biệt giải thoát, không phải giống như giới luật nghi của Bồ tát là tuy tạm thời xả bỏ, vẫn có thể thọ lại. Vì sao? Bồ tát thọ lại, có thể sinh khởi thanh tịnh Bồ tát luật nghi, còn hành giả Tiểu thừa thọ lại, không thể sinh khởi lại thanh tịnh tỳ kheo luật nghi. Ở đây phải quán sát sự khác biệt của người và cảnh, mới có thể đối với giới luật nghi, nói là đầy đủ hay không đầy đủ.

Hỏi: Vì sao giới biệt giải thoát không thể khôi phục thanh tịnh, còn Bồ tát luật nghi giới, tuy phạm tội tha thắng, vẫn có thể khôi phục thanh tịnh?

Trả lời: Ngài Hải Vân Luận Sư nói: “Đối với các hành giả Thanh văn, giới biệt giải thoát là chỗ nương tựa của các thiện pháp, nếu hủy hoại giới này, phát động mạnh mẽ tâm không hổ thẹn, vì hủy hoại tâm hổ thẹn, cho nên trong pháp tu hiện đời, không còn có thể thọ lại giới luật nghi; Bồ tát không phải vậy, nghĩa là chư Bồ tát, trong pháp tu hiện đời, tuy đã xả bỏ Bồ tát tịnh giới luật nghi, nhưng vẫn có thể thọ lại, là do vì chưa hủy hoại tâm hổ thẹn.”

Điều này cho rằng đối với sự phạm tội tha thặng của giới biệt giải thoát, có thể hủy hoại tâm hổ thẹn, còn đối với sự phạm tội Bồ tát luật nghi, không hủy hoại tâm hổ thẹn, và hơn nữa, giới biệt giải thoát là chỗ nương tựa của các thiện pháp. Ngài Tối Thắng Tử và Trát Mục Tra Sở cũng nói như vậy. Thế nhưng, nếu y theo sự giải thích vừa nói trên, giả sử có người đặt câu hỏi: “Người phạm tội tha thặng của giới biệt giải thoát, nếu thọ Bồ tát giới, thì giới thể có sinh khởi hay không?” Nếu y theo lối giải thích như trên, thực khó mà giải đáp.

Giải thích ý nghĩa này, như phần trên đã dẫn Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “Trong Thanh văn thừa, phạm tội tha thặng, tức là phá hoại Thanh văn tịnh giới. Vì sao? Thanh văn trì giới, vì để đoạn trừ phiền não, như cứu đầu đang bị cháy. Do ý nghĩa này, nên gọi là Thanh văn thừa chỉ có thọ trì giá giới”. Phương Tiên Thiên Xảo Kinh nói: “Lúc đó Bồ tát, tự suy ngẫm như thế này: *Ta nay nếu như lập tức thủ chứng Niết bàn, không còn có thể mặc áo giáp tinh tiến, làm sao có thể độ thoát tất cả chúng sinh thoát khỏi sự khổ não của luân hồi?*”

Lại nữa, biệt giải thoát giới, hành giả của hai thừa Đại, Tiểu đều có đủ, cho nên Đại, Tiểu thừa đều phải có đủ biệt giải thoát giới. Thế nhưng, biệt giải thoát giới, chính là vì hành giả Tiểu thừa mà chế định, nghĩa là hành giả Tiểu thừa, trong pháp tu hiện đời, tuy chưa biết được là có thể chứng quả A la hán hay không, thế nhưng, bọn họ đều ở trong hiện đời, vì muốn tận trừ, cho nên mặc áo giáp tinh tiến, thế đoạn trừ phiền não, như cứu đầu đang bị cháy. Bọn họ thọ giới là vì muốn hiện đời vĩnh viễn đoạn trừ các phiền não, giả như phạm tội tha thặng mà lại phú tàng, thì trong đời hiện tại không thể tận trừ phiền não, do đó đánh mất ý nghĩa căn bản

của sự thọ giới. Còn chư Bồ tát, đối với giới Bồ tát, tuy phạm tội căn bản, vẫn không làm mất ý nghĩa căn bản của sự thọ giới, do đây, chư Bồ tát và các tỳ kheo, đối với các điều giới đã phạm, có thể khôi phục sự thanh tịnh hay không, nên chuẩn cứ vào đây thì biết. Vừa rồi dẫn cứ hai kinh, có thể chứng minh ý nghĩa này. Lại nữa, Tỳ Nai Da Kinh Đại Sở nói: “Vì muốn giải thoát, nên thọ tịnh giới. Nếu phạm tội tha thắng, liền xa lìa sự giải thoát, tuy có thọ giới lại, cũng đồng như không thọ giới.”

H5. Nhân duyên xả bỏ Bồ tát tịnh giới

Nói sơ lược, có hai nhân duyên xả bỏ Bồ tát tịnh giới luật nghi: (1) xả bỏ đại nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, (2) do tâm phiền não bậc thượng phát động phạm tội tha thắng.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao Nhiếp Quyết Trạch Phần nói có bốn loại? Như Nhiếp Trạch Phần nói: “Lại nữa, nhân duyên xả giới có bốn loại: (1) quyết định phát khởi *tâm khác biệt với tâm lúc thọ giới*, (2) tuyên thệ xả giới trước một người hiểu rõ ý nghĩa của sự xả giới, (3) tổng biệt hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ, (4) dùng tâm phiền não bậc thượng hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ. Do nhân duyên này, nên biết là bị mất Bồ tát luật nghi.” Xin hỏi, hai phần (3) và (4) khác nhau thế nào?

Trả lời: Trong Bồ Tát Địa nói có hai nhân duyên bị mất giới, trong Nhiếp Quyết Trạch Phần, số mục của nhân duyên nhiều hơn, thế nhưng cả hai không có sự tương vi. Bồ Tát Địa là bản nghĩa, còn Nhiếp Quyết Trạch Phần là giải thích. Trong đây, nhân duyên xả giới thứ nhất, có nghĩa là phát tâm Tiểu thừa, phát khởi tâm nguyện khác với tâm nguyện lúc mới thọ giới là *vì muốn lợi ích hữu*

tình cho nên nguyện thành chánh giác. Do vì phát tâm khác biệt với tâm lúc ban sơ, cho nên gọi là xả bỏ nguyện tâm.

Lại nữa, nhân duyên xả giới thứ hai, nghĩa là trước mặt một người hiểu ý nghĩa của sự xả giới, cố ý phát khởi lời thệ nguyện xả giới, để cho đối phương hiểu rõ. Điều này không giống với sự xả giới biệt giải thoát. Các hành giả Tiểu thừa, do vì không thể thọ trì giới luật nên xả giới, tự làm đứt đoạn phước đức của sự trì giới, bởi vì chỉ xả bỏ giới pháp của chính mình, cho nên không phải là tội lớn, còn ở đây là xả bỏ Bồ tát tịnh giới luật nghi, *hủy hoại lời thệ nguyện to lớn đã phát khởi lúc ban đầu là làm lợi ích an lạc cho vô biên hữu tình, do đó người xả giới Bồ tát sẽ bị đọa vào ác đạo, chịu khổ lâu dài*, bởi vì, nếu phá hoại sự an lạc của một hữu tình còn bị đọa ác đạo, huống hồ là hủy phạm sự an lạc lợi ích của tất cả chúng sinh! Như Nhập Bồ Tát Hành Luận nói:

Nếu thệ độ chúng sinh,
Mà không siêng tu hành,
Tức là khinh hữu tình,
Đời sau sẽ về đâu?
Tâm đã nghĩ bố thí,
Dù là ít vật quèn,
Nếu sển tiếc không cho,
Kinh nói đọa ngạ quỷ!
Huống mời chúng sinh đến,
Buổi tiệc Vô thượng lạc,
Sau đó lừa chúng sinh,
Khó mà sinh cõi lành! (Phẩm thứ tư, kệ 4-6)

Lại nói:

Dù chỉ trong phút giây,
Chướng ngại Bồ tát đức,
Vì tổn hữu tình lợi,
Quả ác thú vô biên!
Hoại niềm vui một người,
Tự thân còn bị tổn,
Huống hủy sự an lạc,
Của tất cả chúng sinh? (Phẩm thứ tư, kệ 9-10)

Do sự xả bỏ Bồ đề nguyện tâm, hoặc tuy là chưa xả bỏ nguyện tâm (thệ nguyện độ thoát tất cả chúng sinh), nhưng lại xả bỏ Bồ đề hành tâm (nghĩa là thệ nguyện tu tập tất cả công hạnh lợi ích chúng sinh), thì tội cũng như nhau, cho nên không nên xả bỏ bất cứ tâm hạnh nào của mình! Như vậy, *lúc thọ giới Bồ tát, trước tiên phải nên suy ngẫm kỹ càng, nếu không chịu suy nghĩ kỹ, sau này sẽ trở thành một sự tai hại rất lớn!* Học Tập Luân viện dẫn ba bộ kinh, để chứng thành ý nghĩa này, như phần trên đã nói qua.

Kế đến, nhân duyên xả giới thứ ba, phần trên đã nói tổng quát và chi tiết về sự hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ.

Lại nữa, đối với nhân duyên xả giới thứ tư, lại nói dùng tâm phiền não bậc thượng hủy phạm bốn pháp tha thắng xứ, nghĩa là nếu chưa đủ các điều kiện để phạm với tâm phiền não bậc thượng, thì tuy phạm tội tha thắng, cũng chưa phải là tội tha thắng thực sự, mà cũng không gọi là nhân duyên xả giới. Nếu phạm nhân duyên xả giới thứ tư, cũng tức là phạm nhân duyên xả giới thứ ba, cho nên phải nói như sau: “Dùng tâm phiền não bậc thượng riêng phạm một pháp tha thắng xứ, cùng sự phạm tổng quát nhiều pháp tha thắng

xứ, đây gọi là hai nhân duyên xả giới thứ ba và thứ tư.” Trong Bồ Tát Địa nói nhân duyên xả giới thứ hai, thì trong Quyết Trạch Phần chia làm hai nhân duyên, cho nên nói có bốn loại, đây chỉ là sự liệt kê chi tiết.

Lại nữa, Bồ tát thành tựu đầy đủ tịnh giới, nếu như không bỏ đại nguyện Vô thượng Bồ đề, không xả bỏ Bồ tát tịnh giới đã thọ, cũng không phạm giới tha thắng xứ với tâm phiền não bậc thượng, tuy phải thọ sinh vào ba cõi thượng, trung, hạ, ở tất cả các nơi thọ sinh, sẽ không mất tịnh giới luật nghi của Bồ tát, hoặc giả, người đó sau khi chuyển thân qua đời khác, quên mất bốn niệm, khi gặp gỡ thiện tri thức, vì muốn “*giác ngộ Bồ tát giới niệm*”, tuy nhiều lần thọ lại, vẫn không phải là thọ giới thể mới.

Trong đây nói ba cõi thượng, trung, hạ, như các sơ giải nói: “Thượng, tức là cõi trời, trung, tức là cõi người, còn hạ tức là ba ác đạo. Hoặc do nguyện lực mà sinh vào các cõi đó, hoặc vì muốn làm lợi ích tất cả hữu tình mà sinh vào cõi đó, hoặc là do nghiệp lực mà sinh vào cõi đó.”

Lại nữa, ngài Tối Thắng Tử và Trát Mục Tra Sơ đều nói: “Tuy thọ sinh vào các cõi khác nhau, nhưng chung cục không còn tạo tác những nghiệp mà Bồ tát không nên tạo tác.” Đây là do Bồ tát có đầy đủ năng lực an trụ trong tịnh giới.

G2. Các tội vi phạm. Có hai phần:

H1. Nói tổng quát.

Vị Bồ tát an trụ trong tịnh giới luật nghi của Bồ tát, đối với sự vi phạm hoặc không vi phạm, nhiễm ô hoặc không nhiễm ô,

cùng bậc thượng, trung, hạ, phải nên biết rõ. Ở đây nói có sự vi phạm hay không vi phạm, vi phạm nhiễm ô hay không nhiễm ô, trong phần vi phạm sẽ nói rõ từng việc. Còn bậc (phẩm) thượng, trung, hạ sẽ được nói ở phần sau.

H2. Giải thích tường tận. Có hai phần:

I1. Vi phạm lục độ nhiếp thiện pháp giới. Có sáu phần:

J1. Chương ngại Bồ thí. Có năm phần:

K1. Chương ngại tài thí (vi phạm thứ nhất).

Kệ nói: “Không dùng ba môn cúng Tam bảo”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, trong mỗi ngày, hoặc đối với Đức Như Lai, hoặc đối với tháp miếu, hoặc đối với Chánh pháp, hoặc đối với Kinh luận, hoặc đối với chúng tăng, nghĩa là các vị Bồ tát đang địa ở mười phương, nếu như không dùng phẩm vật, dù ít dù nhiều, để cúng dường, hoặc tối thiểu cung kính một lạy, hoặc dùng một bài kệ bốn câu để tán thán công đức chân thật của Phật pháp tăng, hoặc trong một niệm sinh khởi lòng tin thanh tịnh, tưởng nghĩ đến công đức chân thực của Tam bảo, mà để luống uổng ngày tháng, đây gọi là phạm nhiễm ô học xứ của Bồ tát; nếu như vì không cung kính, lười biếng, nhút nhát mà không cúng dường, thì cũng gọi là phạm nhiễm ô; nếu như vì lầm lẫn, lơ đãng mà vi phạm, thì gọi là phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc thân kinh thác loạn; hoặc đã chứng nhập sơ địa, thường không vi phạm, vì các Bồ tát chứng nhập sơ địa, cũng giống như các tỳ kheo đã chứng sơ quả,

đối với Tam bảo Phật pháp tăng, thường thường như pháp cúng dường, cung kính thừa sự.

Nếu như đã quy y Tam bảo, lại còn phát tâm Đại Bồ đề, thì tâm phải nên hướng về Tam bảo, mỗi ngày đều phải thân cận phụng sự Tam bảo, không để có một ngày gián đoạn, nếu không như vậy, tức thành vi phạm. Trong đây có ba phần:

1/ Đối tượng để cúng dường: nghĩa là Phật, pháp, tăng. Đối với Đức Như Lai hoặc tháp miếu của Ngài, hoặc đối với Chánh pháp, hoặc Kinh điển ghi chép Chánh pháp, nghĩa là tạc Tổ đất lăm (kinh), Ma đất lý ca (luận) của Bồ tát, hoặc đối với tăng già, nghĩa là chư vị Bồ tát đang địa ở mười phương thế giới. Ở đây, “Như Lai”, tức là Phật tự tính thân (pháp thân), “tháp miếu”, tức là hình tượng của Ngài, “Chánh pháp”, tức là Diệt đế, Đạo đế, là pháp có thể chứng đắc, “Kinh điển”, tức là kinh, luận, v.v..., đây là pháp có thể giáo hóa chúng sinh, “Bồ tát tạc”, tức là pháp Đại thừa; “tăng già”, tức là các bậc thánh Bồ tát đã đang địa; “đối với Đức Như Lai”, tức là đối với Đức Như Lai, hoặc tháp miếu của Ngài, chỉ cần một trong hai là được; “đối với Chánh pháp”, tức là đối với pháp có thể chứng đắc, hoặc pháp có thể giáo hóa, chỉ cần một trong hai là được; “tạc tổ đất lăm, ma đất lý ca”, nghĩa là kinh, luận, v.v..., chỉ cần một trong hai là được; “đối với Đức Như Lai, hoặc đối với Chánh pháp, hoặc đối với tăng già”, nghĩa là đối với Tam bảo, tùy một Bảo mà cúng dường, tuy cúng dường một phần ít như vậy, cũng không vi phạm.

2/ Vật cúng dường: tức là vật cúng dường cho Tam bảo, lớn nhỏ ít nhiều đều được. Ít nhất là lạy một lạy, hoặc đọc tụng một bài kệ bốn câu tán thán công đức chân thực của Phật pháp tăng, hoặc

dùng một niệm tâm thanh tịnh tưởng niệm công đức chân thực của Tam bảo. Không nên xả bỏ ba việc cúng dường như vậy đối với Tam bảo; hoặc đối với một Bảo trong Tam bảo, đem cả ba việc mà tu cúng dường. “Tối thiểu đem thân cung kính lạy một lạy”, Trát Mục Tra Sớ nói: “Hoặc ngày hoặc đêm, giả như không thể rộng tu các phước đức, cùng các hạnh cúng dường, ít nhất phải đem thân cung kính lạy một lạy”. Do đem hương, hoa, v.v..., cúng dường, cho nên không phạm.

3/ Thời gian cúng dường: nếu như bỏ phước một ngày một đêm không chịu tu tập những sự cúng dường như trên, có thể sinh khởi tội chướng, cho nên gọi là phạm, đi ngược với pháp hành của Bồ tát cho nên gọi là vi phạm.

“Nếu như đã chứng nhập sơ địa, thường không vi phạm”, nghĩa là do vì chứng nhập sơ địa, ví như các vị tỳ kheo đã chứng nhập sơ quả, thường thường dùng vật cúng dường thù thắng thừa sự cúng dường Phật pháp tăng, như vậy, các vị Bồ tát đã chứng nhập sơ địa, thường thường như pháp cúng dường Tam bảo, cho nên nhất định không có sự vi phạm như trên, chứ không có nghĩa là các vị Bồ tát đã chứng nhập Sơ địa, tuy không cúng dường cũng không vi phạm.

Tội vi phạm này, nếu đối với học xứ, dùng tâm bất kính, lưỡi biếng không tin, bỏ bê phóng dật mà vi phạm, thì gọi là vi phạm nhiễm ô, còn nếu lơ đãng nhầm lẫn mà vi phạm, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô. Lại nữa, Tân Sớ nói: “Do vì tham, sân, si, ngã mạn, v.v..., thì gọi là vi phạm nhiễm ô, còn như lưỡi biếng lơ đãng, v.v..., mà không cúng dường thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.” Ngài Trác Long nói: “Sân, v.v..., là các tội nặng, cho nên gọi là

vi phạm nhiễm ô, còn các tội lừa dối, v.v..., thuộc về tội nhẹ, xưa nay vốn thuộc về vi phạm không nhiễm ô, như phần sau sẽ nói, thế nhưng, ở đây vẫn kết tội vi phạm nhiễm ô, bởi vì bọn họ đi ngược với những việc căn bản quyết định phải làm.”

Tân Sở nói: “Những sự vi phạm này, có thể hủy hoại hạnh phúc dường rộng lớn vi diệu trong phần nhiếp thiện pháp mà phần trước đã nói đến.”

K2. Chương ngại sự đối trị san tham (vi phạm thứ hai).

Kệ nói: “Tâm chạy theo lòng tham không đáy”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có lòng tham cầu không biết hạn chế, đối với lợi dưỡng cung kính sinh lòng tham đắm không xả, đây gọi là phạm nhiễm ô học xứ của Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: *tuy đã nỗ lực tinh tiến trừ diệt tâm tham, nhưng vì tập khí sâu nặng, vô minh che lấp, nên tâm tham vẫn còn tiếp tục hiện hành.*

Nghĩa là có sự tham muốn vô độ, hoặc không biết đủ, hoặc tâm tham muốn lợi dưỡng, cung kính, mê luyện không xả, đây là vi phạm nhiễm ô. Tội này có những trường hợp vi phạm không nhiễm ô.

Nếu như vì muốn đoạn trừ tâm tham muốn, phát khởi sự tinh tiến, tìm cách đối trị, tuy tìm cách ngăn chặn, nhưng vì tập

niêm sâu nặng che chướng, tâm tham vẫn thường hiện hành, trong trường hợp này không phạm, nhưng không phải là không có lỗi.

Tân Sở nói: “Những sự vi phạm này có thể hủy hoại sự ít muốn biết đủ, cùng sự không tham cầu danh lợi cung kính trong giới luật nghi.

K3. Chương ngại vô úy thí. Có hai sự vi phạm:

L1. Đối với thắng cảnh (vi phạm thứ ba).

Kệ nói: “Không kính bậc lão thành, có đức”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật thanh tịnh của Bồ tát, thấy các vị đồng giới Bồ tát có đức hạnh, khả kính đến, nhưng vì bị tâm kiêu mạn không chế, hoặc trong lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, không chịu đứng dậy chào hỏi, không nhường chỗ ngồi;*

Nghĩa là Bồ tát thấy các vị đồng pháp, (1) hoặc là người trì giới, hoặc là người giới lạc cao hơn mình, (2) hoặc có những công đức chân thực khả tín, đối với hai đối tượng (1) và (2) này, có thể học hỏi đạo pháp, do đó, đối với các vị ấy phải nên sinh tâm kính trọng, tin tưởng. Nếu không đứng dậy nghênh đón, không nhường chỗ ngồi, đây là vi phạm.

L2. Đối với hàng cảnh (vi phạm thứ tư).

Kệ nói: “Người đến hỏi, làm lơ không đáp”

Giới văn (tiếp): *hoặc nếu họ tới đàm luận, an ủi, hỏi han, nhưng vì bị tâm kiêu mạn không chế, hoặc trong lòng hiềm hận, không chịu trả lời một cách lễ độ, đây gọi là vi phạm niêm ô học xứ của Bồ tát. Nếu như không phải vì bị tâm kiêu mạn không chế, không có tâm hiềm hận, mà chỉ vì lười biếng, lơ đãng, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký, thì gọi là vi phạm không niêm ô.*

Những trường hợp không phạm: đang bị bệnh nặng; hoặc thần kinh thác loạn; hoặc đang ngủ mà đối phương tưởng là đang thức, cho nên đến đàm luận, an ủi, hỏi han; hoặc đang vì người khác giảng nói, biện biệt nghĩa lý Phật pháp; hoặc đang cùng người khác đàm luận, hỏi han; hoặc đang lắng nghe người khác thảo luận, biện biệt nghĩa lý Phật pháp; hoặc sợ sự trả lời của mình sẽ xúc phạm người đang giảng pháp; hoặc muốn giữ ý cho người đang giảng pháp; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn; hoặc muốn giữ ý cho đại chúng. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu có người đến hỏi han, hoặc vì họ muốn làm mình vui lòng bèn đến hỏi thăm trò chuyện, hoặc vì hỏi thăm bệnh tình, hàn huyên an ủi, hoặc vì hỏi nghĩa lý, hẳn đến tỏ lời thỉnh cầu, nếu như đối với những lời hỏi han, thỉnh cầu như vậy, không chịu giải đáp hợp lý, thỏa đáng, đây gọi là vi phạm. Nói “hợp lý”, có chú sớ giải thích là “không vì tham lợi dưỡng cung kính mà giải đáp”, còn Tân Sớ giải thích là: “tùy thuận chánh pháp mà giải đáp”, câu trả lời sau thỏa đáng hơn.

Những trường hợp không phạm như sau: Đối với hai đối tượng trên, <a> hoặc nhân vì tự thân: (1) có bệnh nặng, (2) đang

ngủ nghĩ, mà người khác tưởng là đang thức bèn đến hỏi han, đàm luận, an ủi, thưa hỏi, tuy không cung kính, hoặc không trả lời, cũng không vi phạm, hoặc nhân vì hoàn cảnh: (1) đang giảng pháp cho người khác nghe, hoặc đang thảo luận đối đáp với người khác, (2) ngoài hai đối tượng vừa nêu trên, trong lúc đang cùng những người khác nói năng, bàn luận, an ủi, (3) hoặc đang lắng nghe người khác nói pháp, hoặc đang lắng nghe người khác thảo luận, đối đáp, tuy không biểu lộ cung kính, hoặc không trả lời, cũng không vi phạm, <c> hoặc nhân vì tùy nghi: (1) nhân vì e rằng đứng dậy chào đón làm chướng ngại người khác nghe pháp, làm cho họ buồn bực, (2) vì không muốn làm cho người thuyết pháp khởi tâm buồn phiền, (3) vì muốn dùng sự không đứng dậy chào đón làm phương tiện để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa pháp ác, tu tập pháp lành, (4) vì hộ trì quy chế của tăng đoàn cho nên không đứng dậy lễ bái, nói năng, ..., (5) vì muốn phòng ngừa sự hiềm hận của nhiều người cho nên không lễ bái, nói năng. Tuy không biểu lộ sự cung kính, trả lời, cũng không vi phạm.

Ngoại trừ những duyên vừa nêu trên, nếu như vì tâm kiêu mạn, hoặc dùng tâm hiềm hận muốn tổn thương đối phương, hoặc dùng tâm giận hờn, muốn làm đối phương phiền não, mà không chào đón, v.v..., thì gọi là vi phạm nhiễm ô, còn như vì lười biếng, nhút nhát, lơ đãng, vô ký, v.v... mà phạm, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.

Tân Số nói: “Hai sự vi phạm này, có thể phá hoại sự hộ trì tâm của người khác trong giới nhiều ích hữu tình.”

K4. Chướng ngại sự bố thí của người khác. Có hai phần:

L1. Không nhận sự mời thỉnh (vi phạm thứ năm).

Kệ nói: “Không nhận lời mời của người khác”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến mời thỉnh, hoặc đến nhà họ, hoặc đến chùa khác, để cúng dường thức ăn, quần áo, cùng những vật dụng cần thiết, nhưng vì bị tâm kiêu mạn không chế, trong lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, nên không chịu đi ứng cúng, không nhận lời mời, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ của Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát, lơ đãng, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký mà không đi ứng cúng, không nhận lời mời, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: đang có bệnh, hoặc không có sức lực, hoặc thần kinh thác loạn; hoặc chỗ thỉnh ở quá xa; hoặc đường có nhiều hiểm nạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành; hoặc trước đó đã nhận lời mời ở nơi khác; hoặc đang tu tập các pháp thiện, muốn giữ cho công phu tu tập không bị gián đoạn; hoặc đang muốn chứng đắc những pháp chưa từng có; hoặc không muốn những pháp nghĩa đã nghe không bị thoái sụt ---- các trường hợp luận nghị, biện biệt nghĩa lý Phật pháp, cũng giống như trường hợp nghe pháp; hoặc biết đối phương ôm lòng mưu hại, giả vờ đến mời thỉnh; hoặc không muốn làm nhiều người khác tị hiềm; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn, không đến nơi thỉnh, không nhận lời mời, thấy đều không phạm.

Giả như có người, hoặc xuất gia, hoặc tại gia, mời đến chùa họ, hoặc đến nhà họ, phụng hiến bố thí thức ăn uống, cùng các vật dụng cần thiết như y phục, v.v..., nếu như Bồ tát vì tâm kiêu mạn,

hoặc tâm hiểm hận, hoặc cố ý muốn làm đối phương phiền não, bèn không đi ứng cúng, hoặc không nhận lời mời, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu như vì lưỡi biếng nhút nhát mà không đi ứng cúng, không nhận lời mời, thì vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> nhân vì tự thân: (1) hoặc đang bị bệnh, không có sức lực, (2) trước đã nhận lời mời của người khác, tuy không đi ứng cúng cũng không vi phạm, nhân vì đường xá nguy hiểm, có giặc cướp, thú dữ, rắn độc, v.v..., <c> nhân vì thí chủ: biết đối phương có tâm hãm hại, giả vờ mời thỉnh, tuy không đi ứng cúng, cũng không vi phạm, <d> nhân vì tùy nghi: (1) dùng sự không đi ứng cúng làm phương tiện điều phục đối phương, (2) hoặc đang tu thiện pháp không thể gián đoạn, không muốn tạm thời bỏ phước công phu, (3) vì muốn dẫn nhiếp những pháp nghĩa chưa từng nghe, hoặc không muốn những pháp nghĩa đã nghe bị thoái sụt, (4) như trường hợp nghe pháp, các trường hợp luận nghị, biện biệt nghĩa lý của pháp cũng giống như vậy, (5) vì không muốn người khác ty hiểm, (6) hoặc hộ trì quy chế của tăng đoàn, như úp bát, v.v..., tuy không đến nơi thỉnh, cũng không vi phạm.

L2. Không nhận đồ vật cúng dường (vi phạm thứ sáu).

Kệ nói: “Người cúng tài vật, không thêm nhận”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người ân cần cung kính, đem đến các loại vàng bạc, tiền tài, các món vật quý đến cúng dường, nhưng Bồ tát vì tâm hiểm hận, giận dữ, bức dọc, cự tuyệt không chịu thọ nhận, đây gọi là phạm nhiễm ô học xứ của Bồ tát, bởi vì đã xả bỏ chúng sinh; nếu*

vì lười biếng, nhút nhát, dăng trí, hoặc đang ở trong trạng thái vô ký mà cự tuyệt không thọ nhận, thì gọi là phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: hoặc biết sau khi thọ nhận, mình sẽ sinh tâm tham luyến; hoặc biết sau đó thí chủ sẽ sinh tâm hối tiếc; hoặc sau đó thí chủ sẽ phát cuồng; hoặc biết nếu nhận vật bố thí, thí chủ sẽ trở nên nghèo khổ; hoặc biết vật bố thí là vật của Tăng, hoặc vật của tháp miếu; hoặc biết vật bố thí là vật trộm cắp; hoặc biết vật bố thí sẽ đem lại nhiều phiền hà cho mình, như bị giết, bị giam, bị phạt, bị trục xuất, hoặc bị người khác hiềm nghi, quả trách. Trong những trường hợp này cự tuyệt không thọ nhận, đều không vi phạm.

Giả sử có thí chủ, ân cần cung kính đem đến các loại vàng bạc, tiền tài, các món vật quý đến cúng dường, nhưng Bồ tát vì tâm hiềm hận, giận dữ, bực dọc, cự tuyệt không chịu thọ nhận, đây là vi phạm nhiễm ô, bởi vì đã xả bỏ chúng sinh. Nếu vì lười biếng, nhút nhát mà cự tuyệt không thọ, thì vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> quán sát chính mình: biết là sau khi thọ nhận, sẽ sinh tâm đắm nhiễm, tuy cự tuyệt không thọ nhận cũng không vi phạm; đối với thí chủ: (1) e rằng sau khi bố thí xong, họ sẽ hối tiếc, (2) biết thí chủ sau khi bố thí, tâm sẽ mê loạn, (3) biết thí chủ tuy sẵn lòng bố thí tất cả, nếu như thọ nhận, họ sẽ trở nên nghèo khổ, tuy cự tuyệt không nhận, cũng không vi phạm; <c> đối với vật bố thí: (1) biết vật bố thí là vật của tăng già, hoặc là vật của tốt đồ ba (Phật và pháp), (2) biết vật bố thí là vật bị cướp đoạt, nếu thọ nhận sẽ bị nhiều khổ lụy, như bị giết, bị trói, bị xử phạt, bị hiềm nghi, hoặc bị các hình phạt như móc mắt, v.v..., tuy cự tuyệt không thọ nhận cũng không vi phạm.

Ngài Tối Thắng Tử nói: “Đoạn trên là nói đến các phiền lụy của người thọ nhận”. Trát Mục Tra Sở nói: “Quán xét đồ vật bị cướp đoạt đem đến những sự phiền lụy như vậy, cho nên cự tuyệt không nhận.”

Tân Sở nói: “Hai sự vi phạm này, có thể phá hoại sự làm phước điền cho người khác trong giới Nhiêu ích hữu tình.”

K5. Chướng ngại pháp thí (vi phạm thứ bảy).

Kệ nói: “Người đến cầu pháp, không bố thí”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến cầu pháp, nhưng Bồ tát vì tâm hiềm hận, giận dữ, bức dọc, ganh tị, không chịu nói pháp, đây gọi là phạm nhiễm ô học xứ của Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát, lơ đãng, hoặc tâm đang ở trong trạng thái vô ký mà không chịu nói pháp, thì gọi là phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: ngoại đạo đến tìm khuyết điểm; hoặc đang bị bệnh nặng; hoặc thần kinh thác loạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành; hoặc đối với pháp học chưa được thấu suốt; hoặc đối phương có thái độ không cung kính, không biết hổ thẹn, đến với thái độ ngang ngược, xúc láo; hoặc biết đối phương là người ám độn, đối với Phật pháp rộng lớn cứu cánh, hoặc sinh lòng sợ hãi, hoặc sinh khởi hoặc tăng trưởng tà kiến, chấp trước; hoặc biết sau khi nghe pháp xong, sẽ đem nói lại

cho kẻ ác, do đây không nói pháp. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Giả sử có người đến cầu pháp, mà lại ôm lòng hiểm hận, giận dữ, bực dọc, ganh ghét, bèn không bố thí pháp, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu do vì lưỡi biếng, nhút nhát mà không bố thí pháp, thì vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> nhân vì tự thân: (1) hoặc đang có bệnh nặng, (2) hoặc đối với pháp học chưa được thông suốt, tuy không bố thí cũng không vi phạm, nhân vì tùy nghi: nghĩa là dùng sự không bố thí pháp, v.v..., làm phương tiện để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua, tuy không bố thí pháp, cũng không vi phạm.

Đối tượng để điều phục: Có bốn loại “phi khí” (không phải căn cơ cho sự bố thí pháp): (1) ngoại đạo, đến tìm lỗi lầm, khuyết điểm, (2) người không có tâm cung kính, lời nói không thành thực, đến nghe pháp với thái độ ngông nghênh, vô lễ, (3) người độn căn, căn cơ chưa thành thực (trình độ chưa đủ), đối với giáo pháp rộng lớn, nghe rồi không thể thọ trì, sinh lòng sợ hãi, không khởi lòng tin hiểu, sẽ sinh khởi tà kiến, mặc dù khéo léo dẫn dụ, họ cũng không chịu nghe nhận, trái lại tăng trưởng tà chấp, do nhân duyên này, đưa đến nhiều điều bất hạnh, tăng trưởng sự suy tổn, lại do nhân duyên đó, sẽ bị đọa vào ác đạo, (4) biết đối phương nghe xong, nói lại cho “phi khí”.

Lại nữa, trong bốn loại này, (1) người đến tìm lỗi lầm, khuyết điểm, không chỉ riêng gì ngoại đạo, mà cũng có ý ám chỉ những người khác, (2) tùy một trong các sự không cung kính, là đủ

để cự tuyệt không bố thí pháp, (3) không cần phải đủ các điều kiện mà ở đây đề cập đến.

Bảy điều vi phạm vừa nói trên đây, sự vi phạm thứ hai, là điều không nên làm mà lại làm, còn sáu điều còn lại, là điều nên làm mà lại không làm.

Lại phải nên biết, điều vi phạm thứ hai, do lực tăng thượng của tất cả bạn ác, trong tất cả mọi thời, trong tất cả mọi nơi, nhân duyên phạm giới hiện tiền, cho nên phải cẩn thận đề phòng, khéo giữ tâm mình.

Tân Sở nói: “Những tội vi phạm này, có thể chướng ngại thiện pháp giới, và chướng ngại hạnh bố thí trong Nhiều ích hữu tình giới.”

J2. Chướng ngại trì giới. Có hai phần:

K1. Chướng ngại sự lợi tha. Có hai phần:

L1. Chánh chướng ngại lợi tha. Có ba phần:

M1. Bỏ phước người đáng thương xót (vi phạm thứ tám).

Kệ nói: “Bỏ rơi, không giúp người phá giới”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với chúng sinh hung ác, phạm giới, sinh lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, bèn bỏ rơi, không chịu làm lợi ích cho họ, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà bỏ rơi, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô. Vì sao? Vì các Bồ tát khởi lòng thương xót, muốn làm lợi ích cho những chúng sinh bạo*

ác, phạm giới, gây tạo nhân khổ, hơn là những chúng sinh trì giới, ba nghiệp thanh tịnh.

Những trường hợp không phạm: thân kinh thác loạn; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc muốn giữ ý cho đại chúng; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn mà bỏ rơi, không làm lợi ích. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Đối với các hữu tình bạo ác, phá giới, ôm lòng hiểm hận, giận dữ, bực dọc, lấy lý do là đối phương bạo ác, phạm giới, bèn tìm cách bỏ rơi, không chịu giúp đỡ, không chịu làm lợi ích cho họ, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu do vì lưỡi biếng, nhút nhát mà bỏ rơi, hoặc do vì lơ đãng mà không làm lợi ích cho họ, đây là vi phạm không nhiễm ô. Vì sao? Vì chư Bồ tát đối với các hữu tình bạo ác, phạm giới, tạo nhiều khổ nhân, phải nên khởi lòng thương xót, muốn giúp đỡ, làm lợi ích, chứ không phải đối với các hữu tình trì giới thanh tịnh, thân khẩu ý nghiệp tịch tịnh hiện hành, mà khởi tâm thương xót, muốn giúp đỡ, làm lợi ích.

Nói “bạo ác”, nghĩa là tạo tác các tội vô gián, v.v..., nói “phạm giới”, nghĩa là hủy phạm giới căn bản. Trát Mục Tra Sớ nói: “Người trước tâm nhiều sân hận, người sau không chịu trì giới.”

Những trường hợp không phạm: <a> nhân vì tùy nghi: (1) vì muốn dùng phương tiện này điều phục đối phương, (2) vì muốn giữ ý cho nhiều người khác, hộ trì quy chế của tăng đoàn, tuy xả bỏ những người đó, cũng không vi phạm.

M2. Không học những điều giới chung với Thanh văn (vi phạm thứ chín).

Kệ nói: “Không cùng tu học, làm người tin”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, như Đức Thế Tôn vì muốn làm cho các chúng sinh chưa có lòng tin đối với Phật pháp sinh khởi lòng tin, đã có lòng tin làm cho tăng trưởng, cho nên trong giới biệt giải thoát chế định giá tội, khiến cho các Thanh văn không được vi phạm, đối với những điều giới này, Bồ tát phải nên cùng học với Thanh văn, hoàn toàn không khác biệt. Vì sao? Như hàng Thanh văn chỉ vì tự lợi, còn không phớt bỏ những hạnh lợi ích khác, mà học các điều giới này, làm cho chúng sinh chưa có lòng tin sanh khởi lòng tin, đã có lòng tin làm cho tăng trưởng, huống chi Bồ tát là những người mong cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sinh.*

Đức Bạc Già Phạm trong Biệt Giải Thoát Kinh, Tỳ Nai Da Luật, ngoài những điều tính tội, vì muốn hộ trì các hành giả Thanh văn, cho nên thiết lập giá tội, chế định các học xứ, trong đây chư Bồ tát cùng với các hành giả Thanh văn đều phải tu học, không có sự khác biệt, nghĩa là những điều mà chư Thanh văn phải xa lìa, thì chư Bồ tát cũng phải xa lìa. Hộ trì tín tâm của chúng sinh, nghĩa là làm cho hàng tại gia chưa có lòng tin thanh tịnh, sinh khởi lòng tin thanh tịnh, đã có lòng tin thanh tịnh, làm cho tăng trưởng. Ví như chế định các tỳ kheo không được uống rượu, không ăn phi thời, nhẫn đến các điều giới như không được đào đất, đốt lửa, v.v..., thì hàng Bồ tát phải nên cùng học với Thanh văn, hoàn toàn không khác biệt. Nếu không như vậy, không những vi phạm giới biệt giải thoát, mà còn vi phạm Bồ tát tịnh giới. Vì sao? Vì hàng Thanh văn

chuyên tâm tự lợi, mà còn không xả bỏ việc hộ trì tín tâm của chúng sinh, huống chi là hàng Bồ tát chuyên tâm làm lợi người. Như Tân Sở nói: “Nếu đối với điều giới này, không kính trọng, không tin tưởng, không tu học, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu do vì lười biếng, nhút nhát mà không tu học, thì vi phạm không nhiễm ô.”

Hỏi: Sự vi phạm như vậy, là Bồ tát tại gia phạm, hay là Bồ tát xuất gia phạm?

Trả lời: Như Tân Sở nói, đây là điều giới của Bồ tát xuất gia, thế nhưng trong các điều giới, cũng có nhiều điều tương tự với giới biệt giải thoát chế riêng cho hàng Bồ tát tại gia.

M3. Tu học giới không cùng chung với Thanh văn (vi phạm thứ mười).

Kệ nói: “Ít lo lắng đến việc lợi người”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, như Đức Như Lai trong giới biệt giải thoát, vì muốn hàng Thanh văn an trụ trong hoàn cảnh ít việc, ít làm, ít hy vọng, cho nên chế định các giá giới, khiến cho hàng Thanh văn không được vi phạm; đối với những điều giới này, Bồ tát không nên cùng học với Thanh văn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn chuyên lo tự lợi, không nghĩ đến việc lợi người. Vì không lợi người cho nên các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng có thể gọi là thích hợp với họ, thế nhưng, đối với Bồ tát là những kẻ chuyên làm lợi người, không nghĩ đến việc lợi mình, thì các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng này, không thích hợp với họ.*

Như vậy, Bồ tát vì muốn lợi người, có thể từ các trưởng giả, cư sĩ, bà la môn không phải bà con mình, hỏi xin trăm ngàn loại quần áo; Bồ tát nên quán xét người cho xem họ có đủ khả năng bố thí hay không, tùy sức của họ bố thí mà thọ nhận; hỏi xin bình bát cũng giống như trường hợp xin quần áo. Tương tự như thế, Bồ tát có thể cầu xin chỉ dệt, nhờ thợ dệt không phải bà con mình dệt thành vải vóc để may quần áo; vì muốn lợi ích người khác nên may các loại y “kiêu xà gia”, hoặc làm tọa cụ, nhiều đến hàng trăm, hoặc giả, cất chứa vàng bạc, tiền mặt, nhiều đến vạn ức, hoặc nhiều hơn thế. Như vậy các pháp giá tội chế định ít việc, ít làm, ít hy vọng, Bồ tát sẽ không cùng học với Thanh văn.

Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, trong việc lợi người, ôm lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc mà tuân thủ các pháp ít việc, ít làm, ít hy vọng này, thì gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.

Đức Thế Tôn, vì muốn cho hàng Thanh văn ít việc, ít làm, sống ít hy vọng, cho nên kiến lập các giá tội, chẳng hạn như các việc: cho hạn mười ngày để may y, cho một tháng được phép cất chứa vải vụn để may xong y, v.v..., những điều giới như vậy, chứ Bồ tát không cần phải cùng học với Thanh văn, nếu như học chung với Thanh văn, đây gọi là vi phạm.

Lại nữa, đối với việc lợi tha, ôm lòng hiềm hận, giận dữ, bực dọc, bèn an trụ trong pháp ít việc, ít làm, sống ít hy vọng, đây là vi phạm nhiễm ô, nếu do vì lưỡi biếng, nhút nhát, mà an trụ trong các pháp ấy, đây là vi phạm không nhiễm ô. Vì sao? Vì chư Thanh văn, chuyên tâm tự lợi, chỉ lo tự điều phục, không màng đến

việc lợi tha, đối với việc lợi tha, ít việc, ít làm, sống ít hy vọng. Đến như chư Bồ tát, chuyên tâm lợi tha, đối với tất cả sự việc, chuyên vì lợi ích tất cả hữu tình, bởi thế, không phải đối với việc lợi tha, lại an trụ trong pháp ít việc, ít làm, sống ít hy vọng, mà gọi là diệu.

Nói “ít việc”, nghĩa là ít mong cầu, nói “ít làm”, nghĩa là không tích chứa nhiều của cải riêng tư, nói “sống ít hy vọng”, nghĩa là sống đời sống của “dòng dõi thánh”; nói “dòng dõi thánh”, nghĩa là thỏa mãn với đời sống cực kỳ giản đơn, đạm bạc, y phục, ngọa cụ đều là hạng xấu nhất, an vui tinh tiến tu tập đoạn trừ phiền não, đây gọi là bốn thánh chủng.

Vị Bồ tát như vậy, vì muốn lợi tha, từ những vị trưởng giả, cư sĩ, bà la môn, v.v..., không phải thân thuộc của mình, cùng các đại thí chủ, nên cầu xin trăm ngàn loại quần áo, quán sát thí chủ có đủ khả năng hay không, tùy họ bố thí ít nhiều, tất cả đều thọ nhận. Tát Mục Trát Sớ nói: “Phải nên biết rõ là thí chủ có thể kham nhẫn hay không?” Ở đây có ý muốn nói, sau khi thọ nhận, thí chủ trở thành nghèo túng hay không? Hoặc có bị người khác chê trách, hiềm nghi hay không? Nếu nói như vậy là không hợp lý, bởi vì nếu cầu xin hợp lý, tuy là cầu xin rất nhiều, cũng không vi phạm. Tương tự như việc cầu xin y phục, cầu xin bình bát, cầu xin chỉ sợi rồi thỉnh thợ dệt không phải thân thuộc của mình dệt thành y phục, cũng không vi phạm. Như Luân Du Già nói: “Thỉnh thợ dệt không phải thân thuộc của mình dệt thành y phục, tuy không trả tiền công, cũng không vi phạm.” Trong Tỳ nại da, trái lại, cho rằng nếu không trả tiền công, thì gọi là phạm.

Vì muốn lợi ích người khác, nên tích chứa các loại y kiêu thế gia²³, tọa cụ, ngoạn cụ, số lượng đến trăm, ngàn; vàng bạc, tiền mặt, nhiều đến trăm ngàn ức, hoặc còn nhiều hơn thế, cũng nên cất chứa. Ngài Tối Thắng Tử nói: “Nói ngoạn cụ, nghĩa là ở trong có tơ vụn, còn tọa cụ, nghĩa là ở trong có lông thú mềm.” Vì muốn lợi tha, cho nên cho phép mặc y kiêu thế gia, cho phép dùng tơ vụn, lông thú mềm, cùng với vật dụng do tơ và lông hợp lại chế thành.

Như vậy, Bồ tát vì muốn thực thi những sự việc này, đối với các pháp ít sự việc, ít tạo tác, sống ít hy vọng này, không nên cùng học với Thanh văn.

Phần trên vừa nói đến hai loại giá tội, cùng phần dưới nói về các tính tội, là muốn đề cập đến các vị Bồ tát xuất gia học tập giáo giới biệt giải thoát căn bản. Giới biệt giải thoát có hai loại chế định, (1) chế định tính tội, (2) chế định giá tội. Nghi quỹ tu học tính tội sẽ được đề cập ở phần sau.

Ở đây nói về giá tội, cũng có hai loại: (1) Vì muốn hộ trì tín tâm của người khác, cho nên chế định tội này, như Tân Sở nói: “Các vị tỳ kheo, quyết định thọ trì học xứ của mình, hưởng chi là Bồ tát, vì muốn làm lợi ích cho người khác, càng phải nên học”, nghĩa là các Bồ tát hộ trì tín tâm của chúng sinh, còn mạnh hơn Thanh văn. (2) Vì muốn hàng Thanh văn ít sự việc, ít tạo tác, sống ít hy vọng, cho nên Thế Tôn chế định giá tội này; còn chư Bồ tát vì muốn lợi ích chúng sinh, không bị hạn chế bởi các điều giới này, cho nên không cần cùng học với Thanh văn. Những điều tính giới được bàn ở phía sau, cùng hai điều giới này, có thể bao quát tất cả giới biệt giải thoát.

Hoặc có người vì chưa hiểu rõ những giới tướng này, nói lời cuồng vọng như sau: “Tôi là Bồ tát, tôi là hành giả trì minh, tuy vi phạm giới luật, nhưng tôi có giới luật Mật thừa tối thắng, cho nên được phép phóng dật.” Người nói như vậy, tuy có đầy đủ hai loại giới trên (Bồ tát giới, Mật thừa giới), đã vượt quá quy chế của Bồ tát, phạm tội cực nặng, và cũng phạm thô tội (thâu lan giá) của tịnh giới Mật thừa. Như kệ có nói:

Đối với hai giới dưới ²⁴,
Không nên phạm mà phạm,
Phạm tội thâu lan giá.

Nếu như không phòng hộ hai loại giới này, mà tự cho mình là hành giả Đại thừa, như vậy pháp Đại thừa nương tựa chỗ nào? Đây là tự mình dùng nước vọng tưởng làm nhớp bản thánh giáo của Đức Phật. Các hành giả cầu pháp, phải nên xả bỏ ác kiến như vậy, như ném bỏ thuốc độc. Như Cưu Sớ nói: “Nếu chư tỳ kheo, từ các vị trưởng giả, cư sĩ, hoặc vợ của trưởng giả không phải thân thuộc, cầu xin y phục, phạm tội xả đọa.” Nên biết hành giả an trụ trong hai loại giới Bồ tát và biệt giải thoát, đối với học xứ này, nếu vì lợi người thì được khai duyên, còn nếu vì tự lợi thì sẽ bị cấm đoán. Những tội vừa nói ở trên, nếu chỉ vì tự lợi, không phải vì lợi tha, mà tự cho phép làm, nên biết vẫn bị phạm vào các tội đã được nói đến trong Tỳ nại da.

Tân Sớ nói: “Ba sự vi phạm này, theo thứ tự, có thể hủy hoại nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiều ích hữu tình giới.”

L2. Nêu rõ sự khác biệt giữa tính tội của giới Bồ tát và tính tội của giới biệt giải thoát.

Kệ nói: “Vì lòng thương xót, không vì ác”

Giới văn (tiếp): *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, dùng phương tiện thiện xảo, vì muốn lợi người, lỡ phạm vào các tính tội, do nhân duyên lợi người này nên không gọi là vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.*

Chẳng hạn, như Bồ tát thấy kẻ trộm cướp, vì tham tiền của, đang muốn giết hại nhiều người, hoặc đang muốn giết hại các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, hoặc đang muốn tạo nhiều nghiệp vô gián. Bồ tát thấy điều đó rồi, bèn suy ngẫm như thế này: “Nếu giết kẻ ác đó, ta sẽ bị đọa vào địa ngục, nếu như không giết, để kẻ đó tạo nghiệp vô gián, sẽ chịu khổ lớn trong đời vị lai. Ta thà giết kẻ ác đó mà bị đọa vào địa ngục, quyết không để họ nhận chịu những quả báo khổ ở địa ngục vô gián.” Bồ tát suy nghĩ cặn kẽ, đối với kẻ ác, hoặc dùng tâm lành, biết rõ sự việc như thế, vì quả báo ở đời vị lai, sinh lòng rất hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà sát hại kẻ ác. Do nhân duyên này, không những không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát thấy những bậc quyền thế, hoặc vua, hoặc quan, cực kỳ tàn ác, đối với nhân dân không có lòng thương xót, mà lại chuyên làm những việc áp bức, làm cho mọi người khổ não, ta thán. Bồ tát thấy điều đó rồi, khởi lòng thương xót, phát tâm làm lợi ích cho mọi người, bèn tùy quyền lực sẵn có của mình, hoặc truất phế, hoặc trục xuất những kẻ quyền thế kia. Do nhân duyên

này, không những không vi phạm học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát thấy những kẻ trộm cướp, xâm đoạt tài sản của người khác, hoặc vật của chúng tăng, hoặc vật của chùa tháp, sau đó đem tài sản đã cướp giạt được, xem như của mình, mặc tình tiêu xài hoang phí. Bồ tát thấy điều đó rồi, khởi lòng thương xót, đối với những kẻ ấy, phát tâm làm lợi ích an lạc cho họ, do đây, tùy vào sức lực, hoặc thế lực đang có, cưỡng đoạt lại những đồ vật đã bị cướp giạt, không để cho họ sử dụng một cách hoang phí, mà phải chịu những sự trừng phạt, khổ đau trong một thời gian lâu dài. Do nhân duyên này, những đồ vật đã bị cưỡng đoạt, nếu là đồ vật của chúng tăng, hoàn trả cho chúng tăng, đồ vật của chùa tháp, hoàn trả cho chùa tháp, đồ vật của chúng sinh, hoàn trả cho chúng sinh.

Lại thấy những vị chấp sự, hoặc quản lý ruộng vườn, lấy đồ vật của chúng tăng, hoặc đồ vật của chùa tháp, cho là của mình, mặc sức tiêu dùng. Bồ tát thấy điều đó rồi, suy ngẫm về việc ác của họ, khởi lòng thương xót, không để cho họ nhân vì sự thọ dụng tà vạy này mà phải nhận chịu những sự trừng phạt khổ đau một cách vô ích trong thời gian lâu dài, do đây Bồ tát tùy sức lực, hoặc thế lực của mình, đoạt lại những đồ vật ấy. Bồ tát tuy làm những việc cưỡng đoạt như thế, không những không vi phạm học xứ của Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát tại gia, thấy có người nữ, không có thân thuộc, quen thói dâm dục, để tâm đến Bồ tát, muốn làm việc “phi phạm hạnh”. Bồ tát thấy được điều đó rồi, suy ngẫm như sau: “Không nên để cho họ sầu não mà làm những chuyện quàng xiềng,

nếu như chiều theo ý muốn của họ, sẽ được tự tại, dùng phương tiện hướng dẫn, làm cho họ trông căn lành, lại làm cho họ xả bỏ thói quen bất thiện.” Bồ tát dùng tâm thương xót mà làm việc “phi phạm hạnh”. Tuy làm những pháp “nhiễm ô” như vậy, không những không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức. Còn Bồ tát xuất gia, vì muốn hộ trì giáo pháp Thanh văn mà Đức Thế Tôn đã chế định, làm cho chánh pháp không bị hoại diệt, tuyệt đối không được làm việc “phi phạm hạnh”.

Lại như, Bồ tát đối với bản thân mình, tuy bị nguy hiểm tính mạng cũng không nói dối, thế nhưng, vì muốn cứu vớt những chúng sinh khác ra khỏi những sự nguy hiểm tính mạng, hoặc thoát khỏi tù đày, hoặc thoát khỏi các hình phạt như cắt tay chân, xẻo mũi, xẻo tai, móc mắt, vân vân, tuy biết nhưng vẫn nói dối. Nói tóm lại, Bồ tát vì muốn lợi ích chúng sinh, không phải việc không lợi ích, tự mình không có tâm nhiễm ô, mong cầu, mà chỉ vì muốn lợi ích kẻ khác, tuy biết nhưng vẫn nói khác sự thật, như thế, vẫn không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát thấy có chúng sinh bị bạn bè ác dụ dỗ, khẩn khít không rời. Bồ tát thấy được việc đó rồi, sinh lòng thương xót, phát tâm muốn làm lợi ích, tùy khả năng, hoặc thế lực của mình, nói lời ly gián, không để cho chúng sinh đó, vì gần bạn ác mà phải chịu sự khổ đau vô ích trong thời gian lâu dài. Bồ tát dùng tâm lợi ích như vậy, tuy nói lời ly gián, chia rẽ sự thân ái của kẻ khác, nhưng vẫn không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát thấy có chúng sinh làm những điều ngang ngược, trái với pháp thế gian, bèn lớn tiếng quở trách, nói lời thô

bạo, dùng phương tiện này làm cho họ rời bỏ việc ác, quay về nẻo lành. Bồ tát dùng tâm lợi ích như thế, tuy đối với chúng sinh nói lời thô ác, nhưng vẫn không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Lại như, Bồ tát thấy các chúng sinh ưa thích những việc diễn xướng, ngâm vịnh, ca hát, hoặc thích đàm luận những chuyện thời sự chính trị, ăn uống, du hí, mách lẻo, vân vân. Bồ tát đối với những việc như vậy, phải nên rất khéo léo, đối với chúng sinh như vậy nên khởi lòng thương xót, muốn làm lợi ích cho họ, bèn tùy thuận hiện tướng ưa thích những việc diễn xướng, ngâm vịnh, ca hát, hoặc đàm luận những chuyện thời sự chính trị, ăn uống, du hí, mách lẻo, vân vân, dùng phương tiện này để nhiếp phục, dẫn dắt họ ra khỏi sự ưa thích những chuyện thị phi vô ích này, quay về đường lành. Bồ tát tuy hiện tướng ỷ ngữ như vậy, nhưng không vi phạm học xứ Bồ tát, mà còn được nhiều công đức.

Ở đây, Bồ Tát Địa, nhắc đến hai bộ số Giới Nhi Thập Tung Cưu Số và Giới Phẩm Số, chỉ nói đến việc khai duyên cho phép phạm bảy chi (thân ba, khẩu bốn), mà chưa nói rằng: “Vì lợi ích người khác, nếu như không thực thi, sẽ vi phạm giới luật.” Chỉ có Tân Số liệt kê bốn mươi sáu tội vi phạm (giới khinh), đem điều này làm tội vi phạm thứ nhất. Bộ số đó nói: “Đây là sự khai phóng điều giới *Không cùng tu học làm cho người khác sinh khởi lòng tin*”, thế nhưng, ngài Tối Thắng Tử và Trát Mục Tra Số đều nói: “Nên biết ở đây là sự chỉ rõ tướng trạng sai biệt giữa tính tội của giới Bồ tát và giới Thanh văn.”

Nghĩa là chư Bồ tát dùng phương tiện thiện xảo, vì lợi lạc chúng sinh, tuy đôi phần vi phạm tính tội trong giới biệt giải thoát,

không những không vi phạm giới luật của Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

Ở đây muốn nói đến bảy chi tội của thân và miệng. Đối với nghiệp của thân, trong Luân Du Già, chỉ khai riêng điều giới tà dâm cho Bồ tát tại gia, mà không cho Bồ tát xuất gia vi phạm điều giới này, lý do là Bồ tát xuất gia phải hộ trì giáo giới của Thanh văn mà Đức Thế Tôn đã chế định, vì không muốn hủy hoại tất cả, cho nên không làm phi phạm hạnh; còn sáu điều giới kia như trộm cắp, v.v..., thì khai cho cả hai hàng Bồ tát tại gia và xuất gia.

Hỏi: Nếu vậy, hàng Bồ tát được cho phép vi phạm sáu điều giới kia là tại gia hay xuất gia? Nếu là hàng xuất gia, thì hai giới tà dâm và sát sinh, nếu cho phép (khai) hoặc ngăn cấm (giá), phải nên không có sự khác biệt, bởi vì hai tội này đều là phạm tội căn bản. Còn nếu là hàng tại gia, ắt là những điều mà Luân Du Già nói, cũng có sự mâu thuẫn, vì đối với giới tà dâm thì phân biệt tại gia xuất gia, còn các giới khác thì không phân biệt. Học Tập Luân nói: “Nếu thấy điều lợi ích cho chúng sinh, vì muốn có phương tiện để thực thi, nên xả học xứ (nghĩa là xả những điều giới đã thọ), nếu Bồ tát đã nhiều kiếp tu tập, có lòng Đại bi, đã viên mãn tất cả thiện căn đã vun trồng, thì các sự tham dục, v.v..., không còn làm chướng ngại; lại nữa, Phương Tiện Thiên Xảo Kinh nói: “Lúc xưa, Phạm chí Quang Minh, trong bốn vạn hai ngàn năm, nghiêm trì phạm hạnh, sau khi bỏ đi bảy bước, bèn khởi lòng thương xót, nghĩ rằng “Nếu như ta xả bỏ cấm giới sẽ bị đọa địa ngục, thế nhưng ta thà nhẫn thọ sự khổ địa ngục, không nên từ chối sự dục lạc, làm cho người ấy mệnh chung”, nghĩ xong, Phạm chí Quang Minh bèn quay lại chỗ cũ, nắm lấy tay phải của người ấy, nói lời như vậy: “Này cô, tùy ý cô muốn.” Nếu nói như vậy, chẳng lẽ không mâu thuẫn?

Trả lời: Không có mâu thuẫn. Nếu Bồ tát chỉ vì muốn tự lợi, phải nên tuân thủ những điều giới như trộm cắp, v.v..., còn nếu như vì lợi ích người khác, thì được cho phép vi phạm. Lúc đó, không thể gọi là tội căn bản trộm cắp, v.v..., cho nên Bồ tát xuất gia, vì lợi ích chúng sinh, cũng không bị phạm vào các tội căn bản trộm cắp, vọng ngữ, v.v... Trường hợp tà dâm cũng thế, không có gì khác biệt!

Hỏi: Nếu vậy, tại sao chỉ riêng giới tà dâm, lại phân biệt tại gia, xuất gia?

Trả lời: Cũng không có mâu thuẫn, bởi vì, tuy tạo các nghiệp sát sanh, trộm cắp, vọng ngữ, v.v..., cũng chưa nhất định phạm tội căn bản, nếu như đã thọ giới tỳ kheo, mà phạm tội tà dâm chắc chắn sẽ phạm tội căn bản. Như thế, mật ý muốn nói sự khác biệt giữa tại gia và xuất gia, so với Học Tập Luân cũng không có sự tương vi. Phạm sự tu phạm hạnh, có thể dẫn phát sự lợi tha thù thắng, nếu xả bỏ điều này, thì không thể tăng thượng lợi ích hữu tình. Giả sử, thấy được sự việc có thể làm tăng thượng lợi ích hữu tình hiện ở trước mặt, cần phải phạm tội biệt giải thoát căn bản, cần phải xả giới, nên biết trường hợp này thì cho phép Bồ tát tại gia làm như thế, không phải cho phép Bồ tát xuất gia. Nếu nói rằng cho phép Bồ tát xuất gia xả bỏ giới luật để làm việc lợi tha, thì đây là điều hoàn toàn không có.

Lại nữa, vì muốn lợi tha mà tạo các nghiệp sát sanh, v.v..., là hạng Bồ tát nào? Bản cật dịch của Học Tập Luân nói: “Ở đây muốn nói đến các hành giả siêng năng tu tập lục độ, nhưng chưa chứng sơ địa, chứ không phải nói đến các hành giả khác.” Tân Sớ thì lại nói: “Đây là chư Đại Bồ tát đã lên Thập địa.” Đã nói “Đã

lên Thập địa”, lại còn nói “Siêng năng tu tập lục độ”, điều này không có lý, nếu y theo bản cựu dịch, điều này có vẻ hợp lý hơn.

Thế nhưng, như phần trước, trong Học Tập Luân dẫn Thiên Xảo Phương Tiên Kinh, cho rằng không phải là các hành giả sơ cơ mới bắt đầu tu tập lục độ mà có thể thực hành các phương tiện thiện xảo này, mà phải là các vị Đại Bồ tát trải qua nhiều kiếp tu hành các phương tiện thiện xảo, thành tựu đại bi mới được, nghĩa là chư Bồ tát, do đã chánh thọ Bồ tát tịnh giới, đối với Bồ tát học xứ, đã như lý tu tập, phát khởi tâm Bồ đề thù thắng, thương yêu chúng sinh hơn chính mình, phương tiện thiện xảo quyền biến, vì muốn lợi ích người khác, trừ việc sát sinh ra, không còn phương pháp nào khác để cứu họ, trong trường hợp này Bồ tát mới được phép (phạm giới sát sanh), chớ không phải tất cả hành giả Đại thừa đều được phép làm như vậy. ***Ngay đến Bồ tát sơ học, còn không cho phép phạm, huống hồ là những người không biết hộ trì tịnh giới, mạo nhận là hành giả Đại thừa!*** Bọn họ tuy cũng phát tâm tương tự như thương xót, hoặc phát tâm tương tự như Bồ tát, nhưng quyết không cho phép làm. Tương tự, như trong giới biệt giải thoát, nếu như có tỳ kheo có bệnh, quá ngộ không ăn có thể làm cho bệnh tình thêm tổn hại, nếu ăn thì sẽ lành bệnh, trong trường hợp này cho phép vị ấy ăn sau giờ ngộ, thế nhưng, những vị xuất gia tỳ kheo khác, phải nên thủ hộ điều giới “quá ngộ bất thực” này!

Trong Kinh mà Học Tập Luân đã dẫn chứng, tuy chỉ nói đến giới tà dâm, thế nhưng phải biết các tội căn bản khác, như sát sanh, v.v..., cũng tương tự như trường hợp giới tà dâm. Lại nữa, bốn tội căn bản như vọng ngữ, v.v..., cùng tội trộm cắp, phần sau sẽ nói đến.

Chư Bồ tát như lý hộ trì giới luật, muốn làm lợi ích lớn cho hữu tình, không còn phương tiện nào khác để đạt đến mục đích, vì muốn lợi ích cho họ, phải nên hiện hành phạm giới, lúc đó phải nên quán xét kỹ lưỡng chỗ phát tâm của mình có phạm hay không. Phải biết đây là cảnh giới riêng của chư Phật, cực kỳ vi tế, cực kỳ khó làm. Các ngài Hải Vân, Tối Thắng Tử và quyển Trát Mục Tra Sơ đều cho rằng những hành giả đó, phải là những bậc đã chứng Thanh tịnh ý lạc (sơ địa), không còn nhiễm ô, đạt đến cảnh giới tự tại của chư Đại Bồ tát, *không phải cảnh giới mà những người trí tuệ thấp kém, thiện căn ít ỏi, tham cầu tự lợi, chấp trước vào văn tự có thể đạt đến*. Đây là hiện lượng chứng biết của chư Phật, không phải là chỗ làm của người khác, ***nếu như làm càn, tất định sẽ chiêu cảm ác báo!***

Các tính tội được khai, có bảy loại:

1/ *Khai giới sát sanh.*

a/ Đối tượng: nghĩa là Bồ tát thấy người trộm cướp, vì tham tài vật, muốn giết hại nhiều người, hoặc là muốn sát hại các bậc đại đức Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, tạo nghiệp vô gián địa ngục.

b/ Lòng mong muốn: nghĩa là Bồ tát, sau khi thấy sự việc đó, bèn tự suy ngẫm “ta chẳng thà giết chết người đó rồi đọa địa ngục, quyết không để cho người đó tạo thành nghiệp vô gián, bị đọa địa ngục, chịu khổ não lớn”; vị Bồ tát đó khởi lòng thương xót, tự nguyện thay thế người khác chịu khổ, trong lúc sát hại, hoặc dùng tâm lạnh, hoặc tâm vô ký, hoàn toàn là tâm thanh tịnh không nhiễm ô.

Có người cho rằng lúc Bồ tát bị người khác giết hại, khởi ý nhạo như vậy. Điều này không có lý.

Như Luân Du Già nói: “Sinh lòng cực kỳ hổ thẹn”, nghĩa là trừ phương pháp này ra, không còn phương tiện nào khác, do nhân duyên này, sinh lòng cực kỳ hổ thẹn. Tuy giết hại đối phương, đối với giới Bồ tát, không những không vi phạm, mà còn sinh trưởng nhiều công đức.

2/ Khai giới trộm cắp. Có ba phần:

a/ Phần một.

i/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy các quan lớn quyền thế, hành động cực kỳ bạo ác, đối với nhân dân không có lòng thương xót, chuyên môn bóc lột làm nhân dân điêu tán, nếu như không truất phế lật đổ họ, trong tương lai, bọn họ ắt sẽ thọ nhiều quả báo khổ.

ii/ Lòng mong muốn: Bồ tát thấy những quan quyền bạo ác, bèn sinh khởi tâm muốn giúp cho bọn họ được lợi ích, an lạc (nghĩa là không bị thọ quả báo khổ trong tương lai), bèn tùy khả năng của mình, truất phế lật đổ những kẻ quan quyền đó.

b/ Phần hai.

i/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy người trộm cướp, cướp đoạt tài vật của người khác, chẳng hạn như đồ vật của tăng già, của tốt đồ ba (Phật và pháp), đoạt nhiều tài vật, tận tình thọ dụng.

ii/ Lòng mong muốn: Bồ tát sau khi thấy được sự việc đó, muốn làm cho bọn họ không được thọ dụng những tài vật đó, để bọn họ khỏi phải sống trong những đêm dài tăm tối, không ý nghĩa, không lợi ích, do nhân duyên này, cưỡng bức người đó, đoạt lấy tài vật, đem hoàn lại cho tăng già, cho tốt đố ba.

c/ Phần ba.

i/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy các vị quản chúng, hoặc quản lý vườn rừng, lấy đồ vật của tăng già, hoặc của tốt đố ba, cho là của mình, tận tình hưởng dụng.

ii/ Lòng mong muốn: như phần trên đã nói, Bồ tát tùy theo khả năng của mình, truất phế bọn họ ra khỏi chức vị đó.

Bồ tát tuy làm chuyện tranh đoạt như vậy, không vi phạm giới luật Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

3/ Khai giới tà dâm.

a/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy có người nữ, hiện không có hệ thuộc, quyến luyến Bồ tát, muốn làm việc phi phạm hạnh, nếu như Bồ tát ôm lòng giận dữ bức dọc, không chiều theo ý họ, họ sẽ mệnh chung. Có Sở giải nói: “Đã nói người nữ hiện không có hệ thuộc, thì phải nên xa lìa việc tà dâm.” Thế nhưng, lối giải thích như vậy, hoàn toàn không hợp lý, vì ở đây đang nói đến việc khai giới tà dâm. Học Tập Luận nói: “Ở nơi hẻo lánh tịch tĩnh, hoặc có hệ thuộc, hoặc không có hệ thuộc, hoặc vì bảo hộ dòng họ, hoặc vì bảo hộ pháp lý, hoặc vì bảo hộ danh giá, đều không nên phạm giới

tà dâm”, nghĩa là đối với người có chồng, hoặc không có chồng, đều không nên phạm giới tà dâm với họ. Lại nữa, Học Tập Luân nói: “*Đối với người tu phạm hạnh (nghĩa là xuất gia), vì muốn thành tựu lợi ích cho họ, nên tưởng nghĩ họ như là mẹ, là chị của mình, mà xa lìa tà hạnh.*”

Điều giới này chỉ cho phép Bồ tát tại gia, chứ không phải cho phép tỳ kheo thấy sự lợi ích thù thắng hiện tiền mà có thể xả bỏ học xứ (nghĩa là phạm giới tà dâm). Nghĩa lý này y như Bồ Tát Địa đã nói. Tân Số nói: “Làm việc tà dâm, gọi là phạm tội, có thể mau đọa địa ngục, làm cho nhiều tín đồ không còn tin Thánh giáo. Người trên thế gian phần nhiều phạm điều giới này, cho nên Bồ tát không nên gần gũi hạnh tà dâm, ngoài ra, những việc như sát sanh, v.v..., cũng không nên làm.”

b/ Lòng mong muốn: nghĩa là không làm cho đối phương khởi tâm buồn phiền mà làm điều bất hạnh; nếu như chiều theo ý muốn của họ, thì sẽ có phương tiện tự tại, làm cho đối phương trông căn lành, đồng thời làm cho họ xa lìa nghiệp ác, bèn dùng tâm từ bi mà làm việc tà dâm.

Tuy làm việc ô uế cấu nhiễm như vậy, không những không vi phạm giới luật Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

4/ Khai giới vọng ngữ.

a/ Đối tượng: ví như Bồ tát, thấy nhiều hữu tình đang bị nguy hiểm đến tính mạng, bị các hoạn nạn như chặt tay chặt chân, thẹo mũi cắt tai, móc mắt, v.v...

b/ Lòng mong muốn: nghĩa là muốn cứu hộ sự hoạn nạn của những hữu tình đó.

c/ Sự khác biệt giữa vì mình và vì người: ví như Bồ tát, nếu vì tự lợi, tuy gặp nguy hiểm đến tính mạng, cũng quyết không nói dối, thế nhưng, nếu vì lợi tha, biết rõ điều cần phải làm, cho nên được phép nói dối, đây là sự khác biệt giữa tự lợi và lợi tha.

Nói tóm lại, chỉ cần quán xét xem việc làm có lợi ích cho hữu tình hay không, tự mình không có tâm nhiễm ô, chỉ có tâm làm lợi ích hữu tình, bèn che lấp sự thật, nói lời không thực, lúc nói lời đó, không những không vi phạm giới Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

5/ Khai giới nói lời ly gián.

a/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy các hữu tình đang bị bọn bạn ác dẫn dụ.

b/ Lòng mong muốn: vì thấy rằng nếu gần gũi bạn ác sẽ chịu trải qua những đêm dài vô nghĩa lý, vô lợi ích, do nhân duyên này, nói lời ly gián, làm cho hai bên phân cách.

Bồ tát tuy nói những lời ly gián như vậy, không những không vi phạm giới Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

6/ Khai giới nói lời thô ác.

a/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy các hữu tình làm điều quá đáng, làm điều phi lý.

b/ Lòng mong muốn: nghĩa là dùng phương tiện nói lời thô ác, làm cho hữu tình đó xa lìa nẻo ác, quay về đường lành.

Bồ tát tuy nói những lời thô ác như vậy, không những không vi phạm giới Bồ tát, mà còn tăng trưởng thêm nhiều công đức.

Trát Mục Tra Sở nói: “*Làm điều quá đáng*, nghĩa là làm mười điều ác, hoặc là biết Đại thừa mà lại tu Tiểu thừa, hoặc là biết Tiểu thừa mà lại tu ngoại đạo; *làm điều phi lý*, nghĩa là tuy biết đạo lý, thế nhưng đối với học xứ lại biếng nhác không tu học, không cung kính.”

7/ Khai giới ý ngữ.

a/ Đối tượng: ví như Bồ tát thấy các hữu tình ưa thích ca hát, ngâm vịnh, hoặc ưa thích đàm luận những chuyện vô nghĩa như chánh trị, quân sự, ăn nhậu, trai gái, mách lẻo, v.v...

b/ Sự khác biệt giữa vì mình và vì người: nghĩa là Bồ tát đối với các phương diện ca hát, v.v..., đều rất rành rọt, khéo léo; đối với những hữu tình đó khởi lòng thương xót, phát tâm muốn làm lợi ích cho họ, bèn cùng họ ca hát, ngâm vịnh, bàn luận những chuyện vô nghĩa như chánh trị, quân sự, ăn nhậu, trai gái, mách lẻo, v.v..., làm cho những hữu tình đó vui vẻ nghe lời, sau đó dùng phương tiện làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành.

Bồ tát tuy nói những lời vô nghĩa như vậy, không những không vi phạm giới luật Bồ tát, mà còn sinh trưởng thêm nhiều công đức.

Những điều nói trong Luân Du Già, cũng đồng như Đại Nhật Kinh. Ngoài việc khai bảy chi thân và miệng ra, chưa thấy khai ba nghiệp của ý (tức là tham sân si). Như ngài Pháp Thanh nói: “Nếu như bỏ bớt tâm tự lợi, chuyên vì lợi tha, phổ biến tương ứng với tất cả lòng thương xót; trừ khi có ác ý, hoặc khởi tà kiến, ngoài ra, tất cả việc khác đều cho phép. Thế nhưng phải cẩn thận y vào các bộ luận về Bồ tát tịnh giới mà thẩm định”, nghĩa là phải y vào thánh ngôn lượng. Ngài Bồ Đề Hiền nói: “Như vậy, tuy khai các tính tội trong giới biệt giải thoát, nhưng vẫn không vi phạm, mà lại sinh trưởng nhiều công đức, huống là các giới khác.” Do ý nghĩa này, đối với hữu tình, nếu thấy có sự lợi ích lớn, vì muốn lợi ích cho họ, tuy khai các học xứ đồng với biệt giải thoát, cũng không vi phạm, phải biết cũng giống như phần trước.

K2. Chương ngại việc tự lợi. Có ba phần:

L1. Hủy phạm tịnh mệnh (vi phạm thứ mười một).

Kệ nói: “Ham pháp tà mệnh, không chịu bỏ”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, sinh lòng quỷ quyết, gian trá, đàm luận những chuyện nửa hư nửa thực, dùng phương tiện này để mưu cầu lợi dưỡng, sống bằng pháp tà mạng, không biết hổ thẹn, không chịu buông xả, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: đang muốn diệt trừ thói quen sống bằng tà mạng, tuy nỗ lực tinh tiến đoạn trừ, nhưng vì phiền não quá mạnh, thói quen sống bằng tà mạng vẫn tiếp tục hiện hành.

Nghĩa là sinh khởi năm pháp tà mệnh, như quý trá, v.v..., không biết hổ thẹn, mà còn ngoan cố không chịu xả bỏ, không chịu tìm cách trừ khử, đây là vi phạm nhiễm ô. Trong đây không có trường hợp vi phạm không nhiễm ô. Nếu như khởi tâm muốn trừ diệt thói quen tà mệnh, nhưng vì phiền não mãnh liệt, che mờ lý trí, thường thường phát khởi thói quen tà mệnh, trường hợp này không phạm. Điều này giống như trường hợp *Tâm chạy theo lòng tham không đáy*, đã nói ở phần trên.

Tướng trạng của năm pháp tà mệnh, như Bảo Man Luân nói:

Vì muốn được danh lợi cung kính,
Che hình tích, bày trò quý quyết,
Vì muốn được danh lợi cung kính,
Nói lời đường mật, tướng gian trá,
Vì muốn được danh lợi cung kính,
Vờ khen tiền tài của thí chủ,
Vì muốn được danh lợi cung kính,
Hủy báng người khác, khéo cầu cạnh,
Vì muốn được danh lợi cung kính,
Nói được cúng dường, mong người cúng.

Có số giải nói: “Nếu khởi tâm muốn phát khởi năm pháp tà mệnh, tuy tự mình không hay biết, cũng gọi là vi phạm”, đây không phải là bổn ý của Luân Du Già.

L2. Hủy phạm quỹ tắc (vi phạm thứ mười hai).

Kệ nói: “Điều cử, bốn chôn, không tịch tĩnh”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới pháp thanh tịnh của Bồ tát, tính tình háo động, tâm không tịch tĩnh, nói cười lớn tiếng, ba hoa huyền ảo, cử chỉ đùa cợt, mong được người khác tán thưởng, phụ họa, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát. Nếu vì lơ đãng mà háo động đùa cợt, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: tuy muốn đoạn trừ thói quen háo động, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được, như phần trên đã nói qua; hoặc muốn dùng phương tiện này để giải trừ tâm hiềm hận của người khác; hoặc muốn đối phương khuây khoả sự phiền muộn; hoặc đối phương tính tình háo động, muốn dùng phương tiện nhiếp phục, bảo hộ mà hiện tướng háo động như họ; hoặc đối phương khởi tâm ngờ vực Bồ tát hiềm hận, hoặc âm mưu chống đối họ, Bồ tát bèn hiện tướng đùa cợt, biểu hiện tâm thái vô tư thanh tịnh của mình. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nghĩa là tâm không an tĩnh, đây là nhiếp vào tâm tham. Tâm thường bốn chôn, không thích tịch tĩnh, lớn tiếng nói cười, ồn ào náo động, cử chỉ bộp chộp, mong người khác hưởng ứng, đây là vi phạm nhiễm ô.

Những trường hợp không vi phạm: <a> Nhân vì tự thân: đang khởi tâm muốn đối trị những thói quen xấu đó, tuy vẫn còn cười nói lớn tiếng, v.v..., vẫn không vi phạm, như phần trên đã nói

qua. Nhân vì tùy nghi: (1) muốn dứt trừ tâm hiểm hận của đối phương, (2) muốn làm cho đối phương giải trừ ưu sầu, buồn bực, (3) đối với những người ưa thích những việc như trên, dùng phương tiện này để nhiếp phục họ, làm cho quay về nẻo lành, (4) vì muốn giữ ý cho những người thân cùng bạn bè mà hiện tướng tùy thuận họ, (5) nếu đối phương có ý ngờ vực, ôm lòng hiểm hận, ganh ghét, lúc đó, Bồ tát ngoài mặt bèn lộ vẻ hoan hỷ, biểu lộ tâm mình thanh tịnh, không có ý xấu, tuy lớn tiếng nói cười, v.v..., đều không vi phạm.

L3. Đắm mê ba cõi (vi phạm thứ mười ba).

Kệ nói: “Nhất hướng không sinh tâm xả ly”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, sinh khởi kiến chấp, hoặc lập luận như sau: “Bồ tát không nên tham cầu Niết bàn, đối với Niết bàn nên sinh tâm nhàm lìa, đối với phiền não, không nên sợ hãi mà cầu đoạn trừ, không nên nhất quyết sinh tâm nhàm lìa, bởi vì hàng Bồ tát phải lăn lộn trong sinh tử ba a tăng kỳ kiếp để cầu Vô thượng Bồ đề”, đây gọi là vi phạm nhiệm ô học xứ Bồ tát. Vì sao? Như hàng Thanh văn khởi tâm tham cầu chứng đắc Niết bàn, nhàm lìa phiền não và tùy phiền não, thì hàng Bồ tát khởi tâm tham cầu chứng đắc Niết bàn, nhàm lìa phiền não và tùy phiền não, còn nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần so với hàng Thanh văn. Bởi vì Thanh văn chỉ lo tự độ, tinh tiến tu hành chứng đắc Niết bàn, còn Bồ tát thì vì tất cả chúng sinh, tinh tiến tu hành chứng đắc Niết bàn, vì thế Bồ tát phải nên siêng năng tu tập tâm không ô nhiễm, tuy thành tựu những sự nghiệp hữu lậu, mà việc tu tập tâm không ô nhiễm vẫn vượt hẳn Thanh văn.*

Đây là vì thấy các Kinh luận nói rằng pháp của chư Bồ tát là phải nên an trụ trong sinh tử, không ưa thích Niết bàn, cho nên sinh khởi những kiến chấp, những lập luận như vậy: “Bồ tát không nên tham cầu Niết bàn, đối với Niết bàn nên sinh tâm nhàm lìa, đối với phiền não và tùy phiền não, không nên sợ hãi mà cầu đoạn trừ, không nên nhất quyết sinh tâm nhàm lìa sinh tử, bởi vì hàng Bồ tát phải lăn lộn trong sinh tử ba a tăng kỳ kiếp để cầu Vô thượng Bồ đề.” Nếu nói như vậy, gọi là vi phạm nhiễm ô. Vì sao? Như hàng Thanh văn khởi tâm tham cầu chứng đắc Niết bàn, nhàm lìa phiền não và tùy phiền não, thì hàng Bồ tát khởi tâm tham cầu chứng đắc Niết bàn, nhàm lìa phiền não và tùy phiền não, so với hàng Thanh văn phải nên nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần! Bởi vì hàng Thanh văn chỉ lo tự thân thoát ly sinh tử, mà còn siêng năng tu tập, hướng chi hàng Bồ tát là người muốn độ tất cả chúng sinh thoát ly khỏi sinh tử. Cho nên Bồ tát cần phải siêng năng tu tập tâm không nhiễm ô, bởi vì nếu như tự mình chưa thể giải thoát khỏi phiền não, thì làm thế nào mà độ thoát người khác ra khỏi phiền não? Như Đại Trang Nghiêm Kinh Luận nói:

Mạnh mẽ vác gánh nặng chúng sinh,
Phải bỏ biếng nhác, các tật hèn,
Vì muốn giải thoát mình và người,
Càng siêng năng gấp trăm ngàn lần.

Bồ tát có phương tiện thiện xảo, có thể hành xử tùy thuận các nghiệp hữu lậu, thế nhưng phải thành tựu pháp không tạp nhiễm, vượt hơn các vị A la hán. Trát Mục Tra Số nói: “Hàng Thanh văn độn căn còn có thể thấu rõ lỗi lầm của sinh tử, sinh lòng tha thiết nhàm lìa sinh tử, hướng chi hàng Bồ tát lợi căn, đầy đủ vô

lượng trí tuệ.” Nên biết như các Kinh đã nói: “Bồ tát không nên tham cầu Niết bàn, nên đi vào sinh tử”, là muốn nói hàng Bồ tát vì muốn lợi lạc chúng sinh, không nên nhất quyết nhằm lìa sinh tử, mong nhập Niết bàn, và cũng là muốn khen ngợi hàng Bồ tát không bị các nghiệp phiền não làm nhiễm ô, chứ không có ý muốn nói hàng Bồ tát không nên nhằm lìa các nghiệp phiền não cùng sự sinh tử do nghiệp phiền não chiêu cảm, và cũng không phải muốn nói không nên tham cầu chứng đắc Niết bàn.

Ngài Bồ Đề Hiền nói: “Ba loại vi phạm này, theo thứ tự, có thể phá hoại sự (1) *đầy đủ tịnh mệnh*, (2) *không hành phóng dật*, và (3) *thường ham xa lìa* trong luật nghi giới. Lại nữa, những nghề bán rượu, đao kiếm, thuốc độc, mua bán động vật, ép mỡ ép dầu, đều là tà mệnh, gọi là vi phạm. Huống là những nghề như đánh cá, săn bắn.”

K3. Chướng ngại việc lợi ích mình và người. Có hai phần:

L1. Không phòng hộ danh dự mình (vi phạm thứ mười bốn).

Kệ nói: “Không phòng hộ, biện bạch hủy báng”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đối với Bồ tát khởi lòng bất tín, chẳng hạn như bêu rêu, nhục mạ, đàm tiếu, (nếu như sự việc là thật) mà Bồ tát không chịu biện bạch phân minh, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; còn nếu như sự việc không thật mà không chịu biện bạch phân minh, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: bị ngoại đạo phỉ báng; hoặc bị những kẻ đố kỵ ghen ghét hủy báng; hoặc xuất gia, nhân

đi khát thực, hoặc tu pháp lành mà bị hủy báng; hoặc bị kẻ đang giận dữ, hoặc tâm đang điên đảo hủy báng. Trong những trường hợp này, không biện bạch phân minh đều không vi phạm.

Nghĩa là tự mình gặp phải những lời không tin tưởng, không kính trọng, chẳng hạn như nhục mạ, chê bai, đàm tiếu, mà lại không chịu phòng hộ, biện bạch. Nếu sự việc đó đúng sự thật mà không ngăn ngừa, phòng hộ, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu sự việc không đúng sự thật mà không chịu biện bạch phân minh, đây là vi phạm không nhiễm ô. Ba việc nhục mạ, chê bai, đàm tiếu, như ngài Trác Long nói: “Theo như thứ tự, ý nói sự lầm lỗi có ba bậc thượng, trung, hạ.” Không phòng hộ, có nghĩa là không chịu dự phòng lỗi lầm sắp xảy ra, không biện bạch, có nghĩa là sự việc đã xảy ra lại không chịu tìm cách trừ diệt.

Những trường hợp không phạm: (1) Nếu người hủy báng là (a) ngoại đạo, (b) người ganh ghét ty hiềm, tuy đã khéo léo giải bày mà họ vẫn không tin hiểu, (c) người đang giận dữ, hung hăng hủy báng. Đối với những người như vậy, tuy bị hủy báng, không phòng hộ, không biện bạch cũng không vi phạm. Tân Số nói: “Nếu có ngoại đạo ganh ty với Bồ tát”, nghĩa là hợp hai điều (a) và (b) làm một ngoại đạo, đây là đi ngược với bản ý của Luân Du Già. (2) Nếu sự việc phỉ báng liên quan đến: (a) nhân sự xuất gia, (b) nhân đi khát thực, (c) nhân tu pháp lành, mà bị hủy báng, bêu rêu, trong những trường hợp này, tuy bị hủy báng, nhưng không phòng hộ, không biện bạch, đều không vi phạm.

L2. Không dùng biện pháp mạnh để lợi ích chúng sinh (vi phạm thứ mười lăm).

Kệ nói: “Đối người phiền não cũng không trị”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy chúng sinh cần phải dùng những sự quả trách, trừng phạt nghiêm khắc mới có thể làm cho họ lợi ích, nhưng vì sợ họ sâu não cho nên không quả trách, trừng phạt, đây gọi là vi phạm không nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: biết sự quả trách, trừng phạt không làm lợi ích cho đối phương, mà lại còn làm cho họ sinh nhiều phiền não.

Giả như Bồ tát thấy các hữu tình, cần phải dùng những biện pháp mạnh làm cho họ đốn đau khổ sở, hoặc dùng các hành vi, ngôn ngữ hung tợn, làm phương tiện điều phục, để cho họ được lợi ích, thế nhưng, lại sợ họ sâu não, đối với những người cần phải điều phục, nếu không dùng những biện pháp trên để điều phục họ, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu như quán xét thấy rằng đối phương đối với những biện pháp này không thu hoạch được bao nhiêu lợi ích, mà lại còn sinh nhiều phiền não, tuy không dùng những phương tiện này để điều phục họ, cũng không vi phạm.

“Không được bao nhiêu lợi ích mà còn sinh nhiều phiền não”, có chú sớ giải thích như sau: “Đối phương không được bao nhiêu lợi ích, mà tự mình lại sinh nhiều phiền não.” Lại nữa, Tân Số nói: “Chữ *cũng* trong câu kệ trên có nghĩa là đối với hữu tình phiền não, không những dùng biện pháp mạnh, mà cũng nên dùng biện pháp mềm mỏng.” Sớ có ý muốn nói đối với hữu tình cần phải dùng biện pháp mạnh, mà cũng nên dùng biện pháp mềm mỏng để đối trị, nếu không như thế, thì cũng gọi là vi phạm. Nên biết, điều

này có vẻ như hiểu lầm ý nghĩa của Luân Du Già. Chữ *cũng* này có nghĩa là nếu như hữu tình có nhiều phiền não, hoặc phạm tội nặng, tuy có thể điều phục, cũng không nên điều phục.

Tân Số nói: “Hai loại vi phạm này, theo thứ tự, có thể hủy hoại *chánh niệm chánh tri, chánh hành phòng hộ đối với sự vi phạm của chính mình, quán sát suy ngẫm, khéo léo đối trị, có thể làm cho tiêu trừ*, trong phần nhiếp thiện pháp giới; ngoài ra còn có thể hủy hoại *sự quả trách nhiếp thọ* trong phần nhiều ích hữu tình giới.

J3. Chương ngại nhẫn nhục. Có ba phần:

K1. Không chịu an nhẫn (vi phạm thứ mười sáu).

Kệ nói: “Bị người đánh, mắng, v.v..., liền trả đũa”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, bị kẻ khác mắng chửi liền mắng chửi lại, bị kẻ khác giận dữ liền giận dữ lại, bị kẻ khác đánh đập liền đánh đập lại, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Chữ “mắng” trong bài kệ, có nghĩa là do giận dữ mà mở lời mắng nhiếc (nhục mạ); chữ “v.v...” trong bài kệ, có nghĩa là “dùng sự giận dữ trả đũa sự giận dữ”, ý muốn làm cho đối phương nổi giận, bằng cách phát ra những lời thô tục; hoặc “dùng sự đánh đập trả đũa sự đánh đập”, ý muốn làm cho đối phương khổ sở, bằng cách đánh đập họ, hoặc “dùng sự chàm chọc trả đũa sự chàm chọc”, nghĩa là hai bên đem lỗi của đối phương mà chàm chọc nhau.

K2. Không xả bỏ tâm sân hận triền miên. Có hai phần:

L1. Không tự xả bỏ (vi phạm thứ mười bảy).

Kệ nói: “Người giận, nghi, không tạ lỗi họ”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, xâm phạm người khác, hoặc tuy không xâm phạm, nhưng đối phương hiểu lầm là xâm phạm, Bồ tát vì tâm hiềm hận, ghen ghét, hoặc kiêu mạn, không chịu tạ lỗi đúng phép, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lưỡi biếng, nhút nhát, buông lung mà không tạ lỗi, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, làm cho họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành; hoặc biết đối phương là kẻ ngoại đạo, tà ác; hoặc đối phương muốn Bồ tát làm chuyện phi pháp rồi mới nhận sự tạ lỗi; hoặc biết đối phương là kẻ thích gây sự, sự tạ lỗi chỉ càng làm cho họ thêm phân nộ; hoặc biết đối phương là người ôn hòa, tâm không chấp nhất; hoặc biết sự tạ lỗi chỉ làm cho đối phương thêm hổ thẹn. Trong những trường hợp này, không tạ lỗi, không phạm.

Nếu như Bồ tát đã xâm phạm người khác, hoặc tuy không xâm phạm, nhưng đối phương nghi ngờ Bồ tát xâm phạm họ, tùy một trong hai trường hợp, nếu như Bồ tát khởi tâm hiềm hận tăng thượng, hoặc vì kiêu mạn, không chịu khiêm hạ, không chịu tạ lỗi đúng phép, đây là vi phạm nhiễm ô, nếu như vì cá tính lưỡi biếng, nhút nhát, phóng dật, mà bỏ lơ không tạ lỗi, đây là vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: (1) nhân vì tùy nghi: nếu như vì muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, tuy không đến tạ lỗi, cũng không vi phạm, (2) đối tượng tạ lỗi: (a) đối

phương là ngoại đạo, (b) đối phương muốn Bồ tát làm chuyện phi pháp, tội lỗi, rồi mới nhận sự tạ lỗi, (c) đối phương cá tính ưa thích hơn thua, nếu như tạ lỗi, lại làm cho họ tăng gia sự phẫn nộ, (d) đối phương có tính kham nhẫn, dù có tạ lỗi hay không, họ cũng không chấp nê, (e) đối phương không nhận sự tạ lỗi, hoặc sự tạ lỗi làm cho họ cảm thấy hổ thẹn. Trong năm trường hợp này, tuy không tạ lỗi, cũng không vi phạm. Lại nữa, trong năm trường hợp này, hai trường hợp cuối, Luân Du Già hợp lại thành một trường hợp, thế nhưng trong các bộ sớ khác, lại giải thích riêng biệt thành hai trường hợp. Ở đây y theo sớ mà nói.

L2. Không tha thứ lỗi lầm của người khác (vi phạm thứ mười tám).

Kệ nói: “Người tạ lỗi, cự tuyệt không nhận”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có người đến xâm phạm, nhưng họ đã tạ lỗi đúng phép, thế nhưng, Bồ tát ôm lòng hiềm hận, muốn làm cho đối phương sầu não, bèn không chịu nhận sự tạ lỗi của họ, đây gọi là vi phạm nhiệm ô học xứ Bồ tát; hoặc tuy Bồ tát không có tâm hiềm hận, không muốn làm cho đối phương sầu não, nhưng vì tâm tính hẹp hòi, không biết tha thứ, cho nên không thọ nhận sự tạ lỗi, đây cũng gọi là vi phạm nhiệm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc đối phương tạ lỗi không bình đẳng, không đúng phép, do đó không nhận sự tạ lỗi. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu như có người đến xâm phạm Bồ tát, sau đó họ đã đúng pháp đến tạ lỗi bình đẳng, thế nhưng Bồ tát ôm lòng hiềm hận, vì muốn tổn hại, xúc não đối phương, cho nên không thọ nhận sự tạ lỗi của họ, đây là vi phạm nhiễm ô, hoặc tuy không có tâm hiềm hận, thế nhưng vì cá tính không kham nhẫn, cho nên không thọ nhận sự tạ lỗi, đây là vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: (1) hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, tuy không thọ nhận sự tạ lỗi, cũng không vi phạm, (2) hoặc đối phương: (a) tạ lỗi không đúng pháp, (b) tạ lỗi không bình đẳng, trong hai trường hợp này, không nhận sự tạ lỗi cũng không vi phạm. Trường hợp trước, không đúng chánh lý, trường hợp sau, chỉ dùng đầu môi chót lưỡi. Hai bản sơ Tân, Cựu của Giới Nhi Thập Tung đều nói: “ý nghĩa của trường hợp sau, nghĩa là không đúng thời”, nghĩa là đến tạ lỗi không đúng lúc. Lại nữa, Tân Sở nói: “Đối với ngoại đạo, hoặc người ưa thích đấu tranh, tuy không nhận thọ sự tạ lỗi, cũng không vi phạm.”

K3. Không khởi tâm đối trị phiền não (vi phạm thứ mười chín).

Kệ nói: “Ôm trong lòng phần hận triền miên”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ôm lòng oán hận kẻ khác, không chịu buông xả, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: tuy cố gắng tìm đủ mọi cách đoạn trừ, nhưng phiền não vẫn hiện hành, như phần trên đã nói qua.

Nghĩa là đối với người khác, khởi tâm oán hận, chấp chặt không xả, không thấy lỗi lầm đó, không chịu tìm cách đối trị, đây là vi phạm nhiễm ô, nếu như khởi tâm đối trị, tuy siêng năng tìm cách đoạn trừ, nhưng phiền não vẫn tiếp tục hiện hành, trong trường hợp này không vi phạm, như phần trên đã nói qua. Ngài Bồ Đề Hiền nói: “Đây là sự vi phạm *ôm lòng oán hận không chịu buông xả*”.

Bốn điều vi phạm vừa đề cập ở trên, như Tân Số nói: “Hai vi phạm đầu, theo thứ tự, có thể phá hoại sự *mong muốn làm lợi ích người khác* trong phần luật nghi giới và thiện pháp giới, cùng phá hoại sự *một chút ít phiền não oán hận của căn bốn phiền não sinh khởi cũng không thể nhẫn thọ* trong phần nhiếp thiện pháp nhân duyên. Hai vi phạm sau, có thể phá hoại những gì, bộ số ấy không thấy nói đến.

J4. Chương ngại tinh tiến. Có ba phần:

K1. Ý hướng hành vi hạ liệt (vi phạm thứ hai mươi).

Kệ nói: “Vì tham cung phụng, nuôi đệ tử”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, vì tham muốn sự cúng dường, cung phụng mà thâm nhận, nuôi dưỡng đệ tử, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: không do tham cầu sự cúng dường, cung phụng mà thâm nhận, nuôi dưỡng đệ tử.

Nghĩa là tham luyến một cách phi lý sự hầu hạ, cung phụng, cùng đem tâm ái nhiễm mong cầu sự cúng dường tiền tài mà nuôi

dưỡng đê tử, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu như không có tâm ô nhiễm mà nuôi dưỡng đê tử, thọ nhận sự cúng dường, thì không vi phạm.

K2. Hành vi lừa dối (vi phạm thứ hai mươi mốt)

Kệ nói: “Không chịu khiến trừ lừa, nhút nhát”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, lừa dối, nhút nhát, ham ưa ngủ nghỉ, ưa nằm, ưa dựa, không có giờ giấc, không biết hạn lượng, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: đang bị bệnh nặng; hoặc không có sức lực; hoặc đi đường xa về mệt mỏi; hoặc đang cố gắng đoạn trừ thói quen ngủ nghỉ, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được, như phần trên đã nói qua.

Nghĩa là khởi tâm lừa dối, nhút nhát, v.v..., ham mê ngủ nghỉ, ưa nằm, ưa dựa, không có giờ giấc, không có hạn lượng, đây là vi phạm với tâm nhiễm ô.

Không có giờ giấc, nghĩa là ban ngày không phải là giờ ngủ nghỉ, v.v..., không có hạn lượng, nghĩa là ban đêm, ngoại trừ giữa đêm ra, đầu đêm, cuối đêm nghỉ ngơi, cũng đều gọi là không có hạn lượng.

K3. Ham việc đàm luận vô ích (vi phạm thứ hai mươi hai).

Kệ nói: “Ham nói vô nghĩa, vô lợi ích”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ham thích bàn chuyện thế sự, lãng phí ngày giờ, đây gọi là vi phạm niêm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lơ đãng mà lãng phí ngày giờ, thì gọi là vi phạm không niêm ô.*

Những trường hợp không phạm: thấy người khác bàn luận thế sự, vì muốn chiêu ý họ, tạm thời lắng nghe trong chánh niệm; hoặc vì câu chuyện ly kỳ ít có mà tạm thời hỏi chuyện; hoặc trả lời những thắc mắc của đối phương. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nghĩa là do tâm ái nhiễm, lãng phí thì giờ, ham thích bàn chuyện thế sự, như chính trị, xã hội, chuyện trai gái, v.v..., đây là vi phạm niêm ô. Trát Mục Tra Sở nói: “Đây là từ sự nghe người khác bàn luận mà lãng phí ngày giờ.” Lãng phí, nghĩa là từ lúc ban mai cho đến giữa trưa, hoặc từ lúc xế trưa cho đến đầu đêm, v.v...

Trường hợp không phạm: (1) phía người nghe: thấy người đang đàm luận, vì muốn chiêu ý họ, bèn an trụ trong chánh niệm, tạm thời lắng nghe, cũng không vi phạm, (2) phía người nói: hoặc vì câu chuyện ly kỳ, hoặc tạm thời hỏi họ, hoặc trả lời câu hỏi của họ, như vậy, tuy bàn luận cũng không vi phạm. Ngài Tối Thắng Tử nói: “Nếu như trong lúc đang siêng năng tu tập các học xứ, những điều như trên, cũng gọi là vi phạm.”

Tân Sở nói: “Ba sự vi phạm này, có thể phá hoại sự: *nuôi dưỡng đệ tử đúng pháp* trong giới nhiều ích hữu tình, *thường thường dưỡng mãnh tinh tiến tu tập sáu ba la mật* trong giới nhiếp thiện pháp,

và tuy ở trong đám đông tạp nhạp, không đàm luận việc xấu ác tạp nhiễm trong giới nhiếp luật nghi.”

J5. Chương ngại thiên định. Có ba phần:

K1. Chương ngại gia hành (vi phạm thứ hai mươi ba).

Kệ nói: “Không chịu cầu thầy dạy tu định”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, muốn làm cho tâm an trụ, muốn được định tâm, nhưng vì hiềm hận, kiêu mạn mà không chịu đến nơi các vị thầy để thỉnh cầu sự chỉ giáo, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không chịu thỉnh cầu, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: *đang bị bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc biết vị thầy đó chỉ dạy những việc điên đảo; hoặc tự mình học rộng, có đủ trí tuệ, có thể tự làm tâm định; hoặc trước đó đã học qua phương pháp tu tập. Trong những trường hợp này, không thỉnh cầu sự chỉ giáo, không phạm.*

Nghĩa là muốn được định tâm, nhưng vì tâm hiềm hận, kiêu mạn, không đến tìm thầy, cầu thỉnh sự chỉ dẫn phương pháp làm cho tâm an trụ, đây là vi phạm nhiễm ô, nếu như vì lười biếng, nhút nhát mà không cầu thỉnh, thì vi phạm không nhiễm ô.

Trường hợp không vi phạm: hoặc vì tự thân: (1) đang bị bệnh, không có sức lực, (2) biết vị thầy đó chỉ dạy những sự điên đảo, (3) tự mình học rộng nghe nhiều, có thể tự làm cho tâm an trụ,

tuy không cầu thỉnh, cũng không vi phạm; hoặc đã được chỉ dạy phương pháp tu tập, cho nên không cầu thỉnh, cũng không vi phạm.

K2. Chướng ngại chánh hành (vi phạm thứ hai mươi bốn).

Kệ nói: “Không bỏ ngũ cái, chướng thiên định”

Giới vãn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, khởi tâm tham dục, nhưng không chịu tìm cách đoạn trừ, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: đang cố gắng đoạn trừ phiền não tham dục, tuy siêng năng tìm mọi phương cách đối trị, nhưng phiền não vẫn tiếp tục hiện hành.

Tương tự, trường hợp các phiền não khác như sân khuể, hôn thụy, trạo cử, hoặc nghi ngờ, đều giống như trường hợp tham dục.

Nếu như một trong ngũ cái chướng ngại thiên định sinh khởi mà lại nhẫn thọ, không chịu trừ diệt, gọi là vi phạm nhiễm ô; nếu như khởi tâm mong muốn đoạn trừ, v.v..., tuy ngũ cái sinh khởi, cũng không vi phạm, như phần trên đã nói qua.

Ngũ cái là những gì? Khuyến Giới Vương Tạng của ngài Long Thọ Bồ tát nói:

Sân, trạo cử ác tác,
Hôn thụy, tham dục, nghi,
“Ngũ cái” gian tặc này,

Thường trộm các thiện lợi.

Trong đây *trạo cử*, *ác tác* hợp thành một cái; *hôn* (trầm), *thụy* (miên) hợp thành một cái.

Nói về ngũ cái, có hai phần. Trước nói về ngũ cái cùng nguyên nhân dẫn phát, kể đó nói về phương cách tịnh trừ ngũ cái.

1/ Tham dục: là tâm ham thích chạy theo năm cảnh sắc, thanh, v.v... Nguyên nhân dẫn phát: đối với trần cảnh, sinh khởi ý tưởng điên đảo, cho rằng cảnh giới là khả ái, thanh tịnh.

2/ Sân khuể: là đối với người khác, khởi tâm tổn hại, làm cho đối phương tổn hoại, sầu não. Nguyên nhân dẫn phát: đối với cảnh giới trái ý, tâm nhớ nghĩ không nguôi, nhân đó sinh khởi tâm phẫn nộ.

3/ Hôn trầm (hàm nhiếp trong tâm si): là nội tâm hôn muội, không tự khống chế; thụy miên (hàm nhiếp trong tâm si), tâm không tùy cảnh. Nguyên nhân dẫn phát: tâm ở trong trạng thái u ám, không có tướng quang minh.

4/ Trạo cử (hàm nhiếp trong phiền não tham): là tướng không tịch tĩnh; ác tác, nghĩa là sau khi trạo cử, hồi tưởng lại bèn sinh tâm hối hận bứt rứt. Nguyên nhân dẫn phát: do sự hồi ức nghĩ ngợi không nguôi về những người thân thuộc, hoặc hoàn cảnh chung quanh, hoặc nhớ lại những cảnh ngộ vui buồn trong quá khứ, v.v...

5/ Nghi: nghĩa là đem vọng tình của mình, do dự nghi ngờ ba đời là có hoặc không có, hoặc nghi ngờ Tam bảo, nghiệp báo, nhân đến Tứ đế. Nguyên nhân dẫn phát: do kiến giải sai lầm về các pháp: ba đời, v.v...

Kế đến, nói về phương cách diệt trừ các chướng ngại trên. Có hai phần: 1/ trước tiên dùng phương pháp đối trị để diệt trừ, 2/ dùng uy nghi của thân để diệt trừ.

1/ Dùng phương pháp đối trị để diệt trừ. Có ba phần:

a/ Dùng pháp tăng thượng để tịnh trừ: để đối trị sự tham dục, nên tu các pháp quán tưởng bất tịnh như bầm xanh, bành trướng, mủ máu, bầy nhầy, ...; để đối trị sân hận, nên tu quán từ bi; để đối trị hôn trầm, nên tu quán các tướng ánh sáng mặt trời, mặt trăng, làm cho tâm sáng suốt; hoặc tu pháp lục niệm, tùy sở thích tu niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên; hoặc quán cảnh duyên thanh tịnh để khuyến tấn chính mình; hoặc quán các phương hướng, hoặc mặt trăng, tinh tú, v.v...; hoặc dùng nước mát rửa mặt, gội đầu; để đối trị điều kiện, ác tác, nên chánh trụ tâm nơi một cảnh, tu tam ma địa; để đối trị tâm nghi, nên quán sát các pháp quá khứ đã sinh, cùng các pháp vị lai sẽ sinh, đều chỉ là các pháp nhân quả, đều không có ngã; đối với pháp có cho là có, đối với pháp không có cho là không có; kiến giải chính xác, xa lìa sự tăng (chấp có), tổn (chấp không); lại phải nên tụng niệm kinh, luận nói về sự quả trách, diệt trừ ngũ cái, hoặc nói về sự tai hại của ngũ cái, hoặc khen ngợi công đức của sự xa lìa ngũ cái; suy ngẫm nghĩa lý, các phiền não chưa sinh khởi, làm cho không sinh khởi, nếu đã sinh khởi, làm cho trừ diệt.

b/ Do tự mình tu tập mà tịnh trừ: quán sát ngũ cái, bất cứ phiền não (cái) nào sinh khởi, đều làm cho tâm mình sinh khởi các tạp nhiễm, làm cho trí tuệ giảm thiểu, tổn hại các pháp lành, đây không phải là điều nên làm, bèn sinh tâm hổ thẹn; đối với ngũ cái, tìm cách trừ diệt, quyết không nhẫn thọ.

c/ Y vào pháp thế gian mà tịnh trừ: quán sát rằng khi một “cái” sinh khởi, nếu như không tịnh trừ, sẽ bị Thượng sư, cùng các vị trời có tha tâm thông, hoặc các vị đồng pháp có trí tuệ, quở trách, chê bai, cho nên lúc phiền não chưa sinh khởi, làm cho không sinh khởi, nếu như đã sinh khởi, liền tìm cách khiến trừ.

2/ Dùng uy nghi của thân để tịnh trừ: nghĩa là đối với phiền não thụy miên, hôn trầm, nên đứng dậy kinh hành để diệt trừ, còn đối với bốn phiền não kia, nên ngồi kiết già, dùng pháp tịnh trụ (thiền định) để diệt trừ; lại nữa, đối với các phiền não, trong tất cả mọi thời, phải nên xả bỏ không nhẫn thọ, chứ không phải chỉ riêng lúc ngồi thiền.

K3. Chướng ngại chung hành (vi phạm thứ hai mươi lăm).

Kệ nói: “Cho thiền thế gian là công đức”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, tham đắm thiền định thế gian, cho là có công đức, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: *đang cố gắng đoạn trừ sự tham đắm thiền định thế gian, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được, như phân trên đã nói qua.*

Nếu như trong lúc tu tập tĩnh lự, khởi tâm tham luyến cảnh giới thiền định, ưa thích sự hỷ lạc, thấy là có công đức, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu như đang cố gắng đối trị, nhưng vẫn còn tiếp tục tham luyến, trong trường hợp này không vi phạm, như phần trên đã nói qua.

Các bộ luận đều cho rằng đây là tai hại của sự ưa thích, thỏa mãn đối với thiền định, thế nhưng, đây là điều phi lý, bởi vì lúc cảnh giới thiền định sinh khởi, có bốn loại phiền não: (1) tham luyến, (2) kiêu mạn, (3) si mê, (4) chấp kiến.

Tân Sở nói: “Ba sự vi phạm này, theo thứ tự, có thể: (1) trong nhiếp luật nghi giới: hủy hoại sự *phát khởi vô lượng đẳng trì của Bồ tát*, cùng sự *không phát khởi các tâm tư ác*, (2) trong nhiếp thiện pháp giới: hủy hoại sự *không nhẫn thọ các phiền não của thiền định* (đẳng chí), cùng sự *không nhẫn thọ các sự tham luyến thiền định* trong nhiếp thiện pháp giới.

J6. Chướng ngại trí tuệ. Có ba phần:

K1. Đối với liệt cảnh. Có bốn phần:

L1. Không học pháp Tiểu thừa (vi phạm thứ hai mươi sáu).

Kệ nói: “Khinh miệt, hủy báng pháp Thanh văn”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, phát khởi kiến giải, hoặc lập luận như sau: “Bồ tát không nên nghe giáo pháp Thanh văn, không nên thọ trì, không nên tu học. Bồ tát cần gì phải nghe, phải thọ trì, phải siêng năng tu học giáo pháp của Thanh văn?”, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ*

Bồ tát. Vì sao? Bồ tát đối với sách vở ngoại đạo còn phải học hỏi nghiên cứu, hướng chi là những lời Phật dạy!!

Những trường hợp không phạm: vì muốn những người chuyên tâm nhất ý học giáo pháp Tiểu thừa xả bỏ sự ham thích đó nên nói lời như vậy.

Nghĩa là Bồ tát phát khởi kiến giải, hoặc lập luận như sau: “Bồ tát không nên nghe giáo pháp Thanh văn, không nên thọ trì, không nên tu học, Bồ tát cần gì phải nghe, phải thọ trì, phải siêng năng tu học giáo pháp Thanh văn”, nếu nói như vậy, gọi là vi phạm nhiễm ô.

Nên biết, điều giới này khác với điều giới “phỉ báng pháp Thanh văn” trong phần tội căn bản của giới biệt giải thoát. Ở đây chỉ là sự vọng chấp, cho rằng pháp Thanh văn là để cho những hành giả Tiểu thừa tu học, còn hành giả Đại thừa thì không cần phải nghe, phải học, vì vậy, đây không phải là sự hủy báng pháp Thanh văn một cách triệt để.

Tại sao Bồ tát nói như vậy lại gọi là vi phạm? Bởi vì Bồ tát đối với sách vở ngoại đạo còn phải siêng năng nghiên cứu, hướng hồ là lời của Phật dạy.

Tại sao Luân Du Già thiết lập điều giới này? Bởi vì thấy những hành giả không có chánh tri kiến, cho rằng hành giả Đại thừa không cần tu học giới biệt giải thoát, gây tạo tội chướng khinh miệt chánh pháp. Vì muốn phòng hộ cho bọn họ khỏi bị đọa vào hố sâu nguy hiểm (địa ngục), cho nên chế định điều giới này. Nên biết đây là sự giáo giới thù thắng nhất.

Nếu như có những hành giả Đại thừa đam mê học tập pháp Thanh văn thừa, vì muốn làm cho bọn họ hồi tâm, quay về Đại thừa, bèn nói những lời như trên, trong trường hợp này không vi phạm.

L2. Chuyên tâm tu học pháp Tiểu thừa (vi phạm thứ hai mươi bảy).

Kệ nói: “Bỏ Đại thừa, học pháp Tiểu thừa”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với giáo pháp Bồ tát chưa kịp nghiên cứu tường tận, nhưng lại bỏ phước, quay sang chuyên tâm nhất ý tu học giáo pháp Tiểu thừa, đây gọi là vi phạm không nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Nếu có Bồ tát, đối với pháp tạng Bồ tát, đáng lẽ cần phải siêng năng tu học, lại bỏ phước không chịu học, mà lại quay sang chuyên tâm học tập pháp tạng Thanh văn, đây gọi là vi phạm. Ở đây có ý muốn nói các vị Bồ tát đối với pháp tạng Bồ tát phải nên siêng năng tu học, không được phước bỏ, mới có thể học tập thêm pháp tạng Tiểu thừa.

L3. Chuyên tâm tu học giáo điển ngoại đạo (vi phạm thứ hai mươi tám).

Kệ nói: “Chưa thông Phật pháp, học ngoại đạo”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, tuy có sẵn kinh sách Phật giáo, đối với Phật pháp chưa kịp nghiên cứu tường tận, nhưng lại quay sang siêng năng nghiên cứu*

sách vở thế gian cùng luận điển ngoại đạo, đây gọi là vi phạm nhiệm ô học xứ Bồ tát.

Những trường hợp không phạm: có thể học tập Phật pháp nhanh chóng; hoặc đã học Phật pháp dài lâu, hiện vẫn chưa quên; hoặc đối với Phật pháp, có thể suy ngẫm và thông đạt nghĩa lý; hoặc đối với Phật pháp đã quán sát thực nghĩa, thành tựu nhân lực, không còn bị lập luận của ngoại đạo lay chuyển; hoặc trong mỗi ngày, dành hai phần thời gian tu học Phật pháp, một phần thời gian học tập sách vở ngoại đạo. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu như Bồ tát, hiện có sẵn kinh sách Phật giáo, đối với Phật pháp, chưa kịp nghiên cứu tường tận, lại quay sang nghiên cứu sách vở thế gian, cùng với luận điển ngoại đạo, đây là vi phạm nhiệm ô.

“Luận điển ngoại đạo”, Trát Mục Tra Sơ cho rằng đó là những sách vở về luận lý (nhân minh), ngôn ngữ (thanh minh) của ngoại đạo.

Phần trước, đối với Tiểu thừa, cho nên nói Bồ tát tạng, hiện nay đối với ngoại đạo, cho nên nói Phật pháp.

Những trường hợp không phạm: (1) cực kỳ thông minh, (2) có thể thọ trì nhanh chóng, (3) học nhớ lâu không quên, (4) có thể suy ngẫm, thông đạt nghĩa lý, (5) đối với Phật pháp, quán sát đúng lý, được trí bất động, (6) hoặc trong mỗi ngày, dùng hai phần thời gian học tập Phật pháp, một phần thời gian học tập ngoại đạo. Trong những trường hợp này không vi phạm.

Ngài Tối Thắng Tử nói: “*Cực kỳ thông minh*, nghĩa là trong khoảng thời gian ngắn có thể ghi nhớ; *có thể suy ngẫm nghĩa lý*, nghĩa là tâm rất bén nhọn; *có thể thông đạt nghĩa lý*, nghĩa là trí tuệ sáng suốt; *quán sát đúng lý*, nghĩa là có thể sinh khởi đại trí tuệ; *có thể thọ trì nhanh chóng*, nghĩa là học tập nhanh chóng.

L4. Đam mê tu học pháp ngoại đạo (vi phạm thứ hai mươi chín).

Kệ nói: “Đam mê siêng học pháp ngoại đạo”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, không chịu giữ gìn giới pháp Bồ tát, đối với sách vở thế gian, cùng tà luận ngoại đạo, nghiên cứu tinh tường, trong lòng cảm thấy thích thú, tham đắm, không coi đó như cặn bã, hoặc chất độc, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Các vị Bồ tát không nên vượt quá quy tắc của Bồ tát vừa đề cập ở trên, là hai phần thời gian học tập Phật pháp, một phần thời gian học tập luận điển ngoại đạo. Đối với sách vở thế gian và luận điển ngoại đạo, tuy tìm tòi nghiên cứu, vẫn xem như thuốc độc, nếu không như thế, thì lúc ban đầu sẽ ưa thích, kế đó sẽ đam mê, sau đó sẽ chấp trước. Đây là vi phạm nhiễm ô.

Tân Sở nói: “Bốn vi phạm vừa nêu trên, vi phạm đầu, có thể hủy hoại *tâm xa lìa các tâm tư ác* trong giới nhiếp thiện pháp; vi phạm hai và ba, có thể hủy hoại *sự tìm cầu văn tuệ* trong giới nhiếp thiện pháp.” Còn vi phạm thứ tư có thể hủy hoại những gì, thì số này chưa đề cập đến.

K2. Đối với thặng cảnh. Có ba phần:

L1. Ghét bỏ hủy báng cảnh giới trí tuệ (vi phạm thứ ba mươi).

Kệ nói: “Ghét bỏ hủy báng Bồ tát tạng”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với nghĩa lý chân thực, sâu xa, cực kỳ sâu xa, lại nghe chư Phật Bồ tát có thân lực không thể nghĩ bàn, đã không sinh khởi lòng tin, ngược lại còn sinh tâm hủy báng: “Những điều này không đưa đến sự lợi ích, không đưa đến Chánh pháp, không phải do Đức Như Lai nói ra, không thể lợi ích an lạc chúng sinh”, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát. Những sự việc hủy báng vừa nói trên là do kiến giải sai lầm của chính mình, hoặc do người khác xúi dục mà phát sinh.*

Những trường hợp không phạm: *Bồ tát thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, nghe giáo pháp sâu xa, cực kỳ sâu xa, không tin không hiểu, lúc đó Bồ tát nên miễn cưỡng tin nhận, tâm không gian dối, tự nhủ như thế này: “Tôi thật không có thiện căn, đui mù không có mắt trí tuệ, đối với Đức Như Lai là bậc đầy đủ tuệ nhān, tùy căn cơ chúng sinh mà giảng nói, đối với những lời pháp khó hiểu khó dò của Đức Như Lai mà dám sinh tâm hủy báng!” Bồ tát phải tự ý thức sự “vô tri” của mình như vậy, đề cao Đức Như Lai là bậc đối với Phật pháp, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy, bình đẳng tùy thuận chúng sinh mà hiện thân thuyết pháp. Bồ tát nếu có thái độ chân chính như vậy, tuy không hiểu không tin, vẫn không vi phạm học xứ Bồ tát.*

Nếu có Bồ tát, đối với Bồ tát tạng, ghét bỏ hủy báng, đây là vi phạm nhiễm ô. Vì sao nghe pháp lại sinh phỉ báng? Nghĩa là khi

nghe Bồ tát pháp tạng, đối với pháp nghĩa chân thực sâu xa, cực kỳ sâu xa, cùng chư Phật Bồ tát có bất khả tư nghì thần lực, không sinh lòng tin hiểu, ghét bỏ hủy báng.

“Sâu xa”, nghĩa là không phải cảnh giới của phàm phu, “cực kỳ sâu xa”, nghĩa là không phải cảnh giới của Nhị thừa. Hai tông nghĩa của Đại thừa: (1) pháp nghĩa chân thực, (2) chư Phật Bồ tát có bất khả tư nghì thần lực, chỉ cần hủy báng một trong hai thì gọi là vi phạm.

Ghét bỏ hủy báng, có bốn loại: (1) hủy báng rằng không thể dẫn sinh nghĩa lý, nghĩa là những điều mà Bồ tát tạng nói là hạ liệt, không phải là chỗ nương tựa của trí tuệ, (2) hủy báng rằng không thể dẫn sinh pháp, nghĩa là những điều Bồ tát tạng nói là hạ liệt, không phải là chỗ nương tựa của phước đức, (3) hủy báng rằng không phải là do Đức Như Lai nói, nghĩa là người nói pháp tạng Bồ tát là hạ liệt, (4) hủy báng rằng Bồ tát tạng không thể lợi ích an lạc hữu tình.

Bốn loại nhân duyên phỉ báng trên đây, hoặc là do tự mình có kiến giải sai lầm, hoặc là vì a dua theo người khác mà buông lời hủy báng.

Làm thế nào tự thủ hộ tâm mình, khi nghe người khác hủy báng? Giả như Bồ tát đối với giáo pháp sâu xa, cực kỳ sâu xa, tâm không tin hiểu, lúc đó Bồ tát nên miễn cưỡng tin nhận, tâm không gian dối, tự nhủ như thế này: *“Tôi nay dui mù, không có tuệ nhãn vô lậu, đối với Đức Như Lai đầy đủ tuệ nhãn, phải tùy theo lời Ngài dạy mà tu hành, không nên sinh tâm hủy báng những lời giáo huấn cùng mật ý của Đức Như Lai.”* Bồ tát phải ý thức sự vô tri của mình, để

cao Đức Như Lai là bậc đối với Phật pháp, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy. Bồ tát nếu có thái độ chân chánh như vậy, tuy không tin hiểu, cũng không vi phạm.

Trang Nghiêm Kinh Luân nói:

Ý tội là tính ác,
Không rõ sự phi lý,
Đối với pháp, nếu nghi,
Đừng chê, mới không lỗi.

Bảo Man Luân nói:

Lời, ý mật của Phật,
Khó mà hiểu rõ được,
Pháp nhất thừa, tam thừa,
Đừng chê, tự giữ mình,
Không chê, mới vô tội,
Chê ghét là tội ác.

Nghĩa là các hành giả Đại thừa sơ cơ, chưa dễ khế hợp Phật pháp, tuy không tin hiểu, nếu như không chê bai ghét bỏ, cũng không vi phạm.

L2. Có thể phá hoại quả của trí tuệ (vi phạm thứ ba mươi mốt).

Kệ nói: “Lại tự khen mình mà chê người”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ở trước đám đông, hoặc do tâm tham, hoặc do tâm sân, tự*

*khen ngợi mình, hoặc hủy báng người khác, đây gọi là vi phạm
nhiệm ô học xứ Bồ tát.*

*Những trường hợp không phạm: muốn hàng phục ngoại
đạo; hoặc muốn trụ trì Chánh pháp của Đức Như Lai; hoặc muốn
dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã
nói qua; hoặc muốn làm cho người chưa tin phát khởi lòng tin
thanh tịnh, người đã có lòng tin thanh tịnh tăng trưởng lòng tin.*

Nếu như Bồ tát, đối với người khác, có tâm ái nhiễm, hoặc
có tâm sân hận, tự khen mình, chê người, đây là vi phạm nhiệm ô.
Tâm ái nhiễm, như Tân Sở và Trát Mục Tra Sở đều nói: “Do vì
kiêu căng tự mãn, cũng tức là tâm ngã mạn.” Ngài Tối Thắng Tử
nói: “Đó là tâm cống cao,” ý nghĩa cũng giống như đã giải thích.
Cho nên ở đây không đồng với tội tha thắng.

Những trường hợp không phạm: Nhân vì tùy nghi: (1) vì
muốn trụ trì chánh giáo của Đức Như Lai, mà muốn hàng phục
ngoại đạo, (2) muốn dùng phương tiện này để điều phục đối
phương, như phần trên đã nói qua, (3) vì muốn cho người chưa tin
phát khởi lòng tin, đã có lòng tin làm cho tăng trưởng. Đối với
những việc như vậy, tuy tự khen mình, nhẵn đến chê người, đều
không vi phạm.

L3. Có thể hủy hoại nhân của trí tuệ. Có hai phần.

M1. Không đi nghe Chánh pháp (vi phạm thứ ba mươi hai).

Kệ nói: “Có chỗ giảng pháp, không đến nghe”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, nghe có chỗ giảng nói, thảo luận Chánh pháp, hoặc vì kiêu mạn, hoặc vì giận dữ, hoặc vì buồn bực, không chịu đi nghe, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đi nghe, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc không biết, hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc biết người giảng pháp bàn chuyện điên đảo; hoặc muốn giữ ý cho họ; hoặc đã hiểu rõ ý nghĩa mà họ muốn nói; hoặc đã nhiều lần nghe qua, thọ trì, thấu suốt; hoặc nghe nhiều học rộng, hiểu rõ Phật pháp; hoặc đang trụ tâm một cảnh, không muốn bị gián đoạn; hoặc đang siêng năng tu tập thiền định; hoặc căn tính ngu độn, đối với Phật pháp không thể thu nhận, không thể hành trì, không thể làm cho tâm an định. Trong những trường hợp này, không đi nghe pháp, không phạm.

Bồ tát nghe có chỗ giảng nói, thảo luận chánh pháp, nhưng vì tâm kiêu mạn, hoặc vì tâm hiềm hận, hoặc vì buồn bực, không chịu đi nghe, đây là vi phạm nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) không biết rằng đó là thuyết pháp, (2) hoặc đang có bệnh, hoặc không có sức lực, (3) biết người giảng pháp nói năng điên đảo, (4) đã hiểu rõ ý nghĩa mà họ muốn nói, đã nghe qua, thọ trì, thấu suốt, (5) học rộng nghe nhiều, hiểu rõ Phật pháp, (6) không muốn gián đoạn sự chuyên tâm tu tập thắng định của Bồ tát, (7) tự biết mình căn tính ngu độn, đối với những điều đã nghe, khó thọ, khó trì, đối với cảnh duyên, khó nhiếp tâm an định. Đối với những trường hợp như vậy, tuy không đi nghe, đều không vi phạm. Nhân vì tùy

nghe: nghĩa là muốn giữ ý cho người thuyết pháp, tuy không đi nghe, cũng không vi phạm.

M2. Có thể hủy hoại cảnh giới của sự nghe pháp (vi phạm thứ ba mươi ba).

Kệ nói: “Chê người thuyết pháp không y nghĩa”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với pháp sư, cố ý khinh mạn, hủy báng, không khởi tâm kính trọng, cười nhạo chê bai: “Chỉ biết chấp vào mặt chữ, không hiểu nghĩa lý”, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát.*

Nếu Bồ tát, đối với pháp sư, cố ý khinh rẻ hủy báng, không đem tâm chí thành, xem vị thượng sư đó như bậc đạo sư, như bậc thiện tri thức, thân không cung kính, buông lời cười chê, ngạo báng, cho rằng chỉ y vào mặt chữ mà không y vào ý nghĩa, đây là vi phạm nhiễm ô. “Y vào mặt chữ, không y vào ý nghĩa”, có nghĩa là người giảng pháp không y vào những lời kinh tuy không văn chương nhưng lại có ý nghĩa, mà lại y vào những lời văn hoa nhưng lại không có ý nghĩa.

Có pháp sư giải thích như sau: “Đây là người nghe phỉ báng rằng pháp sư chỉ nói danh từ mà không giảng ý nghĩa, hoặc giả (muốn nói) pháp sư không hiểu nghĩa.” Nếu nói như vậy, đây không phải là bản ý của Luân Du Già, lại nữa, Bồ Tát Địa lúc nói về “tứ y”²⁵, ý nghĩa cũng giống như vừa trình bày ở đây. Ngài Tối Thắng Tử và quyển Trát Mục Tra Sơ đều cho rằng đây là không cung kính pháp mà vi phạm.

Trên đây nói về ba loại vi phạm, theo như thứ tự, như Tân Số nói: “Có thể hủy hoại sự *xa lìa tính ganh ghét, sự tích tập tư lương đa văn, và sự cung kính thừa sự những bậc tôn trưởng* trong giới nhiếp thiện pháp. Nói y vào *mặt chữ*, nghĩa là chê bai pháp sư chỉ y vào từng chữ, từng câu.”

I2. Vi phạm nhiều ích hữu tình giới. Có hai phần:

J1. Tổng tướng. Có hai phần:

K1. Không làm lợi ích (vi phạm thứ ba mươi bốn).

Kệ nói: “Đối người đáng giúp, không đến giúp”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy chúng sinh đang công tác, vì tâm hiềm hận, giận dữ, không đến giúp đỡ những công việc mà mình có thể kham nhiệm, chẳng hạn: hoặc cùng nhau đi trên một lộ trình; hoặc trừ hoạch công tác; hoặc quản lý tài sản; hoặc giải hòa việc đấu tranh kiện tụng; hoặc tham gia những buổi hội vui; hoặc tham gia những công việc phước thiện, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lòng biếng, nhút nhát mà không giúp đỡ, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc biết đối phương có chỗ nhờ cậy; hoặc biết việc làm của họ phi nghĩa; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc trước đó đã hứa giúp người khác; hoặc đã nhờ người khác giúp đỡ họ; hoặc đang siêng năng tu tập pháp lành không muốn tạm gián đoạn; hoặc căn tính âm độn, đối với pháp đã nghe, đang gặp chướng ngại trong việc thọ nhận, hành trì, như phần trên đã nói qua;

hoặc muốn giữ ý cho đại chúng; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn. Trong những trường hợp này, không giúp đỡ, không phạm.

Bồ tát, đối với hữu tình, nên tham gia giúp đỡ tám việc: (1) đối với những việc có thể làm được thì nên làm, (2) cùng đi với nhau trên một lộ trình, (3) chỉ dạy ngôn ngữ, (4) trừ hoạch công tác, (5) quản lý tài sản, (6) hòa giải những việc đấu tranh kiện tụng, (7) những buổi hội vui, (8) những công việc làm phước. Đối với những sự việc phải nên tham gia giúp đỡ như vậy, lại ôm lòng hiềm hận, giận dữ, không chịu tham gia giúp đỡ, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu vì lười biếng nhút nhát mà không tham gia giúp đỡ thì vi phạm không nhiễm ô. “Chỉ dạy ngôn ngữ”, như ngài Trác Long nói: “Đối với những người chưa thông thạo phương ngôn, thì chỉ dạy họ phương ngôn.”

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) hoặc đang bị bệnh không có sức lực, (2) hoặc trước đó đã hứa giúp người khác, (3) hoặc đã nhờ người khác giúp đỡ, (4) đang siêng năng tu tập không thể phớt bỏ gián đoạn, (5) hoặc đối phương cá tính ngu độn, khó mà chỉ bảo dẫn dắt. Tuy không đến giúp đỡ, cũng không vi phạm. Nhân vì công việc: biết công việc làm không hợp lý, có thể đưa đến việc phi nghĩa, phi pháp. Tuy không đến giúp đỡ, cũng không vi phạm. <c> Nhân vì tùy nghi: (1) muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua, (2) muốn giữ ý không làm cho nhiều người khác khởi tâm hiềm hận, (3) vì muốn tuân theo quy chế của tăng đoàn, tuy không đến giúp đỡ, cũng không vi phạm.

K2. Không cứu giúp người sâu khổ. Có hai phần:

L1. Không giúp trừ diệt sự khổ.

M1. Không giúp đỡ người bệnh (vi phạm thứ ba mươi lăm).

Kệ nói: “Thấy người bệnh hoạn, không giúp đỡ”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, gặp người đang bị bệnh nặng, hoặc vì oán hận, hoặc vì hờn dỗi mà không đến chăm sóc, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đến chăm sóc, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc đã nhờ người khác chăm sóc; hoặc biết người bệnh đã có người chăm sóc; hoặc biết người bệnh còn sức lực, có thể tự chăm sóc; hoặc biết người bệnh bị bệnh kinh niên, có thể tự chịu đựng; hoặc đang siêng năng tu tập pháp lành thù thắng rộng lớn; hoặc muốn giữ cho công phu tu tập không bị gián đoạn; hoặc căn tính ngu độn, đối với pháp học đang bị chướng ngại trong việc thọ trì, không thể nhiếp tâm tu định; hoặc đã hứa chăm sóc người bệnh khác. Trong những trường hợp này, không đến chăm sóc, không phạm.

Nếu như Bồ tát, gặp người đang bị bệnh nặng, hoặc vì oán hận, hoặc vì giận dỗi, mà không đến chăm sóc, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đến chăm sóc, thì vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) bị bệnh không có sức lực, (2) đã nhờ người khác chăm sóc người bệnh, (3) tự biết trí tuệ ngu độn, đối với pháp đã nghe không thể thọ trì, không thể làm tâm an định, (4) đã hứa chăm sóc cho người khác.

Tuy không đến chăm sóc, cũng không vi phạm. Nhân vì hoàn cảnh: (1) biết người bệnh có chỗ nhờ cậy, (2) biết người bệnh bị bệnh kinh niên, có thể tự chịu đựng, (3) biết người bệnh có đủ sức lực, có thể tự chăm sóc. Tuy không đến chăm sóc, cũng không vi phạm. <c> Nhân vì tùy nghi: (1) hoặc đang siêng năng tu tập pháp lành thù thắng rộng lớn, (2) hoặc muốn giữ cho công phu tu tập không bị gián đoạn. Tuy không đến chăm sóc, cũng không vi phạm.

M2. Không giúp diệt trừ sự khổ (vi phạm thứ ba mươi sáu).

Kệ nói: “Không giúp người khác đang bị khổ”

Giới văn (tiếp theo): *Trường hợp gặp người nghèo khổ, cũng tương tự như vậy.*

Trong trường hợp này, vi phạm hoặc không vi phạm, nhiễm ô hoặc không nhiễm ô, giống như trường hợp “Không giúp đỡ người bệnh” đã nói ở trên. Tương tự, hoàn cảnh cùng phương tiện giúp đỡ sự khổ, tất cả đều giống như trên.

L2. Không giúp diệt trừ nguyên nhân sự khổ (vi phạm thứ ba mươi bảy).

Kệ nói: “Thấy người phóng dật, không can gián”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sinh vì tham lợi đời này hoặc đời sau mà làm những việc phi lý, vì tâm hiềm hận, hoặc giận dữ, không chịu nói cho họ biết lẽ phải, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu*

vì lười biếng nhút nhát mà không nói, thì gọi là vi phạm không nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm: hoặc không biết; hoặc không có sức lực; hoặc đã nhờ người khác nói cho họ biết; hoặc đối phương là người có trí tuệ, có thể tự sửa đổi; hoặc đối phương có bạn lành khuyên răn, nhắc nhở; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc biết nếu nói lẽ phải, đối phương sẽ khởi tâm hiềm hận, chửi rủa; hoặc biết đối phương sẽ hiểu sai lệch ý nghĩa của mình; hoặc biết đối phương đối với mình không có tâm ưa thích kính trọng; hoặc biết đối phương tính tình ương ngạnh, không biết phục thiện. Trong những trường hợp này, không nói, không phạm.

Nếu như Bồ tát thấy có hữu tình, vì tham lợi đời này đời sau, mà làm những việc phi lý, Bồ tát vì tâm hiềm hận, hoặc giận dữ, không chịu nói lẽ phải cho họ biết, đây là vi phạm nhiệm ô. Nếu như vì lười biếng, nhút nhát mà không nói, thì vi phạm không nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) tự mình không biết phải nói gì, (2) đã nhờ người khác nói cho đối phương biết. Tuy không khuyên nhắc, cũng không vi phạm. Nhân vì hoàn cảnh: (1) biết đối phương có đủ trí tuệ, có thể tự sửa đổi, (2) hoặc đối phương có bạn lành khuyên răn nhắc nhở, (3) hoặc biết nếu nói lẽ phải, đối phương sẽ khởi tâm hiềm hận, hoặc chửi rủa, hoặc hiểu sai lệch ý nghĩa của mình, (4) hoặc biết người đó tính tình ương ngạnh, không biết kính trọng lẽ phải. Tuy không khuyên nhắc, cũng không vi phạm. <c> Nhân vì tùy nghi: muốn

dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua. Tuy không khuyên nhắc, cũng không vi phạm.

J2. Biệt tướng. Có hai phần:

K1. Không làm lợi ích. Có sáu phần:

L1. Không biết báo ơn (vi phạm thứ ba mươi tám).

Kệ nói: “Không biết báo đáp người có ơn”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, đối với chúng sinh có ơn với mình, không biết, không hiểu ơn huệ của họ, ôm lòng hiềm hận, không chịu trong hiện đời tìm cách báo ơn đúng pháp, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không báo ơn, đây gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc tuy đã tìm đủ mọi cách, nhưng vẫn không đủ khả năng để báo đáp; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc muốn báo ơn, nhưng đối phương không nhận. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Bồ tát đối với hữu tình có ơn với mình, không biết, không hiểu ơn huệ của họ, ôm lòng hiềm hận, không chịu trong đời này tìm cách báo ơn đúng pháp, đây là vi phạm nhiễm ô. Nếu vì lười biếng nhút nhát mà không báo đáp, thì vi phạm không nhiễm ô. “Không biết ân huệ”, nghĩa là không muốn báo ơn, “không hiểu ân huệ”, nghĩa là không nhớ nghĩ đến ân huệ, “báo ơn đúng pháp”, nghĩa là nếu không thể dùng số lượng nhiều hơn, thì phải dùng số lượng bằng hoặc ít hơn để báo đáp.

Những trường hợp không phạm: <a> nhân vì tự thân: dù đã nỗ lực báo đáp, nhưng không đủ năng lực, như vậy, tuy không báo đáp cũng không vi phạm; nhân vì hoàn cảnh: dù muốn báo đáp, nhưng người ơn không thọ nhận, như vậy, tuy không báo đáp cũng không vi phạm.

L2. Không an ủi người sầu khổ (vi phạm thứ ba mươi chín).

Kệ nói: “Thấy người sầu khổ, không an ủi”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sinh sầu não vì đang bị lâm vào cảnh khổ, như mất mát tiền của, xa lìa người thân, hoặc đang bị thất nghiệp, v.v..., vì lòng hiềm hận, không chịu đến tìm cách an ủi, giúp đỡ họ, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đến an ủi, giúp đỡ, đây gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm, như trong điều giới “Không giúp đỡ người bệnh” đã nói qua.

Nếu như Bồ tát thấy các hữu tình đang sầu khổ vì bị mất mát tiền của, quyến thuộc, hoặc lâm vào cảnh hoạn nạn, vì lòng hiềm hận không chịu đến an ủi, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát mà không đến an ủi, thì vi phạm không nhiễm ô. Những trường hợp không phạm cũng giống như điều giới “Không làm lợi ích” ở trên.

L3. Không cứu giúp người nghèo khổ (vi phạm thứ bốn mươi).

Kệ nói: “Người đến cầu xin, không bố thí”

Giới vãn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, có sẵn thức ăn, vật dụng, v.v..., thấy có chúng sinh đến cầu xin, vì lòng hiềm hận, giận dữ mà không chịu bố thí cho họ, đây gọi là vi phạm niêm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lòng biếng, nhút nhát, buông lung mà không bố thí, thì gọi là vi phạm không niêm ô.*

Những trường hợp không phạm: hiện tại không có của cải, vật dụng để bố thí; hoặc đối phương đòi hỏi những vật phi pháp, hoặc những vật không thích nghi; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phân trên đã nói qua; hoặc kẻ đến xin là kẻ phạm pháp; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn, cho nên không bố thí. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nghĩa là nếu Bồ tát có sẵn thực phẩm, vật dụng, thấy có chúng sinh đến xin thực phẩm, v.v..., vì lòng hiềm hận, giận dữ, mà không chịu bố thí, đây là vi phạm niêm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: hiện tại không có vật dụng để bố thí, tuy không bố thí cũng không vi phạm. Nhân vì vật dụng: (1) vật dụng phi pháp, nghĩa là có thể đem đến những phiền toái trong hiện tại và vị lai, (2) vật dụng không thích nghi, nghĩa là vật dụng đó không thích hợp với người xin, tuy không bố thí cũng không vi phạm. <c> Nhân vì tùy nghi: (1) muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, (2) người đến xin là kẻ vi phạm luật pháp quốc gia, vì muốn tuân mệnh nhà

cầm quyền, (3) hộ trì quy chế của tăng đoàn, tuy không bố thí cũng không vi phạm.

L4. Không khéo chế ngự đệ tử (vi phạm thứ bốn mươi mốt).

Kệ nói: “Không làm lợi ích cho đệ tử”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, chăm sóc đệ tử, vì lòng hiềm hận, không chịu tùy thời mà dạy dỗ cho họ Chánh pháp, hoặc khuyên răn họ. Tuy biết đệ tử thiếu thốn, nhưng lại không chịu đến các tín đồ để quyên góp thực phẩm, quần áo, thuốc men, cùng các vật dụng cần thiết để cung cấp cho họ, đây gọi là vi phạm nhiệm ô học xứ của Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát, buông lung mà không chịu dạy bảo, khuyên răn, không chịu cung cấp đồ dùng cần thiết cho họ, đây gọi là vi phạm không nhiệm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đệ tử, như phần trên đã nói qua; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn; hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc đã nhờ người khác dạy bảo, chăm sóc; hoặc biết đệ tử là người có phước báo lớn, có thể tự cầu xin thực phẩm, quần áo, v.v...; hoặc đã chỉ bảo tất cả những điều cần phải chỉ bảo; hoặc biết đối phương vốn là ngoại đạo, lẫn lộn vào đám đệ tử để nghe trộm pháp, bản tính khó dạy khó bảo. Trong những trường hợp này, không dạy bảo, không cung cấp, đều không phạm.

Nếu như Bồ tát nuôi dạy đệ tử, vì tâm hiềm hận, không chịu tùy thời dạy dỗ cho họ chánh pháp, hoặc khuyên răn họ, biết đệ tử đang thiếu thốn, nhưng lại không chịu đến các vị trưởng giả, cư sĩ,

bà la môn có tín tâm, đúng như pháp quyên góp quần áo, thực phẩm, thuốc men, cùng các vật dụng cần thiết để cung cấp cho họ, đây là vi phạm nhiễm ô; nếu vì lười biếng, nhút nhát hoặc phóng dật mà không dạy dỗ, khuyên răn, quyên góp, thì vi phạm không nhiễm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) bị bệnh không sức lực, không thể dạy dỗ, v.v..., (2) đã nhờ người khác có sức lực dạy dỗ, ..., tuy không dạy dỗ cũng không vi phạm. Nhân vì tùy nghi: (1) dùng sự không dạy dỗ, v.v..., làm phương tiện để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua, (2) hộ trì quy chế của tăng đoàn, ..., tuy không dạy dỗ, v.v..., cũng không vi phạm. <c> Nhân vì hoàn cảnh: (1) biết đệ tử được nhiều người quen biết, có phước báo lớn, có thể tự cầu thực phẩm, v.v..., (2) đã tùy sự hiểu biết của mình, dạy dỗ, khuyên nhắc họ những điều hay lẽ phải, (3) biết có những ngoại đạo đang trà trộn trong đại chúng để nghe trộm pháp, không thể điều phục, tuy không dạy dỗ cũng không vi phạm.

L5. Không tùy thuận người khác (vi phạm thứ bốn mươi hai).

Kệ nói: “Không thể tùy thuận theo người khác”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật thanh tịnh của Bồ tát, vì lòng hiềm hận, không chịu tùy thuận người khác, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lười biếng, nhút nhát, buông lung mà không tùy thuận, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc đối phương muốn làm những việc phi pháp; hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức

lực; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn; hoặc việc họ muốn làm tuy hợp nghi, nhưng nhiều người khác lại không chấp nhận; hoặc muốn hàng phục ngoại đạo tà ác; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu Bồ tát, đối với hữu tình, không chịu tùy thuận họ, đây là vi phạm. Nhiễm ô hay không, tương tự như đã bàn ở trên.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: bị bệnh, không có sức lực. Tuy không tùy thuận cũng không vi phạm. Nhân vì tùy nghi: (1) đối phương muốn làm những điều không nên, sau này sẽ làm hại đến họ, hoặc hại đến mình, (2) đối phương muốn làm những điều không nên, mà nhiều người khác cũng không muốn không thích, vì không muốn cho đám đông khởi lòng hiềm hận, (3) vì muốn hộ trì quy chế của tăng đoàn, (4) vì muốn hàng phục bọn ngoại đạo ác, (5) vì muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua, tuy không tùy thuận cũng không vi phạm.

L6. Không tán thán người có đức (vi phạm thứ bốn mươi ba).

Kệ nói: “Thấy người có đức, không tán dương”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, ôm lòng hiềm hận, thấy người khác thực sự có đức hạnh mà không chịu đề cao, thấy người khác thực sự có tiếng tốt mà không chịu ca tụng, thấy người khác thực sự nói lời hay đẹp mà không chịu khen ngợi, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì*

lười biếng, nhút nhát mà không đề cao, ca tụng, khen ngợi, thì gọi là vi phạm không nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm: hoặc biết đối phương là người không thích được khen, vì muốn giữ ý cho họ nên không khen; hoặc đang có bệnh; hoặc không có sức lực; hoặc muốn dùng phương tiện này để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua; hoặc tuân theo quy chế của tăng đoàn; hoặc biết nếu đề cao, ca tụng, khen ngợi, sẽ làm cho đối phương sinh tâm kiêu mạn, hoặc các tính xấu khác, vì muốn đề phòng những sự việc như vậy nên không đề cao, v.v...; hoặc biết việc làm của đối phương hình như có công đức, nhưng thật sự không phải công đức, hoặc danh tiếng của họ hình như là tốt, nhưng thực sự không phải tốt, hoặc lời nói của họ nghe có vẻ hay đẹp, nhưng thực sự không phải hay đẹp; hoặc vì muốn hàng phục ngoại đạo; hoặc đang đợi cho đối phương hoàn tất công việc của họ, trước khi đề cao, ca tụng, khen ngợi. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu Bồ tát, thấy người khác thực sự có đức hạnh, hoặc được tiếng tốt, mà không chịu xưng dương, hoặc thấy họ thực sự nói lời hay đẹp, mà không chịu khen ngợi, đây là do tâm hiềm hận, hoặc lười biếng, nhút nhát, thì sẽ vi phạm nhiệm ô hay không nhiệm ô. Tất cả tội tướng, tướng tự như đã nói ở phần trên.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: (1) đang bị bệnh, không có sức lực, không thể khen ngợi, (2) hoặc đợi cho đối phương làm xong, nói xong, rồi mới khen ngợi, tuy không tán dương, cũng không vi phạm. Nhân vì hoàn cảnh: (1) hoặc biết đối phương là người khiêm hạ, không thích được tán dương, vì muốn giữ ý cho họ, tuy không tán dương, cũng không vi phạm. <c>

Nhân vì lời nói: (1) hoặc biết đối phương, có vẻ như có đức hạnh, nhưng thực sự không phải đức hạnh, có vẻ như tiếng tốt, nhưng thực sự không phải tiếng tốt, có vẻ như nói lời hay đẹp, nhưng thực sự không hay đẹp, tuy không tán dương, cũng không vi phạm. <d>
Nhân vì tùy nghi: (1) dùng sự không tán dương làm phương tiện để điều phục đối phương, như phần trên đã nói qua, (2) hộ trì quy chế của tăng đoàn, (3) biết rằng nếu tán thán, khen ngợi, đối phương sẽ sinh tâm tạp nhiễm, kiêu ngạo, v.v..., vì muốn ngừa những lỗi lầm này, (4) vì muốn hàng phục bọn ngoại đạo ác, tuy không tán dương, cũng không vi phạm.

K2. Không điều phục. Có hai phần:

L1. Đối với việc phi pháp, không chịu dùng uy đức chiết phục (vi phạm thứ bốn mươi bốn).

Kệ nói: “Không tùy nhân duyên mà điều phục”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thấy có chúng sinh cần phải quả trách, cần phải trị phạt, cần phải trục xuất, nhưng vì tâm thiên vị, không chịu quả trách, hoặc tuy quả trách, nhưng không trị phạt, hoặc tuy trị phạt, nhưng không trục xuất, đây gọi là vi phạm nhiễm ô học xứ Bồ tát; nếu vì lòng biếng, nhút nhát, buông lung mà không chịu quả trách, trị phạt, trục xuất, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô.*

Những trường hợp không phạm: hoặc biết đối phương không thể sửa đổi, nói không chịu nghe, ưa nói lời thô tục, tính hay hiểm thù; hoặc đang chờ cơ hội thích hợp; hoặc biết những sự việc này sẽ đưa đến sự đấu tranh, kiện tụng; hoặc biết do đây sẽ làm náo loạn, hoặc đưa đến sự đổ vỡ của tăng đoàn; hoặc biết đối

phương tính tình không gian đối, tự họ sửa đổi nhanh chóng, cho nên không quở trách, trị phạt. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Nếu Bồ tát, thấy có hữu tình, cần phải quở trách, trừng phạt, trực xuất, nhưng vì tâm thiên vị, không chịu quở trách, hoặc tuy quở trách, nhưng không trừng phạt, hoặc tuy trừng phạt, nhưng không trực xuất, đây là vi phạm nhiệm ô; nếu như vì lưỡi biếng, nhút nhát, hoặc phóng dật mà không quở trách, v.v..., thì vi phạm không nhiệm ô.

Những trường hợp không phạm: <a> Nhân vì tự thân: đang đợi cơ hội thích hợp, tuy không quở trách, nhấn đến trực xuất, cũng không vi phạm. Nhân vì hoàn cảnh: (1) biết đối phương không thể sửa đổi, nói không chịu nghe, ưa nói lời thô tục, tính hay hiềm thù, (2) biết đối phương là người biết hổ thẹn, biết tự sửa đổi mau chóng; tuy không quở trách, nhấn đến trực xuất, cũng không vi phạm. <c> Nhân vì tùy nghi: biết rằng nếu như quở trách, v.v..., sẽ đưa đến sự đấu tranh, kiện tụng, hoặc sẽ đưa đến sự đổ vỡ của tăng đoàn, vì muốn ngăn ngừa những sự kiện này, tuy không quở trách, nhấn đến không trực xuất, cũng không vi phạm. “Đấu tranh, kiện tụng”, như ngài Trác Long nói: “Việc đầu là nói tổng quát, hai việc sau là nói riêng biệt. Mạ lỵ nhau, cáo tố nhau, dẫn đến kiện tụng”.

L2. Đối với việc trái ngược Thánh giáo, không chịu điều phục (vi phạm thứ bốn mươi lăm).

Kệ nói: “Không hiện thần thông để nhiếp phục”

Giới văn: *Nếu Bồ tát, thọ trì giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, thành tựu các loại thần thông biến hiện, đối với các chúng sinh cần phải dùng sự khủng bố để cải đổi họ thì phải nên khủng bố, cần phải dùng phương pháp dẫn dụ để cải đổi họ thì phải nên dẫn dụ, thế nhưng Bồ tát không muốn nhân vì dùng thần lực thì chủ sẽ cúng dường mình nhiều hơn, cho nên không dùng thần lực để hàng phục, dẫn dắt đối phương, đây gọi là vi phạm không nhiệm ô học xứ Bồ tát.*

Những trường hợp không phạm: hoặc biết đối phương là kẻ chấp trước vào tà thuật; hoặc sợ nhân đây ngoại đạo sẽ hủy báng Phật pháp, tăng trưởng tà kiến, cho nên không hiện thần thông để nhiếp phục đối phương. Trong những trường hợp này đều không phạm.

Lại nữa, trong tất cả các trường hợp đều không phạm, nếu: hoặc thần kinh hoàn toàn thác loạn; hoặc bị sự khổ não bức bách đến cực điểm; hoặc chưa hề thọ qua giới luật của Bồ tát.

Nếu Bồ tát thành tựu đầy đủ các loại thần thông, biến hiện uy lực, đối với các hữu tình cần phải dùng sự khủng bố để họ sửa đổi thì phải nên khủng bố, cần phải dùng phương pháp dẫn dụ để họ sửa đổi thì phải nên dẫn dụ, thấy người trong đạo không nghiêm trì giới luật, khó mà tiêu của bố thí, nếu như không dùng thần thông để khủng bố hoặc dẫn dụ, để cho họ khởi thọ nhận của tín thí một cách vô ích như vậy, đây gọi là vi phạm không nhiệm ô. Trong hai bộ sơ giải của Giới Nhi Thập Tụng có chỗ cho rằng đây là vi phạm nhiệm ô, e rằng có sự nhầm lẫn.

Trường hợp không phạm: nếu có ác ngoại đạo chấp trước vào tà thuật, phỉ báng thần thông là ma thuật, thuốc tà, lúc đó không hiện thần thông để khủng bố, dẫn dụ, cũng không vi phạm.

Tân Số nói: “Hai điều vi phạm vừa thuật ở trên, đều có thể hủy hoại giới nhiều ích hữu tình.”

Tiếp theo, kệ nói:

Đầy đủ tâm bi và tâm từ,
Cùng với tâm thiện, đều không phạm.

Điều này có nghĩa là phần trên nói về trường hợp khai, giá của các điều giới, nếu dùng tâm bi thương xót hữu tình, hoặc dùng tâm từ làm lợi ích hữu tình, hoặc dùng phương tiện để điều phục người khác, để họ xa lìa nẻo ác, quay về đường lành, những trường hợp như vậy, đều không vi phạm. Ngài Bồ Đề Hiền nói rằng chữ “cùng” trong bài kệ trên có thể bao hàm các nghĩa “*nếu tâm cực kỳ phiền não, hoặc bị sự khổ bức bách, hoặc trong lúc đang ngủ, hoặc cuồng loạn, tuy làm nhưng không vi phạm*”. Hai nghĩa này, có thể bao hàm các ý nghĩa “*nếu tâm cuồng loạn, nếu bị sự khổ bức bách, đều không vi phạm*” trong Nhiếp Trạch Phần. Lại nữa, ngài Tịch Thọ Luận Sư nói: “Bài tụng này, như phần văn phía dưới có nói *nếu như vì tâm tham mà phạm giới, thì không gọi là phạm*”. Lối giải thích sau là đúng!!

F2. Hộ trì tâm tướng của hành giả.

Phần trên nói về hai loại học xứ Bồ tát, rải rác trong các Kinh điển, Đức Phật đã y vào luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới,

nhieu ích hữu tình giới, tùy theo căn cơ của chúng sinh mà giảng nói; hiện nay, ngài Bồ tát Vô Trước trong pháp tạng ma đất lý ca của Bồ tát này, tổng hợp²⁶ tất cả lời Phật dạy, chứ không phải tự ngài chế định ra. Các vị Bồ tát, đối với học xứ này, phải nên khởi tâm tôn trọng, đem thái độ cực kỳ cung kính, siêng năng tu học.

Các vị Bồ tát, sau khi từ các bậc thầy thọ giới xong, trong tâm sẽ có đầy đủ ba loại ưa thích. Đối với học xứ, sinh khởi tâm cực kỳ tôn trọng cung kính; đối với những điều Đức Phật chế định, từ lúc bắt đầu học tập phải nên chuyên tâm tinh tấn, không được vi phạm. Ba loại ưa thích của Bồ tát là: (1) tâm lành thanh tịnh ưa thích cầu học, (2) ưa thích đạo Bồ đề, (3) ưa thích làm lợi lạc tất cả chúng sinh. Ba sự ưa thích này, các bộ sớ giải khác gọi là “học ba tụ giới”, thế nhưng, sự ưa thích thứ nhất là sự cầu học “tự tính tam tụ giới”, còn hai sự ưa thích sau, vì cầu Đại Bồ đề cùng cầu làm lợi ích chúng sinh, mà siêng năng tu học. Lối giải thích này tương đối hợp lý.

Sau khi từ các bậc thầy thọ giới xong, sinh khởi tâm cực kỳ tôn trọng cung kính, từ lúc bắt đầu, chuyên tinh học tập không được vi phạm. Điều này giống như trong chương mười tám của Bồ Tát Địa nói: *“Nếu chư Bồ tát, hiện tiền tự xưng mình là Bồ tát, thế nhưng, đối với sở học của Bồ tát, không chịu chân chính tu tập hành trì, phải biết người đó là Bồ tát tương tự, chứ không phải Bồ tát chân thực. Nếu chư Bồ tát, hiện tiền tự xưng mình là Bồ tát, đối với sở học của Bồ tát, chân chánh tu tập hành trì, phải biết người đó là Bồ tát chân thực”*. Bởi thế, Bồ tát không nên nghĩ rằng: “Đối với học xứ Bồ tát, tuy phải nên chân chánh hành trì, thế nhưng nếu không chân chánh hành trì, cũng không phải là hạ liệt.”

Bồ tát phải nên nhớ nghĩ đến lời răn dạy của chư Phật, sau khi chánh thức thọ giới Bồ tát xong, phải nên y vào các hạnh lục độ, tứ nhiếp mà siêng năng tu học, tùy thuận lời dạy lý thú sâu rộng của Phật, đi theo con đường mà các bậc Giác ngộ trước đã đi, không nên đoái tưởng đến những lời dạy mông lung của những người không hiểu Thánh giáo, làm ngược ý nghĩa của Phật.

F3. Phương tiện làm cho người phạm giới khôi phục thanh tịnh.

Các vị Bồ tát, từ lúc bắt đầu thọ giới, phải nên tinh chuyên học tập, không nên vi phạm. Giả sử nhân vì bốn duyên: vô tri, phóng dật, tạp nhiễm, không cung kính mà vi phạm, thì phải nên mau sám hối trừ diệt, làm khôi phục sự thanh tịnh.

Lại như Bồ tát, đối với học xứ có chỗ vi phạm, ngoại trừ *tội tha thắng* ra, tất cả đều bao gồm trong *tội vi phạm*, không giống như giới biệt giải thoát có nhiều loại tội tướng khác nhau. Nếu phạm *tội vi phạm* này, phải nên đối trước một hành giả Tiểu thừa hoặc Đại thừa có thể hiểu ý mình muốn nói, đúng theo giới pháp mà phát lộ sám hối. Nếu như ngay lúc đó không có hành giả Bồ tát, thì phải nên đối với một tỳ kheo hoặc tỳ kheo ni Tiểu thừa mà sám hối trừ diệt tội chướng, không nên đối với sa di, v.v..., mà sám hối, vì những vị sa di, v.v..., không phải là đối tượng mà người phạm tội có thể sám hối giới biệt giải thoát. Giả như người phạm giới là người xuất gia, hơn nữa, hiện tiền có người xuất gia khác để có thể sám hối, thì không nên đối với Bồ tát tại gia mà làm pháp sám hối trừ tội.

Nếu chư Bồ tát, dùng tâm phiền não bậc thượng phạm tội tha thắng, do đây bị mất tịnh giới luật nghi, thì phải nên như Luân

Du Già nói: “Cần phải thọ lại”. Nhiếp Quyết Trạch Phần cũng nói: “Nếu có tâm muốn thọ lại để khôi phục sự thanh tịnh, thì nên thọ lại”. Tây Tạng có pháp sư nói: “Được thọ hai lần, sau đó không được thọ nữa”. Lại có pháp sư nói: “Đầu tiên thọ một lần, sau đó được thọ lại hai lần, sau ba lần thì không cho thọ thêm, do vì người phạm giới không còn tâm hổ thẹn nữa”. Giải thích ý nghĩa của chữ “thọ lại” như vậy, thực là phi lý. “Thọ lại” là đối với “thọ lần đầu” mà nói, nói “thọ lại”, không có nghĩa là sau đó sẽ không cho thọ nữa! Các thánh điển Ấn Độ đều chưa hề nói qua số lần thọ giới là bao nhiêu. Trát Mục Tra Sớ nói: “Giả sử do vì phiền não mà phạm tội cực trọng, sau khi đối với tăng đoàn làm pháp sám hối, do vì lòng ưa thích làm lợi ích hữu tình, phát Bồ đề tâm, và do vì lòng ưa thích thanh tịnh này, phải nên thọ lại. Nói thọ lại, không phải chỉ là hai lần. Đối với lần thọ giới đầu, gọi lần thọ giới sau là “thọ lại”.

Nếu dùng tâm phiền não bậc trung phạm tội tha thắng, trước hết phải nêu ra tên của điều giới mình đã phạm, nói lời như vậy: “*Trưởng lão (hoặc Đại đức) nhất tâm niệm, tôi là Bồ tát, vi phạm pháp tỳ nại da của Bồ tát, đối với điều giới vừa nêu trên, phạm tội ác tác.*” Những phần còn lại, cũng giống như pháp tỳ kheo phát lộ sám hối diệt trừ tội ác tác.

“Điều giới vừa nêu trên”, tức là nói tên của điều giới đã phạm, chẳng hạn như nói “tự khen mình”, hoặc nói “hủy báng người khác”. “Phần còn lại”, tức là chỗ phải nói thêm vào, như Cưu Sớ nói: “*Các tội như vậy, tôi nay cung kính đối trước Trưởng lão phát lộ sám hối trừ diệt, không còn che dấu. Tôi nay phát lộ sám hối sẽ được an lạc, nếu không phát lộ sám hối sẽ không được an lạc.* Vị trưởng lão hỏi: Ông nay có thấy tội mình không? Nên trả lời: Đã thấy. Lại hỏi: Sau này có thể hộ trì không? Trả lời: Như pháp như

luật, cung kính hộ trì. Lần thứ hai, lần thứ ba, cũng nói như thế.” Lại nữa, Tân Sở nói: “Đối với những tội đã phạm, lúc thấy biết nhớ nghĩ đến, phải nên như pháp như luật, khéo léo phụng trì.” Lại như trong các sớ khác, lúc hỏi “*hộ trì hay không?*”, chỉ nên trả lời “*cung kính hộ trì*”.

Lúc đó, uy nghi của người sám hối, như Tân Sở nói: “Hương về người chủ trì sám hối, chấp tay lễ bái, kể đến xuống phía dưới, quỳ gối chấp tay.”

Nếu như dùng tâm phiến não bậc hạ phạm tội tha thắng, cùng những tội vi phạm khác, phải nên đối trước một bồ đặc già la mà phát lộ sám hối. Tất cả nghi thức đều giống như trên. Nếu như không có một bồ đặc già la nào để có thể phát lộ sám hối, lúc đó Bồ tát nên dùng tâm thanh tịnh, tự khởi lòng thệ nguyện: “Con sẽ quyết định giữ gìn, tương lai rốt ráo không tái phạm”. Các ngài Tối Thắng Tử, v.v..., đều cho rằng đây là do lực gia bị của chư Phật, làm cho hành giả không còn vi phạm. Thế nhưng, đây không phải là ý nghĩa của Luân Du Già.

Lại nữa, Bồ Tát Giới Nhi Thập Tung thâm nhiếp những nghĩa này lại như sau:

*Thượng triền phạm giới, nên thọ lại,
Trung triền, nên đối ba người sám,
Các tội khác, đối một người sám,
Hoặc dùng tự tâm sám cũng được.*

Ý nghĩa của hai câu sau là khi sám hối trừ diệt tội vi phạm, nhiễm ô hay không nhiễm ô, nếu như không có một bồ đặc già la

hiện tiền, lúc đó Bồ tát nên dùng tâm thanh tịnh phát lời thệ nguyện, một lòng hổ thẹn, điều phục tịch tĩnh, không còn tái phạm, mà làm pháp sám hối trừ diệt. Đây cũng giống như đối với một bồ đặc già la mà làm pháp sám hối trừ diệt.

Ngài Tịch Thọ Luận Sư nói: *“Tự tâm sám hối giống như đối một bồ đặc già la sám hối, đây là chỉ cho một phương tiện khác để sám hối khôi phục thanh tịnh, giống như lời văn của Luận nói: Nếu không có một bồ đặc già la ..., đã chứng tỏ điều này.”*

Đây là gộp hai trường hợp phiền não bậc trung và bậc hạ lại mà nói.

Ngài Bồ Đề Hiền nói: “Dùng tâm phiền não bậc trung và hạ phạm tội tha thắng, cùng các tội vi phạm khác, ý nghĩa của sự sám hối khôi phục thanh tịnh, không thể luận chung với nhau. Nếu như dùng tâm phiền não bậc trung, hạ, phạm tội tha thắng, giả như hiện tiền không thể tìm được một, hoặc ba bồ đặc già la, cần phải đến nơi khác tìm cho được, còn như tội vi phạm, giả như hiện tiền không thể tìm được một bồ đặc già la, thì không cần phải đi tìm nơi khác, mà chỉ cần khởi tâm sám hối, tự thệ phòng hộ không tái phạm, lập tức sẽ khôi phục thanh tịnh. Đối tượng sám hối của tội vi phạm chưa có định chế, còn đối tượng sám hối cho hai tội kia thì có định chế. Nếu không phải vậy, sự chế định trong Luận cho rằng phải đối với ba, hoặc một bồ đặc già la để sám hối trừ tội, sẽ không hợp lý. Nếu không đủ số ba bồ đặc già la, sự sám hối sẽ không được thanh tịnh, huống là chỉ dùng tâm thệ nguyện phòng hộ không tái phạm để sám hối mà được khôi phục thanh tịnh! Bởi vì Bồ Tát Địa chưa nói rằng dùng tự tâm sám hối sẽ giống như hai trường hợp kia, cho nên nếu nói như trên là điều không hợp lý. Đúng lý phải

nên nói như sau: *Hai tội kia thì phát lộ sám hối với một người, còn tội vi phạm nhiễm ô không nhiễm ô, thì dùng tự tâm sám hối.*” Điều này muốn nói, trong Bồ Tát Địa, hai tội dùng tâm phiền não bậc trung và hạ, phải đối với ba hoặc một người mà sám hối, còn các tội vi phạm, nếu hiện tiền không có một bổ đặc già la khác, thì có thể tự tâm sám hối.

Đoạn văn vừa nói trên đi ngược với ý nghĩa của Cưu sớ, sự thật không hợp lý. Bồ Tát Địa nói: “Nếu dùng tâm phiền não bậc hạ vi phạm tội tha thắng, cùng phạm các tội vi phạm, nên đối với một bổ đặc già la phát lộ sám hối, giống như phần trước. Nếu như không có một bổ đặc già la để phát lộ sám hối trừ tội, lúc đó Bồ tát dùng tâm thanh tịnh phát lòng tự thệ nguyện: *Tôi quyết định giữ gìn, trong tương lai quyết sẽ không tái phạm.* Nếu như vậy, sẽ được trừ tội, khôi phục sự thanh tịnh.”

Trong đây nói rõ phương tiện khôi phục thanh tịnh của sự phạm giới với tâm phiền não bậc hạ giống như những tội vi phạm khác. Hạ phẩm phiền não phạm giới nếu được như thế, thì trung phẩm phiền não phạm giới, đúng lý cũng phải giống như vậy. Do lòng ưa thích thanh tịnh, sau khi phạm giới, được khôi phục thanh tịnh, giữ gìn tương lai, không cho tái phạm. Đây là nghĩa chung cho sự “sau khi phạm giới được khôi phục thanh tịnh”.

Lại nữa, Bồ Tát Địa, tuy không có đoạn văn nào nói rằng “nếu tự tâm sám hối cũng sẽ giống như đối trước bổ đặc già la sám hối”, nhưng đã có bao hàm ý nghĩa này, chẳng hạn như Luận nói: “Nếu như hiện tiền không có bổ đặc già la để có thể làm pháp sám hối, thì nên khởi lòng tự thệ nguyện, quyết định giữ gìn, giống như đối trước một bổ đặc già la để sám hối khôi phục thanh tịnh”.

Lại có pháp sư cho rằng: “Nếu vi phạm nhiễm ô, giả như hiện tiền có bồ đặc già la để sám hối trừ diệt, thì phải nên đối trước người ấy làm pháp sám hối, còn nếu vi phạm không nhiễm ô, tuy hiện tiền có bồ đặc già la để sám hối, vẫn có thể tự tâm sám hối khôi phục thanh tịnh”. Lập luận như vậy, hoàn toàn phi lý, bởi vì trong Bồ Tát Địa không có phân ra như vậy. Đây có nghĩa là phạm tội do tâm phiền não bậc trung hoặc bậc hạ, cùng bốn mươi lăm tội vi phạm, nếu như hiện tiền có bồ đặc già la để có thể phát lộ sám hối, nhưng không chịu đối với họ sám hối, mà lại dùng pháp tự tâm sám hối, thì cũng không thể khôi phục sự thanh tịnh. Phải nên theo lời dạy của Luận mà thi hành. Bởi vì các tội vi phạm, nếu như có thể đối với một bồ đặc già la sám hối, thì dễ sinh tâm hổ thẹn, cho nên phải đối với họ mà làm pháp sám hối. Còn nếu không gặp, thì phải nên đối trước chư Phật Bồ tát mà sám hối. Như Giới Phẩm có nói: “*Đối với tội đã phạm, phải nên thẩm xét kỹ lưỡng, thấy rõ lỗi lầm. Sau khi đã thẩm xét, thấy rõ lỗi lầm của mình, chỗ nào chưa phạm thì phải ghi nhớ, hệ trì không cho phạm, còn những tội đã phạm, phải nên đối trước chư Phật Bồ tát, hoặc các vị đồng tu mà phát lộ trừ diệt tội chướng.*”

Chương mười bảy của Bồ Tát Địa nói: “*Lại như chư Bồ tát, đối với tất cả lỗi lầm, tất cả vi phạm quá khứ hiện tại, dùng tâm ưa thích thanh tịnh điều nhu tùy thuận giới luật đã học, quán tưởng đang đối trước mười phương chư Phật Thế Tôn, chí thành phát lộ, sám hối cải đổi, lại cũng khuyên răn chỉ dẫn người khác phát lộ sám hối, như vậy thường thường phát lộ sám hối những điều giới đã phạm, tuy dùng ít sức lực, mà tất cả tội chướng đều được giải thoát.*”

Học Tập Luân nói: “Trong mộng thấy mình đối trước Đức Hư Không Tạng Bồ tát phát lộ sám hối, đây là sự kiện thù thắng nhất, nghĩa là tất cả tội chướng nặng nhẹ của Bồ tát đều được tiêu trừ. Điều này giống như Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “*Xá Lợi Tử! Bồ tát phạm tội nặng có hai loại. Đó là hai loại nào? Thứ nhất, do tâm sân mà phạm, thứ hai, do tâm si mà phạm. Xá Lợi Tử! Nếu có Bồ tát phạm tội nặng, phải nên đối với mười bồ đặc già la, dùng tâm thành thực, ân cần sám hối trừ tội. Lại có tội nặng, cần phải đối trước năm bồ đặc già la, ân cần sám hối trừ tội. Xá Lợi Tử! Năm tay người nữ, đối xử ác độc, khởi tâm hại người khác, phải nên đối trước một hay hai bồ đặc già la mà phát lộ sám hối trừ diệt. Nếu Bồ tát phạm năm tội vô gián, hoặc tội do người nữ mà phạm, hoặc tội do dùng tay mà phạm, hoặc tội do đồng tử mà phạm, hoặc phạm tội đối với tháp miếu, đối với tăng đoàn, cùng phạm các tội khác, phải nên ở riêng một nơi, đối trước ba mươi lăm vị Phật, ngày đêm ân cần sám hối trừ diệt.*”

Thế nhưng, nguyên bản của Ưu Ba Ly Thỉnh Vấn Kinh dịch như sau: “*Nếu phạm tội trọng, phải nên đối trước mười người, dùng tâm chân thực, ân trọng sám hối trừ diệt*”. Nếu nói như vậy, rất là thỏa đáng. Nghĩa là như phần trước nói đến hai tội nặng, tội trước là do tâm sân mà phạm, phải nên đối trước mười người sám hối. Kế đến, Kinh nói: “Lại có tội nặng, cần phải đối trước năm người sám hối”, nghĩa là tội thứ hai là do tâm si mà phạm. Hơn nữa, Kinh lại nói: “Phạm tội nặng do nắm tay người nữ, phải nên đối trước năm người, phát lộ sám hối trừ diệt.” Nếu dịch như vậy, thực không thỏa đáng, bởi vì không phù hợp với điều Học Tập Luân nói rằng “phải đối trước một hay hai bồ đặc già la mà phát lộ sám hối trừ diệt”. Hơn nữa, lại còn trái ngược với ý nghĩa của Kinh cho rằng “phạm giới do tâm tham, tội tương đối nhẹ”. Lại nữa, bản cữ dịch của

Học Tập Luân nói: “Ba tội nặng như nắm tay người nữ, v.v..., cần phải đối trước một, hay hai bồ đặc già la sám hối trừ tội”. Ở đây nói ba tội này là tội nặng, còn trong bản tân dịch lại nói là tội nhẹ. Bản tân dịch tương đối chính xác hơn. Lại nữa, trong Kinh này không có lời văn nói về tội của “khởi tâm hại người khác”, có lẽ là dịch văn còn thiếu sót, bởi vì trong Học Tập Luân có đoạn văn này. Lại nữa, phạm tội với tâm sân gọi là tội nặng, còn khởi tâm hại người khác thì gọi là tội nhẹ, đây cũng không có sự tương phản, bởi vì “khởi tâm hại người khác”, chỉ là khởi ý, chứ chưa thực sự làm tổn hại. Lại nữa, năm tội vô gián, gọi là tội nặng, phải nên đối trước ba mươi lăm vị Phật, ngày đêm sám hối trừ diệt, đây có nghĩa là tuy đã đối trước người khác ba lần sám hối tội đã phạm, thế nhưng vẫn chưa hoàn toàn trừ diệt được quả báo khổ đời sau.

Nhập Bồ Tát Hạnh nói:

Mỗi ngày, đêm ba thời,
Đọc tụng Kinh Tam Tu,
Nương Phật, tâm Bồ đề,
Sám hối trừ chướng tội! (Phẩm thứ năm, kệ 98)

Như vậy, phương tiện khôi phục thanh tịnh, nghĩa là đối với các tội không phải là tội căn bản, hoặc tội do cố ý, mà là các tội hoặc do vô ý, hoặc thiếu chánh tri mà phạm, thì cần phải đọc tụng Tam Tu Sám Kinh, nương uy lực của chư Phật và tâm Bồ đề thì tất cả tội chướng đều trừ diệt. Ngài Trí Tuệ Sinh nói: “Tam tụ là sám hối, tùy hỷ và hồi hướng.” Nên biết đây gọi là phương tiện sám hối. Lại nữa, ngài Thiện Thiên nói: “Phật và tâm Bồ đề là uy lực để nương tựa, nghĩa là quy y Phật và phát tâm Bồ đề.” Học xứ của Bồ tát tuy vô lượng, thế nhưng phương pháp khôi phục thanh tịnh này,

đặc biệt rất trọng yếu, nghĩa là ngoại trừ các tội cố ý phạm ra, tất cả các tội vi phạm khác đều có thể được khôi phục thanh tịnh.

Tuy sám hối các tội đã phạm trong quá khứ, nếu như không giữ gìn tương lai không tái phạm thì cũng khó mà thanh tịnh. Từ Thi Sư Tử Hống Kinh nói: “Này Từ Thi! Sau năm trăm năm, chánh pháp suy vi, có những người tự xưng là Bồ tát. Bọn họ không chịu giữ gìn nghiệp thân khẩu ý, phần nhiều phạm tội nặng, tạo tác nghiệp ác, nghĩ rằng chỉ cần sám hối thì tội được thanh tịnh, mà không chịu giữ gìn không cho tái phạm, hoặc tuy giữ gìn, nhưng lại không chân chánh giữ gìn. Này Từ Thi! Ta vì muốn chúng sinh trừ diệt tận gốc các nghiệp ác đã tạo trong quá khứ, nên đã tuyên thuyết pháp môn Tam Tự. Người đời vô tri, ham tạo nghiệp ác, sau khi tạo nghiệp, nghĩ rằng chỉ cần sám hối là được thanh tịnh, mà không chịu giữ gìn không cho tái phạm!” Như vậy phương tiện khôi phục thanh tịnh là một điều cực kỳ quan trọng trong giới luật. Điều này được nói rõ ràng trong các bộ Bồ Tát Luận.

F4. Mật ý của sự thuyết minh “tham là tội nhẹ”.

Đức Thế Tôn nói rằng chư Bồ tát phạm tội phần lớn do tâm sân, ít khi do tâm tham mà phạm. Nên biết lời này bao hàm mật ý, nghĩa là chư Bồ tát, do lực tăng thượng thương yêu lo lắng chúng sinh, tất cả mọi việc lợi ích, đều là do Bồ tát tạo tác, nếu như Bồ tát không làm những việc cần làm, sẽ vi phạm giới luật. Nếu như Bồ tát ghét bỏ chúng sinh, không thể tu hạnh lợi mình lợi người, nếu Bồ tát làm những điều không nên làm, không làm những điều nên làm, sẽ vi phạm giới luật. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận nói:

Nếu vì lợi chúng sinh,

Khởi tâm tham không tội,
Sân là nghịch chúng sinh,
Vì thường muốn hại người.

Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh nói: “*Nếu chư Bồ tát, tu hạnh Đại thừa, trong hằng hà sa kiếp, thường do tâm tham mà phạm giới, tội đó còn nhẹ, nếu như khởi một niệm sân mà phạm giới, tội đó rất nặng. Vì sao? Do tâm tham mà phạm giới, vẫn còn có thể nhiếp thọ chúng sinh, còn như do tâm sân mà phạm giới, là đã xả bỏ chúng sinh. Nay Ưu Ba Ly! Đối với những phiền não mà có thể dùng làm phương tiện nhiếp thọ chúng sinh, Bồ tát không nên sợ hãi. Còn đối với những phiền não đưa đến sự xả bỏ chúng sinh, thì Bồ tát phải nên xa lìa. Do ý nghĩa này, hành giả Đại thừa, nếu nhân vì tâm tham mà phạm giới, ta nói rằng người đó không gọi là phạm giới!*”

Ý nghĩa như vậy, khó mà hiểu thấu. Ngài Tịch Thiên trong Học Tập Luân giải thích mật nghĩa này như sau: “Nghĩa này thế nào? Nghĩa là những phương tiện phạm giới này có thể nhiếp hộ tất cả hữu tình, như phần trên đã nói rõ”, chẳng hạn như phần trên đã nói về việc Quang Minh Phạm Chí, vì lợi ích hữu tình mà được phép làm việc dâm dục. Hiện hành do tâm tham phát động, nhưng vẫn gọi là không phạm. Điều này không có nghĩa là bất cứ lúc nào Bồ tát đều có thể tham dục. Như trong Kinh đã nói rằng do tâm tham phạm giới là để nhiếp thọ chúng sinh.

Dùng thân phận nào khởi tâm tham mà được gọi là không phạm? Học Tập Luân nói: Như Kinh có nói, nếu có lòng thương yêu lo lắng, tuy do tâm tham mà phạm giới, vẫn không gọi là phạm. Như Ưu Ba Ly Sở Vấn Kinh đã nói: “*Nay Ưu Ba Ly! Nếu Bồ tát không có phương tiện thiện xảo, do tâm tham phạm giới liền sinh sợ*

hãi, do tâm sân phạm giới thì lại không sợ hãi, còn nếu Bồ tát có phương tiện thiện xảo, do tâm tham phạm giới, không sinh sợ hãi, do tâm sân phạm giới liền sinh lòng rất sợ hãi. Phương tiện thiện xảo là gì? Nghĩa là đầy đủ từ bi và trí tuệ, không xả bỏ chúng sinh.” Đây có nghĩa là Bồ tát phải nên vững chãi tâm đại Bồ đề, lấy đại bi làm gốc, thành tựu thắng trí tuệ lực, thông đạt thực tướng của chư pháp.

Đối với tâm sân, phân biệt là phạm hay không phạm, nghĩa là nếu như tâm tham không bao hàm tâm từ, thì cũng giống như trường hợp do tâm sân mà phạm, còn nếu tâm tham bao hàm tâm từ, thì không giống với trường hợp do tâm sân mà phạm. Các bậc trí tuệ, không nên khởi tâm nghi ngờ điều này. Thế nhưng, điều này không có nghĩa là tất cả trường hợp do tâm tham mà phạm giới đều không phạm. Phải nên như trong Học Tập Luân nói: *“Thấy được điều lợi ích lớn cho hữu tình, đối với hữu tình khởi tâm từ bi, tuy có tâm tham, cũng không gọi là phạm.”*

Hỏi: Nếu như vì lợi ích chúng sinh, khởi tâm sân nảo mà phạm giới, có gọi là vi phạm hay không?

Trả lời: Phải phân ra mà trả lời. Nếu như cho phép khởi tâm sân, sẽ trở thành tập khí, ắt sẽ phá hoại tâm bi, đây gọi là phạm. Nếu như phá hoại tâm bi, đây là đoạn đứt gốc rễ (của Bồ đề tâm), như phần sau sẽ nói rõ. Giả sử, có sự làm lợi ích cho tất cả hữu tình chẳng nữa, thế nhưng do vì tâm bi của Bồ tát đã bị phá hoại, ắt sẽ không thể vĩnh viễn làm lợi ích cho hữu tình. Do đây mà không cho phép.

Lại nữa, như Bồ tát Công Đức Nữ do lực tăng thượng của tình yêu đối với Bồ tát Nan Đề Ca mà sau khi chết được sinh lên cõi trời. Nếu như Bồ tát khởi tâm sân, ắt sẽ như bài kệ nói:

Nếu như khởi ác niệm,
Phật nói mỗi niệm ác,
Đọa địa ngục một kiếp!

(Nhập Bồ Tát Hạnh, phẩm một, kệ 34)

Bởi vậy, phiền não do tâm tham và phiền não do tâm sân sinh khởi, hai đàng không giống nhau. Như Học Tập Luân đã giải thích tâm tham không phạm, thì mật ý mà phần Bồ Tát Địa muốn nói cũng giống như vậy.

F5. Phân biệt các tội phẩm thượng, trung, hạ.

Như Nhiếp Tỳ Nai Da Sư Ma Đát Lý Ca nói: “Do năm nhân duyên mà biết những lỗi lầm đã phạm là tội hạ phẩm, trung phẩm hoặc thượng phẩm khác nhau. Năm nhân duyên nào? (1) Do tự tính, (2) do hủy tổn người khác, (3) do sự ưa thích, (4) do sự việc, và (5) do sự tích tập.

1/ Do tự tính: nghĩa là tội tha thắng là tội thượng phẩm, tội “chúng dư” là tội trung phẩm, còn tội “sở dư” là tội hạ phẩm. Lại có thể phân thành: tội “tha thắng, chúng dư” là phẩm tội trọng, tội “vãn trụ biệt hối” là phẩm tội trung, còn tội “ác tác” là phẩm tội nhẹ.²⁷

2/ Do hỷ tổn người khác: các tội do không biết, hoặc do buông lung mà phạm là tội hạ phẩm, các tội do phiền não mãnh liệt là tội trung phẩm, còn các tội do khinh mạn mà phạm là tội thượng phẩm.

3/ Do sự ưa thích: nghĩa là do tâm phiền não tham sân si bậc hạ mà phạm là tội hạ phẩm, do tâm phiền não bậc trung mà phạm là tội trung phẩm, do tâm phiền não bậc thượng mà phạm là tội thượng phẩm.

4/ Do sự việc: tuy rằng hiện hành của sự ưa thích giống nhau, thế nhưng do sự việc khác nhau, đưa đến sự phạm tội phẩm loại thượng, trung, hạ khác biệt. Giả như dùng tâm phiền não sân, nếu đối với loài bàng sinh, cố ý giết hại, thì phạm tội đọa; nếu đối với loài người, hoặc có hình dáng người (không phải cha mẹ) mà cố ý giết hại, thì phạm tội tha thắng, không phải tội vô gián; nếu như dùng tâm sân như vậy, mà cố ý giết cha mẹ, thì phạm tội tha thắng và tội vô gián.

5/ Do sự tích tập: giả như có người, hoặc phạm một tội mà chưa kịp mau chóng sám hối trừ diệt, hoặc phạm hai, ba, nhẫn đến năm tội. Phải biết đây là do sự tích tập mà thành tội hạ phẩm. Từ đây về sau, hoặc phạm mười tội, hoặc hai mươi, ba mươi, nhẫn đến số lượng phạm tội vẫn còn biết được rõ ràng, do nhân duyên tích tập này, thành tội trung phẩm. Nếu như số lượng phạm tội nhiều vô lượng không thể nhớ biết, do nhân duyên tích tập này, thành tội thượng phẩm.

Trong đây, hai trường hợp: (1) do tự tính, và (2) do sự việc, mà tội trạng không giống nhau, còn ba trường hợp kia, tội trạng giống nhau.

Lại nữa, do bốn nhân duyên mà phạm tội: (1) do vô tri (không biết), (2) do buông lung, (3) do phiền não mãnh liệt, (4) do khinh mạn.

1/ Nếu có chúng sinh, đối với điều tội vi phạm, không chịu lắng nghe, không khéo lãnh hội, không có giác tuệ, vì không biết rõ, đối với điều đã phạm, lại cho là không phạm, đây gọi là do vô tri mà phạm tội.

2/ Nếu có chúng sinh, đối với chỗ phạm tội, tuy có giác tuệ, và cũng biết rõ, thế nhưng lại do sự lơ đãng, thiếu chánh tri, mà vi phạm nhiều tội, đây gọi là do buông lung mà phạm tội.

3/ Nếu có chúng sinh, đối với chỗ phạm tội, tuy có giác tuệ, lại cũng biết rõ, nhưng vì bồn tính tham, sân, si, v.v..., cực kỳ mãnh liệt, tuy biết rõ sự việc là không nên làm, nhưng vì bị phiền não bức bách, không thể tự chủ, mà phạm nhiều tội, đây gọi là do phiền não mãnh liệt mà phạm tội.

4/ Nếu có chúng sinh, đối với chỗ phạm tội, tuy có giác tuệ, lại cũng biết rõ, thế nhưng vì lòng tin hiểu vẫn còn rất cạn cợt, lại không có nhân duyên sâu dày đời trước, cho nên không chịu quan tâm học hỏi Phật pháp, không biết kính sợ Tam Bảo, không biết hổ thẹn, không ưa thích điều đã học, do vì khinh miệt, nên đã phóng túng vi phạm nhiều tội ác, đây gọi là do khinh mạn mà phạm giới.

Nên biết trong đây, nếu do vô tri, buông lung mà phạm, thì gọi là vi phạm không nhiễm ô, còn nếu do phiền não mãnh liệt và do khinh mạn mà phạm, thì gọi là vi phạm nhiễm ô.

Làm cách nào đối trị? Có bốn phương pháp đối trị: (1) y chỉ vào giác tuệ, (2) chánh niệm chánh tri, (3) siêng năng đối trị phiền não mãnh liệt, (4) có tâm hổ thẹn, cung kính thượng sư, tôn trọng chỗ học của mình.

F6. An trụ trong nhân duyên an lạc.

Chư Bồ tát, y chỉ vào tất cả tỳ nạn da của mình, siêng năng học tập những điều cần phải học, thì sẽ thành tựu, an trụ trong ba loại an lạc viên mãn.

1/ Gia hành viên mãn: nghĩa là chư Bồ tát, (a) ban đầu, giữ giới thanh tịnh không khuyết phạm, hiện hành thân ngữ ý thanh tịnh, (b) kế đến, tôn trọng cung kính những điều đang học, không buông lung, không hủy phạm giới pháp, (c) sau đó, giả sử có lỡ vi phạm, lập tức phát lộ sám hối việc ác của mình. Do đây tự thấy mình thanh tịnh không phạm, ngày đêm vui mừng, sống trong an lạc.

2/ Ưu thích viên mãn: nghĩa là chư Bồ tát, vì pháp chứ không phải vì sinh kế mà xuất gia, vì cầu Đại Bồ đề, vì cầu pháp sa môn, vì cầu Niết bàn, vì có tâm mong cầu như vậy, nên đối với pháp lành, phát tâm tinh tiến, không lười biếng, không làm lấy lệ, không pha trộn những pháp tạp nhạp, bất thiện, do đây mà có thể dần dần an trụ trong các sự an lạc không tạp nhiễm.

“Pháp bất thiện”, nghĩa là pháp có thể hợp với pháp hiện tại, mà sinh ra nhiều sự tạp nhiễm, chiêu cảm thân đời sau. “Tạp nhiễm”, tức là pháp có thể nhiễu loạn thân tâm. Đời sau có thể chiêu cảm quả báo dị thực ở ác đạo, tương lai sẽ chịu quả báo sinh lão bệnh tử lâu dài. Quả sa môn, tức là ba “học hành vị” trong thập địa. Còn Niết bàn tức là Vô trụ Niết bàn. Ngài Tối Thắng Tử nói: “Sa môn, Niết bàn đều là quả báo do sự gia hành”.

3/ Túc nhân viên mãn: nghĩa là chư Bồ tát, trong những đời trước, thực hành bố thí tu tập pháp lành, cho nên trong đời này được đầy đủ các loại quần áo, thực phẩm, giường ghế, thuốc men, các vật dụng linh tinh, không hề thiếu thốn, lại có thể tiếp tục bố thí rộng lớn, vĩnh viễn không còn nghèo khổ thiếu thốn, luôn sống trong cảnh an lạc.

Như vậy, Bồ tát y vào tỳ nại da, siêng năng học tập, thành tựu ba loại viên mãn, an trụ trong sự vui sướng; nếu làm ngược lại, nên biết sẽ chịu ba loại suy tổn, chìm đắm trong sự nguy nan khổ sở.

Như vậy, dẫn giải sơ lược về tự tính, nói rõ tất cả, sau khi nói tất cả giới Bồ tát, hoặc tại gia, hoặc xuất gia, từ đây về sau, trong tất cả giới luật, phân ra tướng trạng khác biệt của bảy loại giới, nghĩa là nan hành giới, v.v...

C3. Luận về sự khác biệt của các giới.

Có bảy phần, nghĩa là từ nan hành giới, nhấn đến thanh tịnh giới.

D1. Nan hành giới. Có ba phần:

1/ Nếu chư Bồ tát, hiện có đầy đủ tiền bạc của cải, thế lực tự tại, lại xả bỏ tất cả tiền bạc của cải, thế lực để thọ trì giới luật nghi thanh tịnh, đây gọi là nan hành giới thứ nhất của Bồ tát.

“Tiền bạc của cải”, có bốn loại: (a) tự thân thọ dụng đầy đủ, (b) đông đảo bạn bè quyến thuộc cùng chung thọ dụng, (c) đông đảo tôi tớ nô bộc cùng chung thọ dụng, (d) thức ăn uống thừa thãi. Ở đây thêm vào (e) sự thọ dụng lâu dài, thì được gọi là năm phước. “Thế lực tự tại”, nghĩa là lời nói ra có uy lực lớn, chẳng hạn như muốn gì được nấy. Có số giải lại chia thế lực, tự tại ra làm hai loại khác nhau.

2/ Lại nữa, chư Bồ tát, tuy gặp nguy cấp, nhằn đến mất mạng, đối với giới pháp đã thọ, một điều giới còn không khiếm khuyết, hướng là phạm tất cả giới. Đây gọi là nan hành giới thứ hai của Bồ tát.

3/ Lại nữa, chư Bồ tát, sau khi thọ giới, trong tất cả mọi thời: đi, đứng, khởi niệm, thường an trụ trong chánh niệm, chánh tri, năm pháp không phóng dật, nhằn đến lúc mệnh chung, đối với giáo pháp đã thọ không hề lầm lẫn, lãng quên, giới nhẹ còn không phạm, hướng là giới trọng. Đây gọi là nan hành giới thứ ba của Bồ tát.

Ba loại nan hành giới này, trong các số giải khác nói là: “thứ nhất thọ giới khó, thứ hai hộ trì khó, thứ ba rốt ráo thanh tịnh khó”. Ngài Đức Quang thì cho rằng: “Chỉ phân làm hai loại: thọ giới khó và hộ trì khó. Giới đầu là thọ giới khó, hai giới sau là hộ trì khó.” Lối giải thích này rất thỏa đáng, nghĩa là trong hai giới sau,

giới nan hộ thứ nhất là đối với các nghịch duyên, nhấn đến nguy hiểm tính mạng, đều giữ gìn không phạm các điều giới đã thọ, giới nan hộ thứ hai là trong tất cả mọi thời, đối với giới pháp đã thọ, dù là tội nhẹ cũng giữ gìn không phạm. Ba điều giới này, dù trong hiện đời không thể học tập trọn vẹn, cũng nên phát nguyện, y vào giác tuệ lực, trong đời vị lai sẽ tu học được như vậy.

D2. Nhất thiết môn giới. Có bốn loại:

1/ Chánh thọ giới: nghĩa là chánh gia hành, thọ trì ba loại Bồ tát tịnh giới luật nghi đã thọ trước kia, tức là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiều ích hữu tình giới.

2/ Bồ tít giới: nghĩa là chư Bồ tát, không cần đợi sự tư duy quán sát chánh nguyện chánh hạnh mà vẫn có thể biết rằng mình có đầy đủ hành tướng của sáu ba la mật, an trụ trong chủng tít, bồ tít nhân hậu hiền thực, hai nghiệp thân khẩu thường liên tục chuyển biến thành tịnh.

3/ Xuyên tập giới: nghĩa là chư Bồ tát, trong nhiều đời quá khứ, đã từng tu tập ba loại tịnh giới đã nói ở trên, do sức mạnh của sự tu tập, trong hiện đời, trong lòng nhớm tởm, không làm các điều ác, mà thường ưa thích cung kính tu tập pháp lành.

4/ Phương tiện tương ứng giới: nghĩa là chư Bồ tát, y vào phương tiện điều phục của tứ nhiếp pháp, thường tương tục tùy thuận theo hai nghiệp thân khẩu lành của tất cả hữu tình.

Bốn giới này có thể đi vào tất cả giới môn, cho nên gọi là nhất thiết môn giới. Tứ nhiếp pháp, tức là: (a) bố thí: nghĩa là dùng

tài vật nhiếp thọ, (b) ái ngữ: nghĩa là sau khi dùng tài vật nhiếp thọ, chỉ dạy những điều phải trái, (c) lợi hành nhiếp: sau khi phân biệt phải trái, khuyên nhắc tu hành, (d) đồng sự nhiếp: sau khi khuyên nhắc tu hành, chính mình cũng phải cùng tu tập với họ.

D3. Thiện sĩ giới. Có năm loại:

(1) Tự mình đầy đủ giới luật, (2) thường khuyến khích người khác thọ giới, (3) đối với người ghét bỏ giới luật, tán thán công đức của giới luật, diệt trừ lòng hiềm hận của họ, (4) thấy bạn đồng pháp thọ trì giới luật, khởi lòng vui mừng tùy hỷ, xa lìa sự đố kỵ, (5) giả sử có vi phạm, sám hối đúng pháp.

Năm điều vừa nói, giúp cho hành giả xả bỏ tâm vô nghĩa vô lợi đối với người khác, mà thành tựu những việc lợi ích cho họ, đầy đủ hành nghiệp của bậc thiện sĩ, nên gọi là thiện sĩ giới. Giới thứ nhất và thứ năm là đưa đến tự lợi, còn ba giới kia là đem đến sự lợi ích cho người khác.

D4. Nhất thiết chủng giới.

Nói sơ lược giới này có sáu loại, bảy loại, tổng cộng thành mười ba loại.

1/ Sáu loại: (a) quảng bác giới: trụ trì viên mãn, rộng nhiếp tất cả học xứ, chứng quả viên mãn, hồi hướng đại Bồ đề; (b) vô tội giới: xa lìa sự đam mê dục lạc, xa lìa những sự vui ô nhiễm; (c) tùy thuận hoan hỷ xứ giới: xa lìa sự khổ não, mỗi nhọc, xa lìa sự khổ vô nghĩa; (e) kiên cố giới: do vì không màng đến sự lợi dưỡng, cung kính, cho nên tất cả lợi dưỡng cung kính không làm dao động,

phá hoại, do sự tu đạo đã được kiên cố, các lập luận khác không thể làm dao động, phá hoại, các sơ giải có nói: “không xả bỏ điều đã học, nghiên cứu tinh thâm sách vở ngoại đạo, cho nên người đến tranh luận không thể dao động, phá hoại”, “không xả bỏ điều đã học”, đầy đủ như trong giới luật giảng giải, không phải là ý nghĩa riêng của điều giới này; (f) thi la trang nghiêm cụ tương ứng giới: như trong Thanh Văn Địa có nói đến mười bảy loại trang nghiêm của sa môn, hành giả phải nên biết những hành tướng đó. Ôn đã nam của Thanh Văn Địa nói:

- (1) Chánh tín, (2) không xiểm khúc
- (3) Ít bệnh, (4) tinh tiến, (5) tuệ,
- (6) Biết thiếu dục, (7) hỷ túc,
- (8) Dễ nuôi, (9) dễ vừa lòng,
- (10) Hạnh đầu đà, (11) đoan nghiêm,
- (12) Biết lượng, (13) thiện sĩ pháp,
- (14) Đầy đủ tướng thông tuệ,
- (15) Nhẫn, (16) nhu hòa, (17) hiền thiện.

2/ Bảy loại: (a) chỉ tức giới: nghĩa là phải nên chánh thọ, xa lìa những pháp không nên làm, chẳng hạn các việc như sát sinh, v.v...; (b) chuyển tác giới: nhất tâm tu học những pháp phải học, vì muốn thu nhiếp các pháp lành, lợi ích tất cả hữu tình; (c) phòng hộ giới: thường không phóng dật, tùy thuận phòng hộ giữ gìn chuyển tác giới; ba giới này là do thể tính mà phân biệt; (d) đại sĩ tướng dị thực giới: nghĩa là có thể thành tựu các diệu tướng trong các địa; (e) tăng thượng tâm dị thực giới: nghĩa là có thể thành tựu vô lượng thắng tam ma địa của Bồ tát; (f) khả ái thú dị thực giới, nghĩa là có thể thành tựu thân trời, người; (g) lợi hữu tình dị thực giới: nghĩa là có thể thành tựu quả báo lợi ích hữu tình; bốn giới này là do quả vị

mà phân biệt. Ngài Đức Quang Luận Sư nói: “Trong bốn giới này, giới đầu là nhiếp thiện pháp giới, giới thứ hai và ba là luật nghi giới, còn giới thứ tư là nhiều ích hữu tình giới.” Lại nói: “Nói sáu loại là do đức tính mà phân biệt, còn nói bảy loại là do thể tính và quả vị mà phân biệt.”

D5. Toại cầu giới: Nên biết tóm lược giới này có tám loại, nghĩa là chư Bồ tát thẩm xét tự mình không mong tám sự tổn hại như bị giết hại, v.v..., hy vọng xa lìa tám điều tổn hại này, nếu như sự việc trái ngược với lòng mong cầu, tức là cầu không toại, lòng không vui thích, những điều mà mình mong cầu, thì chúng sinh khác cũng mong cầu như thế, Bồ tát sau khi thẩm xét như vậy, liền đối với chúng sinh không bao giờ làm tám điều tổn hại mà chúng sinh không mong cầu, không vui thích.

Tám sự tổn hại không ai mong cầu, không ai vui thích đó là gì? Nghĩa là các việc tàn ác hiện hành như: (1) giết hại, (2) không cho mà lấy, (3) tà dâm, (4) nói dối, (5) nói lời ly gián, (6) nói lời thô ác, (7) nói lời vô nghĩa, (8) gây gạch đá đánh đập, v.v... Tương phản với những sự việc này là (1) trường thọ, (2) cửa cải dư dật, (3) thê thiếp trinh thực, (4) không hư ngụy đối trá, (5) quyến thuộc hòa thuận, (6) nghe lời hay đẹp, (7) lời có ích, (8) lời khả ái, đây gọi là tám việc vui thích, cầu được như ý. Như vậy, khiến trừ tám loại mong cầu không toại ý, dẫn phát tám loại mong cầu toại ý, đây gọi là toại cầu giới của Bồ tát.

D6. Thử thế tha thế lạc giới:

Nên biết, tóm lược giới này có bốn loại, năm loại, tổng cộng có chín loại.

1/ Bốn loại: (a) nên ngăn chặn hữu tình gây tạo khổ nhân cho chính họ; (b) nên giúp cho hữu tình gây tạo nhân an lạc cho chính họ; (c) nhiếp thọ chúng sinh làm cho họ có thể tu hành chánh pháp; (d) điều phục chúng sinh làm cho họ dứt trừ sự điên đảo. Bồ tát thường dùng hai nghiệp thân, ngữ, thanh tịnh tùy thuận.

2/ Năm loại: ngoại trừ thi la, các hạnh bố thí, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, bát nhã, đều đi chung với tịnh giới.

Như vậy, tịnh giới của Bồ tát có thể làm cho mình và người đều được sự an lạc đời này đời sau, cho nên gọi là thử thế tha thế lạc giới.

D7. Thanh tịnh giới:

Nên biết giới này, sơ lược có mười loại, nghĩa là chư Bồ tát:

1/ Chỉ vì tu tập chứng đắc quả sa môn và ba quả Bồ đề cứu cánh, chứ không phải vì muốn thoát khỏi sự bức bách của nhà cầm quyền, hoặc vì sinh kế mà thọ trì tịnh giới, đây gọi là *thiện thọ giới*.

2/ Lại nữa, chư Bồ tát, lúc vi phạm học xứ, (nếu) xa lìa tâm không hổ thẹn (nghĩa là biết khởi tâm hổ thẹn), đây gọi là *bất thái trầm giới*. Không biết hổ thẹn, gọi là *thái trầm*, xa lìa sự việc như vậy, khởi tâm “vô cùng hổ thẹn”. Thanh Văn Địa nói: “Vì sao gọi là *chìm xuống rất sâu*, nghĩa là có một loại chúng sinh, tính không biết hổ thẹn, phóng túng làm ác, không chịu học giới, đây gọi là *chìm xuống rất sâu*”. Cho nên nếu xa lìa tâm không hổ thẹn, thì sẽ sinh lòng “vô cùng hổ thẹn”.

3/ Lại nữa, đối với những ác pháp, không biết sinh tâm hổ thẹn, đây gọi là *bất thái cử giới*, còn nếu đối với ác pháp sinh lòng hổ thẹn, thì gọi là *thái cử giới*, cho nên cần phải xa lìa ác pháp.

4/ Lại nữa, chư Bồ tát không nên tham đắm những việc ngủ nghỉ, ưa nằm, ưa dựa, ngày đêm siêng năng không ngừng tu tập pháp thiện, đây gọi là *ly giải đãi (xa lìa sự lười biếng) giới*.

5/ Lại nữa, chư Bồ tát tu tập năm pháp không phóng dật như đã nói trên, thì gọi là *ly chư phóng dật sở nhiếp thọ giới*.

6/ Lại nữa, chư Bồ tát xa lìa sự tham muốn lợi dưỡng cung kính, không nguyện sinh lên cõi trời, mà nguyện tu tập phạm hạnh, đây gọi là *chánh nguyện giới*.

7/ Lại nữa, chư Bồ tát, đối với các uy nghi đi, đứng, nằm, ngồi, các sự việc như đắp y, v.v..., hoặc tu tập các thiện pháp như niệm Phật, tụng kinh, v.v..., không đi ngược pháp thế gian cùng giới luật, diêu thiện viên mãn, các nghiệp thân ngữ hiện hành đúng pháp, đây gọi là *quỹ tắc cụ túc sở nhiếp thọ giới*.

8/ Lại nữa, chư Bồ tát xa lìa lỗi lầm của năm pháp tà mệnh, như xảo trá, v.v..., đây gọi là *tịnh mệnh cụ túc sở nhiếp thọ giới*.

9/ Lại nữa, chư Bồ tát, phải nên xa lìa sự tham muốn hưởng thọ, sự dùng tất cả mọi thủ đoạn để được cúng dường y phục, ẩm thực, giường ghế, v.v..., cùng tất cả sự hưởng thọ dục lạc một cách quá đáng, lại còn phải nên xa lìa sự tu tập khổ hạnh thái quá, như nằm giường gai, bôi tro bụi lên thân, v.v..., hoặc ba lần vào lửa, ba

lần xuống nước, tự mình chuốc lấy sự đắm, đốt, cực kỳ thống khổ, đây gọi là *ly nhị biên giới*.

10/ Lại nữa, chư Bồ tát, xa lìa tất cả mọi chấp kiến ngoại đạo, đây gọi là *vĩnh xuất ly giới*.

11/ Lại nữa, chư Bồ tát, trong tất cả mọi thời, thường giữ tâm hổ thẹn, đối với những học xứ của Đức Phật chế định mà mình đã thọ, không hề khuyết giảm, không phá hoại các giới căn bản, đây gọi là *ư tiên sở thọ vô tổn thất giới*.

Như vậy đã nói rõ về mười một điều giới, còn nếu nói sơ lược thì có mười điều giới.

Ngài Tối Thắng Tử nói: “Xa lìa hai loại lỗi lầm như vậy, chân chánh tu học những điều Đức Phật chế định, thì sẽ được thanh tịnh”, nghĩa là xa lìa hai lỗi: lỗi *thái trầm*, không chịu siêng năng tu học những học xứ đã thọ, và lỗi *thái cử*, đối với ác giới không biết sinh lòng hổ thẹn. Bởi thế, ở đây, kết hợp hai điều bất thái trầm và bất thái cử làm một.

Lại nữa, ngài Đức Quang nói: “Trong phần ý nhạo (ư thích), có hai loại lỗi lầm, một là lúc thọ giới ưa thích thọ ác pháp, hai là lúc giữ giới lại thái trầm, thái cử”, đây lại cũng là kết hợp hai điều giới đó làm một. Trát Mục Tra Sở nói: “Đối với các điều giới *không tổn thất* đã thọ ở trên, là tổng kết mười điều giới mà nói”. Những điều vừa thuyết minh trên đều không hợp lý.

Ngài Vô Trước Bồ tát trong Thanh Văn Địa đã nói rõ mười nhân duyên khuy tổn, kết hợp hai điều phóng dật và giải đãi làm

một, ngược lại, hai điều không phóng dật và không giải đãi cũng nên hợp thành một điều. Nên biết, đây là mật ý của Luân Du Già, nghĩa là như Thanh Văn Địa nói: “Mười nhân duyên khuy tổn là gì? (1) lúc ban đầu dùng tâm ác thọ giới luật nghi, (2) cực kỳ hôn trầm, (3) cực kỳ tán loạn, (4) phóng dật giải đãi, (5) phát khởi tà nguyện, (6) khuy tổn quý tặc, (7) khuy tổn tịnh mệnh, (8) chấp vào nhị biên, (9) không thể xuất ly, (10) tổn hoại giới luật đã thọ. Nếu có thể xa lìa mười nhân duyên khuy tổn này, đây gọi là thi la viên mãn, thi la thanh tịnh.

C4. Sự lợi ích thù thắng của giới. Có hai phần:

D1. Sự lợi ích thù thắng rốt ráo.

Đại thi la tạng của Bồ tát có thể sinh quả Đại Bồ đề rốt ráo. Do nương vào đây, sau khi viên mãn Bồ tát giới ba la mật đa, sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đại thi la tạng là tư lương cho đại phước đức, cũng gọi là tịnh giới viên mãn rộng lớn vô lượng.

D2. Sự lợi ích thù thắng hiện đời.

Chư Bồ tát nương vào giới này, siêng năng tu tập, dù chưa chứng được quả vị Vô thượng Bồ đề, cũng có thể được năm điều lợi ích: (1) thường được chư Phật hộ niệm, như phần trên đã nói qua; (2) đến lúc lâm chung, lòng rất an lạc, (3) sau khi mất, dù thác sanh vào cõi nào, thường được chư vị Bồ tát, tịnh giới hoặc bằng hoặc cao hơn, đến làm bạn pháp, làm bậc thiện tri thức; (4) trong hiện đời thành tựu vô lượng đại công đức tạng, có thể viên mãn tịnh giới ba la mật đa; (5) trong đời sau, sẽ được thành tựu tự tính tịnh giới, giới luật trở thành bổn tính của mình.

Trong đây, điều lợi ích thứ ba, như ngài Tối Thắng Tử chú thích: “Do tự suy ngẫm, đời sau có thể gặp được chư Phật Bồ tát, vượt thoát sự sợ hãi sinh tử, được đại hoan hỷ”. Lại như Trát Mục Tra Sơ nói: “Do hai nhân duyên mà được đại hoan hỷ, (1) như phần trên vừa nói, (2) thành tựu vô lượng thiện căn, lìa xa sự sợ hãi ác đạo”.

Sở giải của ngài Đức Quang cho rằng năm điều lợi ích thù thắng, theo thứ tự, tức là năm quả, nghĩa là (1) tăng thượng quả, (2) ly hệ quả, (3) dị thực quả, (4) sĩ dụng quả, (5) đẳng lưu quả. Ly hệ quả, nghĩa là do chánh nguyện, điều phục diệt trừ ác hạnh, lìa xa sự trói buộc ưu sầu khổ não. Ý của ngài Tịch Thiên cho rằng: “Điều lợi ích thù thắng thứ nhất là lợi ích thù thắng chung cho hai đời hiện tại, vị lai, nghĩa là hành giả giữ gìn giới luật, sẽ được chư Phật Bồ tát hộ niệm như con, như em, làm cho pháp thiện của họ tăng trưởng không mất. Điều lợi ích thứ hai và thứ tư là lợi ích thù thắng hiện đời, nghĩa là lúc lâm chung, thấy mình sẽ được sinh vào các cõi thắng thiện diệu lạc, lìa xa sự sợ hãi ác đạo, được đại hoan hỷ.” Điều này cũng giống như Nhập Bồ Tát Hạnh nói:

Chừng nào nguyện độ hết,
Chư hữu tình vô biên,
Lập chí không thoái chuyển,
Thọ trì hành tâm này,
Từ lúc đó trở đi,
Dù ngủ nghê, phóng dật,
Tương tục sinh phước đức,
Lượng nhiều như hư không. (Phẩm một, kệ 18-19)

Nghĩa là trong tất cả mọi thời, thường có thể tăng trưởng vô lượng công đức tư lương. Hai điều thứ ba và thứ năm là lợi ích thù thắng đời sau, nghĩa là thọ sinh vào bất cứ nơi nào, đều được thiện tri thức nhiếp thọ, không mất tịnh giới. Vì sao ở nơi thọ sinh không mất tịnh giới? Như Ma Ha Ca Diếp Kinh nói: “Do vì có thể đoạn trừ bốn loại thiện pháp, rốt ráo không thoái thất tâm Bồ đề.”²⁸
Tam Ma Địa Đại Giáo Vương Kinh nói:

Người thường hay quán sát,
Biết rõ sự lợi ích,
Có thể đem tâm mình,
An trụ trong giới luật.

Nếu có thể quán sát suy ngẫm, do đây mà tâm có thể chuyên chú, các người có trí, do vì thấy được sự lợi ích thù thắng, phải nên thọ trì Bồ tát tịnh giới, tinh chuyên tu học.

C5. Nhiếp tập giới tướng.

Như phần trên đã nói rõ về chín loại giới: nhất thiết tự tính giới, v.v..., nên biết tất cả đều được nhiếp vào ba loại tịnh giới: luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Ngài Tối Thắng Tử và bộ Trát Mục Tra Sở đều nói: “Nên biết chín loại giới này, mỗi loại giới đều được nhiếp vào ba tụ tịnh giới.”

C6. Hành nghiệp của giới.

Hỏi: Vì sao Bồ tát tịnh giới nhất định phải là ba loại?

Trả lời: Việc làm của Bồ tát, nói sơ lược có ba loại, nghĩa là: (1) Hiện đời, tâm an trụ trong các pháp an lạc vô nhiễm; (2) tự thân tu học Phật pháp thành thực không biết mệt mỏi; và (3) có thể thành thực tất cả hữu tình. Theo như thứ tự, tức là sự việc của luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiều ích hữu tình giới. Bởi vì có thể ngăn dứt việc ác, siêng năng tu tập luật nghi giới, cho nên có thể nhiếp tâm tu tập pháp lành, nếu như không thể nhiếp tâm tu thiện, thì hai giới kia không có chỗ nương tựa. Như phần trước có dẫn lời văn của Nhiếp Trạch Phần nói: “Trước tiên, nên lãnh thọ hộ trì luật nghi giới, giới luật nghi này tức là bảy loại biệt giải thoát giới, và cũng tức là biệt giải thoát căn bản của Phật giáo, bởi thế, chư Bồ tát phải nên siêng năng tu học luật nghi giới mà mình đã thọ.” Hai vết xe đại pháp cùng một mật ý. Lại nữa, hai giới còn lại, trước tiên nên tu học nhiếp thiện pháp giới, tự mình thành tựu, nếu mình chưa thành tựu, lại muốn thành tựu người khác, đây là điều không thể có được.

Như vậy, Bồ tát tịnh giới có chín loại, hoặc ba loại, sự lợi ích thù thắng có sáu loại, và công năng của Bồ tát tịnh giới có ba loại: (1) hiện đời tâm an trụ trong các pháp an lạc, (2) tự thân tu học Phật pháp thành thực, (3) thành thực hữu tình.

Ngoại trừ ba loại tự tính tịnh giới, lợi ích thù thắng của tịnh giới và công năng của tịnh giới ra, không còn pháp nào cao hơn, hoặc còn pháp nào khác hơn nữa, nghĩa là tất cả đều được thu nhiếp vào trong ba loại này.

Chư Bồ tát quá khứ cầu Đại Bồ đề đã học, chư Bồ tát vị lai cầu Đại Bồ đề sẽ học, và chư Bồ tát hiện tại ở khắp mười phương vô biên vô tế thế giới cầu Đại Bồ đề đang học, nghĩa là tất cả Bồ

tát ba đời đều phải học, chứ không phải có Bồ tát cần phải học, có Bồ tát không cần học. Đây gọi là chư Bồ tát như lý tu tập con đường cao nhất của Phật đạo. Hành giả tu học con đường đạo cao nhất này, cần phải siêng năng, không được nghỉ ngơi, biếng nhác.

Nên biết, đây là phương tiện tu học giới ba la mật. Lại nữa, chư Bồ tát đối với năm ba la mật kia, cùng tứ nhiếp pháp, v.v..., đều phải nên biết rõ, chí tâm tu học. Dù hiện đời không thể tu học các pháp đó, cũng không gọi là mất mát, thế nhưng, vì muốn hộ trì những học xứ mà mình đã thọ, trong tất cả mọi thời, đối với các học xứ khác, cũng không nên xả bỏ.

A3. Hậu phần. Chỗ y cứ và ý chỉ của Luận chủ, khuyến khích kỳ nguyện.

Như vậy, các Bồ tát Đại thừa sơ cơ, trước tiên nên học Bồ tát giới phẩm. Nếu như y cứ toàn văn mà giải thích, e rằng sẽ rất phiền toái, cho nên ở đây chỉ thân nhiếp sơ lược ý nghĩa, cẩn thận y theo hai bộ số của Bồ Tát Địa, hai bản chú thích của Gới Phẩm Nhi Thập Tung, Học Tập Luân, Nhập Hành Luân Số, cùng các bộ số giải giới luật khác, và cũng y cứ vào khế kinh. Ở đây, những chỗ thắc mắc về phương tiện thọ giới, trì giới và khôi phục thanh tịnh, đều đã được đem ra bàn thảo rộng rãi như trên.

Những người đang tìm cầu Chánh giác,
Nên nương Đại thừa, vào Chánh đạo,
Rộng phát hạnh nguyện Đại thừa tâm,
Khéo thọ trì những điều thệ nguyện,
Tu học tất cả Bồ tát hạnh,
Ngoài ra, không có đường Chánh khác,

Vì Phật, Bồ tát chưa nói qua,
Có người nói: Mật giáo, Hiển giáo,
Khai, giá, trì, phạm đều khác nhau,
Vì hiểu sai, khởi tâm khinh mạn,
Nên biết, đây là người hạ liệt,
Xả bỏ đường diệu thiện Đại thừa,
Bởi thế, hành giả Kim cang thừa,
Phải nương vào nghĩa Kinh thanh tịnh,
Ngài Di Lặc, Vô Trước, Long Thọ,
Dạy về phát tâm và thọ giới,
Tu tập Lục độ làm cơ sở,
Kế đó tiến học Kim cang thừa,
Đây là đường Đại thừa viên mãn,
Bỏ đây, không chỗ vui nào khác,
Phật, Bồ tát hạnh, đường cao nhất,
Giới Bồ tát hành tướng thanh tịnh,
Đối với Thánh giáo và Chánh lý,
Trưng dẫn không sai, không ức đoán,
Y theo mật ý của Như Lai,
Làm rõ lời văn để giải thích,
Nguyện đem tất cả lòng thành kính,
Thường thường cầu thỉnh Đức Văn Thù,
Đạo Đại thừa sâu, con trí cạn,
Thường e sợ giải lạc ý kinh,
Con nay sám nguyện trước Thánh Trí,
Ngưỡng thỉnh thương xót, đến chứng minh.
Ngày nay Phật giáo đang suy vi,
Đại thừa Chánh Đạo ít người học,
Vì muốn Thánh giáo trụ lâu dài,
Nguyện sẽ tinh cần tu pháp thiện.

Nguyện cho tất cả các chúng sinh,
Ưu thích đi con đường Chân Thực,
Vì thấy Chánh Đạo là viên mãn,
Cho nên tinh tấn mà tu học.
Nguyện con trong tất cả mọi đời,
Đều được Đức Văn Thù gia hộ,
Như lý thông đạt pháp Đại thừa,
Độ thoát hữu tình, hồng Thánh giáo ./.

Chú thích

¹ Vô Năng Thắng: Ajita, tên của ngài Di Lặc (Matreya)

² Trì minh: tức là đà la ni. Chứng trì minh tức là chứng đà la ni.

³ Năm Phật bộ: tức là Phật bộ, Kim cang bộ, Liên hoa bộ, Bảo bộ và Yết ma bộ, mỗi bộ đều lấy một vị Phật làm bộ chủ; chư Phật tương ứng với năm bộ là Tỳ Lô Giá Na, A Súc, A Di Đà, Bảo Sanh và Bất Không Thành Tựu, vì thế gọi là năm Phật bộ.

⁴ Bốn Tục bộ của Mật giáo, tức là Sự bộ, Hành bộ, Du già bộ và Vô thượng du già bộ.

⁵ Đăng trì (một tên gọi khác của định): là trạng thái của tâm an trụ trong một chỗ, bình đẳng duy trì.

⁶ Tầm tư: trước kia gọi là giác quán, nay gọi là tầm tư, là hai loại tâm sở trong Bát định pháp. Tầm là tìm cầu, tư là chính chắn suy xét. (Xem Phật Học Phổ Thông, khóa thứ IX, Thích Thiệu Hoa.)

⁷ Bát phong: lợi (lợi ích), suy (suy tổn), hủy (chê bai), dự (gián tiếp khen ngợi), xứng (trực tiếp ca tụng), ki (gièm pha), khố, lạc (vui).

⁸ Tiền tế là quá khứ, hậu tế là vị lai, trung tế là hiện tại, tiên thời là trước đó, và câu thời là cùng lúc.

⁹ Câu này, nguyên văn chữ Hán là “Bất năng nhiếp ngự đồ chúng giả, vị bất năng nhiếp thọ kham nhẫn tịnh giới đồ chúng cố.”

¹⁰ Ngũ cái là tham dục, sân hận, nghi pháp, hôn trầm và phóng dật.

¹¹ Tư lương: là các thiện pháp chuẩn bị cho con đường giải thoát, như quy y, thọ giới, phát Bồ đề tâm, tu bát giải thoát, ngũ đình tâm quán, thập biến xứ, ...

¹² Thắng giải: đối với cảnh sở duyên, quyết định thừa nhận, không còn bị lay động.

¹³ Việt sở học: vượt quá sự chế định của Bồ tát học xứ.

¹⁴ Cách thọ Bồ tát giới có hai nghi thức, một thuộc về phái Trung quán (ảnh hưởng cách phát Bồ đề tâm và thọ Bồ tát giới theo hệ thống của

ngài Long Thọ) và phái Duy thức (ảnh hưởng cách phát Bồ đề tâm và thọ Bồ tát giới theo hệ thống Du già của ngài Vô Trước). Điều này đã được Đức Phật huyền ký và phó chúc pháp tạng “Tâm địa pháp môn” (Bồ tát giới) cho hai ngài Văn Thù và Di Lặc trong kinh Tâm Địa Quán.

¹⁵ Tội tha thắng, còn gọi là tội ba la di, tức là những tội nặng căn bản của giới Bồ tát.

¹⁶ Bốn pháp của sa môn, tức là bốn tội giới căn bản của tỳ kheo: dâm dục, sát hại, trộm cướp, vọng ngữ.

¹⁷ Cúng dường mạn đà la là một nghi thức cúng dường một biểu tượng, tượng trưng cho toàn thể một tiểu thiên thể giới trân quý (có thể làm bằng vàng, bạc, cát, hoa, gạo, v.v...) dâng lên cúng dường. Đây là một pháp cúng dường thù thắng trong Mật tông Tây Tạng.

¹⁸ Ý muốn nói nếu các vị tỳ kheo từ một vị không phải tỳ kheo (nghĩa là người tại gia) cầu thọ Bồ tát tịnh giới, vẫn có thể đắc được giới thể Bồ tát giới. Điều này đối với các hành giả Thanh văn thừa, hoặc Hiền giáo Đại thừa, có thể gọi là “không thể tưởng tượng” !!!

¹⁹ Trường hợp nếu là người nữ, thì nên đổi cách xưng hô là: Thiện nữ nhân (hoặc pháp đệ, không được gọi là pháp muội), lắng nghe, cô (hay bà – nếu đã có chồng) có phải là Bồ tát không? ...

²⁰ Nhập Bồ Tát Hành Luân của ngài Tịch Thiên có bài kệ sau:

Đối với Phật tử này,
Nếu ai khởi ác niệm,
Phật nói mỗi niệm ác,
Đọa địa ngục một kiếp. (Phẩm thứ nhất, kệ 34)

²¹ Hoàn xuất hoàn tịnh: nghĩa là trước kia phạm giới và đã sám hối khôi phục sự thanh tịnh, nhưng chưa thọ giới lại.

²² Hán: Như cứu đầu nhiên (如救頭然).

²³ Y kiêu thế gia: một loại y lông thú mềm.

²⁴ Hai giới dưới, tức là biệt giải thoát giới (Thanh văn) và Bồ tát giới.

²⁵ Tứ y: (1) y theo pháp, không y theo người; (2) y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh không liễu nghĩa; (3) y theo ý nghĩa, không y theo ngôn ngữ; (4) y theo trí tuệ, không y theo tình thức.

²⁶ Người Việt quen dùng chữ “tổng hợp” (Anh: combine), nghĩa là trộn chung với nhau, mà ít dùng chữ “tổng hợp” (Anh: synthesize), nghĩa là rút lấy tinh nghĩa, phối hợp lại một cách có hệ thống, điều lý.

²⁷ Các thuật ngữ này liên quan đến giới luật xuất gia, không tiện giải thích ở đây. Chúng dư, tức là tội tăng tàng; sở dư, tức là các tội từ xả đọa trở xuống; vẫn trụ biệt hối, tức là hai tội xả đọa và đọa; ác tác, tức là các tội phạm uy nghi.

²⁸ Bốn loại thiện pháp ở đây, có thể là chỉ cho các loại thiện pháp của cõi người, trời và của Thanh văn, Duyên giác.